**Tô Hoài**

Tập tự truyện - Tô Hoài

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[1. Mùa hạ đến, mùa xuân đi](" \l "bm2)

[2. Những người thợ cửi](" \l "bm3)

[3. Đi làm](" \l "bm4)

[4. Hải phòng](" \l "bm5)

[5. Một quãng đường (1)](" \l "bm6)

[5. Một quãng đường (2)](" \l "bm7)

[6. Những năm 1944 - 1945](" \l "bm8)

[7. 1947](" \l "bm9)

[8. Ông già ở Agra.](" \l "bm10)

**Tô Hoài**

Tập tự truyện - Tô Hoài

**1. Mùa hạ đến, mùa xuân đi**

Nhớ lại ngày ấy, tôi còn thấy cái trường tôi như hòn non bộ chon von giữa đám chậu cây cảnh. Hồi bấy giờ tên là trường Nordemann, nhưng ai cũng gọi là trường Yên Phụ.   
U tôi đưa tôi đi men Hồ Tây lên ô Yên Phụ. Khỏi một cái dốc, dừng lại, trông xuống bên tay phải thấy cái sân sâu và rộng ra tận hai mép hồ Trúc Bạch, có cây lạc tây, cây mít, cây sung và ngổn ngang những mái đình cong. Nếu không thính tai nghe trong ấy vang ra tiếng đập thước gõ nhịp cho học trò đọc đều không thể ngỡ đấy là trường học.   
Đã lâu tôi ở nhà, bấy giờ quá tuổi phải làm khai sinh giả bớt ba tuổi mới vừa vào học lớp bét. Ông trưởng phố Yên Quang ở phố Quán Thánh được đút năm đồng nên ông đóng cái triện khai sinh giả rút tuổi tôi xuống.   
Tôi đã lớn. Tôi biết làm đỡ nhiều việc nhà. Ông ngoại tôi đưa chiếc bút đại tô kim nhũ ra cho tôi ngồi tập đồ giấy. Ông bảo ông truyền nghề vẽ giấy sắc của họ Lại cho tôi.   
Họ Lại làng Nghè ở Nghĩa Đô có nghề làm giấy sắc tiến vua. Ngày xưa, các triều vua đều thửa giấy sắc họ Lại để phong thần. Những tờ giấy dó khổ rộng, quét nước hoa hoè vàng thậm. Khi tôi biết, chỉ còn thấy cái huy hoàng nghề giấy sắc họ Lại trong những câu chuyện bà tôi kể mà thôi. Từ đời nảo đời nào nhà vua không thửa giấy sắc phong thần nữa.   
Dưới đáy cái cũi tre đựng xống áo tã trong xó nhà tôi còn lủng củng những miếng khắc nẹp, những mẩu gỗ tròn in con long con ly, con quy, con phượng...   
Tuy vậy, những nhà có nghề giấy sắc vẫn kiếm được chút ít Các hàng tranh dưới Hàng Phèn, Hàng Mành đôi khi đặt giấy lệnh - giấy vàng vẽ rồng làm tranh thờ. Ông tôi lại có việc và tôi cũng được giúp một tay.   
Tôi biết đồ những chỗ dễ, vẽ kim nhũ vào vảy con quy râu rồng, đuôi phượng, còn mây rỡn chùm hay cánh phượng múa, mình ly vằn vèo, tôi đưa bút còn ngượng.   
Dù sao, những việc khó ấy cũng không khó như phải đi học. Bây giờ lại phải đi học. Không biết tại sao lại phải đi học. Thật là khổ cực.   
U tôi bảo:   
- Mai đi Kẻ Chợ.   
- Đi Kẻ Chợ làm gì, hả u?   
- Đi học.   
- Lại xuống nhà chú Tưởng ạ?   
- Không, thầy Lâm đã xin học trường công cho con không phải thi.   
- Không đi đâu   
Nhưng rồi không đi không được. Năm ấy, vào quãng năm 1930, tôi lên chín tuổi.   
U con tôi lên bến tàu điện từ tinh mơ. Thầy Lâm đã đứng đón ở đền Quán Thánh rồi dắt xe đạp đi đằng sau. Như trong chuyện cổ tích, tôi đương phải cố nhớ đường về có các lối rẽ để có lúc còn trốn yêu tinh mà về.   
Đi qua hồ đến cái dốc, ngổn ngang ngã tư, rồi vào cái cổng cao xuống cái đình hay cái chùa, ấy là trường Yên Phụ đấy. U tôi đứng lại đợi. Thầy Lâm dẫn tôi vào.   
Một ông ra ngoài thềm gặp thầy Lâm. Ông ấy có bộ ria vểnh, hai con mắt nhau nháu nhìn người nói chuyện. Tay ông cầm chiếc roi quấn đuôi da lòng thòng như roi của người *dô-kề* vụt ngựa khi phóng ra roi, mà tôi đã thấy những hôm đi xem thi ở Quần Ngựa. Bởi vậy, tôi không thể ngờ đấy lại là ông giáo.   
Tôi ngồi bàn đầu. Trước mặt tôi, một hàng dài những chiếc chén mực tím nhoe nhoét. Cái bàn thấp, lưng bọn học trò cao như con bò có bướu vai. Chúng nó còn nhớn hơn tôi nhiều. Có lẽ cũng lậu tuổi như tôi cả. Đứa nào cũng mặc áo dài thâm, áo the, chít khăn lượt, như thầy giáo. Tôi sợ đờ người ra, không dám khóc, cũng không dám nghĩ trốn về.   
Trống tan học nện bần bật từng hồi, rung mái đình. Các lớp trong sân, nhốn nháo, inh ỏi, la hét trong tiếng trống.   
Xung quanh như cả học trò và bàn ghế cũng nhấp nhổm sắp à lên. Nhưng khoan khoan, cái roi da thầy đã phất đuôi roi hất vút vút. Tất cả im, đứng dậy, khoanh tay. Thầy đập một roi xuống đầu bàn. Trăm miệng bật kêu váng:   
- *Giơ mơ le vơơơ...(1)*   
Đầu roi lại đập xuống. Trăm cái miệng tròn vo lại réo đinh tai:   
- *Ô rơ-voa mông mét-tờ-rơơơ*...(2)   
Rồi đầu roi trỏ ra cửa. Đàn rồng rắn học trò xếp lại, tuốn lên cổng trường. Ra tới bãi cỏ chân đê, cái cảnh vỡ chợ mà tôi tưởng lúc nãy bây giờ mới thật sự loạn xạ. Bên gốc bàng những cái cặp, những quyển sách với mũ, nón, áo và quần nữa, tất cả quăng lung tung. Nhiều đám trần truồng ra. Đánh nhau vật nhau cởi trần truồng như thế không sợ rách quần áo - bố mẹ không biết. Đằng kia, bác hàng bánh tôm đương co kéo bắt mũ, bắt cặp của chú học trò ăn chịu. Có chú sợ hàng quà, khôn hơn, trèo tường cổng sau ra. Nhưng, vừa nhảy xuống đất, đã trông thấy ngay bác hàng kẹo đứng chăm chắm ở chân tường, giơ tay nhấc luôn chiếc mũ của cậu bé còn nợ, lẳng lặng nhét đáy hòm rồi nói: "Bao giờ có tiền trả thì chuộc mũ".   
Cái cảnh ấy cũng có tôi sau này, bởi chẳng bao lâu, tôi cũng từng trải cung cách trèo tường trốn nợ hàng kẹo, hàng bánh tôm hay là có hôm ngồi hóng cửa trường đợi thằng bạn nào ăn bánh tây xin ngoạm một miếng, có khi ngoạm cả vào ngón tay nó đặt làm cỡ.   
Tôi loanh quanh giữa đám hỗn độn. Không thấy u tôi đâu. Tôi bối rối đến nỗi thầy Lâm đứng trước mặt mà không trông thấy.   
Thầy Lâm bảo:   
- Cháu ra đây tôi đèo...   
Tôi khóc to:   
- Không...không...   
Rồi rống lên. Thầy Lâm dỗ:   
- Đèo xe đạp về nhà mà.   
Thấy nói được về nhà, tôi thôi khóc và quên ngay cái cảnh sợ hãi đám học trò vừa rồi.   
Thầy Lâm đèo tôi mấy buổi đi học như thế. Tôi chỉ nhớ ngồi trước mặt thầy trên khung xe đạp, lưng tôi gò xuống. Về đến đầu chợ Bưởi, thầy buông chân xuống đất làm phanh hãm, hai đầu gối thầy thúc lên đít tôi. Cái xe đạp “pi-nhông” đứng khựng.   
Cái nhà thầy Lâm ấy, chẳng phải người làng, người họ nhà tôi đâu. Tôi biết thầy dạy học, chỉ vì thấy cả nhà gọi là thầy giáo. Nhưng không biết là thầy giáo bên đạo hay thầy giáo, thầy đồ ngồi bảo chữ nho, chữ quốc ngữ ở các làng. Cũng không biết tại sao dì Niêm tôi quen... Nhà thầy ấy ở đâu không rõ. Hình như là người Kẻ Chợ. Và hình như thầy Lâm và dì Niêm gặp nhau ở hội làng Hồ tháng tư rồi phải lòng nhau. Bây giờ thầy giáo Lâm xin học cho tôi để có cớ đi lại.   
Vùng tôi chưa có trường sơ học. Làng trên có trường vỡ lòng, tôi đã học hết chữ của thầy giáo Đức, thày giáo Cộng thầy giáo Thạch từ lâu. Nhưng xin học ngoài phố không phải dễ. Năm trước định vào trường Cửa Đông, tôi phải ra ở phố Hàng Mã. Thi trượt vì chẳng may cuống quít làm ngược cái tính trừ đấy?   
Thỉnh thoảng, thầy Lâm lại đón đường đưa tôi một cái thư.   
Tôi chẳng phải tò mò xem trộm. Bởi vì rồi dì Niêm sẽ bảo tôi đọc hộ, dì tôi sẽ ngồi kể cho tôi viết trả lời. Những lá thư tình bao giờ cũng bắt đầu vài ba câu Kiều lẩy *Sen tàn cúc lại nở hoa. Sầu dài ngày ngắn...* rồi mới đến: *Cậu ơi! Ngày sáu khắc đêm năm canh...* thư nào cũng một câu như vậy, dì tôi chưa đọc, tôi cũng cứ viết sẵn. *Cậu ơi! Ngày sáu khắc...* rồi ngồi đợi.   
Một hôm chủ nhật, dì Niêm cho tôi đi Kẻ Chợ. Lần đầu tiên, tôi được vào xem tuồng Tàu ban ngày trong đình Hội quản phố Hàng Buồm. Tiếng thanh la nhức óc hơn tiếng hét "*lốc bốc xoảng... lốc bốc xoảng... xoảng xoảng...*". Tôi ngơ ngẩn vào nhìn. Thầy Lâm và dì tôi đứng đằng xa. Tôi chưa hiểu đó là cách hai người yêu hẹn nhau trong đám xem tuồng Tầu lạ lùng như thế, để tránh gặp người quen, khó ai bắt gặp.   
Đến trưa, dì cháu tôi ra về, đứng đợi tàu cửa chợ Đồng Xuân.   
Một người đàn bà ngồi trong bọn những người làm nghề đổi tiền cửa chợ, bỗng đứng dậy, xăm xăm tới. Mặt xám ngoét, vành khăn vấn hất lên quá nửa mái tóc, cái đuôi gà chổng ngược. Vẻ cong cớn, táo tợn lắm. Mụ cắp cái thúng nhòi đến trước mặt dì tôi, chống nạnh bên sườn, xỉa tay luôn một thôi:   
- Con đĩ Bưởi, con đĩ Bưởi kia, mày quyến rũ thằng Lâm đi đâu? Mày là con mẹ mìn à? Trêu tay bà, bà xé xác mày ra... Con đĩ Bưởi kia!   
Mấy mụ khác cũng te tái, xô ra. Những người làm nghề đổi tiền có tiếng nặc nô cửa chợ.   
Tôi lo quá. Tôi nhìn quanh không đâu có hòn đá hay cái que, cái gậy... Mấy mụ chới với tay vít tóc dì tôi. Nhưng họ còn vướng trong tay cái thúng tiền. Lúc ấy, tàu Bưởi đã xuống, tàu lên bắt đầu chạy. Hai dì cháu tôi ù được lên tàu. Cửa tàu hẹp, không toang hoác như cửa toa. Cái tàu "leng keng huý huý" lăn bánh.   
Mấy mụ đổi tiền đuổi theo bám lên chỗ tay vịn bằng đồng ngoài cửa. Dì Niêm tôi đã lẩn được vào trong. Giữa đám bề bộn người vừa lên, tôi cứ cào phứa vào tay các con mụ. Tiếng chu chéo. "A, thằng ranh con? Thằng ranh con..." Nhưng tàu đã chạy. Chắc mụ nọ sợ nhỡ buổi chợ hoặc mất cái thúng tiền hơn là đi đánh ghen thuê, thế là tụt xuống. Cũng chưa thôi họ còn rảo theo, trỏ lên tàu, réo:   
- Cha tiên nhân con đĩBưởi... Bà để tội cho mày...   
Tôi định nếu thầy Lâm mà còn đón tôi nhờ đưa thư, tôi sẽ ném cái thư xuống đất. Nhưng từ hôm ấy, không gặp lại cái nhà thầy ấy lần nào nữa.   
Mà tôi quen đường đi học rồi. Từ làng tôi ra trường Yên Phụ xa bảy, tám ki lô mét. Thế mà tôi chỉ toàn chạy. Chẳng mấy khi tôi chịu về kém tàu điện. Có hôm tôi chạy về tận Quần Ngựa, nhìn xuống đường dưới Thuỵ Khuê, thấy chiếc tàu điện lúc nãy gặp ở Quán Thánh bấy giờ mới ló lên đến cống Đõ, đương ken két ầm ĩ vào chỗ tránh "qua di măng” ở Cổng Rong. Có khi gặp cái xe bò đi không, chúng tôi được người kéo xe cho bám - kéo xe không thì nhẹ quá khó kéo.   
Thế là đứa ngồi, đứa đẩy, thay nhau về đến đầu dốc đường Thành, trời chưa tối.   
Tôi đi học từ tờ mờ đất. Ra đến Hồ Tây vẫn còn mù mịt sương. Trên đường gặp đến lắm chó đi rông. Trong cặp tôi đựng toàn những hòn đá vừa tay. Chẳng bao lâu, tôi đã thạo ném chó. Chó chạy nhanh, chạy chậm tôi có thể ném đón, tôi định cho trúng vào mõm hay vào bụng, trúng cả.   
Mỗi sớm tôi đem theo một nắm cơm u tôi đã nắm chiều hôm trước. Buổi trưa ăn cơm nắm với một xu thức ăn miếng đậu rán hay vài cái kẹo bột. Có khi, dúm muối vừng, miếng cá, con cua mặn. Ăn nhệu nhạo xong, chạy ra cái máy nước đầu ngõ Trúc Lạc nghiêng cổ tu một hơi rồi lên bãi đá bóng.   
Tôi ném bộp nụ hoa gạo, ném sấu vườn Bách Thảo, ném con cánh quít ẩn trong kẽ lá bàng trên đê, chém nhựa đa đường Cổ Ngư làm bóng. Mùa nào thứ ấy, bốn mùa chơi.   
Ngày ngày đi học, chẳng nhớ bài, chỉ nhớ những chơi bời dông dài như thế.   
Tên thầy giáo tôi là thầy giáo Tỏi. Tôi nghĩ không phải tên thầy. Ai lại tên là Tỏi. Nhưng đứa nào cũng bảo đích tên thầy là Tỏi. Chúng nó kể: trong ngăn kéo trên bàn thầy lúc nào lục trộm cũng thấy nhiều củ tỏi, thầy nghiện ăn tỏi từ thuở bé nên được bố mẹ đặt tên cho là Tỏi, thầy giáo Tỏi. Tên trường là Nóc-đơ-man mà ai cũng gọi là Yên Phụ. Vậy thì tại sao thầy giáo tên là Tỏi cũng thế. Vả lại cái roi da thầy Tỏi lúc nào cũng cầm ở tay không phải là thầy chỉ dứ roi trên đầu mà thầy còn quất thật lực vào đít, vào lưng chúng tôi.   
Mỗi hôm vào lớp, một anh lớn cầm quyển sách đã có bài chép sẵn từ những năm học trước, anh ấy trông sách rồi chép lên bảng. Còn thầy giáo thì cầm roi đi đi lại lại không phải làm gì cả. Buổi nào cũng thế. Tôi lại biết thêm tính thầy, đứa nào có tội thế nào thầy cứ quất phủ đầu cho mấy roi rồi thầy mới bảo. Nếu ngơ ngác chưa hiểu, thầy lại quất nữa. Suốt cả buổi học, tiếng roi da khô khan cứ đen đét. Đầu lớp, cuối lớp chỉ có cái roi làm việc. Trông vào ánh nắng các khe cửa, bụi quần áo ăn đòn, bốc mù mịt khắp lớp.   
Thấm thoắt, đã áp Tết. Thầy giáo tôi dặn cả lớp:   
- Hôm nay hai mươi ba cúng ông Táo công lên chầu giời. Còn bốn hôm nữa thì nghỉ. Năm nay thầy về quê ăn Tết, đứa nào tết thầy thì đem tiền đến, đừng biếu bánh trái, thịt thà như mọi năm...   
Thế là lễ tết thầy tôi năm nay đưa bằng tiền. Nhưng tôi không dám xin tiền u tôi. Những ngày cuối năm, thường nhà tôi u ám những trận cãi nhau, mặc dầu tôi sợ thầy mà đành hậm hực buồn bã, không hỏi xin tiền ai ở nhà.   
Ra giêng khai trường, cứ nghĩ đến ngọn roi da của thầy giáo, tôi thót lưng, buồn đắng cả miệng. Có thể, không có tiền lễ tết, thầy đánh cũng nên.   
Mùng bảy tháng giêng khai trường, bồn chồn quá...   
Rồi tôi phải đòn thật. Năm mới, đã đen quá. Nhưng cả lớp tôi cũng phải đòn. Đầu tiên, thầy giáo gọi một đứa ngồi đầu bàn lên. Thầy quệt mạnh ria mép một cái như muốn kéo soạt bộ ria đi. Đấy là lúc thầy giận lắm.   
Thầy dang thẳng tay, tát thằng ấy một cái. Rồi thầy lại tát ngược bàn tay lại. Tôi trông thấy mặt thằng bé lật lên chao đi giữa hai cái tát đốp đốp nảy đom đóm mắt.   
Thầy ra lệnh:   
- Về chỗ. Tát thằng bên cạnh như thầy vừa tát ra mẫu thế, *nhe!*   
Thầy đứng xem cả lớp tát nhau, đứa nọ tát đứa kia từ bàn đầu đến bàn bét, kiểu như thầy đã làm ra mẫu. Phút chốc, lớp tôi vang lên những tiếng bốp bốp khô khốc. Tôi tê dại cả hai má. Thằng hàng xóm không thù tôi, nhưng hắn không dám tát khẽ. Đứa nào tát nới tay, thầy giáo đến tát lại cả hai đứa. Những đứa vẫn đợi dịp đòn thù nhau thì khác. Chúng bặm môi, giơ tay tát trái như đấm quai hàm, có đứa toé máu cam xuống bàn.   
Cả lớp lại im phắc. Chúng tôi đợi nghe xem đầu năm mà đã có tội gì. Tiếng thầy rè rè, đều đều như có dây cót vặn của cái đồng hồ chẩm cầm báo thức:   
- Đứa nào... lấy cái roi... của thầy?   
Thì ra thầy tôi mất cái roi. Năm mới, thầy tôi mất cái roi da mọi khi vẫn dắt đằng sau mặt bảng đen. Đứa độc ác nào lấy cái roi da của thầy. Nó không nghĩ rồi thầy hành tội cả lớp. Có thể đứa lớp khác sang lấy trộm. Có thể trong lúc nghỉ Tết, trẻ con ngoài đường vào ăn cắp. Nhưng đằng nào cũng mất cái roi của thầy tôi và chúng tôi đã phải ăn đòn.   
Lớp vẫn im phắc. Giọng thầy lại lên rè rè:   
- Mỗi đứa đóng một xu để thầy mua roi mới. Nhớ *nhe* mỗi đứa một xu. Nhớ *nhe,* mỗi hôm trước khi chép bài, cả lớp lại phải đòn như hôm nay, cho đến hôm nào có roi mới mới thôi *nhe.*   
Thế mà cũng phải mất mấy hôm những thằng đầu bàn mới thu đủ tiền. Đứa nào cũng sợ đòn, nhưng có đứa bảo: “Mấy khi được tát nhau, thích thật”. Nó nói liều thế, chắc vì một xu nhà cho đóng tiền mua roi đền thầy đã chót chén quà mất rồi. Đành chịu. Học trò đi học, gặp thầy dữ đòn hay thầy giáo hiền cũng như người đi đường gặp mưa gặp nắng, không biết thế nào mà tránh.   
Rồi mùa xuân đi, mùa hạ đến. Ngày tháng nhạt nhẽo, oi ả, khó nhọc. Chúng tôi đá bóng suốt trưa trên bãi ven đê. Nhiều đứa xa nhà cũng ở lại, lang thang vơ vẩn bờ bụi hè phố.   
Một dạo, tôi thôi đá bóng. Tôi đẽo chạc ổi, mua dây cao su làm được cái súng chạc cao su. Suốt đường Cổ Ngư, vàng ối những quả đa. Chim vàng anh về từng đàn, đậu lẫn trong quả đa, rúc ráy mổ quả đa, nếu cái đầu chim không đụng đậy, không ai biết. Nháy mắt, tôi đã bắn được một con, hai con, ba con.   
Rồi đứa đi vơ rác, đứa vặt lông, tôi lấy mảnh sành rạch bụng chim, làm lòng. Thui một tí, đã thơm phức. Vàng anh hay con sáo sậu, chúng tôi đều thui rồi xé thịt chim chấm muối ăn. Vừa ăn vừa hò hát: *Vàng ảnh, vàng anh, có phải vợ anh thì chui vào tay áo... Sáo sậu là cậu sáo đen, sáo đen là em sáo sậu...*   
Hương sen thơm suốt quãng đường hai bên hồ. Những chiếc lá sen tròn đồng tiền, mơn mởn nghển lên khỏi mặt nước. Chúng tôi lội xuống hái những nụ mới nhú bằng ngón tay. Nụ sen ăn ngòn ngọt. Rồi trải lá sen lên bờ cỏ, chúng tôi nằm ngủ dưới gốc đa, trong gió hồ buổi trưa hây hẩy bát ngát.   
Tàn mùa quả đa, cây cũng vãn tiếng chim. Tôi vào tìm bắn chim trong Bách Thảo. Nhưng những cây sấu rậm lá kín bưng, chim chui vào không thở được, chẳng thấy con nào.   
Một hôm, đương ngồi trong lớp, nghe những tiếng chẹc chẹc hai bên tai. Từ hôm ấy, tôi nhận ra ở trường có nhiều chim sẻ. Dễ thường chim sẻ nhiều hơn cả học trò. Chúng nó ở đây cả ngày cả đêm, cả chủ nhật và khi học trò vào lớp, chim sẻ xuống chơi đầy sân, bay từng đàn nâu loang loáng. Những lúc khác, chim sẻ đứng đầu tường, cãi nhau hay trò chuyện làm sao mà biết được. Chỉ biết nó cứ ra rả chẹc chẹc. Chim ngủ ngay trên khe ngói, hóc cột. Sáng nào chúng tôi cũng phải dọn cứt chim cứt dơi trên mặt bàn ghế ngồi. Cả trong nách, trong bụng, và sau vành tai hai ông hộ pháp đứng sừng sững chỗ cửa lớp ba trông xuống cây sung ở sân dưới cũng có chim sẻ ngủ và ỉa đêm.   
Chúng tôi rình bắn chim sẻ quanh tường để nướng ăn thịt.   
Tan học, người gác trường vừa quăng cái xích sắt khoá cánh cửa gỗ, tiếng nhốn nháo của đám học trò sắp hàng đã dồn ra ngoài cổng, tan loang trên đê, đàn chim sẻ sà xuống nhảy loạn cả vào các cửa lớp.   
Vào giờ chơi buổi sáng. Bên cây lạc tây to ở cửa sân trên đứng thay cái cột gôn tự nhiên, có đám chơi đá cầu. Nắng vàng choé một mảng tường sát dường cái, vươn lên cái cột xi măng có bậc. Những đứa đi học muộn, cửa trường đã khoá cứ trèo cột đèn này vào sân.   
Bỗng tôi trông thấy một cái đầu người nhô lên trên cột. Những con chim sẻ đương đứng vụt bay vào tường chùa. Người trèo cột đèn ném theo. Nhưng không phải ném chim. Những mảnh giấy trắng lả tả rơi xuống bọn đá cầu và khắp sân trường. Thế là đám học trò chạy túa ra.   
Cả cái sân trên nhốn nháo, người sân dưới cũng dồn hết lên.   
Tiếng lao xao:   
- Giấy hội kín, anh em ơi!   
- Đâu? Đâu?   
Nhiều đứa xô đến, đương nhặt xem. Trên cổng con, xộc vào mấy người đội xếp Tây và đội xếp ta lố nhố xuống theo.   
Sân dưới, sân trên, cổng trước, cổng con, mỗi cửa lớp một người đội xếp đứng. Tự dưng, trống ra chơi vào sớm. Cái sân trường phút chốc vắng ngắt. Cả lớp im phắc. Không còn biết những gì xảy ra ngoài sân. Những đàn chim sẻ dạt vào góc tường kêu chẹc chẹc. Như vậy, tôi biết dưới sân còn người - chim sẻ xuống, thấy động, lại bối rối bay lên.   
Chúng tôi vào lớp hôm nay không phải đọc đều những tràng tiếng Tây như mọi khi: *Chúng tôi đã vào lớp... Chúng tôi ngồi xuống... Chúng tôi ngồi im...* Mặc dù lớp trật tự thế, thầy giáo Tỏi cũng nói một câu. Giọng thầy dịu dàng nhưng vẫn rè rè, người ta bảo người nghiện rượu khản cổ, khi nào tiếng cũng rè rè thế.   
- Hội kín ném giấy cộng sản vào trường ta. Ngồi im, cứ ngồi im đấy. Thôi không học bài hôm nay, bài mới thì chiều chép nhân thể.   
Im đến nghe cả tiếng muỗi ro ro trong xó tối, thì phải biết là im thế nào. Câu thầy tôi nói đầy bí hiểm và ghê ghê.   
Không biết chúng tôi còn phải cúi mặt chăm chắm như thế đến bao giờ. Thầy giáo cũng ngồi im lặng trên ghế. Cái roi da đặt ở mặt bàn. Thầy nhìn ra cửa chờ đợi, chốc chốc lại nháy ria mép. Điều gì sốt ruột, nhưng chẳng biết điều gì cả.   
Tan học, nghe tiếng trống, các lớp cứ tự nhiên tan.   
Không còn gì ngoài sân trường; không thấy những tờ giấy lúc nãy ở chân tường. Bọn đội xếp đã biến mất. Các thầy giáo trông cho học trò xếp hàng qua cổng rồi chạy theo ra giữa phố đuổi bọn đứng tụ lại, ngấp nghé, bàn tán. Nhưng đuổi quãng ấy, chúng tôi lại tụ tập đằng xa.   
- Tao trông thấy thằng đội xếp xích tay thầy Bảo?   
- Cả thầy giáo Tân?   
- Nói phét?   
- Chẳng tin ra hỏi cái thằng lớp nhì mà xem.   
- Anh Kính con thầy Tỏi lớp mình cũng bị xích tay.   
- Nói phét quá!   
- Chẳng tin đến chiều hỏi xem.   
Buổi chiều, tôi nhòm vào lớp, thấy cả hai lớp nhì thầy Bảo và thầy Tân đều vắng thầy thật. Thế mà lạ sao, học trò đông đủ trong lớp ngồi im, không nhúc nhích. Tôi trông thấy nhiều đứa mắt đỏ hoe. Chúng nó thương thầy giáo bị Tây bắt.   
Nhà thầy giáo Tỏi ở một gian gần cổng sau trường. Hai gian thông luôn, trước cửa có bụi cây hoa hồng che kín. Qua bụi cây thì trong nhà có gì cũng trông thông thống thấy hết.   
Cô giáo thường ngồi têm trầu ở phản trong. Anh Kính cởi trần, quay mặt ra, chăm chú đọc sách ở cái ghế đẩu bên cạnh cửa. Mọi khi, hôm nào cũng thấy thế.   
Hôm nay, chúng tôi đi qua, nhớn nhác nhìn vào. Sau bụi hồng, gian nhà vẫn toang cửa như mọi hôm. Nhưng không thấy một ai. Cái thanh vắng cứ rờn rợn. Những bông hồng ta đỏ hoe, rữa cánh, như hoa hồng ma. Có lẽ anh Kính bị Tây bắt thật. Cả cô giáo cũng bị bắt rồi, chưa ai biết cũng nên.   
\*\*\*   
Buổi trưa, vẫn những buổi trưa, trường tôi lại bình thường oi ả như mọi trưa hè. Đàn chim sẻ than vãn ra rả, mỏ há khát nước trong ánh nắng mới gay gắt đầu mùa. Trên đường đê, những người kẻ Sù, kẻ Gạ quẩy đôi sọt dưa hồng vào thành phố, tiếng dép kẻ Noi lê quèn quẹt, mồ hôi nhỏ giọt xuống mặt đường đá. Ven bãi cỏ, bọn học trò nhà xa, mặt cháy nắng, cời bắt những con cánh quạt trong kẽ lá bàng xanh non và trong cỏ. Chúng nó mải đá bóng, hò hét, một chốc, đã khản đặc cổ, lại chạy đùng đùng xuống máy nước.   
Rồi mùa hạ đã tới. Gần đến kỳ nghỉ hè. Trong sân trường, lúc vào học, tan học và giờ chơi vẫn tấp nập những quen thuộc hàng ngày.   
Sáng thứ hai, bao giờ cũng có những đám xúm xít dưới gốc mít và trên thềm cửa lớp, khoác lác kể lại chuyện ngày chủ nhật: đá bóng, đánh nhau, thi xe đạp, xem “xi-la-ma” và những chuyện lông bông khác nữa. Tôi ở trong làng, ngày chủ nhật đi bẫy chim, đi bẻ trộm nhãn, đi hun bắt chuột đồng. Chỉ đứng nghe chúng nó nói, tưởng cũng biết cả chuyện khắp thành phố.   
Sân trên, rối rít hai đám đá cầu, đám của lớp nhất, giữa hai cây lạc tây. Học trò lớp nhất lớp nhì cao lênh khênh chít khăn mặc áo the chẳng khác thầy giáo. Nghe nói có đứa cũng có vợ bằng thầy giáo rồi. Sân dưới hẹp, lố nhố những bọn đánh đáo lỗ, đáo tường, gieo tiền đánh “rồi” lại có đám đánh bất, đám đánh ít xì xúm xít sát phạt nhau ngồi tận trong gốc chuối. Dưới bóng cây sấu, la liệt mấy thúng quà của người nhà bác gác trường. Mỗi mùa mỗi thức, khoai lang luộc, mận dưa chuột, sấu chín, mẹt mơ với một bát muối trắng rắc những miếng ớt đỏ tươi... Chỗ chơi, chỗ gọi ăn, chỗ chạy, nhốn nháo.   
Thầy giáo Tỏi cầm cái roi vung vẩy, đi bách bộ sân trên xuống sân dưới. Chẳng phận sự gì, nhưng thầy vẫn quen đi thế, cũng như thầy đã quen cầm cái roi da. Chỗ nào có xô xát cả chỗ đá cầu trong đám học trò lớp nhất cao lêu đêu, thầy cũng quất roi tiến vào. Thầy đánh tuốt.   
Chúng nó kể rằng thầy giáo Tỏi dạy lâu nhất trường này và ngày trước thầy mình dạy lớp nhất. Sau có nhiều thầy giáo tốt nghiệp trường "Nóc-man"(1) ra thì thầy giáo mình lùi xuống dạy lớp nhì rồi xuống lớp ba, rồi lùi mãi cho đến khi tụt xuống dạy lớp bét như bây giờ.   
Thầy giáo không được dạy lớp nhất nữa, đã lâu. Nhưng thầy giáo tôi vẫn mặc áo ma-ga tơ đen, tấm áo từ ngày dạy lớp nhất, lại chúng nó bảo thế, *-* chỉ khác, đôi ống tay rách đã thay nhiều lần. Dù sao, vẫn là cái áo ma-ga tơ đẹp ngày thầy dạy học trò lớp nhất kia.   
Buổi trưa, nóng nực, im ắng. Tôi rình bắn chim sẻ. Những con chim sẻ bị đạn nhiều, biết bảo nhau khôn hơn hoặc vì bờ tường dãi nắng quá, chim chỉ nhớn nhác đến, lại vù bay đi. Bắn mấy phát, toàn bắn đuổi không trúng. Những hòn đạn cuội tròn xoe, tôi phải công phu tìm tận trên đường sỏi vườn Bách Thảo. Mà mấy hôm chẳng bắn được mống chim nào.   
Tôi đương nấp nấp, hó háy mắt lên tường. Bỗng chưng hửng, tôi đứng thẳng. Thầy giáo tôi đã mở cái cổng con ra từ lúc nào. Sau lưng thầy giáo có một người Tây lực lưỡng cởi trần. Mình người Tây lông lá và đỏ hắt như thằng người lên sởi. Người Tây trỏ tôi, nói một lô xích xô, tôi nghe ù ù cạc cạc.   
Thầy giáo tôi hất đầu roi vào tôi, quát:   
- Lại đây!   
Tôi từ từ bước lại. Tôi nghiêng nghiêng lưng. Tôi biết tôi có tội gì rồi nên toan có cách đỡ. Tôi giơ sẵn cái lưng tôi. Roi da nện vào lưng, đỡ buốt hơn bị quất vào đít.   
Thầy tôi quát:   
- Sao mày bắn chim làm rơi gạch xuống mái nhà, làm cho Tây người ta không ngủ trưa được?   
Tôi còn biết trả lời thế nào. Cái súng cao su tôi cầm trong tay đây, ăn nói làm sao.   
- Thưa thầy... thưa thầy...   
Thầy giáo tôi vút cái đuôi roi lướt phựt phựt qua mặt tôi.   
Tôi chớp mắt lia lịa. Thầy tôi nói, từng tiếng, rè rè, dịu dàng:   
- Lại đây... lại đây.. thầy bảo. Từ giờ... buổi trưa... muốn bắn chim... thầy cho vào trong sân trường mà bắn...   
Tôi lạ quá, bắn ở đầu tường còn rơi đạn xuống nóc nhà Tây cơ mà. Bắn trong sân trường nhất định hòn cuội vẫn rơi xuống nhà Tây. Có thật thầy tôi vừa nói câu ấy không. Hay tai tôi nghễnh ngãng? Từ bây giờ... muốn bắn chim... vào sân trường... thầy cho... Thầy tôi vẫn nói. Thầy giơ dựng đứng chiếc roi đương ve vẩy như đuôi trâu. Như trả lời cho cái lo trong bụng tôi.   
- Nhớ *nhe,* sang phía này bắn thì đạn chỉ rơi lên mặt đê mà không xuống nhà Tây được. Mà kệ bố nó? Thầy sẽ rào cái cổng đằng bờ hồ, thằng Tây này không sang hoạnh hoẹ được nữa.   
Rồi thầy tôi vút vút ngọn roi lên:   
- Còn đứa nào nữa? Vào cả trong sân mà bắn? Chúng mày bắn chim cho thầy nhắm rượu, *nhe?* Cái giống chim sẻ đem rán phi tỏi, phi thật nhiều tỏi, hay đấy, *nhe!*   
Thầy giáo tôi cứ vừa vút roi, vừa nói. Thằng Tây nọ có lẽ tưởng thầy tôi đương chửi tôi, sắp đánh tôi về tội dám bắn chim làm đạn rơi vào nóc nhà nó, khiến nó không ngủ trưa được Thằng Tây đứng im. Mồ hôi nhễ nhại trên cái ngực lông lá mẩn đỏ. Nhưng nó cũng không đứng im được lâu. Nó còn phải ngủ trưa. Nó cũng không thể đứng bêu nắng thế được.   
Nó lại *xà lù... cu song(1)* mấy câu gì, rồi nó cung cúc xuống men hồ, đi về nhà.   
Trưa hôm sau, một bọn chúng tôi được vào sân trường bắn chim, thật sự. Trống tan học, thầy giáo vẫy roi ra hiệu một cái. Chúng tôi xuống nhà thầy. Rồi ra sân bắn chim.   
Được chim, chúng tôi làm thịt rán biếu thầy. Có khi chúng tôi ngồi mở cơm nắm ra cùng ăn thịt chim rán với thầy. Lạ thay từ hôm ấy, thầy giáo tôi vẫn cầm cái roi da nguyên như mọi khi mà tôi thấy thầy giáo không ác tý nào.   
Thầy tôi treo cây roi lên sợi thép phơi quần áo trước cửa. Đã lâu không thấy cái quần áo nào phơi. Thầy giáo tôi bây giờ chỉ ở một mình.   
Mấy hôm, bạo dạn hơn, tôi hỏi:   
- Thưa thầy, cô con đi đâu ạ?   
Thầy giáo nói:   
- Cô mày đi “ hí hí”.... “ hí hí”...   
Rồi thầy dang tay ra, giơ lên giơ xuống cắt nghĩa, vẫn như lúc đứng giảng bài:   
- Thế là lên đồng, *nhe.* Cô mày đi kêu "tam phủ ngũ huyện" cho nhà thầy được tai qua nạn khỏi, *nhe.*   
Thế ra ai mách chỗ Cửa ông, Thác Bà linh thiêng ở những nơi bóng nước phương trời nào, cô giáo tôi đều đi đến đấy cầu cúng.   
Thầy nói khàn khàn:   
- Cậu Kính phải Tây bắt rồi, con biết chưa?   
Tôi lễ phép, sợ sệt:   
- Con biết rồi ạ!   
Trưa hôm ấy, chúng tôi đi quanh sân, tìm chim sẻ bắn một lúc rồi mới xuống nhà thầy. Tôi không thấy thầy lúi húi thổi cơm trong bếp như mọi khi. Thầy nằm đắp chiếu trên giường, rên hừ hừ. Vừa rên, thầy vừa nói trong chiếu ra:   
- Con đấy à?   
Chúng tôi tranh nhau thưa:   
- Thầy xơi cơm để con thổi?   
Rồi líu tíu kể:   
- Được chim rồi, thầy ạ. Chúng con chỉ giã có bốn phát mà được ba con, thầy ạ.   
Thầy vẫn rên trong chăn ra:   
- Đừng thổi... thầy sốt...Thầy không ăn cơm.Rán chim đi... nhiều tỏi, nhiều tỏi *nhe?* Đứa nào chạy mua cho thầy cút rượu chai chỗ kia. Tiền thầy để trên cái thắt lưng ở cột trong...   
Chúng tôi vặt lông chim, rồi thui, rồi rán phi tỏi, nhiều tỏi, như mọi khi, cố làm ngon hơn mọi khi. Tôi đã biết cách rán chim không cần mỡ mà thịt chim không bị sát chảo. Hôm trước thầy đã khen tôi ngày sau thằng này đi làm bếp cao lâu thì tốt. Chỉ loáng mắt, đã thơm ngào ngạt.   
Tôi rón rén đến đầu giường:   
- Con mời thầy dậy xơi rượu ạ?   
Thầy giáo dậy tựa lưng vào hòm phản. Tôi ngắm nghía thấy thầy giáo tôi già quá. Ngày nào tôi cũng nhìn thầy giáo thế mà hôm nay nhìn lại không nhận ra thầy mình mọi khi.   
Thầy bỏ cái khăn lượt xuống, tóc thầy đã ngả màu muối tiêu. Hàng ria vểnh chênh vênh vàng ám khói như ai đính vào đấy. Thầy nhom nhem gầy rộc, thầy chỉ còn hơi giống thầy mọi khi. Ngồi cạnh, tôi ngửi thấy mùi tỏi, mùi rượu nằng nặng, mùi hôi ẩm quần áo lâu không thay và cái hơi người ốm sùng sũng từ hai bàn chân mọng nề ra.   
Chúng tôi mở gói cơm nắm. Tôi ra lấy chiếc đĩa ngoài trạn. Phần chúng tôi chia nhau cái đầu, cái cổ, cái chân. Cứ thẳng thừng ra thì cả chỗ chim rán ấy mỗi đứa chỉ làm một đớp biến cả xương. Thế mà tôi đã chặt riêng rẽ từng miếng lườn, từng cái đùi chim ngay ngắn đặt lên đĩa, lại vun tú ụ đám tỏi vào một góc.   
Thầy giáo nhắp từng ngụm rượu. Thầy lấy tay xé thịt chim, thầy từ từ nhai và mắt thầy lại nhìn đi đâu. Thầy xơi thêm một miếng cơm nắm của chúng tôi. Thấy thầy nhai cơm chúng tôi nhìn nhau, nhìn thầy, sung sướng cung kính. Tôi bỗng thương xót thầy với một tình cảm lạ lùng, tôi muốn khóc.   
Thầy tôi bảo:   
- Chúng mày rửa kỹ bát, gài mớ rửa bát lên cọc, gài cẩn nhận *nhe.* Úp bát vào trạn, úp khéo chả vỡ. Treo chảo lên cái đinh thứ ba ngoài tường bếp rồi xuống sân sau chơi cho thầy nghỉ, *nhe.*   
Lát sau, ở dưới sân sau lên lấy cặp học bài, thấy thầy giáo vẫn ngồi tựa mép hòm như thế.   
Buổi học chiều, thầy ra dây thép xách cái roi đi lên lớp.   
Thầy tôi lù khù đi. Cái roi ve vẩy. Tôi có cảm tưởng mới mẻ: thầy đương cầm chơi cái que và không có gì đáng sợ.   
Sau nghỉ hè năm ấy, tôi không thấy thầy giáo tôi dạy nữa. Thầy đi đâu, thầy chết hay thầy bị mật thám, bị thằng Tây cạnh trường sang bắt đi, như anh Kính. Hay thầy dạy học kém cứ tụt mãi, không còn lớp nào để tụt, người ta đuổi thầy giáo ra khỏi trường rồi. Bây giờ nhớ lại chuyện thầy giáo, nhớ lại anh Kính bị bắt, nhà thầy tan nát, còn biết bao nhiêu chuyện thương tâm nữa. Nhưng ngày ấy tôi không hiểu gì hơn.   
Cái nhà thầy ở, về sau nhà trường lấy một góc làm chỗ để xe đạp của thầy giáo các lớp. Vài cái xe đạp ra vào mấy hôm đã rập cả bụi hoa hồng. Mấy hôm nữa, rụi nốt bụi sói, thế là trống hốc ra.   
Một thầy giáo khác đến dạy lớp bét, cũng về ở đấy. Thầy giáo Hướng, Đặng Đình Hướng. - bao năm sau, tôi mới biết thầy Hướng là anh ruột nhạc sĩ Đặng Đình Hưng. Thầy Hướng ở một mình, chỉ có tấm phản kê lẫn bên những cái xe đạp. Thầy mặc áo the dài, đội mũ trắng, thầy nói thầy là người bên đạo Tin Lành. Thầy bước tất tả, cầm cái quạt, tay che miệng, hay thì thào một mình. Có khi đương đi, thầy bỗng đứng im một lúc lâu, mắt nhìn lơ láo hai bên, như tìm gì trong suy nghĩ.   
1970   
    
**Chú thích:**   
(1) Tiếng Pháp: Tôi đứng dậy.   
(2) Tiếng Pháp: Tôi chào tạm biệt thầy giáo tôi   
(3) Tiếng Pháp: trường sư phạm.   
  
(4) Tiếng Pháp: những câu chửi rủa.

**Tô Hoài**

Tập tự truyện - Tô Hoài

**2. Những người thợ cửi**

   Dạo ấy, phong trào Ái hữu đương bồng bột và tôi đã tham gia phong trào ở làng tôi. Nhưng cuộc vận động Ái hữu thợ dệt ở Vạn Phúc nổi nhất trong tỉnh Hà Đông. Làng Vạn Phúc có cả chủ và thợ vào hội Ái hữu. Chủ và thợ các xóm La, xóm Mỗ đều bảo nhau đóng tiền, đến trụ sở đọc sách báo Mặt trận Dân chủ. Có những ngày chợ Đơ người các nơi về, tận Bùng và Trinh Tiết gần chùa Hương cũng ra. Người ta hỏi về thể lệ lập Ái hữu trong các làng tơ cửi. Điều này chúng tôi đã không làm nổi khi trụ sở Ái hữu thợ dệt Hà Đông còn đặt ở đầu chợ Bưởi ngoài vùng tôi.   
Đất Vạn Phúc đã từng sôi sục phong trào đưa yêu sách của chủ và thợ nghề tơ lụa tỉnh Hà Đông cho thanh tra lao động Gô-đa, ở bên Pháp sang. Rầm rộ nhất là cuộc đi đón Ônen, đại biểu Đảng Cộng sản Pháp. Hầu như cả làng kéo đi.   
Rồi mấy trăm thanh niên Vạn Phúc trói tay mình ra thị xã chống thuế, đứng trước cửa toà sứ...Tiếng đồn những chuyện như thế ở Vạn Phúc, chúng tôi cứ kể truyền đi. Thế mà làng Tây Mỗ còn rầm rầm phong trào hơn nữa..   
Người giỏi như anh Khánh, anh Hiền - anh Hiền mà nói về chủ nghĩa cộng sản và Liên bang Xô-viết thì đêm này qua đêm khác ai cũng còn muốn nghe.   
Các làng La, làng Mỗ và Vạn Phúc đã đứng lên chống thuế.   
Ở ngoài Bưởi, chúng tôi cũng chống thuế, chống phù thu lạm bổ bắt chước Vạn Phúc. Nhưng không sôi nổi hút vào như vùng trong.   
Cái trụ sở lâm thời của hội Ái hữu thợ dệt Hà Đông đã chuyển từ dốc chợ Bưởi vào chợ Mỗ. Tôi và Điều cũng theo vào Cái xe tay bánh sắt lộc cộc chở chiếc bảng gỗ kẻ biển, tôi ngồi ôm cái thành nó.   
Nghề cửi dệt thoi tay hồi ấy đã đổi sang dệt máy “dắc-ca”, đương sầm uất. Làng nào cũng đông vui thợ thuyền.   
Nhưng ở đâu cũng thế, người thợ dệt vẫn chỉ cái quần mài mòn đít trên đòn ngồi. Phong trào Ái hữu lên, chúng tôi hô hào học chữ, có học chữ mới tiến tới được nghiệp đoàn, mới đấu tranh lên "thế giới đại đồng” được. Anh nào cũng ham học chữ. Tôi được thêm chân dạy học. Như ông đồ ngồi bảo trẻ con trong xóm. Nhờ vào tiền đóng học, tôi có lương ăn. Tôi đã đi và ở vài nơi khác, nhưng đi đâu rồi cũng lại quay về ở Vạn Phúc. Vạn Phúc lúc nào cũng sôi nổi, cho mình thấy hăng hái.   
Năm đó, tôi mười bảy tuổi. Từ khi đến Vạn Phúc cũng là thực sự những ngày lang bạt và cảm thấy xa xa cái gia đình u ám của tôi.   
Tôi trọ một nhà đầu cầu Am. Nhưng không thật còn nhớ quang cảnh chỗ cầu Am rẽ xuống làng Vạn Phúc ngày ấy như thế nào.   
Trong tưởng tượng, mờ mờ có một cây đa sần sùi. Những lết trâu cọ mình làm cho gốc cây mòn vẹt như bị ai buộc cho thót lưng lại. Rồi tiếng những bụi tre phờ phạc nghiến ken két dai dẳng suốt mùa đông, làm cho buổi chiều, xám ngắt trông ra các cánh đồng làng La, làng Mỗ càng buồn bã hơn.   
Một câu hát ru con trong vách nhà ai vừa cất lên, như lời đồng dao, cứ ngẩn ngơ và mênh mang ý nghĩa gì không biết.  *Con cò mày đậu cành tre   
Thằng tây bắn súng cò què một chân...*   
Những đêm đi vận động lập Ái hữu, từ vùng Vân Đình trong Bùng ra cầu Am, trời rét buốt đến nỗi những mảnh sao sáng trên trời cũng long lanh nhọn hoắt, như cứng hẳn lại.   
Để tránh giá và cho người ấm lên đỡ rét, chúng tôi hò nhau đẩy hộ những cái xe bò ngất ngưởng chở nón Chuông, chở nồi niêu Canh Hoạch, như cả cái nhà đi nghênh ngang giữa đường.   
Ra tới cầu Am vừa nghe gà gáy. Tiếng gà gáy bạt đi giữa tiếng gió hú, như những chấm đèn đóm vừa nhấp nháy lên.   
Hàng tráng bánh cuốn le lói lửa bếp trong vách. Lão hàng bánh này dậy sớm nhất các nhà. Lão thật khác thường. Lão mặc yếm, búi tóc, chít khăn vuông. Người ta gọi lão là "cô".   
Những người đàn ông "mình cao số nặng" này không lấy vợ đi hầu cửa đền cửa phủ, làm đồng cô, thường như thế.   
Việc đồng bóng là việc của lão, chúng tôi không để ý.   
Chúng tôi chui vào vách ngồi sưởi đợi bánh và trêu lão, đánh cuộc xem lão là đàn ông hay đàn bà, đòi lão cho bóp xem có phải là "cô" thật không. Lão ta làm điệu ngoảy đi, rồi vừa múc bột lên cái vải lọc đặt trên miệng chậu, vừa giả bộ dửng dưng và ư ử đọc những câu không đầu không đuôi, như cách nói *thơ tiên(1)* của những người đồng cô bóng cậu.   
Tôi cũng còn nhớ trên cầu Am có mấy ngôi hàng nước một lò may, hàng cắt tóc và những túp lều nối vách đứng dựa vào nhau của những người đi làm thuê ngoài thị xã Hà Đông suốt ngày cài cửa im ỉm, cứ xẩm tối mới thấy dò về lập loè đèn lửa.   
Bác chủ nhà tôi trọ làm "*cu-ly san*"(2) nhà thương tỉnh.   
Bác gái ở nhà thổi cơm và có khi có người gọi đi làm mướn những việc tạp trong làng.   
Những tối phiên chợ lụa thường đông thợ cửi trong làng ra cho tôi bảo học. Họ dệt cửi băm bổ cả ngày, tối nào cũng lên đèn đầu hôm đến khuya gà gáy sang canh đã lại dậy lao vào khung. Năm hôm quần quật cả đầu hôm gà gáy, chỉ nghỉ mỗi tối ngày phiên. Thế mà tối ngày phiên lại chịu khó ngồi chúi mũi quanh ngọn đèn tù mù học chữ, đọc sách báo.   
Chúng tôi lúc ấy thích hiểu biết, ham chơi, thật hăng và táo tợn. Những cuộc bàn cãi và đọc sách báo ồn ào suốt đêm những cuộc đi chơi lang thang ngoài đường cũng suốt đêm.   
Những việc làm say sưa. Ở Bưởi, chúng tôi chống mê tín tối nào cũng đi trêu những đám lên đồng. Chúng tôi khiêng trộm, bỏ lên đầu chợ những con voi giấy, ngựa giấy hàng mã đầu chợ làm cho các đám làm chay. Lấy chuông, lấy hài, lấy nón trong "rừng ông Cụ" đem treo lung tung các nơi. Thằng Tiếp, thằng Hĩ với tôi, nửa đêm đem cứt trát vào mặt các tượng gỗ vừa đẽo xong ở chùa Ký Bo, ngôi chùa của một nhà giàu. Mạo hiểm, nghịch tinh, thật thích.   
Vào Vạn Phúc, đêm đến, cả bọn kéo lũ lên thị xã, đi rình gây sự với đội xếp. Chân tay lúc nào cũng ngứa ngáy muốn đánh đấm ai đây. Trước chưa giác ngộ chẳng mấy phiên tơ mà người Vạn Phúc không ra tỏ vẻ anh chị ngoài chợ Đơ. Có khi trai Vạn Phúc thách đánh nhau giữa chợ, rồi chung tiền thuê hẳn một chuyến xe hàng đi hơn ba chục cây số vào Bùng, đánh nhau với trai làng ấy rồi lại ra ô tô về.   
Bây giờ hiểu biết rồi, gặp ai cũng châu đầu lại, bàn chống thuế, vào hội Ái hữu, làm cách mạng, lên thế giới dại đồng!   
Những ngày cầu Am sôi nổi, hăng hái của tôi.   
\*\*\*   
Một hôm, Hồ đưa một anh thợ cửi đến cầu Am.   
- Giới thiệu với các đằng ấy, cậu này là cậu Đành muốn học quốc ngữ. Đồng chí Đành cũng giác ngộ giai cấp công nhân như chúng mình.   
Có lẽ cái tên là Đành mà trông anh ta đượm vẻ hiu hiu vậy Thợ dệt vùng gần tỉnh như Vạn Phúc, Nghĩa Đô, khác thợ vùng trong. Tuy lắm khi một xu không dính túi, kiết lõ đít, nhưng chúng tôi ăn mặc vẫn bảnh công tử như thường.   
Các cô thợ tơ bộ cánh hồ lơ, ác lót phin trắng khoét cổ tròn. Những cô không cổ xẻ thì yếm cổ xây, thắt lưng lụa đào và đội nón kinh. Thanh niên hay thắng sơ mi lụa mỡ gà vạt so le, quần gấp nếp ống sớ, - tuy là gấp đầu giường và mặc áo the dài sáu khuy, đầu chải tóc uốn sừng. Một hồi có mốt đi tối cầm ba toong song và cầm đèn "đe mông” hai, ba pin. Còn cái anh cu Đành này, người thấp lè tè, da mai mái. Tấm áo nâu da bò bạc trắng hai vai mồ hôi dầu. Quần buông cạp lá toạ rộng thùng thình, đúng như kiểu cũng quần thợ cửi mài đòn ngồi, phải đụp hai lần vải gốc dầy kệp như mo nang mà bọn thợ cửi vùng ngoài không ai mặc thế nữa. Anh thật thà, chậm, hỏi cái gì mới nói, không ma mãnh, như mọi người quen đi nếm cơm thiên hạ.   
Đành bỏ Bùng ra đây, mới xin được chân dệt trong làng. Anh quen Hợi, Hợi nhờ Hồ đưa đến xin học tôi và đóng tiền vào Ái hữu. Tuy lù đù đụn rạ thế nhưng Đành thích đọc sách báo bao giờ cũng chăm chú nghe bàn cãi về chính trị, ham những chuyện về Liên bang Xô viết, chuyện Mặt trận Dân chủ Đông Dương và Đành quả quyết Ái hữu thợ dệt phải tiến lên nghiệp đoàn thợ dệt Bắc Kỳ gia nhập liên đoàn thợ dệt Đông Dương... Anh đã đọc, viết được, tôi bảo học đỡ khó nhọc.   
Mấy cậu thợ cửi ngoài này, tán như khướu, diện ngất, nhưng học buổi đực, buổi cái a, b, c..*.* ra rả như cuốc kêu mà chưa sang được vần trắc. Rồi lại biết Đành đã đi trong đoàn thể thợ dệt Hà Đông ra Hà Nội dự mít tinh 1 tháng,5 ở nhà Đấu Xảo Đành hay đến báo *Tin Tức* nghe các anh toà báo nói chuyện.   
Đành không phải vừa.   
Chúng tôi hy vọng Đành sẽ là tay hoạt động. Ái hữu phát triển đang cần người. Như thế, dần dần, trông Đành thấy mất vẻ quê kệch mà đã là người đứng đắn, kín đáo.   
Một hôm, Điều sừng sộ đến. Vừa thấy mặt tôi, đã chửi:   
- Mẹ cái thằng Đành!   
- Gì thế?   
- Thằng ma bùn thế mà thằng Hồ dám tha nó ra đây.   
- Thế nào?   
Điều vẫn dóng một:   
- Nó làm phềnh bụng con nhà người ta rồi nó cõng nhau đi.   
Tôi hơi hiểu.   
- Ồ, mà trông cái thằng đù đờ.   
- Mày đù đờ thì có? Nó ôm gái đến ký ngay cạnh nách mà không biết.   
Quả thật, tôi cũng để ý có một ả vừa đến ở gian trong ngôi hàng nước sát vách nhà này. Nhưng không ngờ...Chúng tôi đâm ra bực thằng Hợi, thằng Hồ - những đứa đưa Đành đến. Cái thằng Hồ lơ mơ bao giờ cũng đoảng vị.   
Tôi biết Hồ cách đây ít lâu. Vùng tôi năm ấy chớm có phong trào thanh niên. Chúng tôi thích tìm bạn, kết bạn. Ở Nghĩa Đô không có cơ sở cách mạng cũ, nhưng khi trào lưu bình dân đưa những tư tưởng mới đến, thanh niên bắt rất nhậy. Chúng tôi thèm nghe những chuyện xa lạ, những lý luận mới, những tin tức thợ thuyền, dân cày hoạt động và tình hình thế giới - tất cả những gì khác cái tẻ nhạt, cái khốn đốn cái ốm mòn thường ngày.   
Hồ mặc áo "tanh quát"(3) trắng. Người dong dỏng dáng nghiêng nghiêng, gầy gầy. Chúng tôi thì thầm đoán Hồ là một người chính trị cao và bí mật. Hồ hay nói chủ nghĩa cộng sản. Nhưng cũng lại hay bàn kinh Phật và nói về chùa chiền.   
Hồ hay ngâm bài thơ *Trường tình* của Tchya, giọng buồn não nùng... *Gặp em đêm ấy em xinh thắm. Em mỉm cười duyên với thế gian. Cảnh đổi nước trôi em vẫn trẻ. Cái già như sợ cái hồng nhan...* Ngày nào anh cũng đi, nhưng đi đâu, đến đâu không ai biết. Mỗi lần gặp anh lại thấy một cái lạ mình chưa hiểu. Và anh cũng khéo giữ lâu với mọi người cái vẻ khác thường ấy. Lúc đầu chúng tôi rất phục. Rồi tôi cũng được vài lần đi lông bông với anh. Những cuộc đi kỳ quặc, tôi theo anh, lòng hồi hộp, kính cẩn "tầm sư học đạo”. Khi đã đi với anh mấy chuyến, mới nhận ra rằng dù đi đâu, xa tận tỉnh khác, Sơn Tây hay Bắc Ninh, lần nào chúng tôi cũng tìm đến chui vào nhà người mõ đầu làng.   
Những nhà mõ tiếp đãi chúng tôi rất quý, có khi thịt gà cơm rượu cẩn thận, ở nhà mõ này vài bữa, chúng tôi lại sang nhà người mõ khác, làng khác, vùng khác.   
Tôi biết Hồ là người quê Đốc Tín - làng Đốc Tín gần chùa Hương, có tiếng là làng nhiều người thường bỏ quê đi thiên hạ làm mõ kiếm ăn. Người ta lại bảo rằng đất Đốc Tín có cái hèm, chi họ nào cũng phải có người đi ăn mày, đi làm mõ thì trong họ mới khấm khá được. Chẳng biết có phải thế không chỉ thấy có người đi làm mõ, rồi kiếm ăn được, lại buôn bán ngoài Kẻ Chợ giàu có, đem tiền về tậu ruộng, làm nhà ở quê.   
Như các cụ nhà bà Niêm Mõ được gọi là hiệu buôn Tín Mỹ (Đốc Tín Mỹ Đức) người thiên hạ đến làm mõ rồi sinh cơ lập nghiệp ở vùng tôi.   
Người mõ trong làng vốn bị khinh thường nhất mà nhà mõ lại có khách, có "cậu Hồ" mặc áo "tanh quát" vai vuông long đình đến chơi thì nhất định là gà qué phải lăn ra rồi.   
Cũng dần dần, tôi nhận ra Hồ có nhiều cái trái ngược, vẫn khó hiểu. Hồ hay nói về xã hội và thế giới. Anh cắt nghĩa cho chúng tôi nghe Ái hữu khác nghiệp đoàn thế nào. Nhưng anh không hoạt động Ái hữu. Anh giải thích về ngày quốc tế lao động mà anh lại không ra Hà Nội biểu tình ngày 1 tháng 5 ở Đấu Xảo. Anh bảo anh viết sách chính trị. Tôi chưa thấy đâu chỉ biết anh viết cho chùa Hương quyển *Trỏ nẻo chùa Hương* quảng cáo, giới thiệu cảnh đẹp với khách chơi chùa. Không rõ có phải anh viết thuê cho nhà chùa không. Anh hùng hồn đọc thơ của Hồ Xanh đăng trên báo *Tin Tức,* nhưng anh cũng thuộc bài *Trường tình* lâm ly. Hồi ấy, chúng tôi cũng thường gặp có những anh chàng bí hiểm và phất phơ "rũ áo phong sương" như Loan Dũng trong tiểu thuyết Nhất Linh và những thằng cha xưng là đệ tứ quốc tế cứ hùng hục, cứ hung hăng, mặt đỏ đòng đọc, cái gì cũng chửi tuốt.   
Những thanh niên thích hành động đương háo hức như chúng tôi dần dần nhìn Hồ một cách chế diễu. Chúng tôi đã hạ xuống gọi anh là "thằng Hồ". Tuy vẫn quý, nhưng anh đã hết thiêng.   
Lại lần này. Nhưng giá thằng Điều có bực lên mà chửi đánh Hồ thì cũng thế vậy. Cái khó là phải lo thế nào việc thằng Đành đây. Bởi đối với Đành, lại khác. Chúng tôi đã quen, bắt đầu mến. Đành là thợ cửi giỏi, rất tốt, chắc chắn hiểu biết, chăm học, chịu khó. Đành là một người tin cậy được Chúng tôi thương Đành. Nhưng việc này rồi thì rầy rà.   
Chúng tôi thường bàn nhau phải giữ cho đoàn thể Ái hữu trong sạch, không tai tiếng, cả làng cả vùng phải phục, có thế mới dúng tinh thần giai cấp công nhân như các anh ở toà báo *Tin Tức* thường nói. Thế mà xảy ra việc này? Chưa biết sao nhưng ai nấy đều tưởng rồi sẽ lôi thôi, những lôi thôi khác sự doạ nạt của lão Nguyễn Hữu Trí, tri phủ Hoài Đức hôm chúng tôi vào xin phép lập hội Ái hữu. Chúng tôi lo...   
Vào những chiều tối, cả xóm cầu Am bao phủ cái rét xám ngăn ngắt. Trong nhà bên, đi ra một người con gái, đầu tùm hụp chiếc khăn vuông lấp xuống gần kín mặt. Thế mà cơ hồ chưa yên tâm, sợ người ta có thể giằng ra xem mặt, người ấy còn đưa một bàn tay xanh rớt lên giữ cổ áo. Tôi đoán đấy là ả người yêu của Đành. Ả đi rờn rợn như ma đi trong câu hú của trẻ gọi ma, khi mặt trời đã lặn: *Mặt trời đã lặn, chó cắn đã khuya...* Ảđi đâu, ả tìm Đành hay ả đi ra bờ ao nào, ngồi than khóc. Đến lúc ả về, trời đã tối hẳn, tôi phải nhận mãi mới ra cái bóng đen lủi thủi nhoà vào bóng tối.   
Nhưng sao trông bụng cô ta không khác. Ả chửa hoang cơ mà. Có lẽ vì cô mặc tấm áo dài vải đồng lầm, thắt vạt quả găng, lại thêm cái chiếc áo bông lửng, thêm nữa, mớ thắt lưng nhiễu mộc chuội hoa cau loè xoè ngoài cùng. Tuy nhiên, cái dáng len lét vội vã đi như phải đội xếp đuổi, và nước da xanh nhợt sắp đem nhuộm nghệ được kia đã phơi bầy sự thể thế nào rồi. Lại có lúc tôi cho là chúng nó đoán mò. Sao người chửa mà bụng không to?   
Thế rồi, những việc rắc rối cứ dần dần xảy tới. Ngày kia tôi thấy ở nhà bên có thêm một bà, trông dáng dấp và váy áo như mấy bà trong Bùng vẫn đeo tay nải lụa ra chợ Đơ. Tấm áo sồi nâu với hai vạt túi cứng cành cành bên cái hầu bao đũi tơ sống xùm xoè trên tấm váy nái rườm rà đủ mười vuông vững chãi. Dầu cho đấy là người có năm khung cửi mười mẫu ruộng, ra chợ chưa bán hàng mà tiền giắt theo đã chặt hầu bao thì cũng quê kệch cục mịch khác người nghề tơ cửi tỉnh thành ngoài này.   
Thằng Hợi đã dệt cửi ở Bùng, nó biết bà ấy là mẹ lão lý đương, nhà giàu nứt đố đổ vách. A, mẹ lý đương. Hay là mẹ đi tìm con. Ả kia là em gái lý trưởng làng Bùng. Chẳng lẽ thế ư? Nếu không thế, bà lão ra đây làm gì?   
Không biết bà ấy đến từ hôm nào. Có một hôm, tôi tình cờ ra sau nhà, mảnh sân sau vừa bằng sải chân, che phên kín trên vừa bếp vừa làm cầu rửa, tối mò một đường cống tháo xuống ao thông luôn suốt mấy gian. Tôi nghe bên sân nhà hàng nước có tiếng thút thít khóc.   
Người con gái đương ngồi trước mặt bà lão. Ở trong nhà người con gái ấy chít khăn vuông. Trông mờ mờ khuôn mặt trắng trẻo, rõ ra gái nghề canh cửi, quanh năm không bắt mưa bắt nắng. Con gái các làng dệt, nức tiếng tay chân trắng như ngó sen. Bởi các cô chỉ ở trong nhà tối ngày quay tơ, đánh suốt, mắc cửi, đến phiên chợ lụa đeo đẫy hàng đi chợ. Gái nghề nông chân lấm tay bùn bao giờ cũng thèm, cũng ghen với cái nhàn hạ tưởng tượng của các cô làng tơ cửi.   
Một hôm khác, tôi lại trông thấy người mẹ ngồi trước mặt con. Hai tay người con gái bưng cái gì tựa cái chậu - đúng, cái lon da lươn, như lon cho vịt. Hai mẹ con ngồi trong bóng tối nhạt nhẽo âm sâm từ bao giờ, tôi không biết lúc ấy người con gái cúi mặt, khuôn mặt trắng xanh, bợt như giấy và cả hai mảng tóc rẽ đường ngôi cũng xoã ra che kín cái lon. Người con gái vục mặt như thế một lúc thật lâu, cho đến khi buông cái lon, ngẩng lên, hầu như hai tay cùng quăng rũ xuống đất còn người thì lờ đờ ngất ra, ngã vào vách. Người mẹ vẫn yên lặng, mặt nghiêm như đá.   
Hôm sau tôi rón rén nhòm sang, chứng kiến lại nguyên cái cảnh ấy.   
Có hôm, đã tối, vẫn còn thấy người con gái bưng cái lon rồi vục mặt xuống. Người con gái cứ uống ừng ực hàng lon nước như thế uống hàng lon như thế, không biết ngày mấy lần. Mà lần nào người mẹ cũng ngồi trước mặt trông cho con uống, lạnh ngắt, như tượng, như người ngây.   
Có một lúc, người mẹ cúi cúi, loay hoay cởi thắt lưng con cởi hết lần ngoài, cả hầu bao, và bên trong vẫn quấn bao nhiêu lần gì nữa. Rỡ ra, đầy một đống dây dợ, lùm lùm trước mặt. Người mẹ sờ hai tay vào nắn bụng con gái. Một lúc, bà lại buộc bụng lại cho con. Bà ném gá một đầu thắt lưng vào cột, rồi bà đứng vổng lên, đè ấn cả người xuống như néo cửi làm cho cái lằn thắt lưng người con gái thít lại, thít chặt ngang bụng. Lúc ấy, người con gái cứ dưới lên, có lúc tay cũng nén ấn vào bụng, có lúc đau quá, quờ quạng quào quào vào vách phên nứa, tiếng nức nghẹn trong cổ. Người mẹ vẫn lẳng lặng thít qua thít lại, buộc cẩn thận mấy chục vòng quanh bụng con, cuối cùng mới nhẹ nhàng thắt đến cái giải yếm, cái hầu bao cái thắt lưng nhiễu loè xoè ngoài cùng.   
Mỗi ngày, ngày nào mẹ cũng rỡ thắt lưng ra nắn bụng nén bụng con gái như thế. Và hàng ngày người con gái uống hàng chậu, hàng chậu nước cho ra thai như thế.   
Thằng Điều nóng tính hăng hái, cái gì cũng muốn tức khắc. Anh em hay chế nó tính hăng máu vịt tờ rốt kít. Nó sốt ruột, kêu: "Cứ ngồi bàn bạc với tiểu thương, tiểu chủ thế này thì đời nào lên được thế giới đại đồng. Nếu đứa nào nói: "Mày là thằng tờ rốt kít", nó tống quai hàm ngay. Nó bảo nó cũng ghét bọn tờ rốt kít hay nói phét.   
Trong việc này, Điều lại sôi nổi:   
- Chờ anh Hiền về thì lâu quá.   
Nhưng nếu không chờ anh Hiền, cũng không biết làm thế nào?   
Từ hôm người mẹ trong Bùng ra tìm được đến tận nơi, thằng Đành không dám dàn mặt bà lão, cứ chặp tối nó ở trong làng ra đón đường gặp ả nọ ở đầu xóm.   
Rồi Đành đến khóc với chúng tôi. Chúng tôi bối rối thương bạn. Làm thế nào nghĩ được cách giúp cho Đành dứt người con gái ra khỏi tay mẹ rồi cõng nhau trốn biệt đi. Hay thuyết phục thế nào để bà lão nhà giàu gả con gái cho Đành.   
Biết trước là không ăn thua, ai cũng ngại. Còn trốn đi ư, cái khó bó cái khôn, không đứa nào trong túi có nổi một xu. Tôi cũng chỉ hơn anh em một dúm chữ, chứ tôi còn kiết hơn tất cả.   
Cứ bàn rồi lại thôi, chẳng xoay chuyển gì được.   
Điều nói:   
- Tao nghĩ phải vào việc mới xong.   
- Vào việc thế nào?   
- Vào việc mẹ con nhà ấy.   
Chưa ai hiểu.   
- Chúng ta sẽ thuyết phục cho mụ già trọc phú này hiểu được tình hình thế giới, phải biết rằng thời buổi này chủ nhà gả con gái cho thợ dệt là một việc cách mạng, không có gì xấu.   
- Nghe được đấy.   
- À, thế là ăn thua, có phải không? Rồi chúng ta sẽ làm nhà trai, đứng ra xin cưới cho thằng Đành. Đám cưới không mất một đồng gẫy. Một đám cưới hoàn toàn mới.   
- Hay đấy!   
Thật tình cũng chưa ai hiểu cái hay cái dở trong mưu kế của Điều. Nhưng cứ thấy nói sẽ đi thuyết lý, đi giảng giải, thế là đứa nào cũng hăng hái. Chúng tôi thích tranh luận, thích cãi cọ thích thuyết lý. Ở đâu có như thế, tìm đến ngay. Người nào cũng háo hức mong mỏi một sự giải quyết gì ngoài cuộc sống này, tâm lý chung của chúng tôi.   
- Sang luôn bây giờ nhé. Tao với mày thôi à?   
- Tao với mày thôi. Cú đầu thế đã, rồi còn nghe, mới kế hoạch tiếp tục. Ta cứ làm tự nhiên, đừng nói cho Đành biết vội.   
Chúng tôi sang ngay. Ngôi nhà hàng nước hàng xóm, lèo tèo trên mặt chõng dăm nải chuối trứng cuốc, một xâu bánh gai, nồi nước chè tươi ủ trong cái khố tải, sau lưng bờ đất thấp, đặt ngang mảnh vầu làm ghế khách ngồi.   
Bác hàng nước ấy với mẹ con bà trong Bùng kia vốn chẳng phải họ hàng bàng sang với nhau. Vợ chồng bác hàng nước chỉ "cứu nhân độ thế” mà chứa "cái của nợ" ấy. Nhưng cũng phải tốn kém đấm mõm nhiều mới được, chắc vậy.   
Chúng tôi vào thẳng ổ rơm trong bếp. Bác hàng nước mau miệng, đon đả:   
- Các anh ấy sang chơi, bà ạ.   
Người mẹ quay mặt, vái ra:   
- Con lạy chư ông...   
Điều nói luôn:   
- Chúng tôi sang thưa với bà về việc anh Đành.   
Rồi Điều trổ một thôi những lý nhẽ dông dài mà cứ trông cái cung cách hai người chịu chuyện cũng biết chẳng ai hiểu gì cả Người con gái ngồi tựa vách nứa, không ngẩng mặt.   
Trông bóng gian nhà âm thầm, thấy lù lù biết chỗ ấy có người mà thôi. Còn bà già cứ như người dở điên, dở dại, vừa chắp tay lạy, vừa mếu:   
- Thằng Đành nào kia ạ? A thằng Đành ăn cháo đái bát ấy à? Thằng Đành nó giết cả nhà chúng con. Thằng Đành rồi thì tù mọt gông. Cắn rơm cắn cỏ lạy chư ông, chư ông tha cho mẹ con nhà con.   
Câu van xin ấy đay đi đay lại, giọng cầu khẩn mê muội ngẩn ngơ như lên đồng, mà cái ý nghĩa thật của câu nói là một lời rủa ráy đau đớn độc địa đến thối xương.   
- Thằng Đành giết cả nhà chúng con.   
- Thưa bà, thời thế ngày nay, xã hội đấu tranh giai cấp.   
Bà lão lại nhắm mắt:   
- Con cắn rơm cắn cỏ lạy chư ông.   
Như bà lão dương van lạy bọn cướp đã lọt vào nhà. Sợ hãi cay đắng lẫn lộn với sự thù hằn quyết liệt khiến bà lão u mê sắp phát rồ. Bà lão cứ vừa van nài vừa rủa xả liên liền như thế, chúng tôi không chen được hết một câu. Sau cùng, sốt ruột, bực bội, không nhẽ cứ ngồi trơ ra đấy, hai đứa lẳng lặng ra.   
Mọi dự định đều tắc tỵ. Người con gái nọ vẫn hàng ngày uống ừng ực hàng lon lá lẩu gì đó cho ra thai. Lại càng uống nhiều, uống gấp hơn trước. Bà lão cởi thắt lưng nắn bụng con rồi lại gò người lên, thít bụng con lại. Không dám kêu, người con gái quằn quại, chới với, tay quơ lên vách.   
Bác chủ trọ nhà tôi và bác hàng nước chốc chốc lại sang thì thào với nhau. Họ không nói với bọn tôi. Nhưng những con mắt phân vân nhìn cũng như thông cảm sao đó với tình bạn và nỗi khó khăn của chúng tôi.   
Câu chuyện kín đã bắt đầu hở. Người ở cầu Am và người trong làng ra, ai đi qua cũng có ý ghé nghiêng hoặc tạt vào vờ mua bát nước. Lão đồng cô tráng bánh lân la sang ngồi bỏm bẻm nhai trầu. Cả cái xã hội con con ở đây tò mò như muốn rỉa rót bươi câu chuyện xấu ra.   
Tôi giữ ý không nói với Đành. Nhưng Điều bộp chộp đã kể lại tất cả. Đành chỉ khóc. Điều lại càng cáu. Không làm gì được ai, trông thấy Hợi, nó quát: “Mày phải đem thằng Đành đến tận mặt con mẹ ấy mà tế cho nó một mẻ! Cười trừ à? Đồ hèn! Phải rủ cả thằng Hồ đến tranh đấu nữa!”   
Giữa lúc ấy, Hồ nghiêng nghiêng vai áo "tanh quát", bước vào, Điều hét lên:   
- Mày tha thằng Đành đến đây, mày phải ở đây cùng chúng ông tranh đấu cho nó.   
- Gì mà rối lên. Phải có phương pháp...   
- Phương pháp của tao là hô hào anh em Ái hữu thợ dệt làm mít tinh chống hủ tục, vạch mặt mẹ giết con. Thuyết không được thì phải tranh đấu. Mày lại sắp bàn ngang chứ gì?   
Hồ lúng túng:   
- Được rồi, phương pháp...   
- Phải mít tinh, phải lên đả đảo.   
Tôi nói:   
- Việc vận động anh chị em thợ ta phải đợi anh Hiền về không được nóng nảy.   
Tôi đã gạt đi như thế. Tôi nghĩ, không thể bạ gì cũng mít tinh được.   
- Bàn với anh Hiền đã.   
Điều có dịu. Còn Hồ bám lấy lối thoát thân quen thuộc khen tôi nói phải. Tuy Hồ vào hùa với tôi, nhưng tôi lại khó chịu vì cái ý trốn tránh của Hồ mà ai cũng thừa biết. Tôi mát ruột nghe Điều quay ra văng tục, chửi Hồ. Tưởng Hồ giận nhưng Hồ chỉ cúi xuống lấy cái điếu cày. Và trong lúc ngửa mặt lên thở khà khói thuốc lào. Hồ cất tiếng rên rỉ câu thơ mà anh hay ngâm:  *Lệ non tưới mãi bể tình   
Mắt xanh khóc mãi ngày xanh cũng mờ.*   
Rồi vừa ư ử thế, Hồ đã xốc vạt áo "tanh quát", đứng lên đi thẳng.   
Chúng tôi nóng ruột đợi anh Hiền về. Không phải chỉ bàn chuyện Đành. Hồi ấy, những ngày 1938 sôi nổi đã qua. Chiến tranh thế giới chống phát xít đã nổ ra rồi - dù rằng đến phút cuối cùng, sứ thần Nhật Bản mang cờ hoà bình giả, giở đòn bịp đi ngang Sibêri sang châu Âu thuyết khách, lừa cho thế giới tưởng phát xít cũng chỉ muốn yên ổn hoà bình.   
Ngày đêm bàn bạc chính trị mà chúng tôi không biết Đức nổ súng tiến vào Ba Lan lúc mấy giờ, ngày nào. Nhưng chiến tranh châu Âu đã nhanh chóng phả hơi độc sang đây và cứ liếm dần vào đời sống con người Đông Dương - thật đen tối thật khốn khổ. Tơ lụa Hà Đông trước kia, nơi tiêu thụ chính là ở Nam Kỳ. Bây giờ tàu hoả vào Sài Gòn nghẽn, rồi tắc. Nhà binh Pháp, nhà binh Nhật sung công hết tàu hoả. Tơ Tàu bên Quảng Đông cũng không sang được. Những ngày chợ tơ đông vui đã tàn. Các nhà giàu Hàng Ngang, Hàng Đào Hàng Gai buôn lụa, buôn tơ bấy lâu nắm cái sống của các làng tơ cửi, bây giờ chuyển vốn sang buôn gạo, buôn xi măng và dây thép gai bán qua biên giới phía bắc cho Tưởng Giới Thạch trên Trùng Khánh. Phiên chợ Đơ, người đeo đẫy vào chợ, dù cho lụa tốt mấy, lái buôn cũng cứ đo nát hàng ra rồi trả lại. Vài ba phiên hàng ế, thế là những nhà một hai khung cửi vỡ nợ, trắng tay.   
Khắp các làng, từ Bùng ra Mỗ, La, Vạn Phúc tới vùng Bưởi Cầu Giấy, công việc cạn như ao mùa đông kiệt nước. Thợ cửi thợ tơ chạy nháo đèn cù đi moi việc, dào việc, càng khan việc.   
Đám anh em thợ cửi đói việc bỏ đi vãn trông thấy. Cái bảng *Ái hữu* treo trong chợ Mỗ tự dưng bị đội xếp thị xã vào vác đi mất. Giá bây giờ là năm trước, chắc đã đánh nhau.   
Nhưng tình thế đã khác. Bây giờ lính Tây ở thị xã đeo súng lắp lưỡi lê đi tuần đêm thay đội xếp ta. Toà báo *Tin Tức* ngoài Hà Nội bị đóng cửa đã lâu rồi. Không còn chỗ đi lại, hỏi han nữa. Ai cũng ngơ ngác.   
Thằng Điều đã nói đến chuyện bỏ đi đâu đi đâu. Anh đồ Địch trong Vạn Phúc, nhà Điều dệt cửi, chỉ còn vốn mắc cửi ngắn, dệt ba ngày đã vét cuốn cửi. Rồi Điều xuống Hải Phòng vào sở mộ phu đi Nam Kỳ. Còn Hợi, tự nhiên thấy ăn tiêu ung dung hơn mọi khi, không hiểu tại sao. Có bận, tôi chưa đưa được tiền ăn đầu phiên chợ cho bác "cu-li san" chủ nhà Hợi mở cái ví da rắn vằn vằn mới sắm, rút một tệ bạc, lấy hai đồng cho tôi. Một lần khác. Hợi cho tôi hẳn tờ *con công(4)* mới.   
Hợi dặn:   
- Đem ra chợ Đơ mà đổi. Nhớ đổi ở chỗ đông.   
Tôi nhìn lại tờ bạc rồi hỏi khẽ:   
- Giấy giả phải không?   
- Không phải.   
Nói xong, Hợi lấy tay ấp vào miệng tôi.   
Sự thể gay go đến nơi rồi. Cuộc sống xung quanh đều trở nên hốt hoảng, không cứ gì việc thằng Đành.   
Chờ anh Hiền về xem nào.   
Anh Hiền đã trở nên một mong mỏi và chờ đợi của mọi người. Anh Hiền không có chân trong ban “lâm thời Ái hữu”.   
Nhưng chúng tôi tin một cách tự nhiên và nghiễm nhiên coi anh là người chỉ bảo cho chúng tôi. Bởi vì anh Hiền là chính trị phạm. Những người chính trị phạm ở các nhà tù được tha về thời kỳ ấy, trong con mắt háo hức của những thanh niên mới lớn ham hiểu biết là một hình ảnh thiêng liêng. Chúng tôi hay đọc đi đọc lại những câu thơ không biết thơ của ai nhưng thật đã tỏ nỗi lòng và mơ ước mênh mông của mình:  *Từ thuở quăng thân vào gió bụi...(5)   
Quang thân vào gió bụi...   
Gian nan cách mạng gió bụi đường đời!*   
Anh Hiền vẫn chưa về. Chúng tôi biết anh đương đi làm công việc bí mật. Từ khi có chiến tranh châu Âu, anh thường hay đi vắng lâu.   
Xẩm tối, bác hàng nước bên cạnh sang, thì thào bảo tôi:   
- Bà ấy nhắn cậu sang chơi.   
- Tôi à?   
- Phải.   
- Liệu bà lão có xiêu không?   
- Biết được - Thế bác có vun vào hộ thằng Đành không?   
- Nhưng mà...   
- Sao?   
- Thôi cậu cứ sang thì biết, sang ngay nhé.   
Tôi sốt sắng sang luôn, ờ, sao những chuyện buồn khổ đời người lại hay xảy ra vào lúc chiều chiều thế này. Bóng tối mờ, cái xó bếp có người ở mà cứ lạnh như không. Tôi lại thấy người con gái ngồi một kiểu như từ mấy hôm trước vẫn ngồi nguyên thế, ở trong xó, mặt gục xuống đầu gối.   
Người mẹ cất tiếng hỏi tôi:   
- Anh đã sang à?   
Giọng bà khác hẳn. Cũng một tiếng nói của bà già hôm trước, một người cố chấp đến ghê người, bây giờ vẫn bà già ấy, mà khác hẳn, dịu dàng, mềm mỏng, yếu ớt...   
Bà vờn vỡ tôi:   
- Anh ngồi xuống. Tôi hỏi thăm các bác ở đây, tôi cũng biết gia cảnh anh rồi. Bây giờ, nói gần nói xa, chẳng qua nói thật, tôi cho anh con Bảy đấy.   
Tôi chưa kịp đôi hồi thế nào, bà lão cứ lặng lẽ, đều đều nói tiếp:   
- Nó là cái út nhà tôi. Nói để anh biết, anh em nó đều làm vô làm việc, nên ông nên bà cả. Rồi vợ chồng anh muốn làm ruộng, tôi lo cho ruộng, hay muốn bay nhảy chợ búa tỉnh thành tôi bắc cho một khung, hai khung cửi. Anh thích trông nom nhà cửa hay muốn ngồi bảo học ở ngay làng nhà. Anh lý đương nó bảo ban thu xếp cho. Anh muốn thế nào cũng được.   
Tôi thật sự lúng túng về những lời mặc cả rành rõ, đầy đủ, thật khêu gợi, và đột ngột. Bà lão mỗi lúc một rì rầm khẩn khoản:   
- Anh ơi, anh rửa mặt cho chúng tôi. Tôi nói có quỷ thần hai vai, cứu nhất nhân đắc vạn phúc, anh thương mẹ con tôi anh thu xếp đi. Ngày mai vào chợ tỉnh mua bán sắm sửa đến chiều ta ra xe ô tô hàng về, anh ạ.   
Người con gái vẫn ngồi nguyên như thế giữa cuộc đặt giá.   
Tôi nghĩ làm thế nào bây giờ? Tôi choáng cả người. Trong cái xã hội mà nén bạc đâm toạc tờ giấy, nhà giàu và đồng tiền lúc nào cũng trói người ta, từ trong cách đối xử với nhau hàng ngày tới mọi thói quen, thì một con người đương bơ vơ vơ vẩn như tôi, bỗng dưng đương thằng nên ông, có nhà ngói cây mít có của ăn của để, có ngôi thứ, và cái chuyện lấy vợ chửa sẵn thì cuối cùng chỉ đem tiền ra bôi son đánh phấn là xoá đi được tất cả, êm đẹp tất cả. Cái hoàn cảnh vừa hiếm lại vừa dễ mà biết bao người rỗng túi thèm nhạt bỗng bắt được của rơi.   
Có thể tắc lưỡi được.   
Còn như cái lý tưởng mà tôi đang mơ ước, thật sôi nổi mà cũng thật mênh mang góc biển chân trời trong khi hàng ngày chỉ kiếm sống trợ thời này thì sao. Nghe miên man lắm. Bác gái "*cu-ly san*" thổi cơm cho tôi, mà việc Ái hữu bác ấy thường cho là chuyện đàn đúm trai gái và chuyện thiên đường âm phủ đâu đâu. Thường ngày, bác khuyên nhủ, như rỉa rói tôi:   
- Cậu mà cứ ngồi a, b, c giắt dê đi ỉa giống ông đồ vườn thế này thì dài lưng tốn vải thật, cậu ạ. Cậu phải đi dệt cửi hay cậu có dăm ba chữ như thế, dại gì mà chúi xó ở đây.   
Ngày nào bác cũng nói đi nói lại như thế.   
Tôi ở trọ đây với Điều. Thằng Điều dệt cửi trong nhà anh đồ Địch. Anh đồ Địch vừa thích cách mạng cũng vừa hay thơ. Thỉnh thoảng, cứ gà gáy nhà hàng đầu cầu Am giết lợn đi chợ, anh ra mua lòng tiết canh về dựng chúng tôi dậy đánh chén, gật gù ngâm thơ "thời thế". Tuy vậy, ăn cơm chân liền ở đấy thì không tiện, Điều ra trọ với tôi ở nhà bác "*cu-ly san*".   
Điều phục phịch, tôi thì mảnh khảnh. Lúc đầu, bác chủ nhà khen tôi tướng học trò. Sau thấy tôi lẻo khoẻo mà lại ăn nhanh ăn khoẻ, bác đặt tên tôi là cậu "gầy thầy cơm". Bác trai làm cu-ly nhà thương mỗi bữa xoáy về một miếng xà phòng giặt dở. "Nếu cậu được chân thầy ký hay loong toong thì lấy được nhiều thứ của Tây chứ không phải chỉ miếng xà phòng đen thế này đâu” *-* Bác gái bảo thế. Tính bác gái vừa vui vừa lắm nhời.   
Mỗi phiên chúng tôi đưa tiền ăn, mọi việc vẫn như thường. Duy cái điều bác hàng ngày vừa khuyên bảo vừa diếc móc kia gây cho tôi những day dứt và tôi càng đo được đồng tiền phân bạc cùng cuộc sống bấp bênh còn so le bao nhiêu với những hy vọng của tuổi trẻ mà chúng tôi mong mỏi.   
Những ý nghĩ buồn bã chỉ thoáng qua. Bởi vì lòng tôi chứa chan tình bạn đối với Đành. Lý tưởng và những mơ ước của tuổi mười tám đương rạo rực thật cao, thật xa, những rắc rối, quanh quẩn lèo nhèo thế này không thể đem so sánh được.   
Tôi đứng dậy bước ra.   
Tôi không nói lại chuyện ấy với Đành. Tôi sợ Đành tủi.   
Hôm sau, Đành đến, nước mắt ràn rụa:   
- Nó đau bụng lắm, chết mất, anh ơi!   
Tôi nói cho Đành yên lòng. Tôi bỗng xót xa, thương yêu Đành hơn hẳn mọi ngày. Tôi nói: "Yêu nhau thì phải lấy được nhau. Người thanh niên có tư tưởng không chịu để phong kiến bóp cổ”. Tôi nói cứng thế, nhưng trong lòng cũng dường như còn cái gì khó nói, cái gì phải chống trả chứ không mỗi chốc đã khước từ, đã bỏ qua ngay được. Những điều ấy đương dày vò cả chính mình.   
Câu chuyện tự dưng dính tôi vào đấy lại trở thành xích mích giữa hai người hàng xóm. Bác hàng nước thậm thọt sang thì thào với tôi, bác "*cu-ly san*" ghét lắm. Về việc này mỗi bác một ý.   
Bác "*cu-ly san*" bảo:   
- Có chữ, có mẽ như cậu, quơ đâu chẳng được vợ, dại gì phải ăn thừa lại mang tiếng cướp vợ người ta. Này cậu bảo thật, cái giống chửa hoang này nó cũng như đứa ăn vụng ăn một lần rồi quen thân ăn mãi, chết cũng không chừa đâu.   
Bác hàng nước thì nói:   
- Tôi tính chẳng mất đi đâu, cậu ạ. Danh giá có, tiền của sẵn, ta như người đi đường nghỉ chân, hãy cốt lấy chỗ dựa đã. Phấn xoa mặt rồi phấn xoa chân cũng thế. Sau này có tý toáy món của chua vợ lẽ thì có quyền, chẳng ai nói vào đâu được.   
Bác "*cu-ly san*" cười mũi nói chua:   
- Người ta thu xếp khéo nhỉ!   
Bác hàng nước như không để ý, vẫn tính toán trước mặt tôi.   
Về trong ấy, cưới xin xong lại cho nhà nó ra đây. Trơn lông đỏ da rồi mới về hẳn, còn đứa hài nhi để tôi nuôi làm phúc cho.   
Bác *"cu-ly san"* hỏi kháy:   
- Cậu để người ta thu xếp cho thế có được không?   
Tôi gai người nghe những tranh cãi, tính toán, sắp đặt số phận con người thành từng đồng bạc, từng việc. Tôi đâm ngại cả mỗi lúc bác hàng nước sang, cũng như khi nghe bác "*cu-ly san*" mát mẻ người láng giềng. Tôi càng sợ cứ đôi chốc, phía phên vách lại vẳng nghe đến rợn gáy tiếng người ỳ ọp vừa thở vừa uống những lon thuốc, trong khi tôi tưởng cũng đương nhúng tay vào tội ác ghê gớm này. Tôi không dám nhìn sang, nhưng không thể nào ngơ đi. Có nhắm mắt, có bơ đi thì trong óc tôi cũng thấy hiện lên cái người mẹ tai ác cởi thắt lưng bụng con, rồi một đầu buộc ghé thắt lưng vào cột, bà đè cả người xuống để thít thật thẳng bụng con lại và người con gái đau quá, cứ dưới lên, hai tay chơi vơi quào vào vách.*.* Mà ngoài kia là cả một trời đất bao la âm u, những con người “có tội” ấy không biết chạy trốn vào đâu được.   
Giữa lúc ấy, có người của anh Hiền mang về một bó truyền đơn in thạch. Từ hôm đội xếp vào rỡ cái bảng Ái hữu ở chợ Mỗ, anh Hiền đi chưa về. Chúng tôi mang máng cảm, thấy một tình hình mới, vừa sốt ruột chờ đợi, vừa hoang mang và đến hôm nay, trông thấy tờ truyền đơn của Mặt trận dân tộc phản đế, bé bằng bàn tay. Truyền đơn phân tích thực dân Pháp ở Đông Dương, ngoài mặt làm bộ cứng, nhưng bên trong nó hèn hạ, đã xẻo đất Cao Miên cho quân phiệt Xiêm và nó lại đương sửa soạn quỳ gối dâng Đông Dương cho phát xít Nhật...Nhân dân ta phải chịu hai tầng đè nén...Mặt trận dân tộc phản đế ra đời.   
Đọc truyền đơn xong, trông ra đâu đó chỗ nào cũng thấy cách mạng. Tờ truyền đơn len lỏi trên đồng lúa, trong xó nhà giữa chợ, khắp nơi, cả thế giới... Khí thế cách mạng, với sức tưởng tượng của chúng tôi làm cho cảm thấy cách mạng không tan vỡ mà thật sự to lớn.   
Chúng tôi nhìn nhau.   
- Đây là công tác bí mật!   
Công tác bí mật? Người của anh Hiền mang truyền đơn về bảo cách dán. Chúng tôi náo nức nghe anh nói. Mẩu chuối xanh phết lên mặt tường, ập tờ truyền đơn vào, nhựa chuối xanh dính chặt hơn hồ nếp.   
Ngay đêm sau, chúng tôi chia nhau đi rải truyền đơn.   
Bọn ra thị xã Hà Đông, bọn đi La, Mỗ. Tôi và Điều đem truyền đơn về Bưởi. Nhưng Điều không thể bỏ được buổi làm.   
Bây giờ một mình Điều đóng xuất ăn cho cả tôi. Anh em ra học loạc choạc, không đủ tiền cơm cho tôi.   
Rồi chỉ mình tôi đem truyền đơn về. Tôi buộc bó truyền đơn vào trong lưng, cuốc bộ ra tỉnh, rồi tắt đường Thanh Xuân, qua quán Bún chợ Mọc. Không có động tĩnh gì khiến phải tránh đường lớn, nhưng theo phương án giữ bí mật mới học được, tôi làm thế. Tôi không ra Cầu Giấy, mà men ben này bờ sông Tô Lịch, về làng. Truyền đơn được phân phối cho các cậu Miễn, cậu Hợp, hai anh em ấy và cả Hộ nữa.   
Qua một đêm rải truyền đơn khắp nơi, ném vào tận trong Võng, Cả vùng biết có Mặt trận dân tộc phản đế rồi. Có anh còn lấy truyền đơn bọc vào hòn sỏi, "cả cái" như đánh đáo lỗ xuống chân người lính khố xanh gác cổng đồn Bưởi. Lính khố xanh cũng phải biết Mặt trận dân tộc phản đế của nhân dân Đông Dương đã ra đời.   
Tôi làm một cuộc mít tinh bí mật lúc chập tối trên dốc Luỹ, đầu làng Bái, tuyên truyền Mặt trận dân tộc phản đế.   
Cũng làm đúng cách thức tổ chức mới biết. Một anh chàng khênh tôi lên nói. Ba Hĩ và anh nữa cầm gậy tự vệ hai bên.   
Một anh ra gác tận đầu tường đồn, lúc ấy, vừa cơm chiều người ra đường, thợ chưa vào khung cửi dệt tối. Xóm Luỹ xóm Cầu Sau bên Yên Thái cũng đổ ra, xúm đông lại ngay.   
Mấy hôm sau, tôi trở lại cầu Am. Bao nhiêu chuyện hoạt động tưng bừng kể lại.   
Bác hàng nước vẫy ngay vào:   
- Cậu ơi, cái nhà cô Bảy đi trẫm mình rồi.   
Đêm trước, người con gái nọ đã lẻn ra nhảy xuống cái ao sau nhà thương tỉnh. Người ta kể, nghe tiếng cô ấy ngồi khóc trên bờ ao làng đến gần sáng, cứ ngỡ dế kêu. Hôm sau, chỗ cỏ cô ngồi, còn hằn rõ vết chân.   
Cả xóm thì thào ao này có ma, trẻ con không đứa nào dám chơi gần sợ ma rút chân, bởi vì lâu lâu lại có người đến trẫm mình.   
Nhớ lại những ngày ở cầu Am, tôi chỉ nhớ phảng phất nhưng những nét xoáy vào kỷ niệm cứ như những nhát khía.   
Tiếng bụi tre nghiến răng. Cái gốc đa xù xì, con trâu cọ lưng.   
Câu hát ngẩn ngơ... *Thằng Tây bắn súng... cò què...* Người con gái tùm hụp chiếc khăn vuông, bàn tay trắng xanh chỉ trông thấy hiện ra vào lúc sẩm tối. Lão đồng cô bán bánh cuốn, bác hàng nước. Mọi người đều tốt bụng đều khổ và có người khổ đến phải đi trẫm mình vào cái ao có ma đằng sau nhà thương tỉnh. Nhà bác hàng nước vẫn cãi nhau với vợ bác "*cu-ly san*", nhưng đôi lúc lại rơm rớm nước mắt. Lão đồng cô mua vàng hương đem ra bờ ao cúng, làm cái thang bằng bẹ chuối thả xuống nước, bắc cầu giải oan cho người chết trèo lên...   
Anh Hiền(6) về nghe chúng tôi kể lại chuyện ấy. Anh nói:   
- Chúng ta phải làm cho sau này không có người chết uất ức thế nữa.   
Đành nghe anh Hiền nói rồi Đành ra nhà bác hàng nước vào cái ổ rơm bên cạnh vách nứa mọi khi người con gái nằm.   
Đành ở một đêm rồi hôm sau, theo anh Hiền đi mất. Không bao giờ tôi gặp Đành nữa.   
Được ít lâu, mật thám Hà Nội về vây làng Vạn Phúc. Đồ Địch bị bắt, phải án đày đi Côn Lôn. Cơ quan bí mật ở Ngọc Trục bị lộ. Ô tô mật thám bắt người, mang ra được hai mảnh in đất, những lọ mực đầu đen, một bó giấy - Kiêm cũng bị bắt lần ấy.   
Chúng tôi mỗi đứa tan tác mỗi nơi và thời gian cứ qua.   
Điều xuống Hải Phòng, vào sở mộ phu cao su Dầu Tiếng. Hợi bị Tây tóm ở chợ Đơ, về tội tiêu tờ giấy bạc giả. Anh Hiền bị bắt ở thị xã Hà Đông. Mật thám Tây lai *Luýt* tra điện anh suốt đêm. Một lúc, điếu thuốc lá đương hút nó dí vào mặt anh. Không thấy anh nhúc nhích. Anh đã chết trong xà lim sở Liêm phóng Hà Nội, - sau này, Xuân Thuỷ đã kể cho tôi biết như thế.   
    
**Chú thích:**   
(1) Ngày trước có lối "bói thơ tiên". Thầy bói thắp hương rồi nói thành thơ để đoán số.   
(2) Người làm việc quét dọn trong bệnh viện.   
(3) Một kiểu áo khoác ngoài, thường bằng vải ka-ki trắng nhạt, thời ấy thịnh hành.   
(4) Giấy bạc năm đồng, thời thuộc Pháp, có vẽ hình con công.   
(5) Câu đầu bài thơ Trăng trối (1940) của Tố Hữu. Nguyên văn: Từ thuở ấy quăng thân v ào gió bụi .   
  
(6) Anh Hiền tên thật là Nguyễn Hữu Hưng, người làng Tây Mỗ.

**Tô Hoài**

Tập tự truyện - Tô Hoài

**3. Đi làm**

    Cuộc mít tinh lớn ngày Quốc tế lao động 1 tháng 5 năm 1938 ở nhà Đấu Xảo, tôi đi trong đoàn những người thất nghiệp. Có chăng băng đỏ, đề như thế hẳn hoi.  
  
Đoàn thất nghiệp chúng tôi đông nhất, dài nhất, rầm rập gấp trăm các đoàn thể có nghề. Nếu các đoàn khác trương các khẩu hiệu đòi lập hội Ái hữu tiến lên nghiệp đoàn - những quyền lợi về tổ chức và chính trị của người thợ, thì đoàn thất nghiệp đòi công ăn việc làm. Thiết thực và cũng thảm thương dữ dội biết bao nhiêu. Đoàn thất nghiệp xếp hàng mười, cứ một khối vài chục hàng lại có một anh đeo băng đỏ. Tôi cũng được đeo cái băng đỏ làm trật tự đầu hàng. Đen ngòm những người là người, dài ngập đầu suốt phố Găm bét ta(1) kéo vào khu Đấu Xảo(2).  
  
Bấy giờ thất nghiệp là một sự vô cùng. Nhiều học sinh còn đi học cũng đi sẵn trong đoàn thất nghiệp như tôi. Mà cũng chẳng lạ. Cái gương tôi đấy, từ lớp học đến thấp nghiệp, tự nhiên như bước trong nhà ra cửa, không có quãng giữa nào khác.  
Người ta chẳng thể nhai được chữ ra ăn. Huống chi chỉ có một vài chữ, huống chi ở những làng ngoại ô làm thủ công nghề giấy, nghề dệt lĩnh dệt lụa quê tôi trẻ con đã phải làm giúp nhà sớm. Bởi vậy, không ai thiết cho con cái đi học làm gì.  
Dù sao tôi cũng có dăm bảy chữ giắt lưng, khác những đứa trong xóm cùng lứa không hề biết mặt chữ. Cho nên tôi phải xoay cho ra công việc chữ nghĩa mà làm, chứ lại đành chui xó nhà, đâm đầu vào dệt cửi như chúng nó chẳng cần đi học cũng làm được thì nhẻm quá.  
Nhưng đào đâu ra việc?  
  
Có người mách nhà sách Tôpanh đương cần người. Tôi chưa nói được gãy gọn một câu tiếng Tây. Học trường Yên Phụ, ở lớp bét được đứng đầu, lên đến lớp nhất thì tôi đội sổ. Có học hành gì đâu? Nhưng cũng không sợ bằng phải làm bài thi ấy. Vào làm nhà in, nhà bán sách cũng phải thi. Đầu bài thi của ông Tây chủ nhà in Tôpanh chỉ độc có một câu hỏi quái quỉ: “Anh thích nhất cô đào chiếu bóng nào? Tại sao?”.  
Mấy chục cái đầu hí húi làm bài. Người ngồi chật cả gian phòng rộng, mà chủ nhà in chỉ lấy có hai người làm.  
  
Tôi nghĩ mướt mồ hôi mà không viết được một chữ. Cũng chẳng ân hận gì. Vì đến năm ấy, tôi cũng chưa lần nào được biết cái cửa rạp chiếu bóng, làm sao mà thích được cô đào chiếu bóng nào. Tôi mới chỉ được xem hai bộ phim câm chiếu thí phim Bà Đế, phim Kim Vân Kiều, từ lúc còn bé, ở giữa sân đình làng Thọ.  
Những ngày thất nghiệp dài đằng đẵng.  
Mỗi phiên chợ, người ta đeo trĩu vai năm bảy chục thước một hai trăm thước hàng đi chợ, nhà tôi có một khung cửi mà cọc cạch dệt ba chục thước lụa một phiên không xong.  
Nhà người ta, phiên chợ bán được hàng thì vui, nhà tôi ngày chợ, không sinh chuyện này thì chuyện khác. Hàng ít lại xấu, không đều, mặt hàng gùn gút lên, không ai mua. Thế là xảy ra những trận xô xát giữa bà ngoại tôi và các dì tôi.  
Ông ngoại tôi ngồi uống rượu. Cuối cùng, bao giờ ông tôi cũng vác gậy đuổi đánh tất cả. Mọi người chạy tán loạn, đến đêm mới về. Có khi cả nhà cãi nhau vào khi ông tôi chưa uống rượu. Lúc chưa uống rượu, thì ông tôi không nói một câu. Thế là lúc ấy tôi lại thay ông, tôi vác gậy vừa khóc vừa đuổi đánh tất cả. Cũng tạm yên được một lúc. Sáng hôm sau, lại vẫn cãi nhau làm ầm cả xóm.  
Cũng đã lắm phen tôi thử xốc vác lo lắng. Tôi quyết làm ăn và dọn dẹp mọi việc trong nhà. Nhưng nhà tôi cũng như người ốm sài mòn không thể chữa khỏi. Nhà tôi còn êm ấm làm sao được, trong khi sự túng thiếu càng gò cổ mỗi con người lại, mỗi người cứ ngày càng bẳn gắt hơn, càng lúc thương lúc ghét nhau, hết sức thất thường.  
Vả chăng, sức vóc tôi cũng không ngồi dệt cửi nổi hàng tháng. Nói sao thì cũng là tôi có một ít chữ rồi. Tôi không thể làm thợ dệt. Dệt cửi thì không cần biết chữ và chẳng bao giờ cần học hết lớp nhất. Dù tôi biết rằng với dúm chữ ấy, bây giờ chạy chọt một chân hương sư dạy trẻ con trong xóm cũng không được.  
Nhưng tôi vẫn hy vọng một cái gì khác cái thoi giắt đít của những đứa đi dệt cửi mướn.  
Tôi vào thành phố lang thang lẩn thẩn suốt ngày đêm không muốn về. Đêm khuya chỉ còn sương xuống ẩm vai áo.  
Những đàn chuột chạy rào rào qua mặt đường, trút xuống cống. Đến gần sáng, tai nghe đồng hồ quả lắc đánh liền liền cùng giờ tường nhà này sang tường nhà khác suốt dãy Hàng Ngang, Hàng Đào đóng cửa im ỉm. Dần dần trời sáng, thế là qua một đêm.  
Trong quyển Sách dạy 40 nghề ít vốn của Thư quán Nhật Nam xuất bản có nói đến nghề đánh máy chữ. Sách bảo học ba tháng đã có thể thành nghề.  
Tôi đi học đánh máy chữ ở căn gác một góc phố gần chợ Cửa Nam.  
Lớp học đánh máy, một cái gác ngoài ọp ẹp mươi cái máy chữ, đặt thành ba hàng. Mỗi người đến học, mặt ai cũng vậy hễ ngồi vào bàn, cứ đăm đăm hầm hầm, không dời mắt khỏi cái máy. Họ cố học vì xót tiền. Mỗi buổi một giờ, mỗi tháng mất một đồng hai. Chạy tiền học đánh máy một tháng gần bằng lo suất thuế thân cả năm, phải tập cho nó ra nhẽ đồng hai bạc. Dạy chúng tôi đánh máy, một thày người còm nhom mặt choắt chéo như hai ngón tay kẹp. Tuy thày có để hai sợi ria nhọn ngạnh trê trên mép, nhưng trông chỉ buồn cười và thật khó biết thày ấy chạc tuổi bao nhiêu.  
Nhìn ông thày lần thứ hai, tôi nhận ra hai cửa tay áo ông ta đã sờn tròn và cái múi cà vạt đen nhờn bóng mồ hôi chỗ tay nắn. Bộ quần áo “phô tích xo”(3) là thẳng nếp. Giữa lưng áo đã bị ăn mấy vết mực tím - chắc lại mấy ông học đánh máy đánh dấu xem thày có mấy bộ đồ thay đổi. Tuy thày ấy bé và gầy, nhưng vẻ mặt đạo mạo, trịnh trọng, không nhếch mép cười bao giờ. Lại hay nói tiếng Tây, cái chúng tôi ghét nhất là cứ hết giờ, ai còn đánh dở vài dòng, ông ta như cái máy biết đi, lạnh lùng, lẳng lặng đến khoá tách ru lô lại rồi vẫy tay ra hiệu cho người đứng đợi ngoài cửa, - những người học lớp giờ sau chen ngay vào.  
Tôi tập ở cái máy ngoài cùng - vài hôm sau mới biết dãy bàn máy ngoài cùng này cà khổ nhất. Ba cái máy tồi hạng bét dành cho người mới tập. Chiếc máy chữ như cái cũi mèo lụ khụ cao to, lại như cái trạn gácmănggiê chẳng nâu chẳng đen, đã tróc hết sơn. Năm đầu ngón hai bàn tay tôi chỉ mới một ngày ấn một hàng chữ a z e r mà đã sưng vù. Người ta bảo thoạt đầu tập đánh năm ngón, đừng mổ cò, cố chịu đau thì sau sẽ đánh được mười ngón, mới có thể đi thi đánh máy nhanh nhất Đông Dương tranh chân thư ký đánh máy phủ Toàn Quyền. Lời an ủi tưởng tượng ấy nhiều chua chát với tôi, hơn là sự thật.  
Tôi nghĩ tôi khó lòng học được đánh máy. Mới vài hôm mà đã chối lắm, thấy mình quả tối dạ và chân tay vụng về.  
Tôi ước tính không thể ba tháng, như trong sách bảo, mà phải nhiều tháng, hoạ may mới leo được vào hàng trong, được tập những cái cùm máy nhẹ hơn. Mà chạy tiền được ba tháng ăn học đã là quá rồi. Trong khi ấy, mỗi sáng sớm thò tay xuống mặt bàn chữ, rợn như châm kim. Những cái chân con chữ cao quá, ấn xuống đau thót đầu ngón, mà nào nó có chịu tụt xuống hết cỡ cho.  
Cái tay tôi - mỗi ngày phải quật một giờ vào máy, chỗ đau chưa kịp dịu, đã phồng hơn hôm trước. Hai người ngồi bàn máy cạnh, đại để cũng như tôi. Một anh quấn giẻ vào ngón tay rồi ngồi ngắm nghía, nhăn nhó, chốc chốc rón rén mổ một phát rồi lại im. Nhưng rồi chợt nhớ ra, sốt ruột vì một phút một tiền, anh lại cắm cổ, bặm môi đập, đập, đập ráo riết, đập... Cái máy chữ rên lên thình thịch... thình thịch... cái máy chữ... cái máy chữ, ôi cái cùm máy chữ, nó đích thực là cái cùm máy chữ. Cái máy chữ già lão cũng khổ. Chúng tôi đập nó, nó rền rĩ thình thịch... thình thịch...  
Nhưng băm bổ cũng chỉ được một chốc. Đau quá, anh đứng phắt lên, văng ra:  
- Tiên sư nhà máy!  
Chửi xong, tưởng thế nào, lại hầm hầm ngồi xuống, lại nhăn, lại đập, đập gò cả hai ngón út, cho đúng “phương pháp mười ngón”. Biết làm sao, mỗi phút là một tiền. Và có nghề đánh máy thì mới có thể thấy được công việc làm, những công việc tốt có lương tháng đương chờ ngoài kia.  
Tiếng chuông leng keng báo hết loạt một giờ tập. Thày máy chữ lắc chuông. Suốt giờ, chỉ thấy thày đi bách bộ, bây giờ lắc chuông. Dạy mình thì mỗi hôm chẳng bảo quá hai lần. Cái anh đau tay lúc nãy, tuy đau, nhưng nỗi tiếc của còn đau hơn, anh mắm môi hí húi, đập máy.  
Thày máy chữ lừ đừ đến thò tay đóng máy. Anh kia đứng phắt lên, lưng khum khum, trợn ngược mắt, hai nắm tay buộc giẻ to xù giơ ra, làm kiểu đánh “bốc”. Anh sừng sộ:  
- Mày nói gì nào?  
Thày máy chữ lý nhí. Anh ấy quát to:  
- Này tiếng Tây! Này tiếng Tây? Vulêvu đờ la bốc avếc moa(4).  
Anh ta tiến lên, đưa nghiêng đầu gối giữ thế thủ, rồi giơ tay quạng thày máy chữ. Cứ mỗi nhịp câu “này tiếng Tây” thày lại ăn một cái quai hàm. Thày lểu đểu, thày chẳng có mấy nả sức, thày ngã chúi xuống. Tiện đầu gối, anh ấy hất đổ luôn cái máy. Những người xung quanh xôn xao, như đã tức sẵn, xông lên, đánh đòn hội chợ. Ông thày chưa kịp ngóc đầu cứ kêu váng: Ối, ông đội xếp ơi, kẻ cướp, kẻ cướp...  
Phần tôi, tôi cũng cúi xuống cái cùm máy chữ, tôi lẳng nó lăn chiêng xuống sàn. Bao nhiêu thù ghét, bao nhiêu căm giận, và cay đắng của nỗi cùng-thì-làm-người-đội-trời-đạp-đất mà sao khổ ải thế, những oán hờn đâu đâu, chúng tôi trút vào cái máy khốn nạn, trút cả vào lão thày máy chữ ma tịt...  
Tôi quyết phá cái máy chữ rồi tôi cũng cho lão thày bắng nhắng một quai hàm, một quả tống đích dáng vào mạng mỡ.  
Giữa lúc ấy, từ buồng trong bước ra, một mụ lặc lè, mặt xam xám như mặt những mụ béo ngồi trước những thúng nhòi đổi tiền ở cửa chợ Đồng Xuân. Mụ hất cái mành lửng. Hằng ngày mụ vẫn ngồi từ trong buồng ấy trông ra. Bước chân vào nhà này, mắt mũi chăm chú luôn sáu mươi phút vào máy chữ, tôi không để ý có người ngồi trong ấy.  
Mụ rít:  
- Này anh ba, anh biết điều thì chắp tay lạy sống các ông ấy đi, không có thì tôi tống cổ anh ra khỏi nhà này ngay lập tức.  
Mặt thày dạy máy chữ xám đen như cái mặt sàn gỗ. Hai con mắt, vì sợ quá, đã trắng bóng lên như mắt mèo. Không không phải thày sợ những người học đánh máy vừa choảng thày, mà trông hai con mắt thất kinh và thấy thày lồm cồm bò dậy đứng run phần phật hai ống quần nhìn bà chủ, đến nỗi quên cả chống đỡ những người còn xông đến đánh mình thì chúng tôi hiểu sự thể đau khổ thế nào rồi.  
Lập tức, quang cảnh khác ngay. Tôi động lòng nỗi đau đớn của ông thày. Cả cái anh buộc giẻ vào tay đã đánh quai hàm thày, bây giờ cũng ỉu mặt xuống. Những người khác đứng xa, có người đã lủi ra, nhường chỗ cho bọn đến học giờ sau đương đứng ùn lại ngoài hiên vì cuộc ẩu đả trong này..  
Tôi không ngờ trên thày lại còn có cái bà chủ béo mà chắc chắn bà không biết đánh máy chữ tý nào. Tôi đâm ra thương thày máy chữ.  
Mọi người lẳng lặng xuống thang gác trong tiếng quát chửi thày máy chữ của bà chủ mỗi lúc một hung hăng, không biết té tát đến bao giờ và còn xảy ra việc gì thêm.  
Tôi không đến học đánh máy chữ. Tôi không nỡ nhìn thày dạy máy chữ một lần nữa. Đành bỏ nửa tháng đóng tiền trước.  
Ít lâu sau, tôi xin được chân bán hàng ở hiệu giày Bata số nhà 89 phố Hàng Đào.  
Những người bán hàng trong cửa hiệu gọi ông quản lý cửa hàng còn trẻ này là cậu Quáng. Người nịnh thì gọi nhẹ nhàng là cậu chủ. Cậu Quáng đẫy đà, mặc sơ mi lụa mỡ gà.  
Một bên cổ tay cậu lúc nào cũng xắn, để khoe của, vì tay ấy có quấn cái dây xích vàng. Ngực cậu Quáng đeo một chữ “Phúc”, có lẽ to đến hơn cái bao diêm, cũng bằng vàng. Mặt cậu Quáng trắng bềnh bệch và hơi bệu, nom cậu như người khách lai.  
Cậu Quáng thích ăn bún chả. Cứ xế trưa, quãng giờ nghỉ cuối tầm làm, bà hàng bún chả quảy gánh đến, chúng tôi lại bưng vào cho cậu Quáng ba mẹt hai lượt chả miếng, một gắp chả băm.  
Cậu Quáng nhận tôi vào làm, xem vẻ không vui, không buồn. Như nhận về loại giày vải đế da lúc ấy không đắt khách nhưng cũng không đến nỗi bán câu dầm.  
Ở cửa hàng Hàng Đào có ba người đứng bán hàng. Các anh ấy mặc áo the dài, quần vải ta tàu tàu và đội cái mũ phở.  
Bán giày mà mỗi anh lại thắng một đôi guốc mộc. Đấy là ba anh em ruột quê ở Nam Định. Một điều lạ là ba anh em nhà này đều không biết chữ. Họ thuộc mặt mười con số, thế mà ký hiệu mã số giày toàn bằng con số dài dằng dặc. Và họ đã bán hàng cả ngày, đọc số hàng vạn rất thành thạo.  
Người anh Cả, gầy kheo khư, mắt toét, lúc nào cũng hó háy, nhìn lên. Anh xấu mã, nhưng có duyên. Anh chạy đi chạy lại, từ giá bày giày tới ghế khách ngồi, anh thử giày, rồi gói, rồi đưa hàng, rồi nhận tiền. Ngày nào anh cả cũng bán được nhiều nhất. Chỗ anh Cả bán cứ như có ma khôn đưa khách, khách chỉ vào đấy. Anh đứng đâu thì y như rằng khách đến chỗ anh. Ngoài số giày bán mà cửa hiệu đã quy định, ai khéo bán bội lên thì được thưởng tiền hoa hồng. Anh Cả bảo tôi: “Chú là người có chữ nghĩa, cứ chịu khó vài hôm thì thạo ngay đấy mà”.  
Nhưng thật ra cái vốn liếng dăm ba chữ cộng với sự bỡ ngỡ lóng ngóng của tôi khi cầm đến đôi giày cho khách thử lại là trò cười, làm mọi người thương hại.  
Hàng ngày, tôi nhờ các anh dạy những ký hiệu bằng số giày to, giày bé, giày da, giày vải, giày màu nâu hay màu đen.  
Ví dụ: từ số 5 trở xuống mà hàng cuối là giày trẻ con. Số 4 hàng hai là chỉ giày da. Số 6 màu trắng, số 8 màu ghi. Và vô vàn các con số rắc rối nữa. Các anh ấy vừa bảo tôi vừa chế nhạo: “Chữ của chú cất kho à?”. Chữ nghĩa của tôi không để làm gì trong công việc thế này thật. Chẳng bao giờ tôi có thể bán hàng nhanh và khéo như anh Cả. Chẳng bao giờ tôi được lương, được hoa hồng bằng anh Cả. Buổi trưa nghỉ, chúng tôi ở lại cửa hiệu. Anh Năm chạy sang Hàng Buồm mua một gói lá sen tú ụ thịt lợn quay và xá xíu. Tôi vờ đi chơi, lỉnh ra ngồi Bờ Hồ, mở gói cơm nắm với cua mặn ra ngoạm. Làm sao mà tôi bằng được họ.  
Cơ chừng cậu Quáng cũng thấy tôi vụng về. Tay chân tôi cứng quều, và tuy tôi đọc thạo con số, nhưng lại hay quên. Hoặc vì cớ gì khác tôi không rõ, cậu Quáng đã sai tôi làm kèm một việc chẳng dính gì đến nghề bàn giày.  
Cậu Quáng bảo:  
- Bây giờ anh còn đương tập bán hàng.  
- Thưa vâng.  
- Việc bán hàng dễ mà lại khó. Nó như nghề thợ mộc, có bắt đầu từ phó nhỏ rồi mới thành phó hai, phó cả. Phải từ từ. Tôi cũng bán hàng mãi rồi có tiền ký quỹ mới lên được ông chủ.  
- Thưa vâng.  
- Phải ngoan, phải kiên gan, đừng nhấp nhổm nóng đít. Đấy anh Cả, anh Năm, anh Sáu kia, làm năm bảy năm rồi mà cũng chỉ mới biết bán. Tôi đứng cửa hàng trên mười năm mới thành ông chủ, anh biết không?  
- Thưa vâng.  
- Tôi khuyên anh chịu khó, sai việc gì làm việc ấy. Người ngoan ngoãn thì ai, cũng mến.  
- Vâng ạ.  
- Thế này nhé.  
- Vâng.  
Thế này nhé, anh cứ bán hàng như mọi hôm. Nhưng từ giờ anh phải đứng góc này. Khi có khách đông, anh không cần phải bán. Tôi sẽ chia thêm tiền hoa hồng cho anh. Đã có các anh Năm, anh Sáu đứng trong. Còn anh phải để ý kỹ đến những người ra vào. Lúc bề bộn là lúc lắm kẻ cắp, lúc ấy ông phật cũng như con ma. Phải trông từng người một, trong nách trong bụng có thu thu cái gì không.  
- Vâng ạ.  
- Vắng khách thì anh cũng cứ đứng đấy, anh để ý ra cửa. Lại có việc khác.  
- Vâng ạ.  
Cậu Quáng cười:  
- Là tôi nói để anh để ý sang cửa nhà bên kia phố. Cái nhà bán tơ lụa trước cửa hiệu mình ấy.  
Tôi còn ngơ ngẩn chưa hiểu cậu Quáng đã lại tươi cười cắt nghĩa mạch lạc, vui, rành rõ, cứ xưng xưng như lúc chào bán giày:  
- Các cô bên ấy mê cậu Quáng lắm. Nhưng sức cậu Quáng chỉ kham nổi một cô thôi. Đấy, đấy... cái cô Bích mặc áo dài lụa Vân lại vừa lượn ra. Nỡm chưa, cứ ưỡn ẹo ra liếc trộm người ta cả ngày. Mê gái tốn tiền lắm. Bô xu hay vắt cổ chày ra nước thì không chơi được. Bắc thang lên hỏi ông giời. Đem tiền cho gái có đòi được không. Anh đứng chỗ này, vừa trông hàng vừa trông sang bên ấy, lúc nào thấy cái cô Bích áo dài lụa Vân ra cửa thì anh huýt sáo khẽ một tiếng cho ở trong này tôi biết chừng.  
Lần này, tôi không buông nổi một nhịp “vâng ạ” quen miệng. Vì tôi hiểu mọi công việc cậu chủ đương giảng cho tôi nghe ấy là vào cái loại công việc của bọn bồi xăm dắt gái, của thằng hề đồng của chàng Kim Trọng trong vở Kiều cải lương mà tôi là người tập bán hàng, lại kiêm cả những việc thằng bồi xăm và thằng hề đồng, cậu Quáng dặn thêm:  
- Còn việc nữa.  
Tôi khe khẽ thở dài, lặng im.  
- Đây là việc làm ăn trong nghề. Vào làm ở đây, anh phải học cho thuộc nền nếp làm ăn và sự tích gốc gác hãng giày Bata. Ai cũng phải thế. Ông chủ người Tây Tiệp là chúa hay hỏi vấn đáp bất thình lình. Phải cố học. Còn như ăn cơm nhà Bata thì phải hùn vốn cho hãng và thuộc sự tích hãng, bất kế ai cũng phải thế.  
Từ hôm ấy, tôi đâm ra nhiều việc phải nghĩ.  
Bán giày thì anh Cả và các anh Năm, anh Sáu thạo quá. Học hết được các mánh khoé của họ cũng còn khuya, tôi chưa thể thạo ngay thế được. Vậy phải từ từ, như cậu Quáng nói. Nhưng trước sau gì rồi cũng học được.  
Còn việc huýt sáo ra hiệu cho cậu Quáng biết mỗi lần cô Bích ra cửa hàng thì cũng dễ. Chắc cậu Quáng tưởng tôi lù đù nên sai tôi việc này. Nhưng chỉ vài hôm thôi, tôi đã đánh giá được cái mối tình một vế có thể tính thành đồng xu đồng hào của cậu Quáng ấy rồi.  
Toà nhà sâu tun hút trước cửa hàng bên kia là một nhà giàu sụ, kiểu nhà giàu lâu đời ở Hà Nội. Chiều thứ bảy, ô tô về đậu đầy hè. Con cháu họ, những tri huyện, tri phủ các tỉnh về chơi. Mấy cô gái cấm cung tuy tuổi tác cũng có phần hiu hiu rồi, nhưng giá các cô có ế thật, mà bố mẹ họ phải gả bán hạ giá đến thế nào, chắc cũng chẳng phần đâu đến cậu Quáng hiệu giày, dù cậu đã nạm vàng ở ngực và cổ tay.  
Tôi trông cậu Quáng, đã thấy giàu, đã thèm, thế mà đem đối chiếu với nhà trước cửa vẫn rõ ra một sự chênh hàng mấy con sào. Cho nên, nghe cậu Quáng dặn việc, tôi cũng dửng dưng, tôi không giận, không xấu hổ, không thiết tha. Cái thế của tôi không tiện bày tỏ niềm vui ra làm sao cả. Và thế là hôm ấy, mỗi lần cô Bích ra cửa, tôi lại chúm miệng khẽ huýt một cái. Chẳng ngượng nghịu, cũng coi như mình vừa đi đường vừa huýt sáo chơi mà thôi.  
Lần thứ nhất, tôi huýt.  
Cậu Quáng xổ ra. Cô Bích vừa bước lên chiếc xe nhà kiểu “Ô mích” sơn đen lùn tịt. “Người mê cậu Quáng” ấy không biết cậu Quáng đứng trơ mắt ếch ra ngó theo cho đến lúc cái xe bóng nhoáng lẫn vào đám đông xuống phía Bờ Hồ. Các anh Cả anh Năm, anh Sáu lại nhìn tôi, nháy mắt. Họ đã tỏ tường cái mê gái của cậu Quáng. Trông vẻ mặt tinh nghịch và cái bĩu môi của họ, tôi hiểu trong bụng họ đương nghĩ đũa mốc chòi mâm son. Có lẽ cũng chẳng đặc biệt riêng cho tôi, chắc anh Sáu, anh Năm đã nhiều phen làm chân huýt sáo báo hiệu cho cậu Quáng như vậy.  
Rồi mỗi lần cô Bích áo lụa Vân ra cửa, tôi huýt sáo, lại coi như mở màn kịch mà trong đó kẻ buồn người vui, người hồi hộp và riêng tôi hay buồn vẩn vơ, khi thấy anh Cả nói mỉa cậu Quáng, tôi lại nghĩ thương hại cậu Quáng. Cậu Quáng chủ hiệu trả lương tôi và có quyền thải tôi mà còn có những người không thèm để cái đuôi mắt tới, rồi mọi kẻ ăn người làm đều cười cậu, chửi cậu, tôi cũng lạ và lại đâm ra bùi ngùi cho sự hớn hở của cậu ta.  
Còn chuyện học sự tích làm giàu của nhà Bata cũng là việc hàng ngày. Tôi chăm chỉ đọc. Có cả quyển sách in nói về việc ấy Tôi đọc như đọc truyện, thuộc ngay, cũng dễ dàng thôi.  
Tôi học thấy dại khái rằng ở bên nước Tiệp, chủ nhất hãng giày Bata bây giờ là cháu nội ông Bata ngày trước. Đại chiến thế giới 1914-1918, ông tổ Bata nghĩ ra nhiều kiểu giày đi êm chân lính. Rồi ông được đấu thầu giày lính của nước Tiệp và cả nhiều nước châu Âu đương đánh nhau. Thế là ông trở nên nhà triệu phú, được khắp nơi suy tôn là vua giày, có cửa hiệu bán giày trên năm châu, nổi tiếng ở nước Tiệp và cả thế giới.  
Tôi lại phải học cho biết vua giày Bata giàu sụ mà cũng lắm mẹo vặt thần tình. Cái tên nó đặt là giày Bata cũng chẳng phải tiếng dân tộc nào ở nước Tiệp. Nó chỉ là cái tiếng đặt ra cho dễ đọc, người không biết chữ dễ nhớ, người bất cứ nước nào, chỉ cần biết mặt chữ cũng đọc ngay được, trẻ con mới bập bẹ đã đọc đúng. Còn cái giá hàng nhà Bata bao giờ cũng lẻ 9 hoặc lẻ 1, cùng lắm lẻ 5. Mua đôi giày đồng chín người mua không nghĩ đến sắp mất hai đồng. Và nếu giá đôi giày là năm đồng mốt, người ta cũng coi như nó chỉ quanh quẩn năm đồng. Triệu phú mà láu vặt, giỏi thật.  
Tôi lại phải học cho biết hãng Bata có một đội tàu bay riêng để tải hàng, có mấy cái tàu bay sang trọng để ông chủ đi kinh lý các cửa hàng trên toàn cầu. Ông chủ Bata có cả một thành phố nhà máy làm giày, thành phố Zlin ở nước Tiệp. Nhiều nước, như nước Pháp, ông chủ Bata cũng có nhà máy. Tư sản Pháp hùn vốn, thế là giày Bata vào nước Pháp và thuộc địa Pháp chỉ trả thuế theo hàng nội địa, không phải thuế nhập khẩu. Cái giày vải Bata làm ở Pháp. Cái giày da là giày Bata làm ở Tiệp. Hãng Bata có chi nhánh trên khắp trái đất. Tiền lãi nó thu chẳng cần biên giới nước nào. Trụ sở chi nhánh ở Hồng công và Tân gia ba có chân rết cửa hàng ra khắp các nước Viễn Đông. Ở Đông Dương, từ Huế trở vào, cả Sài Gòn và Nông Pênh, thuộc chi nhánh Tân gia ba, Hà Nội và Viêng Chăn thì sở chính đóng ở Hồng công.  
Tôi lại phải học cho biết cả đến một nhân viên bán hàng còm mạt hạng như tôi tháng chỉ được sáu đồng bạc lương lĩnh xé ra làm bốn lần, tôi cũng “được” vua giày Bata bên nước Tiệp cho phép “vui lòng” hàng tháng trích phần trăm tiền lương của tôi để góp vào vốn cho hãng, làm giàu cho hãng chính. Cứ đến kỳ lĩnh hơn một đồng bạc lương của tuần lễ sau cùng, ông Xá chánh kế toán lại khấu của tôi năm xu để đóng góp vào quỹ hãng Bata bên tận thành phố Zlin nào ở nước Tiệp xa xôi. Hàng triệu con người làm nhà Bata trên thế giới đều bị vui lòng hùn vốn thế. Người ta cắt nghĩa đấy là tiền của thợ góp vốn vào nhà máy, rồi sau này thợ cũng thành chủ và khi về hưu có lương hưu to? Ở bên nước Anh bây giờ đã có nhiều thợ có cổ phần thành chủ - trong sách lịch sử nhà Bata bảo thế. Những chuyện xa quá với tôi.  
Được ba tháng, tôi rời cửa hàng cậu Quáng, về cửa hàng giày ở phố Hàng Khay - chỗ hiệu ảnh Quốc Tế bây giờ.  
Ông chủ nhất người Tiệp thấy tôi võ vẽ tiếng Tây bèn cho xuống bán hàng dưới ấy. Đây là một cửa hàng sang, nhà lát đá hoa và khách hàng phần nhiều là tây đầm.  
Tôi đi khỏi Hàng Đào, cũng như khi đến, chẳng gây xúc động gì cho cậu Quáng và mọi người. Cậu Quáng cười cười bước ra, giơ cái cổ tay có chiếc xích vàng choé. Tưởng cậu tiễn tôi, kỳ thực mắt cậu ấy lạc sang cửa nhà cô Bích và cậu ấy cố chìa cái xích vàng cho cô ấy trông thấy. Ba anh em nhà bán hàng vẫn thế. Con mắt toét nheo nheo của người anh Cả. Vẻ mặt ái ngại nhìn tôi của người em út. Họ vẫn nửa thương nửa chế nhạo tôi, mặc dầu tôi đã được lên làm việc ở cửa hàng chính.  
Quả thực, cửa hàng này nhiều khách sang. Những người bán hàng đều ăn mặc lịch sự, thắt “nơ” hay đeo cà vạt cẩn thận. Không ai đóng áo the, đi guốc gỗ mộc như các anh dưới Hàng Đào, như tôi.  
Cái khó nhất cũng không phải chỉ có một việc ấy. Đến chỗ mới, tôi lại phải có bài học mới. Bài học nghề là cách đi giày, cách buộc dây giày và gói hàng cho khách - khách sang trọng phần đông là người nước ngoài.  
Cửa hiệu Hàng Đào lắm khách, nhưng khách tạp, chỉ mua giày vải. Dưới Hàng Khay toàn khách nhiều tiền sắm giày da.  
Một “bà đầm” khệ nệ bước vào. Bà đến thẳng ghế ngồi kê chân lên, đợi thử. Tôi chạy vào dãy bầy giày nữ. Có đến hơn ba chục kiểu giày nữ bốn mùa khác nhau. Nếu tôi giỏi biết lựa ý khách, tôi chỉ mới bưng ra một thứ có thể bà khách đã ưng liền. Biết bao giờ cho tôi được cái giỏi ấy. Tôi không thế biết cách nào, tôi cứ cầm hộp văng mạng ra.  
Bà khách nọ muốn thử đôi giày trắng da “pô đờ đanh” gót thót có một hoa nhỏ viền đầu mũi mà tôi vừa mở hộp giơ cho bà xem. Bà toét miệng cười bằng lòng. Tôi hồi hộp quá.  
Bây giờ đến cái khó thử giày.  
Tôi ngồi chiếc ghế đẩu thấp nhỏ trước cái ghế bành khách ngồi. Tôi đã được anh Cả ở Hàng Đào dạy cho cách bán và thử giày cho Tây đầm. Phải ngồi ý tứ, khép nép và ky nhất, không được cúi xuống, nhìn ngược váy. Bà khách đã từ cái ghế bành tựa lưng, giơ thẳng bàn chân nung núc sang miếng cao su đệm nghiêng trước ghế tôi, để cho tôi, tay cầm sẵn cái đót nhẹ nhàng đặt giày xuống, khéo sao cho cái đót chưa đụng đến gót mà chân khách đã lọt êm vào chiếc giày thử, khéo sao bàn tay dường như chưa mó đến cái cổ chân béo hay gầy, trơn mịn hay mụn lở của khách mà đã thử xong. Rồi cách buộc dây giày chéo cánh bướm mà không tụt, cách dứt sợi dây gai buộc gói hàng cho gọn như không. Đây là những việc quan trọng của nghệ thuật bán giầy mà hai bàn tay lẩy bẩy của tôi lúc nào cũng ngần ngại lắm.  
Và cao hơn nữa là cách tán, gạ khéo léo đến độ dù giày chật hay giày rộng, dù mép có vướng chai chân mà khách cũng phải thích mua. Tài nghệ đến thế thì vô cùng.  
Tôi chưa dám mơ màng chút nào tới nghệ thuật cao siêu vậy. Tôi còn ở mức lo đưa giày cho khách ưng, thử giày, thắt dây giày, dứt dây gai buộc hàng. Mới chỉ vài cái vặt ấy đã làm tôi lo rũ cả người ra và chỉ trông chờ ở may rủi nhiều hơn.  
Tôi càng phục ba anh em bán hàng ở cửa hàng Hàng Đào. Tôi đâm ra oán tay chân tôi vụng dại. Tới mà đi bán giày thế này từ những năm trước, ví như tôi bỏ học từ năm lớp ba lớp tư mà đi bán giày, chắc giờ tôi cũng đeo cà vạt, thắt nơ, mặc quần tây là cứng nếp, đứng bán hàng chính giữa cửa hiệu.  
Tôi lúng túng và tủi thân.  
Một hôm, bà chủ hiệu giày - chủ hiệu giày Hàng Khay là một bà, bà Hiếu gọi tôi đến bàn giấy.  
- Tôi bảo anh nhé.  
- Vâng ạ.  
Tôi hồi hộp. Tôi mang máng một điều không may đương chờ. Tôi ngợ lại có một việc lờm lợm tương tự việc cậu Quáng bảo đứng huýt sáo ngoài cửa cũng nên. Cứ lo lắng cho cái thân phận mình bấy lâu, tôi đâm ra có thói quen mê tín hay đoán, hay xem tướng. Trông nét mặt, dáng người hoặc chuyện với ai mà câu đầu đã ngắc ngứ vớ vẩn, tôi cảm thấy là sái rồi.  
Lúc này, nét mặt bà chủ nghiêm lắm. Làn da trát phấn mà vẫn nhợt nhạt, cặp môi bà đỏ dữ.  
- Thường ngày anh mặc quần áo ta?  
Tôi không hiểu bà Hiếu hỏi thế là ý thế nào. Tôi không trả lời được. Bà lại nói:  
- Thôi thế anh lại cứ mặc áo ta như thường ngày. Ở đây tây thì ra tây, đừng mặc thế này mà bẩn mắt khách hàng của tôi. Mà cũng không phải vì anh mặc áo ta mà tôi đuổi anh đâu!  
Tôi ngượng quá, chắc trông cái quần tây tôi đi mượn, bà Hiếu chán lắm.  
Chỉ vì tưởng lên đây phải mặc tây nên tôi mới phải cố thế.  
Cái thắt lưng lỏng, lúc lúc lại tụt, lại phải xoay người, núc lại. Gấu quần đã xổ hết, lại lấm và lướt mướt - thật bẩn, thật không lịch sự với khách và có lỗi với bà chủ.  
Đến lúc về nhà soi gương, tôi mới biết tôi còn phải xấu hổ cả vì hai cái tai cổ áo. Nó vốn là áo cánh, dì Niêm đã nhanh chóng biến thành áo sơ mi, chỉ việc khâu vào cổ áo hai cái tai vắt vẻo.  
Rồi tôi cũng không đậu lâu ở cửa hàng phố Hàng Khay.  
Vì tôi ăn mặc làm bẩn mắt bà chủ hay vì bán hàng vụng cũng không biết. Tôi chỉ biết tôi được gọi về làm ở bàn giấy hãng ở phố Giăng Sô le - Hàng Bông Thợ Nhuộm. Làm cậu ký thì có vẻ, nhưng không được tiền hoa hồng như đứng cửa hàng.  
Công việc bàn giấy ở hãng của tôi khá buồn tẻ.  
Bàn giấy hãng có ông Xá chánh kế toán, ông Dị chánh thủ kho, ông phó thủ kho và một lũ phụ kế toán, phụ quản trị, cái kho và lão Tây đen gác kho. Ông Xá có cái xe nhà sơn cánh gián đi làm. Chắc ông ấy giàu, mà nom ông ấy gầy nhom. Thỉnh thoảng, ông hay khạc ra đờm lẫn máu quệt vào một mảnh giấy, xong ông giơ lên nhìn tận mắt rồi mới vứt vào sọt rác. Ông bảo không phải ông ho lao. Còn ông khạc ra máu vì bệnh gì thì không biết.  
Khuất trong nách tường ngoài phòng, đối mặt vào một cánh cửa đã đóng đinh vít kín, tôi ngồi vào một cái bàn ở trong xó.  
Hôm mới về làm ở sở chính, tôi đã thấy đầu bàn có một gã trạc tuổi tôi. Nhưng mặt nó sừng sỏ, đen rám. Bên thái dương, có một cái sẹo to bằng đồng bạc đồng. Thoạt trông cũng biết là một thằng bướng. Nó ngồi làm theo kiểu mà không bao giờ tôi dám bắt chước.  
Hai chân Long ghếch ngược lên, cao hơn cái máy tính như hai cái cọc. Lưng Long ngả ra như người nằm. Một tay Long đen đét vỗ muỗi, một tay Long ung dung và trễ nải y cái máy cộng. Giống muỗi trong xó tối bụng vằn, to lắm, đốt đau như người ta châm diêm làm “muỗi Sà goòng” vào bẹn.  
Hàng ngày ông Độ phụ kế toán đưa cho Long một chồng những giấy chi chít lòng bòng từng cột số. Long làm việc phụ của ông phụ kế toán, cả buổi chỉ có việc ngồi quay cái máy cộng. Cộng chưa khớp con số đúng thì cộng lại. Nó cởi trần rút chân xuống. Tưởng Long mải làm, nhưng Long hạ chân vạch đùi ra, bẫy muỗi đến đậu để đập cho khoái tay.  
Việc càng túi bụi, Long càng làm mọi cách cho ung dung.  
Nó bảo: “Phải thế chứ? Mày bắt ông khổ suốt đời vì cái thằng Bata à?”. Long còn dạy tôi quay máy, đưa tôi cộng hộ để nó chống tay lên má ngồi ngủ mà không ai biết.  
Tôi đến sớm, tưởng Long cũng đến sớm. Nhưng tôi ngồi hì hụi làm một lúc vẫn chưa thấy Long. Lệ đi làm ở sở Tây rất chặt. Đi chậm giờ phải phạt tiền, có khi bị đuổi, tôi ngỡ nó ốm. Tôi lại ngỡ nó láu cá, xỏ tôi, bắt tôi đến trước làm hộ.  
Bỗng nghe ngoài cánh cửa vẳng tiếng gõ “cạch, cạch”. Rồi tiếng gọi khẽ: “Mở cửa tao. Nhấc cái đinh ra? Nhấc sẵn rồi đấy? Nhấc ra?” Tôi kéo nhích bàn rồi hạ cái máy cộng và sổ sách xuống. Thì ra cái đinh vít cửa đã tụt nõ từ bao giờ. Long đã nạy sẵn.  
Từ đấy, chúng tôi có cái cửa bí mật, thật tiện. Không cần qua cửa chính, chúng tôi thay nhau đi muộn. Không cần lo đi làm trễ bị Tây đen gác cửa kho hay bô báo, cứ trông giờ muộn cúp lương.  
Việc của tôi khác Long. Tất cả việc tôi nằm trong một đệp dầy những chiếc bìa cứng. Vác hai ba vác bìa lên bàn, chồng đống, lấp cả mặt, vẫn chưa hết. Mỗi ngày tôi ôm ngoài bàn giấy vào từng tập các thứ báo ta, báo Tây, báo Tàu, báo Anh ở Hà Nội, ở Hồng công. Tuy nhiều báo các thứ tiếng vậy mà công việc tôi chẳng dính đến chữ nghĩa nào cả. Hễ số báo nào đăng quảng cáo của nhà Bata (nhận ra, vì thấy hình vẽ hoặc ảnh đôi giày và chữ Bata) thì tôi cắt ô quảng cáo ra, đề ngày tháng lên mép giấy rồi dán vào tập bìa. Hết bìa này bìa khác, ngày nào cũng có báo mới, ngày nào cũng cắt và dán dán hàng chục quyển dầy cộp, để gửi đi Hồng công, để gửi về nước Tiệp, đại khái biết thế.  
Cắt và dán vậy không cần khéo tay, tôi không phải học ai. Chỉ riêng nấu hồ dán, Long dạy tôi một mẹo. Buổi sáng tôi đi lĩnh bột, cho muối vào, đun một xoong hai thằng cùng ăn như ăn bánh khoái. Đến xoong thứ hai mới cho phèn vào bột, xoong ấy mới là hồ dán.  
Tiếng ve mùa hè kêu long óc trong hàng sấu âm u quanh cái vườn cây nhỏ tựa lưng tường nhà Hoả Lò trước mặt tôi.  
Công việc càng nhạt nhẽo, nếu không thỉnh thoảng có ông chủ Tiệp ở trên gác xuống bảo đi lấy quần áo giặt hoặc sai dắt con chó của ông ra ỉa đái ngoài vườn hoa.  
Việc tôi làm không gấp rút gì cả, tôi thường được ông Độ phụ kế toán cho đi lấy, đi đưa đồ giặt là và dắt con chó lài ra vườn hoa ngửi cỏ.  
Đi lấy quần áo thì dễ, nhưng lại tay xách nách mang, rất lỉnh kỉnh. Thường một tay bưng chồng nệm trải giường, khăn bàn, khăn tắm, cả sơ mi và quần áo ngủ, một tay cầm nạm mắc quần áo, trên treo từng bộ. Tôi cứ phải giơ thẳng cánh tay lên như bà vãi cầm phướn đi cầu ở cái đám ma, đám rước tháng bảy.  
Dắt chó thì tôi đã có phép. Con chó tây này cao lêu đêu ngang lưng tôi. Suốt ngày nó bị nhốt trong xó cạnh nhà tắm, chỉ khi chủ dắt đi chơi mới được theo. Hôm nào chủ không đi, tôi phải giải chó ra vườn hoa ngay trước cửa, cho chó dạo vài vòng ngửi cỏ và cho khỏi cuồng chân rồi chó ghếch chân đái vào gốc cây.  
Tôi cứ cầm hờ hờ cái xích dong con chó đi. Giống chó hãm cũi thường hung hăng lắm? Tôi khiếp con chó hãm cũi. Coi chừng! Chó có thể cắn lòi mỡ, què gãy ngay lập tức. Nhưng tôi đã có mẹo của tôi. Tôi định hễ con chó nổi giận sắp độp tôi thì tôi buông mẹ nó cái xích ra. Cho nó chạy đâu thì chạy, còn tôi sẽ ra sao thì ra. Tuy vậy, con chó to mà lại đần. Việc tôi lo không xảy ra lần nào.  
Dần dần những công việc sai bảo trên đâm ra buồn chán cũng không gợi hứng thú thay đổi chút nào cho tôi. Mà càng tẻ nhạt, mỉa mai, chua xót.  
Rồi ngày ngày còn lại đối với tôi và thằng Long, hai con người thừa ngồi trong xó nhà và quả là chúng tôi chỉ thấy cuộc đời ở đâu ngoài đường phố, chứ không phải ở xó tổ muỗi này.  
Hình ảnh quyến rũ khơi gợi nhất đối với chúng tôi vẫn là ông còmprado của hãng. Ông còmprado đi chào hàng tên là Cung. Ông chạy hàng xách, không lương, sống bằng tiền hoa hồng. Chào bán giày, đặt giày ở hiệu tạp hoá các nơi. Luôn luôn đi, ông Cung quanh năm đi chào hàng các tỉnh ngoài Bắc - không vào Nam, vì trong Nam, các cửa hàng thuộc chi nhánh hãng ở Tân gia ba, đã có bao nhiêu còmprado khác.  
Ông Cung cắp cái cặp da màu nước dưa đã cũ, toạc cả bốn mép, trong đựng mươi đôi giày vải cùng ít sách quảng cáo kiểu giày. Ông Cung thắt cà vạt đen, đeo kính đen, như kiểu cách ăn mặc thời ấy của những người hay chơi chua, coi đời không bằng nửa con mắt, cà vạt và kính đen để tang cuộc đời.  
Mỗi lần về hãng, quần áo nhầu bẩn, đôi giày trắng đen xỉn và sờn lỗ ngón út. Nhưng sự xuất hiện của ông Cung như một làn gió đổi mùa. Tất cả những cái xấu xí nghèo túng ở mẽ ông, từ nơi xa xôi nào đến trong con mắt tôi, trở thành sức lôi cuốn khác thường.  
Những kẻ chưa bước chân đi đâu bao giờ như tôi, đã trông thấy trên người ông Cung những thứ không ai trông thấy. Cặp kính đen bí mật, vẻ khinh khỉnh, cũng như đôi giày thủng vẹt gót giang hồ hay tờ giấy đi dường của ông Cung nộp cho sở để lấy lộ phí ứng trước, bao nhiêu tên thị trấn, tên thành phố bao la “gió bụi dọc đường” mà tôi thèm biết. Chúng tôi mơ ước được thấy Hải Dương, Hải Phòng, được đi Móng Cáy hay tới Luang Prabang, Viêng Chăn, Tà Khét trên bờ sông Mê công và thị trấn Sầm Nưa trong rừng thẳm, mà ông Cung chào hàng vừa ở đấy về đây. Mới nghĩ đã thích rồi.  
Long hoan nghênh cái thích ấy theo cách riêng. Một hôm Long đến bắt tay tôi.  
- Tớ đi đây.  
- Đi đâu?  
- Vào lính.  
- Đi lính? Sao lại đi lính?  
- Đi cho nó biết đó biết đây.  
Long không nói nhưng tôi biết Long còn đói khát lần hồi hơn cảnh tôi. Trả lời chớt nhả và mỉa mai thế thôi. Long tính phải làm bước liều hơn sống mòn mỏi thế này. Rồi Long có vào lính hay không, vào lính chào mào khố đỏ hay khố xanh chân chì không biết. Cũng không bao giờ tôi gặp lại Long.  
Ngoài kia, khắp nơi trên đất nước đâu đâu cũng nhốn nháo đổi thay. Long đã bỏ đi rồi. Chỉ còn một tôi ngồi lại.  
Không đi muộn được vì không ai mở cửa hậu hộ. Không ai nhìn đến tôi, tự mình cũng cảm thấy người ta càng coi mình rẻ rúng hơn, vì mình không đủ can đảm bay nhảy đi đâu (ít nhất cũng như Long). Cho nên mới đành phải chịu ngồi đóng đinh câu rút trong cái xó này.  
Ông chánh kế toán bảo tôi đi các tỉnh tính sổ đại lý. Đại lý nhà Bata đặt ở những hàng tạp hoá tại nhiều tỉnh. Lệ thường, thỉnh thoảng có người của hãng đến tính sổ hàng bán được, xem xét giày xấu, giày hỏng, để loại ra bán “xon” rồi thu tiền gửi nhà băng ở đấy.  
Tôi ra bàn kế toán xem qua loa cách tính sổ, làm anhvăngte. Rồi nhiều lần đi Hải Dương, Thanh Hoá, Vinh và Móng Cáy. Nhưng chỉ đi tính sổ ít lâu, tôi đã thấy tất bật chán ngắt. Ô hay, dạo trước chỉ mong được bay nhảy như ông Cung còmprado, bây giờ được đi như ông Cung, mà sao tôi lại vẫn nhớ một ông Cung giang hồ nào đó như con bướm mơ hồ kia.  
Mỗi chuyến đi, tôi cắp bọc quần áo, xách một lô báo Tiểu thuyết thứ bảy mua ở cửa hàng sách cũ, nhà Hương Sơn phố Hàng Bông. Những số báo Tiểu thuyết thứ bảy năm ngoái năm kia, từ số 1, số 2 ra năm 1933, khi tôi còn mài đũng quần ở lớp ba trường Yên Phụ. Báo đã hỏng, mất bìa, rách ruột, nhà báo đem bán cân làm lề giấy. Mua báo cân thì rẻ chỉ kém vui là phải đọc chậm vài năm trở ra. Báo mới, báo cũ cũng thế thôi, tôi mải mê đọc, không để ý điều đó.  
Trên tàu hoả tốc hành đi Vinh hay trong khoang tàu thuỷ Tây Điếc đi Móng Cáy, qua đường đồi Đồng Giao tràn lan cỏ tranh hay vào vùng bể Bái Tử Long đêm trăng sáng, tôi nghiến ngấu hàng chồng báo Tiểu thuyết thứ bảy bán cân.  
Không phải tôi ham những chuyện tình nước mắt mộng sầu của Hán Thu Nguyễn Tiến Lãng hay cái “xã hội ba đào ký” của Nguyễn Công Hoan, mà tôi mải đọc Hoang Giang nữ hiệp, in đều kỳ ở báo. Bởi tôi cũng đương viết truyện “kỳ tình võ hiệp”. Tôi muốn xem cách người ta làm truyện kiếm hiệp thế nào. Tôi còn học cách viết “trường thiên ái tình tiểu thuyết” chống xã hội của Chàng Sếu (Nguyễn Đức Quỳnh) đăng trên báo Loa mà tôi thích nhất chương “Bọt bể”, nhật ký của người lính thuỷ.  
Tôi vừa viết xong một truyện võ hiệp. Viết theo lối nửa Thuỷ Hử, nửa Càn Long du Giang Nam. Đúng ra là tôi bắt chước truyện kiếm hiệp ba xu một số, quyển Người đẹp mài gươm của Tân Hiến và truyện Gươm cứu khổ mà tôi mê từ hồi học trường Yên Phụ. Các tay kiếm khách giang hồ của tôi không phép thuật hoang đường. Truyện của tôi có quán rượu có đánh chén, có trọng nghĩa khinh tài, các kiếm khách nhảy từ trên gác tửu lâu xuống đánh nhau, rồi nhận nhau, rồi kết nghĩa, hẹn nhau cùng đi trừ gian làm phúc cho đời...  
Tôi không nhớ cuốn truyện kiếm hiệp của tôi tên là Tráng sĩ Rừng Thông hay Sơn Lâm hiệp khách nhưng tôi nhớ đã viết nhiều đoạn giang hồ mãi võ trong lúc tôi còn ngồi dán quảng cáo giày Bata lưu trữ ở góc buồng bàn giấy, từ hôm vắng Long.  
Tôi đem bản thảo quyển Tráng sĩ Rừng Thông đưa cho cửa hiệu nhà thuốc Đại Quang dược phòng phố Hàng Ngang.  
Năm trước tôi đã đọc truyện Gương vỡ lại lành và vở cải lương Kiều đi Thanh Minh in trong sách quảng cáo của các nhà thuốc Nhị Thiên Đường, Đại Quang dược phòng. Tôi chưa nghĩ đem truyện đi đăng báo, đăng báo chắc khó. Tôi đoán đưa in kèm ở các sách quảng cáo thuốc có thể dễ hơn.  
Một chú khách xệ bụng, áo may ô trắng, quần ngủ kẻ sòng sọc, đứng trong quầy hàng, bốn phía tủ gương choáng lộn, hỏi tôi:  
- Mua gì?  
- Tôi gửi chú cái này.  
- Cái gì?  
- Cái quyển in sách quảng cáo.  
Nửa tháng sau, tôi lại qua phố Hàng Ngang. Vẫn chú khách béo bệu nhợt nhạt ấy. Trông thấy tôi - gớm, chú khách nhớ thế, chú rút ngay cuốn truyện vẫn cuộn tròn nhét ở khe tủ, và nói:  
- Cái “lày” không được, cái “lày” không được đâu.  
Không hiểu vì sao không được, không bao giờ tôi hiểu.  
Rồi ông Xá chánh kế toán lại không cho tôi đi các tỉnh làm sổ. Chỉ vì số tiền đi đường đã quy định cho người đi tính sổ, tôi thường tiêu mức nhiều nhất. (Là bịa thêm ra vài ba hào để mua báo bán cân) có thằng Sửu ở bàn giấy cũng đi làm sổ thế nhưng tiêu ít hơn tôi. Thế là tôi bị thằng Sửu đoạt mất chân lông bông các tỉnh.  
Nhưng tôi cũng không phải trở về ngồi xó buồng dán giấy lưu trữ quảng cáo... Tôi đổi sang chạy đi tính sổ cho các hàng tạp hoá bán kèm giầy Bata ở Hà Nội. Có độ mươi nhà. Mỗi đại lý có vài chục đôi giày, hàng tháng đảo qua, lên sổ một lần, nhoáng một cái đã xong.  
Tôi đi dong phố cả ngày. Thì giờ nhiều nhất tôi cuốc bộ lên ngồi dưới bóng những cây sấu âm u, trong tiếng ve sầu ảo não vườn Bách Thảo. Tôi lại đọc những tờ Tiểu thuyết thứ bảy bán cân, đọc báo Loa, xem truyện Sống mà yêu, tiểu thuyết ái tình chống xã hội của Chàng Sếu. Đọc hết lại nghiền lại Không phải vì thích, mà chỉ vì không có báo mới, mà tôi thì lúc nào cũng khát đọc.  
Ông chánh kế toán gọi tôi:  
- Ông chủ cho anh xuống làm cửa hàng Nam Định.  
- Nhưng tôi không có tiền ký quỹ.  
- Cứ đi! Hãng đương cần. Cũng là dịp may cho anh.  
Chao ôi, thế là tự dưng mà tương lai tôi có thể bước tới chỗ của cậu Quáng chủ hiệu Hàng Đào, của bà Hiếu sang trọng cửa hàng Hàng Khay. Tôi sắp được đi làm chủ cửa hàng Bata ở Nam Định. Người quản lý cũ, lão Quế, là một gã chơi bời. Lão ta ăn cắp bằng cách đánh tráo sổ sách. Sở chính biết mà chịu. Chỉ có cách đuổi lão đi.  
Nhưng tôi cũng chỉ có số ở Nam Định làm chủ hiệu chưa được nửa năm, rồi lại lủi thủi về. Chỉ vì, mỗi lần, trên sở chính xuống soát sổ, khám hàng, thấy trong giá nhiều hộp giày chỉ còn một chiếc. Người ta làm biên bản. Tôi ăn cắp giày hay người quản lý cũ? Cái tội tôi đã vô ý, những cái hộp đựng một chiếc giày ấy vẫn thế, lúc nhận bàn giao của lão Quế tôi chưa đếm đến. Nhưng tình ngay lý gian. Hay vì tôi bán hàng bị mất cắp. Hay vì sao, vì sao... Tôi chỉ biết thế là tôi mất tong chân chủ hiệu hờ và phải về nai lưng ra đi làm đền.  
Tôi về Hà Nội, ngày ngày đi làm. Tôi không được ở bàn giấy nữa. Tôi phải phạt, phải vào làm kho, khuân vác nhặt nhạnh, cũng từa tựa cu-li kho. Mỗi tháng sáu đồng tiền lương, chủ Tiệp trừ ba đồng. Có lẽ phải vài ba mươi năm mới hết nợ.  
Ông chánh kế toán bảo tôi:  
- Anh ăn cắp hay anh mất cắp, người ta không biết, không cần biết. Đằng nào thì hãng cũng mất của. Nhưng ông chủ không bỏ tù, lại cho đi làm trừ nợ, thế là phúc nhà anh to lắm.  
Ông ấy kể suýt nữa ông ấy cũng phải vạ. Vì đã có công bầu chủ cho tôi. Ông chánh kế toán cốt cho tôi hiểu cái tử tế của ông chủ, ông ấy không đánh tôi, ông ấy chỉ vặn tay tôi một cái và tôi không bị tù. Tôi may lắm, nhờ được ông kế toán, che, đỡ cho. Nhưng tôi cũng hiểu cứ tháng bị khấu nghiến đi nửa lương thế, phải bao nhiêu năm nữa mới đủ bù hết nợ chỗ tiền giày hụt. Không biết rồi làm thế nào?  
Ngày lại ngày.  
Tôi vùi đầu trong kho. Bên trong cánh cửa nào cũng toàn những đống giày xếp chất ngất áp trần nhà. Giày ôi là giày mùi cao su, mùi hộp giấy của các loại giày cao su, giày vải giày dế kếp, giày nhựa giả cao su, giày da, giày giả da, giày than đá giả da, dầu lửa giả da, miên man các thứ giày đang dìm người ta chết ngạt trong những nhà kho dài như con đường hầm tức hơi kín bưng từ bên phố Hàng Khay đâm sang phố Ca-rô. Những người cu-li vùi mình nằm ngủ lén trong đống giày chẳng khác những người chết đói trên đống rác.  
Giày ôi là giày, thế nhưng ở giữa lù lù những gò giày, núi giày, cái hơi sơn, hơi da, hơi thuốc kỳ quái và những hàng con số, những chữ lạ lùng, tôi lại nhìn ra trong bóng mờ mờ ngập đầu, hiện hình những đất nước và sông núi xa xôi quá. Tôi thấy thành phố Zlin tấp nập thợ đóng những đôi giày khổng lồ phải đến ba bốn người trèo lên mũi giày mới khoan được một lỗ kim để xỏ dây khâu, kỳ quái như trong truyện Du ký Guylive, thành phố Zlin bên nước Tiệp có những khoảng trời xanh và những cột ống khói phun ra cả nghìn vạn đôi giày.  
Không bao giờ có thể tưởng được ngót ba mươi năm sau có lần cái người làm công hạng bét cho hãng Bata ở xó xỉnh Đông Dương này tôi được có dịp đặt chân đến thành phố Zlin thủ đô giày, có trường đại học giày ở nước Tiệp.  
Những ý nghĩa và tưởng tượng vừa kỳ quặc, vừa đau khổ những truyện thế giới đại đồng rất say sưa hồi trước, bấy giờ chúng tôi lại ngồi kể lại với nhau trong cái kho giày tối om.  
Bởi vì tôi gặp lại trong kho giày nhiều anh em thợ, những phu khuân vác có chân Ái hữu thợ giày hồi phong trào Bình dân. Chúng tôi nghiễm nhiên coi như đã hiểu nhau, mặc dầu trước kia không quen biết. Chúng tôi cảm thấy những chuyện thế giới đại đồng bây giờ mờ mờ như chuyện cổ tích, không còn sôi nổi như năm trước. Xã hội tương lai của người ta ở đâu trước mắt chỉ thấy chiến tranh tứ phía rồi ai cũng cảm thấy và không biết còn nhiều chìm nổi đến thế nào.  
Một hôm, tôi đương dọn kho, vớ được tờ báo Đông Pháp. Tin nói bên Tây quân Pháp đương đánh nhau với phát xít Đức ở vùng chiến luỹ Maginô. Tin từ bao giờ mà tưởng mới hôm qua.  
Tôi bâng khuâng, mừng mừng lo lo. Chiến tranh lan rộng nghĩa là một cái gì đổ vỡ, đổ vỡ lung tung, có thể làm tan biến những cái tù túng, cái khốn khổ khốn nạn này. Có lẽ thế. Có lẽ thế.  
Từ dạo còn ở dưới Nam Định, tôi đã thấy ban đêm có bóng đèn xanh phòng thủ, có tàu bay bay tuần, thế mà ở đây có thay đổi gì đâu. Cuộc đời trong kho hàng cứ ngày một rúc ráy... Một tháng trừ nợ ba đồng, mất đứt nửa lương.  
Tôi ngao ngán quá. Một chiều kia, tôi quyết trốn khỏi cái kho giày phố Hàng Khay hắc xì mùi cao su và mùi giày hộp.  
Tôi bỏ việc. Nhưng tôi chỉ bỏ việc được mấy ngày, rồi lại loanh quanh lẩn thẩn nghĩ “Không có ba đồng một tháng đưa cho nhà thì cũng chết dở, thế là tôi lại lù lù đến. Hôm ấy tôi mới thấm cái lo của người mất việc. Ông chánh kế toán đẩy tôi ra tận thềm hè, xua xua tay:  
- Tôi xoá sổ lương anh rồi. Ông chủ mà trông thấy bây giờ thì anh tù mọt gông. Anh còn phải ra toà nữa. Cút ngay đi!  
Thế là tôi mất việc, có khi còn phải ngồi nhà đá nữa. Hai chữ “mất việc” rùng rợn ùng ục trong đầu. Đầu tiên tôi không dám nghĩ rõ ra thế.  
Không phải ông chánh kế toán doạ tôi. Mà lão Tây Tiệp chủ hãng còn gửi giấy đòi tiền và báo sẽ đưa ra toà vì thiếu nợ. Bấy nhiêu lâu tôi làm nhà Bata, có góp vốn sang tận Tiệp cho hãng chính mỗi tháng năm xu trừ vào lương cẩn thận, mà tôi cũng chưa tường hẳn mặt lão chủ Tây Tiệp ở đây. Cái thư doạ bỏ tù ấy là kỷ niệm cuối cùng.  
Tôi không sợ. Tôi không sợ bị kiện bằng sợ mất việc. Tôi đương phải đối phó trăm nghìn cái lo khác, chỉ vì mất việc.  
Bởi vì sự thực là đương mất việc rồi.  
Cái lúng túng nhất là mất việc mà không dám nói với ai ở nhà. Vẫn đóng vai đi làm, ngày hai buổi vẫn đi đều.  
Ngày ngày, tôi cuốc bộ vào thành phố, tha thẩn các vườn hoa. Tôi xem kiến bò đến tận hôm tôi có thể phân biệt rạch ròi ra từng loại kiến xây tổ khác nhau. Quả sấu từ ngày rụng mắt cho tới khi vàng vàng, quả sấu chín. Nước phun ở vòi và nước phun ở mõm con cóc ra có khác nhau tý nào không. Tôi ngồi chơi cách cái lưới sắt với hổ, với khỉ. Nhìn ông hổ nhe răng gầm ghè mà không làm gì mình được. Tôi thấm thía người ta đặt tên cho người thất nghiệp lang thang là thằng “xỉa răng cọp”. Có lần tôi trông thấy người thắt cổ buông chân lơ lửng trên ghế xi măng ở vườn Bách Thảo. Tôi đứng xem cái xác một người đàn bà mặc áo the dài trẫm mình chết nổi dưới những tàu lá sen Hồ Tây, cho đến lúc người ta khiêng đi.  
Ở vườn hoa Con Cóc, vườn Canh Nông, vườn Bôn Be vườn Đầm Xoè lượn lờ ngồi cả buổi cả ngày thì chỉ có là mật thám hoặc người thất nghiệp mới thong dong ngoài đường vào lúc đương giờ làm như thế.  
Tôi lại muốn viết truyện kiếm hiệp. Nhưng trong lòng bối rối không yên. Có hôm ngồi cả buổi trên đỉnh cái núi đất vắng vẻ trong Bách Thảo cũng không viết được một chữ. Thì giờ trống rỗng, không nghĩ ra điều gì, cũng không đọc được. Dần dần chỉ còn chồng chất lại những lo sợ, những hốt hoảng không đâu. Nhưng lo thế nào cũng chẳng nảy ra đồng tiền và chẳng đổi khác nổi những ngày rỗi rãi đằng đẵng đi được.  
Buổi chiều ấy tôi vừa về đến nhà, ông lý Sùng đem tờ giấy sức gọi tôi lên hầu phủ.  
Cả cái xóm nhỏ xôn xao. Quan phủ có trát đòi việc gì.  
Đến chỗ công môn bao giờ cũng chỉ là có chuyện bất trắc - xưa nay vẫn thế. Bà ngoại tôi đã lại kêu khóc lu loa lên rồi. Có người ngờ là giấy bắt lính. Có người đoán: dạo trước bên Tây đánh nhau, bên ta cấm các hội Ái hữu. Bây giờ quan phủ mới bắt những đứa trước làm Ái hữu lên hỏi tội.  
Tôi cũng băn khoăn tất cả các việc ấy như mọi người.  
Nhưng tôi lại cũng không nghi ngờ gì cả. Tôi đương như người trôi sông, không còn sức quẫy, trôi đến đâu thì trôi.  
Vào đến phủ Hoài, mới biết là giấy sức gọi lính thật. Bây giờ, các nơi đương bắt lính sang Tây. Lính khố đỏ, lính “bị ban”(5), lính “thợ không chuyên môn” lũ lượt kéo đi đã nhiều chuyến rồi. Chuyến này gọi đến người có học lớp nhất ra đi lính “thợ không chuyên môn” ONS, ôenet.  
Mấy chục người các làng trong phủ đến. Quan phủ ra vừa hiểu dụ vừa rũ tay:  
- Trên tỉnh bảo tôi sức giấy gọi các anh, chứ tôi chẳng biết việc gì đâu nhé. Đây là việc quan giám binh. Các anh có muốn kêu cầu thì vào tỉnh mà xin quan giám binh. Không muốn đi, người ta cũng tha về thôi. Không có việc gì ở đây.  
Xe ô tô vận tải có lính áp giải chúng tôi đi ngay. Không ai để ý những câu thoái thác mập mờ của tri phủ Nguyễn Hữu Trí ấy đâu. Có lẽ người ta đã nhàm với cách quan dưới sợ việc đổ cho quan trên và quan ta quan Tây đẩy việc như thế rồi.  
Vào đến tỉnh, vừa bước chân xuống bãi cỏ, đã thấy ông Tây giám binh ria vểnh cầm chiếc roi da, từ trong cổng bước ra đến trước mặt, tuôn một tràng tiếng Tây, tôi nghe đại khái:  
- Các anh vào lính đương lúc Nhà nước cần. Dịp tốt cho chúng ta bày tỏ lòng biết ơn Tổ quốc Đại Pháp. Và cũng là một cái may. Ở Đông Dương bây giờ kiếm việc làm không phải dễ. Các anh ra đi, khỏi mắc nạn thất nghiệp, khỏi phải về quê làm ruộng. Các anh có chữ, các anh sẽ được làm thông ngôn. Thông ngôn là một nghề có tương lai. Các quan An Nam ngày trước xuất thân đều làm thông ngôn cả.  
Nói xong, lão giám binh vểnh ria, đi thẳng. Mọi người bị lùa ra ngoài sân đứng xúm xít ăn bữa cơm nhà binh đầu tiên thổi bằng chảo, thức ăn chỉ có thùng nước xuýt luộc lòng và muối trắng.  
Hôm sau, nhà thương Hà Đông vào khám sức khoẻ.  
Người ta đồn chiều mai đi ngay Hải Phòng. Một tuần đợi dưới Phòng rồi xuống tàu thuỷ sang Tây. Cứ rối rít cả lên.  
Tôi gầy quá. Hai bên mạng sườn vêu vao như sườn tượng ông Phật “nhịn ăn” trên chùa, nhưng tôi vốn gầy thế thôi.  
Ông “đốc tờ” bắt tôi cởi trần ra. Mới chỉ nghiêng mắt kính lên nhác nhìn tôi, ông ta đã cúi xuống, đánh cái gạch chéo chì xanh vào hồ sơ. Tôi đoán thế là tôi được loại.  
Nhưng tôi tò mò và tinh nghịch hỏi:  
- Gạch chì xanh thế là tôi vào loại gì ạ?  
Lão “đốc tờ” già, có bộ ria “ghi đông” nhọn, bỏ kính ra:  
- Mày hỏi ai? Thằng này ở đâu nhâng nháo vào đây?  
- Thưa ông...  
- Ông cái tiên sư mày à?  
Một người thì thào vào gáy tôi:  
- Bẩm cụ lớn... Nói đi...  
Thật tình, tôi không biết người ta hàng ngày ở đây gọi lão bác sĩ này là cụ lớn đốc tờ. Làm sao mà tôi biết được người bệnh nào cũng cung kính “bẩm cụ lớn đốc tờ”. Tôi còn ngượng miệng lúng túng chưa nhắc lại được như người ta mách, lão “đốc tờ” đã dồn luôn:  
- Mày muốn đi à?  
- Không... không...  
- Thì tao cho mày đi. Cho chết bỏ mẹ mày!  
Rồi vẫn cầm cái bút chì ấy, ngược đầu đỏ lại, lão từ từ khuyên một khuyên tròn thật to lên trên cái gạch chéo ở tờ hồ sơ sức khoẻ có tên tôi.  
Tôi bị đưa ra cạo trọc đầu ngay giữa bãi cỏ rồi được phát một bộ quần áo vàng. Cánh tay tôi đeo cái băng vàng. Cái băng ấy chỉ tôi là lính thông ngôn. Người ta chia cho tôi bảy người lính. Một lính thông ngôn cho bảy lính. Không ai bảo tôi hiểu thế, lại cũng không biết có phải thật thế không. Chỉ biết rồi đi Hải Phòng, rồi ở đấy xuống tàu thuỷ sang Tây.  
Xung quanh trại lính khố xanh, bên ngoài mấy tầng mắt cáo dây thép gai, lố nhố người kêu khóc, người lách rào đưa nải chuối, gói cơm nếp, lại có người treo lủng lẳng cả cút rượu trên sợi dây thép cho người nhà ra lấy. Trong này ném ra bọc quần áo cuộn tròn vừa cởi lúc nãy, cho người nhà đem về.  
Lính khố xanh gác ngay ở bờ rào. Chốc chốc, người cứ xô đến, lính đánh túi bụi. Đám người nhà lại kêu khóc, lại chửi rủa ầm ĩ. Mỗi hôm người kéo tới mỗi đông. Đến tối, thì có hàng nước chè tươi và đám hát xẩm mò ra kiếm ăn. Như cái chợ con quanh đám bị bắt lính.  
Một buổi chiều, tôi trông ra, thấy bà ngoại tôi đã chen được vào tận hàng rào dây thép gai.  
Thấy tôi, bà tôi gọi to:  
- Cháu ơi! Cháu ơi! ông Tây chủ nhà giày có xin được cho cháu về không? Ông Tây chủ nhà giày ấy mà...  
  
Tôi sắp khóc mà phải mếu máo cười. Cái cửa hiệu Hàng Khay, Hàng Đào, cái kho giày kín hơi hắc xì, cái lão chủ Tây Tiệp mà tôi chưa bao giờ tường mặt lắm, cái thành phố Zlin xa vời, cậu Quáng và con chó tây bị hãm cũi. Tất cả, mờ mờ trong đầu tôi. Lâu nay họ có còn vướng víu gì đến đời tôi đâu.  
  
1969  
  
**Chú thích:**(1) Phố Trần Hưng Đạo hiện nay.(2) Khu vực quảng trường 1-5 bây giờ.(3) Một thứ vải thô, rẻ tiền.(4) Một câu tiếng Pháp ý là: Ông muốn đánh bốc với tôi không?(5) Lính bị ban: lính đã giải ngũ, lại gọi ra.

**Tô Hoài**

Tập tự truyện - Tô Hoài

**4. Hải phòng**

  Tôi nhớ đến Cư. Ở trường Yên Phụ ngày trước, anh em đặt tên cho nó là thằng hộ pháp Cư. Vì Cư to lớn nhất lớp. Mỗi ngày không làm ăn gì bây giờ thật là dài. Đây là những người bạn cuối cùng mà tôi điểm mặt. Dù thế nào nó vẫn có giá trị của cái bọt, cái ván mục lều bều trước mặt người trôi sông, lẽ nào tôi không hy vọng.   
    
Tôi đi tìm Cư. Qua cái ao nhỏ, xanh cứng những đám sen Nhật. Một gốc cây gạo to chắn giữa ngõ càng thêm chật chội lối đi Những chiếc hoa gạo đỏ chói mắt, những con quạ, con sáo rỉa hoa rụng xuống, làm cái ngõ lầy lội thêm. Đấy là cuối phố Ngọc Lâm bên kia sông, lối vào nhà Cư.   
Thằng Cư ở nhà một mình. Nó cởi trần, đánh cái quần đùi đen. Tôi chưa biết mặt bố nó, mà sao tôi trông nó thật giống hệt bố nó. Sự kỳ lạ đó xảy ra chỉ vì mặt nó vẫn bạnh quai hàm như thằng Cư năm trước, nhưng trên mép nó lại lún phún tý ria. Nói cho đúng, những sợi râu ngô hoe đỏ mọc loăng quăng. Nó già hẳn đi, tiếng nó vỡ, ồm oàm, rề rà, chậm rãi. Không còn cái vẻ thoăn thoắt lúc nó dá cầu, đá bóng đứng “*arie*"(1), đạp cái nào thì gãy "*tybịa*"(2) người ta như chơi.   
Tôi kể với nó là tôi định đi Hải Phòng tìm việc.   
Cư bảo:   
- Không phải đi đâu cả, mày cứ ở đây. Ơn trên xuống khắp hoàn vũ xa gần. Ơn trên...   
Tôi chưa hiểu câu cách ngôn hóc hiểm nọ. Cư đã lại nói:   
- Chúa *Giêhôva* sẽ cứu mày. Vì lỗi tôi ngài phải hạ trần mày biết không?   
Nghe đặc giọng đạo, như thày giáo Đặng Đình Hướng.   
Tôi đã hơi hiểu.   
- Chủ nhật này mày đi với tao. Mày lĩnh sách nhà thờ đem bán ăn tiền hoa hồng, lấy cái sống đã.   
Tôi ngờ ngợ, hỏi:   
- Đi có xa không?   
- Hàng Da.   
Đấy là cái nhà thờ đạo Tin Lành cạnh chợ Hàng Da, trên đầu tường có xây quyển sách to bằng gạch, ai đi qua cũng trông thấy. Tôi chưa vào bao giờ. Nhưng tôi biết cái nhà thờ ở đấy. Lại cũng biết nó là cái nhà đạo, vì nhiều khi đi ngoài bờ tường hay nghe bên trong có tiếng hát than vãn ề à lẫn tiếng dàn. Thằng Viên bạn lớp tôi ở trường Yên Phụ cũng được đi kéo đàn viôlông ở đấy.   
    
Tôi cũng biết những người bán sách đạo Tin Lành thường gặp họ trên xe điện. Người bán sách đạo nào cũng có nước da mai mái, gấu quần và cửa tay áo cáu ghét về vệt, tóc gọng kính, mặt đăm đăm. Khi nói huyên thuyên ba ngôi trời đất cao siêu xong đâu đấy, người bán sách dạo lần lượt đi chìa sách ra hai bên hàng tàu nài người mua. Ít khi lắm mới nhặt được vài ba xu. Khách đi tàu đường Bưởi, đường Hà Đông người đeo đãy tơ, người gánh rau muống, gánh giấy, gánh nước vo gạo, còn tất bật lo chen lên chen xuống, chẳng ai rỗi tai mà nghe rao sách đạo. Bây giờ Cư rủ tôi đi bán sách đạo.   
    
Thằng Cư còn nói như đọc lảm nhảm, thì thầm mắt nhìn đi đâu cho đến lúc tôi về. Ra đường, tôi vẫn còn băn khoăn.   
Tôi không tưởng được sao thằng Cư lại đi đạo Tin Lành chóng thế. Tôi không thể nghĩ một cái gì đứng đắn về việc ấy bởi vì xưa nay tôi cứ ngỡ việc đi đạo là việc của mấy người lẩn thẩn, bí hiểm thế nào ấy. Lớp bét trường tôi năm trước, thầy giáo Đặng Đình Hướng cũng điđạo Tin Lành. Đến giờ ra chơi, thầy đứng một góc sân, quyển sách che miệng, cứ thì thào nói một mình.   
Thầy giáo Hướng hiền lành thế mà một hôm cũng có người vào tận trường đuổi đánh thầy rách cả cái áo the. Đấy là người bên đạo Gia Tô, đạo có cố tây, họ bảo thằng đạo Tin Lành là đạo dối họ đến “*đánh chết thằng đạo dối*"(3).   
Tôi cứ nghĩ tôi ôm một chồng sách nhảy lên tàu, kể lể những câu bên đạo rồi chào mọi người hai bên mua sách, mà phần nhiều là bà con trong làng tôi xuống Kẻ Chợ. Tôi thà chui đâu thì chui.   
Thế là hết, thế nào tôi cũng phải đi Hải Phòng. Bạn bè cũng đương giúp tôi chuyến đi. Các bạn vừa muốn tôi tìm được công ăn việc làm, vừa đỡ phải cưu mang. Bởi ai cũng đại khái túng kiết sơ mướp như nhau cả.   
Lại Phú Cương cho tôi một đồng bạc lấy vé đi tàu. Trước hôm đi, tôi đến phố Bắc Ninh tìm Hồ. Hồ mơ màng nhìn ra đường, nói một câu kiểu cách quen thuộc. Nếu mọi khi nghe dễ ghét, nhưng hôm ấy tôi lại thấy cảm động.   
Hồ nói:   
Lên đường thôi! Thời đại này quả là thời đại của những người lên đường!   
Chẳng qua vì tôi không bấu víu vào đâu được nữa tôi phải “lên đường” đi cầu may. Hồ biết cả. Cái tật của anh hay nói khuếch trương thế thôi. Nói xong câu bóng bẩy ấy, Hồ lấy trong cái hòm gỗ khoá chuông ra, đếm được hai mươi quyển *Ái tình luận.* Đưa cho tôi, Hồ nói:   
- Cái này là cẩm nang tràng sinh. Bao giờ cần, đem nó ra, nó cứu được mình.   
Tôi đã hiểu câu nói theo lối sấm Trạng Trình ấy của Hồ.   
Hồ đã thường cắt nghĩa cho tôi nghe về cái thuốc tràng sinh này. *Ái tình luận* là sách của Hồ viết. *Ái tình luận,* tác giả Song Hồ. Quyển sách tám trang in, kể cả tờ bìa mỏng như tờ giấy thường. Sách giấy màu xanh, trong có những câu châm ngôn của danh nhân đông tây mà Hồ sưu tầm, in lẫn với những câu nhạt như nước ốc của Hồ bàn về tình yêu. Làm thế nào Hồ in được quyển *Ái tình luận* và in bao giờ, tôi không biết. Quyển sách không đề ngày tháng soạn, ngày tháng in.   
Do vậy, lúc nào nó cũng mới. Tôi biết giá trị của *Ái tình luận* là lương ăn như bánh dày khô. Mỗi lần đi xa, anh giắt lưng theo ít quyển. Có lần anh mang một trăm quyển *Ái tình luận, c*hỉ bán cho khách trên tàu, mà đủ tiền vé tiền ăn vào tận Sài Gòn. Như bán sách bên đạo ấy mà...   
Hồ cho tôi hai chục quyển *Ái tình luận* để hộ thân. Tôi cảm động câu nói văn hoá của anh là vì thế.   
Một ngày nọ, thế là tôi đi Hải Phòng. Nhiều bạn lên tiễn ở Đầu Cầu. Kẻ ở người đi đều hao hao cái hào hùng bi tráng rất tuồng về tâm sự Kinh Kha và người vĩnh biệt Kinh Kha mà cái ga Đầu Cầu này là bờ sông Dịch.   
Thái tử Đan và tân khách mặc áo trắng đưa Kinh Kha đến bờ sông Dịch. Cao Tiệm Ly gảy dàn trúc. Kinh Kha cất tiếng hát, ai nấy khóc, hát rằng:  *Gió hắt hiu chừ sông Dịch lạnh lùng ghê   
Tráng sĩ ra đi chừ không bao giờ về.*   
Những người đi tiễn đều trợn mắt, tóc dựng đứng xiên lên mũ. Thế rồi Kinh Kha lên xe, không ngoảnh lại.   
Kinh Kha ngày xưa sang Tần để giết người và biết trước không bao giờ về nữa. Còn Kinh Kha - Tôi chỉ đi Hải Phòng không giết ai, nhưng ra đi không có tiền về. Cho nên phải quyết tìm được cách sống ở đấy. Quả tình, Cương cũng muốn xoay cho tôi thêm đồng bạc giữ mình mà không đào đâu ra. Chỉ đủ tiền mua vé tàu đi và đi chân tay không mà thôi.   
Thế mà cũng có thơ đi thơ tiễn. Tôi nhớ hai câu trong bài thơ hơi hướng Thế Lữ của tôi gửi lại các bạn ở ga Đầu Cầu:  *Nắng mưa thuộc xém da lưu lạc   
Vành mũ phong sương cát bụi đầy*   
(Nhưng thật thì đi đầu trần không có mũ).   
Lúc tàu sắp chạy, thấy Cư đến. Thằng Cư ôm một bọc sách, chắc là sách bên đạo. Dáng hẳn Cư muốn cho tôi đem đi những quyển sách Tin Lành. Cũng để làm lương ăn đường.   
Lúc ấy Hồ cũng vừa đến, Hồ đem cho thêm mấy quyển *Ái tình luận.* Thằng Cư đứng im đằng kia không bước lại. Đến lúc tàu chuyển bánh, Cư vẫn xa xa một góc, không ai biết đấy là người quen tôi. Chồng sách ôm trên ngực, tay Cư che miệng, lẩm nhẩm, mắt lờ đờ, sao hệt thầy giáo Hướng trường tôi làm vậy.   
Tôi hỏi thăm đến đường Cát Dài, tìm được nhà Cần.   
Cần là bạn đã làm ít lâu với tôi ở nhà giày *Bata* trên Hà Nội. Năm ngoái, tình cờ gặp lại. Cần nói bây giờ Cần làm ga Hải Phòng. Lương công nhật, ngày chín hào, thôi thế đã gấp ba lương hiệu giày *Bata*. Mơ ước cao nhất của chúng tôi cũng đến thế là chót vót rồi.   
Câu rủ rê ấy khiến bây giờ tôi xuống Phòng với Cần đây.   
Sau này, mỗi khi nhớ đến vợ chồng bạn, bao giờ tôi cũng bồi hồi và nghẹn ngào không biết chữ nào nói hết được cuộc sống chúng mình ngày ấy. Trong nghề viết của tôi, ví như ai khuyên tôi dựng nhân vật phải theo quy luật cuộc sống - họ nói thế, nhân vật phải gồm hai mặt tốt và mặt xấu. Nếu có khi nào viết về Cần, về một người như Cần, tôi đành chịu có muốn cũng không thể làm theo lời khuyên ấy được. Lòng tốt của Cần và tình thương của vợ chồng anh đối với tôi không biết có “quy luật hai mặt” ấy.   
Cần cười hề hề, bảo tôi:   
- Nhà chúng mình đây, cứ ở. Bao giờ kiếm được việc hẵng tính sau.   
Thuý - vợ Cần, nói:   
- Anh đừng lo, có thế nào ở thế ấy, có gì ăn nấy.   
Nhưng tôi đã thực sự lo. Không lo sao được! Có gì ăn nấy thì chưa biết, nhưng có thế nào ở thế ấy thì tôi không hiểu ra sao.   
Vào nhà, lên đến chỗ Cần ở phải đi suốt cái gác hai, rồi qua một hành lang nhiêu khê lắm mới tới. Có lẽ đây là cái buồng tắm cũ. Kê vừa vặn được chiếc giường nhỏ. Thò chân ra ngoài thành giường, đã đụng vào tấm cánh sáo che hiên.   
Vợ chồng Cần có hai hòm khoá chuông để dưới gầm. Mọi thứ, quần áo và cả gạo, thức ăn đều đựng trong hòm. Cái hoả lò thổi cơm cũng nhét gầm phản. Buồng không cửa, chỉ có chiếc cánh sáo mà tối đến, lúc ngủ mới buông xuống được.   
Bấy giờ đã sang tháng tám, đêm se se lạnh.   
Tôi đã ở với vợ chồng Cần trong cái xó xỉnh tí tẹo như thế, thật kỳ lạ và oái oăm, thật gian nan mà mỗi lần nghĩ lại bao giờ cũng ngậm ngùi.   
Ngày ngày tôi đi dạo trong thành phố tha thẩn tìm việc rồi cứ liệu đến bữa về ăn cơm, tối thì rúc vào nằm trong cùng cái giường ấy. Cần nằm giữa. Vợ Cần nằm ngoài. Những tháng sau, khi trời rét hẳn rồi tôi kéo ghé một tí cái chăn dạ.   
Ngày lại ngày, tôi đi tìm việc. Thấy cái giấy dán ở đầu tường nào tôi cũng đến đọc, thấy cửa hiệu to, tôi ghé nghiêng nhòm vào rồi hỏi. Chẳng đâu ăn thua.   
Đôi khi, quẫn quá, tôi không dám về. Tôi ngủ đêm ngoài bến tàu Tây Điếc, chỗ vườn hoa chợ Sắt hay ngay ở Sáu Kho - hôm sau, sĩ diện, nói phét là gặp bạn nó rủ về nhà chơi và mời chén cơm cẩn thận.   
Tôi đã ăn hết tiệt cả hơn hai chục quyển *Ái tình luận.* Mà ngủ đêm ngoài đường thì rồi cũng có ngày đội xếp bắt. Mỗi hôm mỗi lo. Trong thành phố, ở các vườn hoa hay bất cứ một bãi cỏ rộng nào, đều đen ngòm những thùng tông ét xăng.   
Hồi ấy, người Pháp để cho Tưởng Giới Thạch đưa ét xăng vào Hải Phòng, rồi lại cho thuê đường tải lên phía bắc. Trên biên giới, từ các cửa quan Chi Ma, Pò Mã, Phục Hoà, Tà Lùng hay Bình Mãng, Bình Nghi trở ra đất Trung Quốc, các xe ô tô chở ét xăng cho Tưởng Giới Thạch bị máy bay Nhật đuổi, bom bắn suốt ngày đêm. Lái xe từ Hải Phòng lên, rồi vượt biên giới là những tay cảm tử, nhưng kiếm bẫm. Cô đầu, nhà thổ tiệm nhảy, cao lâu ở Hải Phòng bấy giờ, người ăn chơi những chốn ấy chỉ riêng có hai hạng lắm tiền, là các tay tài xế chí tử và những nhà giàu bên Tàu chạy loạn Nam Kinh, Thượng Hải sang.   
Loanh quanh, tôi lại về nhà Cần. Tôi cứ ngần ngại, chứ Cần thì bao giờ cũng chỉ cười hề hề. Vài hôm, Cần lại khoe với tôi: "Thế thì đúng mình là cháu cụ Đặng Trần Côn, chi mình là Đặng Khắc, cụ là Đặng Trần”. Nhưng nghe tôi cắt nghĩa thế, Cần biết thế, chứ Cần cũng chẳng biết *Chinh phụ ngâm* là quyển sách gì - tôi đoán vậy.   
Ngày nào Thuý cũng đi chợ. Suốt tháng chúng tôi ăn toàn giá luộc, rau luộc. Thỉnh thoảng, đi dạo phố. Có khi Thuý hẹn mấy cô bạn, hình như làm gái nhảy ở tiệm nhảy nào đấy, cùng đi chơi. Tận khuya mới về và mỗi người làm một bát phở thay cơm. Hôm ấy là tiệc chủ nhật.   
Ở tầng hai có nhà ông phán Quý, đối diện cái hang của chúng tôi. Nhà ông Quý rộng gấp mười nhà chúng tôi. Ông ở ba buồng, một buồng để làm bàn thờ tổ tiên oai nghi những đồ đồng và các thứ sơn son thếp vàng. Ông lại chiếm thêm cái hành lang đi vào bếp với hai buồng xép con con như cái cũi đựng củi. Những nhà ở trong cùng, khi ra phải đi qua hành lang và trước cửa nhà ông phán.   
Hàng ngày tôi ra vào qua nhà ngoài, qua hiên, trông xuống sân sau nhà dưới, đi trên những đám khói bếp bốc đặc sệt, cay đến chảy nước mắt, trong tiếng dội nước ào ào, mọi người các nhà cãi nhau liên miên, tưởng không bao giờ ngớt nghe mãi hoá nhàm tai vì tiếng chửi bới cũng giống tiếng nước chảy rào rào mà thôi.   
Tôi đi đều đặn giờ giấc như người đi làm - chỉ khác là chẳng đi làm gì. Đầu tiên, tôi dạo một lượt khắp các phố. Bao nhiêu lần mà vẫn không nhớ phố nào phố nào. Trong lòng rối như tơ vò, còn biết được đi đâu về đâu. Tôi có cảm tưởng đây không phải thành phố Hải Phòng trong tưởng tượng, khi tôi chưa đến. Cả đến cái nhà ông phán Quý cũng chẳng có gì lạ.   
Đường phố Hải Phòng cũng như quang cảnh nhà ông phán Quý chẳng bận đến tôi.   
Nhưng rồi tôi cũng phải để ý nhà ông phán Quý, vì những chuyện kỳ quái. Trước nhất, hai cái buồng xép để củi đối diện trước cửa bếp không có cánh cửa. Ông phán Quý đã đặt ở đấy những cái dõi dài như dõi cửa cũi. Khoá cẩn thận. Y như thế, mỗi lần đi qua, nếu nghe phía sau cái mành trúc nhà ông phán Quý có tiếng cãi nhau, chửi nhau, có khi là tiếng thét, tiếng đập phá đồ đạc gì đó, thì lúc về thế nào tôi cũng trông thấy trong hai cái buồng đối mặt có người ngồi trong đấy. Mỗi bên có một cụ già, gầy gò, nhăn nheo không biết tuổi thế nào. Hai cụ đều đầu trọc nhẵn. Nếu một cụ không có bộ râu bạc tua tủa, chẳng thể biết cụ ông hay cụ bà ở cũi bên nào. Cụ bên này ngồi nhìn ra, cụ bên kia quay mặt vào tường. Chưa bao giờ thấy được hai cụ ngồi nhìn sang nhau. Như xấu hổ với người qua lại, lại vừa như ghét nhau.   
Ông phán Quý đi làm, có xe nhà đưa đến sở.Rồi anh xe quay về, kéo bà phán đi chợ. Ngày nào cũng thế, mỗi khi bà phán Quý đi chợ hay đi đâu, bà lại đưa gửi Thuý hai cái chìa khoá.   
Bà phán nói:   
- Có ai gọi đi ỉa đi đái thì tôi nhờ mợ mở hộ.   
"Ai" đây tức là hai cụ già. Biết tôi mới đến, ông phán Quý cắt nghĩa cho tôi nghe:   
- Người già lẩm cẩm chúa hay cãi nhau đánh nhau, loạn quá. Bây giờ các “*luý*" đương cơn tức nhau, “*moa*" mà thả các "*luý*" ra thì lung tung, đố các “*vu"* ở nổi cái buồng ấy. Cứ phải tống vào nhà pha vài hôm thế mới xong.   
Tôi được biết đấy là hai cụ thân sinh của ông phán và ông phán đã nghĩ ra mẹo ngăn các cụ cho khỏi cãi nhau đánh nhau bằng cách phạt giam bố mẹ mình vào cũi như vậy.   
Tôi vẫn mải miết đi tìm việc.   
Con đường Cát Dài dài dặc. Bụi bốc trắng bay là là mặt đường đá trắng. Mỗi hôm gió may càng thổi sâu vào mùa đông. Trở giấc, tôi nghe gió quét rào rào ngoài kia. Cái lạnh cứ tê dần từ các ngón chân lên hai đầu gối.   
Những lúc ấy không thể ngủ được. Có khi chúng tôi còn thức, nói huyên thuyên đủ các thứ chuyện.   
Cần bâng khuâng hỏi trong bóng tối:   
- Không biết đời chúng mình cứ thế này đến bao giờ?   
Tôi không hiểu Cần băn khoăn về cuộc đời theo nghĩa đen hay nghĩa bóng, còn tôi thì đương nghĩ đến một cái gì mơ hồ buồn lắm. Ngoài bến Sáu Kho, đậu những con tàu trắng toát, những con tàu xám ngắt, thỉnh thoảng những con tàu ấy từ ngoài biển vào đỗ giữa những đám thuyền tam bản rách nát, đen xỉn, lờ đờ bơi quanh bờ nước. Vài hôm, con tàu đại dương lại rời cảng ra khơi. Tôi đứng trông theo, ước cái thân được như con tàu. Viển vông thế thôi, chứ mình đương khác nào đám thuyền buồm rách, cuộc đời ngập trong vũng nước của bến sương mù buổi sáng từ mặt đất bốc lên, không trông xa quá vài bước.   
Mỗi ngày qua, chồng chất những nghĩ và nghĩ. Làm sao ở yên mãi được trong cảnh cái giường một mà ba người nằm thật oái oăm này. Bây giờ còn lạnh, ít nữa, mùa hè nóng nực tới thì sao. Vợ chồng Cần lặng lẽ và bình thường đến nỗi tôi tưởng tôi có thể ở một cách thản nhiên thế mãi và tôi chỉ giật mình khi tự xét thấy làm người mà phải nằm ngồi rúc ráy đến như thế thì tủi nhục quá. Tôi có cảm tưởng mọi người ở nhà dưới, nhà trong đang căng mắt nhìn "cái thằng ba người một giường" đi qua... Làm sao không tò mò và kinh tởm nữa.   
Mà Thuý thì bụng đã khạng nạng gần tới tháng đẻ. Tôi nóng ruột, phấp phỏng, như một việc gì ghê gớm có thể xảy ra.   
Tôi vẫn may rủi hàng ngày vẩn vơ đi tìm việc, mà việc vẫn xa lắc xa lơ đâu không biết.   
Một buổi sáng, chúng tôi còn ngồi cả trên giường, nghe tiếng bà phán Quý léo nhéo ngoài đầu tường.   
Cần nói:   
- "*Sừ*" phán nhà ta lại thua bạc rồi.   
Đã thành lệ, đầu tháng nào ông phán thua bạc không đủ tiền lương đem về, bà phán lại chửi dong suất mấy ngày, chửi dong như thế, như chửi, lại như hát, không biết chửi ai, chửi người hay chửi ma, lúc giọng cao lúc giọng thấp. Tôi trông xuống thấy ở đầu cầu thang có một đống giấy đương cháy trong khi, bà phán, mặt xám ngắt, khểnh chân bước lại bước qua đống lửa.   
Thuý cũng nhìn xuống, rồi quay lại, che miệng, cười khẽ:   
- Bà ấy đốt vía?   
Buổi trưa, tôi ở ngoài phố về đến đầu hiên, ông phán Quý đột ngột gọi tôi lại, sừng sộ:   
- Nói thế này "*vu*"= Vous ( các ông,) đừng giận nhé, làm cái giống tôm cứt lộn lên đầu như các “*vu*" thì đến bên Tây cũng chưa có thế đâu?   
- Ông nói gì tôi không hiểu.   
- Vợ "*moa*" ( moi = tôi) nó đã nổi tam bành lên đấy. Nó bảo các “*vu*" chơi trò quái quỷ thế, đâm ra *súi quẩy* nhà "*moa*", "*moa*" thì thua rền, hai cụ nhà "*moa*" lớp này giở chứng nện nhau luôn thiệt hại quá lắm.   
- Ông nói cái gì chứ?   
- Vả lại, "*en*" to bụng, các "*vu*" phải...   
Lúc ấy, chắc mặt tôi tái đi, tôi run lên:   
- Ông không được nói...   
Phán Quý cười nhạt:   
Nếu các "*vu*" cứ "*phớt*" thì đây đã có cách. Báo trước cho mà biết.   
Vợ chồng Cần nghe to tiếng đã chạy ra, Thuý khóc bíu lấy Cần, mới can được Cần khỏi xông vào đánh phán Quý.   
Mấy hôm, Cần gác sẵn thanh củi tạ lên thành hiên. Tôi biết ý, lại vứt vào gầm giường. Chúng tôi bỗng buồn hẳn đi.   
Cần không hay cười hề hề, không hay nhắc lại cho tôi biết Cần là cháu ông Đặng Trần Côn nữa. Những lời nghi kỵ và xúc phạm kia không gây một điều nghĩ ngợi nào trong chúng tôi nhưng đã khiến chúng tôi đau đớn, nhức nhối trong lòng.   
Tôi vẫn miên man mải miết, qua từng phố. Thấy cửa hiệu nào có quầy trả tiền, có người đứng bán hàng, hay có người ngồi ghi ghi, chép chép, tôi hiểu là ở đấy có việc làm, có thể mượn người làm, tôi vào hỏi.   
Nhưng vẫn không có việc ở đâu đợi tôi.   
Bà phán càng quá hơn, ngày nào cũng chửi. Bây giờ ai cũng biết là bà chửi chúng tôi. Bà lên xuống, giọng thánh thót. Bà réo thẳng *bọn "ba thằng ngô con đĩ* ", không úp mở nữa.   
Tôi càng bồn chồn. Trong cung cảnh đáng điên tiết như vậy, tôi cứ tưởng như bất chợt có thể phải đổ máu gãy chân gãy tay không biết chừng. Càng sốt ruột, càng lo.   
Một hôm, giữa phố Khách chật chội chen chúc người đi có cái xe bò chở rác lộc cộc qua. Người phu lục lộ lắc chiếc chuông đồng buộc bên càng xe. Hai bên phố nghe tiếng chuông, chạy xô ra, xúm xít bíu quanh xe đổ rác. Người phu lắc chuông lúc nãy đứng cầm cái rĩa sắt, thấy tý rác nào dùng được, một miếng vải cũ, một cọng rau muống còn chiếc lá tươi, một cái lọ con con, người ấy xọc rĩa, nhấc lên, lấy ra, bỏ vào cái giỏ riêng của mình treo dưới thành xe.   
Tôi để ý một anh đương khom khom trong nhà bưng sọt rác chạy qua. Anh mặc bộ quần áo nâu bạc. Sao mà giống cái thằng Tường hồi cùng học lớp tư trường Yên Phụ với tôi. Giống đến nỗi tôi phải buột miệng gọi:   
- Tường?   
Nó quay lại. Tường thật. Tường cũng nhận ngay ra tôi.   
Nó hất vội sọt rác lên xe rồi bước lại trước mặt tôi, hỏi:   
- Mày đi đâu xuống đây?   
Tôi không đáp, tôi hỏi lại nó:   
- Nhà mày dưới này à?   
Tường nói:   
- Không, tao xuống đây làm thôi.   
Tôi hỏi:   
- Mày làm gì?   
- Đấy?   
Nói xong, Tường chép miệng:   
- Cũng là trợ thời qua ngày để tìm việc khác.   
Tôi đã nhận ra câu hỏi hớ, khiến Tường phải che đậy sang chuyện đường xa. Tôi vội chữa:   
- Tao cũng đương chết dở, cần việc chẳng có đấy!   
- Thế thì mày cứ đến cửa hiệu, tao đem trình chú ấy xem xem. Làm với người Khách chỉ phải cái việc tạp, nhưng mà được ăn vặt cũng no. Chịu khó vậy.   
Tôi còn nhiều lần đi qua cái phố Khách. Mấy phố khách lủng củng người và xe hàng, toàn những hiệu buôn của người Trung Quốc. Tôi trông thấy Tường ở trong cái cửa hàng chất đầy bao bì phồng to. Đấy là cửa hàng đường. Suốt ngày rậm rịch những người phu khuân vác, đầu trọc, cả đến vuông vải lót vai cũng ướt đường và đẫm mồ hôi. Những bì dường cao hơn đầu nằm nghiêng trên vai, họ chạy rầm rầm vào kho, ong bay theo à à, ai trông thấy cũng phải tránh dạt ra.   
Tôi thấy Tường, khi quét nhà, khi quẩy nước, có khi cởi trần bổ một đống củi tạ ngay trên bờ đê - công việc hàng ngày của thằng nhỏ hầu hạ chủ nhà.   
Có lúc tôi đi vòng quanh cửa hiệu ấy mấy lần rồi quả quyết vào. Nhưng cứ sắp bước sang hè đường, tôi lại thôi. Có lần bạo hơn, đã sang hẳn bên thềm, đặt chân vào nhà rồi, tôi trông thấy thằng Tường chăm chú lúi húi trước cái chậu đựng nước bẩn và cái giẻ lau để rửa quầy đặt những cái cân tạ, mà ruồi, nhặng, ong cứ vù vù bay. Tôi toan gọi Tường, nhưng rồi tôi lại hốt hoảng lủi ngay vào đám người đang nhốn nháo qua trên hè phố, chốc chốc lại xiên ngang một tốp phu hùng hục khuân những bì đường.   
Tôi đã tự thấy tôi không dám bắt chước thằng Cư đi đạo Tin Lành. Tôi cũng không theo được Tường đi ở cho hiệu Khách. Không phải tôi chỉ xấu hổ, mà tôi không đủ can đảm.   
Một hôm Thuý hỏi tôi:   
- Anh đã tìm ra việc gì chưa?   
Từ ngày đến ở nhà bạn, chưa bao giờ Thuý hỏi tôi như thế. Tôi chợt hiểu. Thuý có điều gì nghĩ về tôi. Tôi sợ sệt như một kẻ có lỗi. Bấy lâu, vì tôi mà vợ chồng Thuý mang tiếng.   
Tôi bặm môi, ngượng nghịu thở dài. Nhưng Thuý đã cười vẻ nghịch ngợm:   
Tôi bảo anh cái này nhé. Mấy cô bạn tôi làm "*cavalie*"(4), anh biết đấy, chủ nhật này ta đến chơi chỗ chúng nó, chúng nó nghèo, nhưng tốt. Cứ tán sát sạt nhé. Cô nào mà bằng lòng "bao" thì cũng được, đỡ hơn cái cảnh thất nghiệp nhiều. Phải chịu khó thế. Đến lúc có việc hãy hay, anh ạ. Nhưng anh phải mạnh bạo lên. Chúng nó tự nhiên lắm. Mình "*alaxô*"(5) gấp đôi mới ăn thua.   
Tôi sẽ mạnh bạo lên. *Alaxô! Alaxô*! Vâng, tôi sẽ mạnh bạo lên. Ô hay, tôi đã cảm kích về cái kế xoay xoả cho tôi có thể sống tạm như thế, của Thuý. Tôi sẽ làm... Thuý đã dạy khôn cho tôi nhiều lắm. Mạnh bạo lên, xông vào, mạnh bạo lên.   
Tiếng thúc giục, rền rĩ.   
Chiều chủ nhật, vợ chồng Cần và tôi ra phố. Họ dẫn tôi đến chỗ phải thử thách. Tôi nhớ mang máng cái gác nhà các cô bạn Thuý ở gần chợ Cột Đèn. Vừa nhô lên khỏi mấy bậc thang gỗ ở góc nhà, đã trông thấy bốn năm cô nằm ngổn ngang, ngay đầu sàn. Trước mặt tối om, suýt bước qua mà không biết. Đến lúc trông đã tường thì thấy có cô ngủ, cô cởi trần, cô mặc coócsê. Có cô chỉ có cái xi-lip nồng nỗng. Mới vào tự nhiên là thế đấy. Tôi cũng bình tĩnh, chẳng lo lắng quái gì.   
Tôi đã quyết rồi.   
Các cô ngóc đầu như tằm đợi dâu và reo lên, rồi lao xao hỏi rất ngổ:   
- Chú em nào thế này?   
Thuý cười:   
- Biết rồi còn vờ. Anh đây trông thế mà tài lắm nhé.   
- Tài gì nào?   
- Tài lấy cái ghẻ.   
Lập tức, các cô nháo nhào xông đến trước mặt tôi và cả mấy cô xoè tay cùng một lúc "Anh nhể cho em con cái... Anh làm ơn... Em trước... Em trước...". Thế là, tuy mới chân ướt chân ráo, nhưng đã được các cô vật nài, khẩn khoản như thân tình từ bao giờ. Thuý cứ cười nháy nháy mắt nhìn tôi, ý giả Thuý đương đánh giá cho điểm và thấy được bước đầu như vậy là khá thuận buồm. Tôi vẫn tự nhiên, lặng lẽ, bình thường. Bởi vì tôi cũng thạo tìm đường ghẻ ăn trên bàn tay, ở cả kẽ chân, tôi biết nhể cái ghẻ thật.   
Sau lúc các cô ồn ào xếp hàng tay để tôi mượn cái đanh ghim lần lượt khêu ghẻ cho cả hai bàn tay năm cô, mọi việc êm ả trong căn buồng nhỏ giáp mái, bí hơi nặng trịch những mùi phấn sáp, mùi biăngtin “Con voi” ba hào, mùi mồ hôi, hôi nách và mùi quần áo trong thay chưa giặt, khai nồng.   
Tôi vẫn biết Thuý có quen mấy cô gái nhảy. Hay Thuý trước cũng làm nghề ấy, tôi không biết. Trong con mắt người đói việc, nhảy đầm cũng là nghề làm ăn bình thường. Và khi Thuý nói, tôi nghĩ đến những tiệm nhảy *Pagốtđông* hay *Phêgát*, *Pécgôla* hoặc xoàng ra, cũng *Tài Á* hay *Lục Cảnh* ở giữa thành phố mà đêm đêm các cô gái mỹ miều trong ánh đèn xanh đỏ với tiếng nhạc rập rình. Nhưng những cô gái nhảy nhà gần chợ Cột Đèn này không có được cái tốt mã và tốt số (Hay là tại tôi chưa được trông thấy giữa ban ngày một cô gái nhảy nào). Tôi có cảm tưởng các cô này cười cười nói nói đấy, nhưng sau tiếng cười, nét mặt đã ủ ê ngay lại. Cô nào cũng hốc hác hoặc sệ ra, vẻ mệt mỏi. Cô nào cũng già úa. Lúc nãy, họ gọi tôi là "chú em" cũng có lý. Những cô này đích thị gái điếm, không phải gái nhảy. Hoặc có làm tiệm nhảy cũng chỉ đến châm đèn, bưng nước, sai vặt. Chứ ai mà nhảy nhót với các cô nhày nhụa như thế. Nghĩa là, tôi cứ nhận xét chơi thế, trong khi lời Thuý dặn, tôi vẫn đinh ninh. Tôi đương một xu không dính túi, đương định “làm tiền" lại của cô gái làm tiền. Ví với cái giẻ lau tôi cũng chưa dáng, cành cao lá dài đâu mà khen chê ai.   
Tôi ngồi đối diện một cô gầy nhất bọn - như cái que đóm lưng cũng cong cong như cái dòm mỏng. Hình như Thuý muốn sắp tôi gần cô khác, nhưng tôi đã ngồi vào đấy rồi không tiện đổi chỗ. Cô này chắc có bệnh gì. Mặt cô xanh lướt:   
Cô nói, miệng thở hơi rất tanh và cứ chốc lại nhăn mặt ợ, rồi nắm tay đấm trên bụng áo vài cái. Nhưng tình thế trước mắt cũng không để tôi kén chọn nữa. Con mắt lúc nào cũng giục giã gấp gáp của Thuý. Tôi thấy tôi phải quả quyết làm ngay một việc ghê quá đối với tôi để đáp lại lòng sốt sắng của Thuý.   
Tôi nhớ có lần có đọc quyển truyện gì của *Muytxê(6)* tả cảnh đám đông ngồi ăn hai bên cái bàn, có người con trai tỏ tình với người con gái, người con trai đặt nghiêng chân mình lên chân bạn ở dưới gầm bàn. Nhớ thế, và bắt chước ngay. Tôi đoán ước phỏng ra cái chỗ chân cô gầy guộc ngồi trước mặt tôi, tôi nhẹ nhàng đặt chân tôi xuống.   
Ăn ốc bao giờ cũng vui nhộn vì những tiếng húp soàn soạt, tiếng xuýt xoa ớt cay. Các cô nghề này chỉ thích bún ốc.   
Chân tôi đã đụng gấu quần nàng. Tôi bèn ý tứ đưa lui lại một chút để đầu ngón chân tôi chạm vào gót. Mọi việc đều xảy ra ngầm dưới gầm do trí óc tôi điều khiển và tưởng tượng làm gì thì mắt tôi cũng không trông thấy, và tôi vẫn điềm đạm húp bát dấm ốc cay. Chân tôi đã chịn mạnh vào rồi mà sao tôi vẫn thấy nàng ta thản nhiên gỡ một lớp bún lá xuống bát. Tôi cứ để yên chân tôi như thế. Cái chân tôi đụng phải mà nàng vẫn lặng im, thế là bằng lòng rồi. Tôi bỗng bàng hoàng nửa mừng nửa sợ như thấy cái giao kèo bí mật của đôi bên đã xong. Rồi cuộc đời tôi sẽ như thế nào, từ đây.   
Bỗng nhiên, suỵt một cái, nếu không nhanh tay, tôi đã bị ngã tụt xuống gầm bàn. Cái chân cô kia đột ngột thúc gót một cái mạnh quá. May tôi chỉ để sánh ít nước ốc và cái bàn hơi rung. Khi đó, mọi người chợt cười vang và có lẽ không ai hiểu mình cười gì. Tôi thì tôi đương chín cả người. Tôi nghĩ họ cười tôi Cái cô kia vừa đá ngầm tôi cũng cười như mọi người và cô vẫn tuần tự gỡ từng con bún xuống bát mình.   
Từ đấy đến lúc về, tôi câm hẳn, không nói được câu nào nữa.   
Vừa ra đến đường, Thuý đã nhận xét:   
- Sao trông anh cứ lầm lầm thế nào ấy?   
Tôi cười ngẩn ngơ:   
- Thuý không biết, suýt chết.   
Hôm sau tôi mới kể Thuý nghe câu chuyện ngoắt ngoéo đã xảy ra dưới gầm bàn.   
Thuý cười ngặt nghẽo:   
- Công tử Hà Nội mà hớ ở là hớ. Hất đi mà lại là bằng lòng, cứ làm bừa nữa đi chứ.   
Tôi không tin. Và tôi ơi là tôi, tôi cũng không nghĩ được ra nếu cứ dấn vào thì nên làm những như thế nào. Thuý không bị suýt ngã nên Thuý không tưởng được cái hất cáu kỉnh đã khiến tôi đau điếng cả trong lòng và cả bàn chân.   
Nhưng khi nghe Thuý nói thế, trong tôi lại nảy một nhận xét và mong manh một hy vọng khác. Hay là mình đã quặp nhầm chân cái cô bên cạnh, cô khác, không phải cô gầy gầy trước mặt. Nó thế nào chứ mình có thò chân sang đường đột lắm đâu. Có lẽ vậy, vì thấy mặt nó vẫn bình thản, và nó vẫn gỡ bún. Nhầm thật. Nếu thế phải làm lại, một dịp khác, sẽ làm...   
Tôi nghĩ loăng quăng xa gần cả đêm. Sáng hôm sau, tôi ra đường sớm. Nhưng không phải tôi đến cái gác gần chợ Cột Đèn để tìm cách làm lại cái quặp chân. Tôi chỉ mạnh bạo lúc nghĩ vẩn vơ. Chưa mấy khi đêm nghĩ hung hăng thế, sáng hôm sau lại đi làm thế được. Trời sáng, tôi có cảm tưởng mặt tôi đã bệch ra vì nỗi lo, và lại tủi thân. Tôi không thể làm thế.   
Thuý rất tốt. Nhưng chết thôi, chết thì thôi tôi không thể thảm hại đến vậy.   
Tôi lại đi vẩn vơ qua những phố Trung Quốc, phố Đông Kinh, các phố có nhiều cửa hiệu, tôi lại vào hỏi xem có hiệu nào mượn người làm không. Mà trước khi hỏi đã biết khó lòng có. Tâm sự người hỏi việc càng nẫu ruột. Những nhà tây cao đẹp, nhưng cửa đóng, tôi không dám vào. Tôi đã nhiều lần vào hết các hiệu khách ở phố buôn bán. Không còn chỗ mới nào hỏi nữa. Mỗi đêm, nghe tiếng còi tàu thuỷ rống "tun tun" ngoài cảng, như nghe tiếng gọi của hy vọng. Những cái tàu kéo còi chào bến để nhổ neo, niềm hy vọng vu vơ chưa đến đã ra đi rồi.   
Từ sớm, bà phán Quý đã bắc ghế ngồi trong nhà chửi vóng ra. Tiếng bà rin rít vi vút trên đầu tường. Lúc đi qua, tôi đã biết thế.   
Đến trưa ông phán Quý đứng trước hiên, vén bức mành, nhổ toẹt miếng nước súc miệng ngay trước chân tôi vừa bước tới, rồi nói:   
- Này, này? Tối nay mà "*vu*" còn về đây tụ bạ vô luân lý sẽ có đội con gái đến điệu các “*vu*" về bóp. Là "*moa*" có tính làm phúc hay thương người, "*moa*" bảo trước cho mà biết.   
Tôi không trở lại nhà Cần tối hôm ấy. Tôi cũng không nói cho vợ chồng Cần biết tôi đi đâu.   
Trong túi không còn một chinh. Nhưng tôi lại trở về Hà Nội. Kinh Kha không kiếm được việc cũng không dám chết ở đất khách, đành cuốc bộ về Hà Nội, Kinh Kha cuốc bộ về...   
1970, Hải Phòng   
    
Chú thích:   
(1) *Tiếng Pháp: hậu vệ bóng đá.*   
(2) *Tiếng Pháp: cẳng chân.*   
(3) Thời thuộc Pháp, người theo đạo Gia Tô bỉ báng người đạo Tin Lành là đạo giả.   
(4) Tiếng Pháp: gái nhảy.   
(5) Tiếng Pháp: đại ý là xông vào.   
(6) Tiểu thuyết *Bệnh thời đại* của A. Muytxê.

**Tô Hoài**

Tập tự truyện - Tô Hoài

**5. Một quãng đường (1)**

1.  
Một hôm, Như Phong đến nhà tôi.  
Bấy giờ là cuối mùa hè năm 1943. Mấy năm trước tôi đã có lần gặp Như Phong, nhưng chúng tôi chưa quen nhau. Tôi chỉ biết trên tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy* tôi đã đọc những truyện ngắn Như Phong từ hồi tôi làm nhà *Bata*, mua báo *Tiểu thuyết thứ bảy* bán cân. Truyện có một không khí mới, đem đến những suy nghĩ man mác đẹp cho người đọc. Anh hoạt động phong trào Thanh niên Dân chủ.  
Tôi đã có lần gặp anh ở toà báo *Thế Giới,* phố Phạm Phú Thứ gần chợ Hàng Da. Tôi đến đây vì thích nghe các anh ở toà soạn hay nói chuyện thế giới đại đồng và chủ nghĩa cộng sản.  
Hồi ấy, tôi chưa vào nghề văn.  
Một bạn ở toà báo đã trỏ Như Phong và Trần Mai Ninh cho tôi trông thấy. Tôi lại nghe đồn Như Phong, trong ngày cưới, không chịu lễ sống các bề trên nhà gái, vì vậy nhà gái không cho đón dâu. Tuy thế, chuyện bản lĩnh con nhà giàu ấy cũng thật xa xôi với tôi. Tôi yêu văn Như Phong và vì tôi biết anh tham gia cuộc đình bút của các nhà văn chống ông chủ xuất bản *Tân Dân*. Anh đã bị mật thám Pháp bắt, sau khi các tổ chức báo chí công khai của đoàn thể phải đóng cửa. Những diều đó đủ cho tôi thật bồng bột, khi gặp Như Phong.  
Như Phong bảo tôi:  
- Đoàn thể muốn gặp...  
Tôi chỉ nhớ Như Phong cho một cái hẹn, đưa tôi quyển *Tuyên ngôn, chương trình và điều lệ Việt Minh,* một tờ báo *Cứu Quốc.* Sách báo bí mật của Tổng bộ Việt Minh hồi ấy in li-tô giấy xanh, gấp cả hai thứ lại chỉ báng bàn tay.  
Tôi biết đây là sự tin cậy, mặc dù chúng tôi chưa thật biết nhau. Thời kỳ ấy, thanh niên khao khát lý tưởng, như người đi nắng khát nước, chỉ nghe đồn cũng đã tìm đến bày tỏ nỗi băn khoăn và đánh bạn với nhau. Những người yêu văn những người viết văn cùng một lứa, chỉ đọc một truyện ngắn một bài thơ với những lời xa xôi bằng những chữ Ngày Mai, Trời Hồng, Nhân Loại... viết hoa, thế là chúng tôi đi tìm gặp nhau. Chúng tôi hiểu đấy là người cùng chí hướng.  
Đến ngày hẹn, tôi đi tàu điện xuống Quán Thánh, rồi rẽ về Hồ Tây, qua đường Cổ Ngư, lên phố "Lốc cốc No"(1).  
Cũng con đường này, những năm trước, tôi đi học trường Yên Phụ.  
Tìm đúng số nhà 126, tôi gõ cửa.  
Cái cửa gỗ màu gụ, chạm trổ, có quả đấm sứ và rèm vải treo trong. Đấy là một nếp nhà và một căn phòng đẹp. Nhà lát đá hoa, ghế sa lông, lịch treo tường, thoáng và đơn giản, lịch sự.  
Mở cửa mời tôi vào là một thanh niên. Anh mặc sơ mi trắng, đeo kính trắng và tự giới thiệu tên là Uy. Chỉ một cái bắt tay chặt và cách nhìn nhau, nói thế, cũng như với Như Phong hôm trước, chúng tôi nghiễm nhiên coi như đã biết và ngầm hiểu chúng tôi gặp nhau để làm gì.  
Trường tiểu học Yên Phụ ngày trước ở gần đây. Tôi ăn cơm đầu ghế buổi trưa chỗ hàng cơm bên cạnh nhà máy điện đầu lối vào Ngũ Xã. Hàng ngày trước kia, tôi vẫn đi qua cái nhà này. Đây là một dãy nhà sang, thường chủ Tây ở, hoặc nhà của những người đi làm có xe đạp, xe nhà. Nhà nào cũng nhiều buồng, bên cạnh có đường sỏi và dàn hoa, lối cho ôtô, xe nhà, đi cổng riêng. Tôi không thể tưởng rồi ra có ngày đi họp cách mạng, tôi lại vào cái nhà này.  
Bấy giờ còn chạng vạng, chưa tối hẳn. Tôi ngồi trong phòng trông ra cửa nách. Qua bóng loáng thoáng xanh đen lá cây na thấp ven tường, thấy đằng cửa nhà máy diện Yên Phụ có một người xuống xe tay, đi lại phía này, lững thững như người đi bách bộ.  
Tôi nhận ra đấy là Như Phong. Trước nhất ở dáng người bệ vệ, bộ quần áo *tờ rô* xám sáng, nách kẹp mấy quyển sách, đầu để trần, miệng ngậm cái tẩu gộc. Với tôi, đấy cũng là hình ảnh hấp dẫn của một kiểu nghệ sĩ.  
Một lát, thấy Nguyên Hồng và Học Phi đến. Nguyên Hồng là nhà văn nổi tiếng, đặc biệt khác lạ với những nhà văn tôi đã đọc. Những truyện anh viết về đời anh và cảng Hải Phòng sôi nổi cảm động, thiết tha. Và gần gũi bao nhiêu, khi đọc thấy anh kể anh nghèo lắm, anh ngồi viết chuyện đời anh từ năm anh mười sáu tuổi như thế nào. Trong gian nhà lá, cái mái ọp ẹp tối, sát đầu, kê giấy lên mảnh ván mặt chiếc hòm phản, cạnh vại nước ăn. Cứ thế, viết suốt ngày đêm đến đau cả ngực... Những chi tiết ấy kích thích tôi. Thoạt trông vẻ tất tưởi mà lại như không cần gì ai, tôi đã có cảm tình, lại nghĩ đây là người nghệ sĩ, một nhà văn của giai cấp công nhân, như Mácxim Goócky.  
Tôi vừa có mấy cái truyện ngắn in trên tuần báo *Hà Nội Tân văn* được toà soạn trả tiền nhuận bút. Thế là tôi quyết định vứt những công phu chờ đợi và chạy chọt tìm việc làm, bước vào nghề viết. Bởi vậy, cái gì của người viết văn, tôi đương mộ, tôi đều thấy hay, muốn học đòi. Dáng dấp đĩnh đạc, bề thế của Như Phong, cách người lam lũ với vẻ mặt cóc cần đời của Nguyên Hồng đều làm cho tôi yêu cả.  
Học Phi là người tôi biết mặt từ hồi "Bình dân". Năm ấy, tôi hay viết tin chống thuế, tin thợ dệt tranh đấu, tin hoạt động Ái hữu thợ dệt ở vùng tôi. Có khi tôi làm thơ. Thơ tôi gửi nhiều nơi mà chưa báo nào đăng. Tôi quý báo *Tin Tức,* báo *Đời Nay* vì các toà báo này hay góp ý kiến cả về cách viết từng câu kỹ lưỡng, dẫu trả lại bài. Hồi ấy, các anh toà báo đã chỉ cho tôi trông thấy Học Phi. Học Phi ngồi trên giường có cái chăn dạ xám bên cạnh, chăm chú đọc bằng tiếng Pháp tiểu thuyết *Người mẹ* của Goócky. Truyện dài *Xung đột* của anh ký tên Tử Văn đương đăng từng kỳ trên báo *Tin Tức.* Tôi không thấy hay. Nhưng tôi phục truyện ấy vì truyện đã đăng trên báo công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương.  
Bấy giờ được gặp và quen ở đây, tôi cũng thật cảm động.  
Tôi cũng đương thành người viết văn và hoạt động cách mạng. Tôi ngẫm nghĩ, đây là cuộc họp quan trọng.  
Trời đã tối, Uy đưa chúng tôi lên cái gác sân thượng sau nhà, tảng như ngồi chơi. Ở đấy đứng lên, thấy cái dốc vào Ngũ Xã trong hồ Trúc Bạch dưới chân tường. Uy nói: Chúng ta bắt đầu họp. Và lần lượt đọc tuyên ngôn chương trình, điều lệ Việt Minh. Lại nói từ nay chúng ta là một tiểu tổ, cùng chí hướng đánh Pháp đuổi Nhật, theo điều lệ, tôn chỉ mục đích Việt Minh, hàng tháng đóng tiền nguyệt liễm vào quỹ đoàn thể.  
Trong bóng đêm hè bao phủ tối đen cái gác sân sau, trên đầu mảnh sân phơi cong queo những sợi dây thép làm cho tôi cảm tưởng như ngồi trong lưới. Nhưng ngoài cái lưới dây thép ấy bao la từng chùm sao nghiêng xuống và mặt nước sông Hồng đằng kia cuốn đi những ánh sao rơi. Ý nghĩ của tôi mênh mông xa và đầy tưởng tượng kỳ ảo lang thang ra ngoài cuộc họp trên cái sân gác chật chội này.  
Ngoảnh lại mấy năm trước, tôi phải thôi học, vào đời, bó buộc vào đời, không biết đời đưa đẩy mình đến đâu. Chỉ mấy năm mà lúc nào cũng cảm thấy dài thế, ngổn ngang thế, những chua chát, những mỉa mai, những chờ đợi. Niềm mơ ước mờ mịt, chắp nối, lông bông và thật cũng không biết ước mơ gì.  
Hôm nay cách mạng đến với tôi trên chặng đường mới.  
Mỗi chặng đường sâu vào cuộc đời, những ước mơ lại như những đợt sóng dồn về một hướng nước. Từ đây, tôi là người viết văn có lý tưởng cộng sản. Trong bóng tối đêm ấy và trong cuộc sống của tôi lúc ấy, tôi thấm thía nhận ra đời mình đã ràng buộc thật sự với lý tưởng ấy không phải mới bây giờ mà từ khi hoạt động phong trào Ái hữu thợ dệt Hà Đông.  
Ít lâu sau, Như Phong đến tìm tôi, lại hẹn xuống họp ở nhà Uy.  
Lúc ấy gần tối, chỉ có Vũ Quốc Uy với Như Phong và tôi.  
Đương ngồi nói chuyện, có một người bước vào ánh đèn. Anh bé choắt, lượt thượt cái vạt áo dài *ma-ga* tóc đen nhánh. Anh đội mũ “cát” vải màu đỏ kệch, đeo kính trắng cận thị, như cậu học trò trường huyện. Tôi tưởng ai hỏi gì, nhưng thấy Uy đã đứng dậy và bảo chúng tôi lên cái gác sân sau như lần trước.  
Anh người bé nhỏ nọ cũng lên theo. Uy giới thiệu đây là đồng chí cán bộ về nói chuyện tình hình. Tên anh là Bé(2).  
Anh Bé như đã biết tôi. Anh hỏi thăm tôi đương viết gì, khiến tôi lúng túng, ngượng nghịu. Anh lại hỏi cách sinh sống của tôi thế nào, có chắc chắn không, mỗi tháng viết được bao nhiêu tiền. Anh so sánh rồi nói thế thì người làm văn nước ta còn khổ, mỗi tháng kiếm mấy đồng bạc chưa được chắc lưng bằng người thợ có nghề. Anh cười, mặt tròn nét hẳn lại. Tôi thấy anh hồn nhiên như trẻ con và anh nói: "Nhưng mà viết văn là nghề tự do, khoái!"  
Trong khi họp, anh Bé đặt ra những cách thức khiến tôi vừa lo vừa hào hứng. Tôi có cảm tưởng họp thế mới là họp bí mật.  
- Phải giữ thật nghiêm các nguyên tắc để đối phó với tình hình xấu, nếu xảy ra. Khi biết có "chó"(3) đến, trong tay có tài liệu thì nhai nuốt chửng ngay. Ta phân công trước, lúc ấy ai chạy đằng nào cứ thế chạy, không bối rối. Chẳng may đồng chí nào bị "chó" bắt, nó đánh, cứ khai ngồi chơi. Đánh mãi cũng chỉ có thế, không để nó moi được gì.  
Anh Bé bảo mọi ngời cần có bí danh. Hễ đi đến nơi hẹn đều đặt dấu hiệu để xem biết trước chỗ mình đến có động hay yên. Nghe dặn những chuyện ấy, tôi cứ dần dần không còn thấy ở anh Bé vẻ ngơ ngác học trò trường huyện đi giày vải Ba ta với cái áo dài *ma-ga tóc* nữa. Trong cái nhìn và ý nghĩ tôi, anh to lớn lên và hoá thành người cán bộ có những nét ngang tàng khác lạ. Hai bàn tay anh xù xì mốc ráp và gợn chai. Cổ anh ngấn nắng cháy đen. Tôi đoán anh vừa xông pha nắng gió từ nơi xa về đây.  
Câu chuyện anh kể, càng tỏ rõ thế.  
- Cả nước ta đương sôi nổi cách mạng rồi. Tôi đi công tác qua vùng đồng chiêm, các cụ đồng chiêm suốt đời trong bùn lầy nước đọng, không ra khỏi làng bao giờ, thế mà các cụ hỏi có phải Hồng quân Nga vừa tiêu diệt mấy chục vạn phát xít Đức ở Ucờren, Hồng quân đương phản công khắp các mặt trận không? Rồi các cụ bảo tôi kể tỉ mỉ về từng trận Hồng quân tiến công phát xít Đức ở Kuốc, ở sông Đơniép. Đấy, quần chúng nông dân theo cách mạng, đã học hỏi và tiến bộ như thế...  
Anh Bé lại đọc tuyên ngôn, giảng điều lệ và chương trình Việt Minh. Từng đoạn, từng phần, sách lược đối với các giai cấp trong Mặt trận cùng với nhiệm vụ cách mạng của mỗi tầng lớp.  
Đêm nay nữa, ở cái gác sân thượng nơi góc phố vắng ấy, bốn chúng tôi ngồi quây lại với nhau chưa kín một mảnh chiếu, trên đầu ngang dọc đan những sợi dây thép ban ngày phơi quần áo, nhưng ngoài kia, đêm thành phố đương dìu dịu vào thu. Trong mênh mông có những chùm sao lóng lánh kỳ lạ Tôi trông thấy trên khắp nước, từng lớp người đã đứng lên trong vị trí của mình, đâu đâu cũng đương sôi nổi phất cờ cứu nước xông ra đánh Pháp, đuổi Nhật. Nước Việt Nam độc lập đương từ từ mọc, như ông trăng đêm rằm tròn vành vạnh ló ra trên đầu ô Yên Phụ và trong bóng dừa, bóng tre làng tôi.  
Từ đấy, thỉnh thoảng Như Phong và tôi lại đến nhà Uy họp. Ba chúng tôi thành một tổ bí mật. Tôi hiểu thế mà không hỏi thêm. Trong tình hình mà lúc nào mật thám cũng rình mò quanh mình, công tác ai làm người nấy biết, làm đến đâu biết đến đấy. Tôi không biết Uy làm nghề gì. Những lần sau không thấy Nguyên Hồng, Học Phi đến, tôi cũng không hỏi.  
Tôi thường thấy Như Phong ngồi xe tay, xuống xe ở phố gần đấy rồi lững thững đi bộ lại nhà Uy. Như Phong bảo tôi "Như vậy tụi "chó" sẽ tưởng mình đi chơi láo thôi. Luôn luôn ta phải đề phòng "chó và A.B"(4). Như Phong cũng bí mật. Nhưng ít nhất, tôi đã biết nhà anh trước chợ Đồng Xuân có cửa hiệu bán chè và đường cát - nhà buôn lối cổ của những gia đình gốc gác ở Hà Nội.  
Mỗi lần họp, tôi đóng một hào làm nguyệt liễm. Cũng đã quen giữ bí mật, đến đầu nhà Uy, tôi dừng lại, nhìn trước nhìn sau, xem có ai theo mình, có con "chó" nào đeo kính râm đứng đằng kia không, rồi tôi còn đi vòng vài lần, đến khi không thấy có người vơ vẩn, tôi mới bước tới cái cột đèn xi măng, nhìn lên. Không thấy có hòn đá đặt đấy. Thế là trong nhà yên, cứ vào.  
Có lần, anh Bé trình bày bản Đề cương về văn hoá Việt Nam của Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương và chúng tôi thảo luận. Tôi không nhớ đã thảo luận những gì. Có thể vì trình độ kém hiểu biết lý luận của tôi. Bởi vì, cũng hồi đó, nghe cắt nghĩa quyển *Chỉ thị về sửa soạn khởi nghĩa,* tôi lại nhớ rành rọt, cụ thể.  
Quyển sách nhỏ *Chỉ thị về sửa soạn khởi nghĩa* có những đoạn tôi chú ý đến thuộc lòng.  
"Lấy gì để đánh quân thù? Một dân tộc bị áp bức cũng như một giai cấp bị bóc lột, muốn tự giải phóng phải cầm vũ khí thẳng tay mà chiến đấu. Không thể tay không mà đánh giặc. Dân ta muốn đánh đuổi Nhật Pháp cũng không thể không sắm sửa và tận dụng võ khí. Có hai cách kiếm võ khí là tự chế, mua và chiếm của giặc.  
I. Dân ta phải tự chế một phần võ khí thì lúc nổi dậy mới có cái mà giết giặc. Bởi vậy, ngay từ nay, mỗi đội tự vệ hay tiểu tổ du kích phải sắm cho đủ những thứ này:  
a) Võ khí để đánh: dao chiến đấu (mỗi đội viên 1 con) gậy tày (mỗi đội viên một cái), giáo hay đinh ba (ít nhất mỗi đội 2 cái) Ngoài ra, có võ khí gì hơn càng hay (ví dụ: súng, nỏ v. v...).  
b) Khí cụ dùng để phá hoại (chung cho cả đội) một đôi lắc lê mở bù loong, một đôi cuốc chim, một đôi xẻng lục lộ, một cái kìm bấm để cắt dây thép. Ngoài ra, có mìn, thuốc nổ, cưa thép, búa tạ, càng hay.  
Chú ý: muốn đánh những thứ trên đây, tất cả cái hội viên cứu quốc từ nay phải tìm kiếm, tích trữ những miếng sắt vụn hay những đồ dùng bằng sắt có thể dùng để đánh võ khí.  
"Các đồng chí!  
"Các chiến sĩ cứu quốc!  
"Thời cuộc thế giới biến đổi rất nhanh. Phe *Đồng minh* (Anh, Mỹ, Nga, Tàu) càng đánh càng thắng. Phe phát xít xâm lược đã bắt đầu tan rã với việc phát xít ý thua bại và còn tan rã hơn? Quân Đức Hít-le đương bị Hồng Quân Nga đánh cho thua liểng xiểng. Mai đây, mặt trận thứ hai chính thức mở ở Tây Âu và Hồng quân tổng phản công một nhịp ở Đông Âu thì quân Đức sẽ bị kẹp nát giữa hai gọng kìm ghê gớm. Cách mạng sẽ bùng nổ tại Pháp, Bỉ, Hà, tại các thuộc địa khác của Đức và ngay tại Đức nữa.  
"Bên Viễn Đông, cuộc phản công của *Đồng minh* lấy lại Diến Điện đã bắt đầu. Nếu phát xít Đức ngã quỵ ở châu Âu, thì phát xít Nhật sẽ mất hết vây cánh. Đi đôi với cuộc tổng phản công của Anh, Mỹ, Nga, cuộc kháng chiến của Tàu sẽ thắng lợi hoàn toàn. Phong trào phản chiến ở Nhật và các thuộc địa Nhật sẽ mỗi ngày một sôi nổi thêm.  
"Ở Đông Dương, Nhật nghi kỵ Pháp và ghen ăn với Pháp. Pháp căm tức Nhật và chán cảnh làm đầy tớ cho Nhật. Nhật sửa soạn truất quyền Pháp và cho bọn Việt gian phản quốc lập chính phủ bù nhìn. Phần đông người Pháp chỉ đợi quân *Đồng minh* vào Đông Dương đánh Nhật là quay lại bắn Nhật.  
Hai kẻ thù Nhật Pháp ngày càng xung đột nhau dữ dội và tự làm cho nhau yếu sức.  
"Tất cả các lực lượng tự do và tiến bộ trên thế giới đang cùng chúng ta chiến đấu, tình thế Đông Dương ngày một có lợi cho cuộc vận động cách mạng dân tộc giải phóng của ta.  
"Chúng ta phải biết nắm lấy cơ hội ngàn năm có một đặng giành quyền độc lập, đuổi kịp năm châu.  
"Chúng ta phải hăng hái góp phần vào cuộc chiến đấu chung của thế giới chống lũ mọi phát xít, mưu hoà bình, hạnh phúc cho loài người.  
"Những rên xiết, kêu than của dân tộc, làm cho máu ta sôi lên. Lịch sử hơn bốn nghìn năm chiến đấu của dân tộc ta tiến bước.  
"Tình thế không cho phép chúng ta chậm chạp nữa. Hãy tích cực sửa soạn khởi nghĩa đặng bẻ xiềng, tháo ách cho dân tộc.  
Các đồng chí cứu quốc! Toàn quốc đồng bào ta đang trông đợi nơi các đồng chí. Tất cả các tổ chức Việt Minh hãy ganh đua thực hành những chỉ thị trên đây. Các đồng chí kỳ bộ phải hết sức đôn đốc và kiểm soát việc thi hành chỉ thị và báo cáo lên thượng cấp những kết quả xác thực.  
"Chúng ta phải thắng và chúng ta nhất định sẽ thắng!  
"Ngày mai vẻ vang của dân ta không xa nữa.  
"Đánh đuổi phát xít Nhật – Pháp!  
"Tinh thần tích cực sửa soạn khởi nghĩa muôn năm!  
"Cách mạng Việt Nam thành công muôn năm?(5)  
Cứ khi nào nghĩ đến những điều trên trong tôi lại dạt dào thấy khắp nước đương vào thời kỳ mới.  
Ngoài đờng tối, từng đám công nhân nhà máy điện Yên Phụ, công nhân nhà in Iđeo(6) đương âm thầm đi men chân tưng đến xưởng làm tua đêm. ở chỗ bờ tường nhà in Iđeo xám dài dằng dặc, từ ngày còn đi học tới giờ, lúc nào tôi cũng thấy lom khom có mấy người phu xe cởi trần đương bán lại cho nhau giờ xe kéo. Lúc thi chửi, lúc thì cười, lúc đánh nhau, chốc chốc lại ồn ã lên. Xã hội cứ bối rối và buồn thảm như thế.  
Nhưng biết đâu, thằng Tây biết đâu được bên trong người thợ hay ngời phu xe, Tây biết đâu được chúng tôi ngồi họp trên cái sân thượng bé tí tẹo này, trong người có truyền đơn, có báo cách mạng, có con mắt và tinh thần bao quát nhìn ra thế giới. Mỗi chúng tôi bấy giờ đều trữ lắc lê, kìm, búa, có người có cả súng - như những công việc sửa soạn khởi nghĩa yêu cầu phải sắp sẵn thế.  
Có hôm, anh Bé đến nhà tôi trên Nghĩa Đô. Tôi hỏi:  
- Khi khởi nghĩa thì *Văn hoá Cứu quốc* làm gì?  
Anh đáp:  
- Khi khởi nghĩa, *Văn hoá Cứu quốc* cầm vũ khí đứng lên xông ra giết giặc nh các giới cứu quốc khác của đồng bào.  
Tôi cũng sắm được cái búa đanh, cái kìm và cái đèn *Neông* hai pin. Lần họp nào cũng kiểm điểm mấy thứ ấy. Chỉ là mấy vật nhỏ ấy làm cho tôi tưởng như đó là việc cuối cùng, việc to nhất góp phần làm nên cách mạng.  
Có lần anh Bé kể chuyện Việt Minh đã lập được nhiều chiến khu. Những khu giải phóng trên miền ngược sẵn sàng tham gia khởi nghĩa rồi. Các chiến khu ấy đã đánh Pháp, đánh Nhật, thằng Nhật sợ không dám mò vào rừng, Tây thì đã rút chạy khỏi các đồn bốt ở nơi hiểm trở. Các tỉnh thượng du Cao Bằng. Lạng Sơn Bắc Cạn đã nhiều khu giải phóng độc lập hoàn toàn.  
Tôi hình dung đến những vùng tự do, đất và trời xanh rời rợi và trong lặng quá, như chờ đợi.  
Tôi đã biết rừng núi trong một ngày Tết trên sông Thao ở Yên Bái, lần đầu tiên tôi làm quen. Cửa đền Đông Cuông có cây mai nở, khe khẽ reng reng tiếng nhạc ở tay bà then. Tôi lại trông thấy những vùng rừng rậm núi cao khi tàu tốc hành Hà Nội - Sài Gòn chạy xuyên qua cực nam Trung bộ, với những cái tên xa xôi, những Sông Lòng Sông, những Tua Chàm, những Xuân Lộc xanh đen đất đỏ Biên Hoà và rừng cao su mờ mờ như hoàng hôn suốt ngày. Mỗi lúc có đoàn tàu hoả chạy qua, những người phu cạo mủ cao su lại ngẩng đầu nhìn theo đoàn tàu về Bắc. Người lớn, trẻ con nhấp nhô, bóng in lên nền rừng hết sức hiu hắt.  
Những nơi đầu sóng ngọn nguồn ấy bây giờ có Việt Minh đứng ra đánh Pháp đuổi Nhật cả rồi!  
Anh Bé kể chuyện trên Bắc Cạn có đội nữ du kích hồ Ba Bể. Ngày bé, có lần tôi đọc quyển truyện thần quái *Sóng hồ Ba Bể.* Tôi tưởng tượng hồ Ba Bể là nơi âm u có những ngọn sóng thần xanh biếc bỗng dưng nửa đêm nổi cao như núi, đến gà gáy sáng, sóng ập xuống, trôi hết cả rừng, cả làng mạc quanh bờ.  
Bây giờ, ở nơi rừng thiêng nước độc ấy đã có đội du kích toàn nữ áo chàm đánh Tây đuổi Nhật.  
Anh Bé bảo tôi viết thành truyện để in báo *Cứu Quốc.*  
Báo bí mật có kỷ luật giấy và kỷ luật chữ. Giấy viết nhỏ bằng tờ giấy quấn thuốc lá, để dễ mang đi. Bài chỉ được hai trăm chữ.  
Bài *Đội nữ du kích Ba Bể* tôi viết khoảng chữ ấy. Tôi còn loay hoay viết những bài thật ngắn khác, viết xong xoe giấy lại, như cái ống lông ngỗng.  
Như Phong và Vũ Quốc Uy chuyển cho tôi báo *Cứu Quốc* của Tổng bộ Việt Minh, báo *Cờ Giải phóng* cơ quan Trung ương của Đảng cộng sản Đông Dương. Tôi đọc số báo đặc biệt Cứu *quốc Hải ngoại* say sưa thấy hai chữ Việt Minh đã vượt ra ngoài biên giới được phe *Đồng minh* ủng hộ.  
Tôi cặm cụi viết những bài báo thật ngắn, chữ bằng con kiến. Những bài báo một hai trăm chữ mà viết rất khó, viết mãi không thành.  
Hồi này, nhà xuất bản *Tân Dân*đã mời tôi đến làm giao kèo viết. Tôi đã bán hàng tháng được bản thảo truyện ngắn và có tiền. Tôi chưa viết truyện dài bao giờ, thế mà nhà xuất bản *Mới* mua truyện dài đặt tiền, tôi viết luôn truyện dài *Quê người.* Cũng có cái dễ, đấy là những chuyện làng xóm tôi chắp nhặt viết lại mà thôi.  
\*\*\*  
Những năm còn nhỏ đi học, đời tôi rặt những mỉa mai tình cờ và tức cười. Bây giờ, khi tôi quyết định lấy nghề viết nuôi thân, tôi không nghĩ là tình cờ, nhưng thật tôi cũng không có mục đích gì đặt ra trước để cho rồi thành nghề văn và viết văn Tôi chỉ có cái lo lắng của một công việc mới tìm được.  
Tôi ham viết từ khi ít tuổi. Tôi có cảm tưởng học đến đâu viết đến đấy, - bắt chước viết đến đấy.  
Chín, mười tuổi, nhà tôi có quyển *Kiều,* các dì tôi hay bói Kiều. Bác thợ củi nhà tôi có quyển *Học Kiều lẩy.* Thế là tôi làm thơ lẩy Kiều. Đến khi tôi tha đâu về được một tập *Tứ dân văn uyển,* trong có nhiều bài dịch thơ Đường của Nguyễn Can Mộng và quyển *Văn đàn bảo giám* của Trần Trung Viên, tôi bèn loay hoay làm thơ tứ tuyệt, bát cú, làm văn tế và tôi dịch lại những bài thơ Đường người ta đã dịch, mặc dầu tôi không biết chữ Hán. Thày tôi ở Sài Gòn đã đem về những pho truyện dịch của Nguyễn Chánh Sắt, *Chinh đông Chinh tây Tam hạ Nam đường, Càn Long du Giang Nam...* Thế là tôi vừa đọc vừa viết kiếm hiệp. Rồi tôi say mê lung tung: *Bông hoa rừng, Dao bay, Thuỷ hử, Gươm cứu khổ, Tố Tâm, Hồn bướm mơ tiên, Sống mà yêu...*  
Có điều chưa bao giờ tôi bắt chước viết theo truyện của Khái Hưng, Nhất Linh, mặc dầu tôi thích đọc những truyện ấy. Bởi lẽ giản dị: viết truyện viển vông giang hồ kỳ hiệp, ai cũng có thể tưởng tượng, nhưng viết giống cái thật thì nhân vật trong truyện của các ông nhà giàu con quan có đồn điền như thế, tôi không biết những kiểu người ấy, không bắt chước được.  
Truyện *Dế mèn phiêu lưu ký* của tôi phảng phất những nét lẫn lộn *Guylive du ký, Đông Kisôt, Têlêmạc phiêu* lưu *ký m*à tôi đã đọc những bản dịch trong loại sách Âu Tây tư tưởng của Nguyễn Văn Vĩnh. Tôi tự học tiếng Pháp bằng cách tập dịch. Tôi mê và tôi dịch nhiều của Môpátxăng, Mateclinh, Đô đê. Khi ấy, tôi hay viết truyện ngắn và cũng có khi làm thơ.  
Tôi đã thôi học hẳn và bỏ việc nhà *Bata*đã lâu, lại đi lang thang nhiều rã cả chân, và phải chật vật kiếm miếng hàng ngày. Đời sống trong xã hội quanh tôi, tư tưởng và hoàn cảnh của chính tôi đã vào cả trong những sáng tác của tôi. Ý nghĩ tự nhiên của tôi bấy giờ là viết văn tả thực, văn xã hội.  
Tôi viết đủ thứ, viết được cái gì, tôi đều gửi báo. Tôi luôn gửi báo để thử sức và "xem thế nào". Báo ở Hà Nội hay Sài Gòn, báo nào tôi biết, tôi gửi tất: *Nước Non, Cậu ấm, Mới, Đông Pháp, Việt Báo, Hạnh Phúc, Tiểu thuyết thứ năm, Ngày Nay, Tiểu thuyết thứ bảy...* Tôi vẫn ký tên như tên tôi bây giờ. Mãi chẳng được bài nào đăng. Tôi cũng không nản.  
Vì thật sự khi nào đọc lại bài tôi cũng tự thấy còn xoàng thế nào ấy. Tôi vẫn viết, tôi chịu khó viết. Dần dần, đôi khi, cũng có báo đăng bài thơ, cái truyện ngắn, truyện vui cười, tranh khôi hài tôi vẽ.  
Hồi tôi mới mất việc ở nhà giầy *Bata*, có bạn quen là Bản trên Yên Thái bán hàng cho hãng Đainan Kôsi của Nhật ở Hàng Bồ mách tôi hãng ấy mở đồn điền trên Bắc Giang, đương cần chân thư ký công nhật. Tôi làm đơn nhờ bạn chạy hộ. Nhưng đi lại mấy lần vẫn chỉ thấy nó hẹn.  
Thế là tôi lại qua một thời kỳ thất nghiệp mới. Châu Âu, châu Á, chiến tranh thế giới cứ dần dần khói lửa mù mịt bốn bên xung quanh. Xứ Đông Dương co lại như con tôm khô, chẳng đào đâu ra việc làm, làng xóm tôi ngày một rạc rày khốn khổ hơn.  
Ngôi nhà hương hoả, đáng lẽ ông bà ngoại tôi không được quyền bán, thế mà cũng đem cầm bán rồi.  
Ông trưởng Hải buôn lụa mua cái nhà ấy theo lối "cầm đoạn mại”. Nghĩa là số tiền người ta bỏ ra mua không nhiều, cái nhà đáng bạc nghìn chỉ cầm có một trăm bạc, người mua để ngỏ cho mình có cơ chuộc lại. Nhưng người bán cứ cùng túng mãi đi, lãi mẹ đẻ lãi con cộng vào gốc, thì chỉ trăm bạc ấy rồi cũng có thể dễ mất cái nhà giá bạc nghìn.  
Lúc ông ngoại tôi ấn ngón tay điểm chỉ vào cái văn tự đoạn mại, ông trưởng Hải cũng chỉ còn đưa thêm có hai chục bạc. Vì nhà tôi đã vay mượn tiêu trước rồi. Thế mà cũng phải biện đồng bạc cho ông lý Sùng đến áp triện chứng nhận, kèm theo bữa nhắm sơ sài mấy bánh đậu phụ, miếng thịt lợn luộc, tôi chạy lên chợ sớm mua vội về. Ôi cái xó rượu ông ngoại tôi ngồi, uống tiếp ông lý trưởng có ơn đến áp triện cho bán nhà, bao nhiêu năm nay tôi vẫn còn nhớ, vào một buổi sáng trắng nhợt, cả nhà tôi im phắc hay tránh đi đâu, không biết, nặng nề như nhà có đám.  
Còn ở nhà ngày nào chỉ ăn bám ngày ấy, thật khổ nhục. Công việc vẫn đành là không tìm đâu ra, cũng phải kiếm cách tháo thân đi.  
Tôi nảy ra sáng kiến đọc sách đạo Phật. Ngày ấy, tôi không hiểu. Nhưng bây giờ tôi biết đấy chỉ là lối kiếm sống mà thôi. Có thể vì tôi ảnh hưởng của Hồ. Biệt hiệu của Song Hồ là Hương Hát Tiên ông (ông tiên chùa Hương sông Hát), Hồ hay rủ tôi đi vãng cảnh chùa (cũng như đã đi chơi các nhà mõ quê gốc ở Đốc Tín).  
Đọc sách Phật rồi, tôi có sáng kiến bàn với các bạn là chúng ta sẽ đi du lịch Trung Nam Bắc bằng cách đi truyền chùa này qua chùa kia, đến đâu thuyết nhà chùa thết ăn một vài bữa rồi lại đi. Cửa Phật, ai ăn mày chẳng được. Khắp nước ta, làng nào cũng có chùa, vậy chúng ta có thể đi bất cứ đâu.  
Tôi đến mấy chùa vùng tôi tìm thêm sách Phật. Gặp cái ngạc nhiên đầu tiên là nhiều nhà sư không biết chữ nho, không biết quốc ngữ, không biết kinh kệ hay sự tích phật pháp ra sao. Chẳng qua người ta đi tu vì cảnh nhà, vì đói khổ...  
Tôi đến xin sách kinh của hai cái chùa to nhất Hà Nội.  
Chùa Quán Sứ và chùa Bà Đá. Tôi lại gặp cái ngạc nhiên nữa. Nhà chùa cũng cánh vế và có quan thầy. Chùa Quán Sứ của quan Thiếu Hà Đông có chùa Hương giàu sụ và nhiều chùa to ở các tỉnh. Chùa Bà Đá của phái tuần phủ Nguyễn Năng Quốc - một ông quan giàu có vợ lai tây lại cứ nhận mình là sư. Cánh này có chùa Trầm và mấy chùa xung quanh lép vế hơn cánh Quán Sứ.  
Dù sao, cũng quyết lên đường. Chí giang hồ thúc giục hay sự cùng khổ xui đi, đằng nào cũng thế.  
Cùng đi với tôi, có Điều và Tề - hai anh thợ cửi người làng vừa mất việc dệt cửi ở Vạn Phúc. Hai cậu cũng lây cái bệnh phiêu lưu ngông cuồng của tôi. Không đứa nào có đồng xu dính túi. Chúng tôi cũng không lấy đấy làm cái để tâm, chỉ có Điều biết lo hơn. Điều giắt theo trong người con dao cạo chuôi gỗ. “Đến chỗ nào khó kiếm, ta vào trong xóm cạo đầu cho trẻ cũng có thể được miếng” - Điều nghĩ thế.  
Ngày lên đường đi vào núi chùa Trầm của chúng tôi bắt đầu một buổi sáng tại cầu Am đầu làng Vạn Phúc. Nhiều bạn thợ dệt trong hội Ái hữu dạo trước ra tiễn chúng tôi. Như là một cuộc đua xe đạp bắt đầu.  
Từ Vạn Phúc, qua La Tinh và mấy cánh đồng vào đến xóm Phượng. Chúng tôi hỏi thăm đường đi chùa Hoả Tinh.  
Đến gần chợ Trúc thì tối. Nhưng chùa Hoả Tinh không có sư, chỉ có ông tự. Ông tự chùa Hoả Tinh lại điếc. Không cách nào giảng giải được, tôi quát rõ to vào tai ông tự và ra hiệu:  
- Nhà chùa thổi cơm cho chúng tôi?  
Ông tự đã nghe ra, xuống bếp nấu cho niêu cơm không.  
Mỗi đứa chỉ được một bát. Đêm ấy, chúng tôi ngủ trên chùa.  
Ông tự thương người nhỡ độ đường, đem cho chiếc chiếu ba thằng đắp. Gần sáng, chúng tôi trỗi dậy, máy nhau đi. Sợ ông tự dậy đòi tiền cơm.  
Nửa buổi trên đường vào Trầm, đến một ngôi chùa trên dãy đồi thấp. Chùa này toàn sư nữ. Tôi được các bạn đẩy ra làm tay ăn nói. Tôi cũng nói như tối qua, nhưng thưa gửi dịu dàng cẩn thận:  
- Nam mô a di đà Phật, nhà chùa cho chúng tôi ăn mày một bữa.  
Sư bà nhớn nhác nhìn ra. Có lẽ tưởng bọn cướp ngày ập đến. Rồi sư bà nói rì rầm như khấn:  
- Nam mô a di đà Phật, nhà chùa chúng tôi đây quanh năm phải đi khuyên giáo thập phương. Khách ít lắm, vô duyên lắm, mấy hôm nay cũng đương chạy bữa, chư vị ạ.  
Nghe câu nói thiểu não và thấy cung cách nhà sư cù rù như bà già trong làng suốt đời chưa ra khỏi cổng xóm, tôi nghĩ có cất công thuyết phục cũng bằng thừa. Thế là chúng tôi lủi thủi ra.  
Ở chùa này đi, giữa ba chúng tôi xảy chuyện hục hặc với nhau. Không biết tại câu chuyện quá đà hay tại nửa buổi chưa biết trông bữa vào đâu, bụng lép mà sinh cáu gắt. Đầu tiên, chúng tôi cãi cọ về chuyện đệ tam, đệ tứ. Khi tranh luận, Điều hay hung hăng và đuối lý thì gây sự. Nó khăng khăng “đệ tứ ra đời sau đệ tam thì đệ tứ là mới hơn. Không đúng thì việc gì người ta phải nghĩ ra đệ tứ. Đệ tam quốc tế cũ rồi”.  
Rồi nó kể tội tôi:  
- Mày là con nhà tiểu chủ mày theo đệ tam. Tao là thợ, cả đời chỉ có cái thoi dệt giắt đít, tao theo đệ tứ. Tiểu chủ không bao giờ tranh đấu đến đầu đến đũa. Hồi chống thuế, không có chúng tao thày dùi thì mày cũng bỏ rồi. Tao là thằng thợ dệt, tao phải tranh đấu với đứa có khung cửi. Giai cấp công nhân sẽ đánh đổ hết những đứa có khung cửi. Con nhà tiểu chủ là chúa nước đôi. Mày đấy?  
Thế rồi, gầm ghè rồi, đấm đá nhau. Thằng Tề bênh tôi. Nhưng hai đứa tôi yếu hơn Điều và đến lúc nó lấy con dao cạo ra, chúng tôi chạy.  
Rồi cũng quên ngay trận thụi nhau, một lúc, lại đi với nhau. Bởi vì nhiều lần to tiếng rồi vẫn đi như thường. Nhưng rồi cũng chỉ đi với nhau được vài hôm. Xem chừng khó bởi vì những ba miệng ăn. Ừ muốn về thì chúng mày cứ về đi. Vả chăng, tôi cũng đã nhận ra nếu cả ba thằng dẫn rượu đi chắc không tài nào kiếm ăn nổi. Đấy là lý do chính khiến tan cuộc hào hứng du lịch xuyên Bắc, Trung, Nam chưa được vài ngày.  
Một mình tôi đi. Tôi nhịn đói vào chùa Trầm.  
Sư ông chùa Trầm mặc áo lụa nâu, người vạm vỡ, nước da bánh mật, khoẻ như tay lực điền, có đôi mắt khoằm khoằm cú vọ. Chẳng ra vẻ sư mô gì.  
Sư ông thạo tình hình, thời thế, biết cả chuyện sáng sớm lính Nhật quay mặt về phía đông chào mặt trời và Thiên Hoàng. Sư ông cũng sõi giá gạo, giá ngô chợ Trúc, chợ Đơ. Sư ông chửi cánh chùa Quán Sứ, kể các khoé bịp của các sư chùa Hương.  
Mới đến đầu xóm, tôi đã nghe người ở đầu ghế hàng nước bép xép rằng xóm này đến lắm trẻ con giống mặt sư ông. Lạ một cái là những đứa trẻ nào giống sư ông, sư ông đều gọi nó lên chùa cho làm tiểu, bắt chăn trâu cắt cỏ, hầu hạ nhà chùa, như con cháu trong nhà vậy.  
Vừa gặp, sư ông đã nói:  
- Nhà chùa tôi không cần che mắt thế gian. Bá ngọ những thằng chùa Hương núp đít Phật? Chúng nó bịp đời. Toàn thằng ngô con đĩ đem đổ vàng đổ bạc cho thằng ngô con đĩ.  
Dường như nhớ cách lúc tôi còn đứng bán giầy *Bata* ở Hàng Đào, Hàng Khay, tôi tán tầm phào:  
- Bạch sư ông, cái nhẽ đời thì hữu sự tự nhiên hương, nhưng lắm lúc cũng phải quảng cáo một ít cho người ta biết, không nên nhún mình quá trong thời buổi này. Cái người viết quyển *Trỏ nẻo chùa Hương* là thằng bạn tôi đấy.  
Sư ông sừng sộ lên:  
- Quyển ấy thì ra cái chó gì! Đây tôi mà quảng cáo khuếch trương ấy à, cứ đếm đầu chùa của tôi cũng bằng mấy chúng nó. Từ chùa Hoả Tinh vào đây, rồi qua Vô Vi Trăm Gian, So, Sở sang chùa Thày... ối? Gấp đôi! Gấp ba!  
Nhưng chửi "bọn chùa Hương chúng nó" xong, sư ông lại dịu mặt, nhìn tôi:  
- "*Sừ*" cũng làm cho tôi một quyển nhé. Chùa Bà Đá chúng tôi ở ngoài Hà Nội có nhà máy in.  
Sư ông ngỡ tôi là tay học trò tìm nơi tĩnh để nghỉ hè học thi. Nhà chùa có thổi cơm chứa trọ. Chỗ hai bên nhà khách, cạnh chùa hang, đã đóng lên những tầng gác gỗ ngăn trên dưới thành từng cái buồng nho nhỏ. Nhà chùa vẫn cho người tỉnh về thuê ở chơi, hoặc học trò làm chỗ ôn thi, hoặc những người thừa lương yêu am thanh cảnh vắng muốn trốn nợ đời vài ba hôm.  
Người ngoài xóm cũng đồn sư ông kiếm bẫm về những ngăn buồng ấy. Cả trai gái đi chơi chùa thuê chiếu, thuê chỗ ở từng buổi, từng ngày, cẩm như nhà "xăm” chứa gái ngoài tỉnh.  
Trưa ấy, tôi nhịn vì không tiện bảo nhà chùa cho ăn. Sư ông mời, tôi nói khoác đã ăn sáng ngoài chợ Trúc. Đói một tí, nhưng giữ được thế, và đến chiều, vào bữa có thể thoải mái.  
Quả nhiên, cơm chiều có thịt trâu, cả rượu.  
Sư ông và tôi ngồi đối ẩm gật gù. Một chú tiểu đứng hầu rượu. Cái cằm lẹm giống bố đáo để. Sư ông cắt nghĩa việc đi tu ăn thịt uống rượu của sư ông.  
- Cái tượng trên chùa chẳng qua bằng gỗ bằng đất chứ bằng gì? Tu là tu tại tâm, tâm chính thì đạo thành...  
Những diều sư ông trần tình khiến tôi hiểu rõ hơn được câu chuyện người ta xì xào làng này nhiều trẻ con giống sư ông.  
Cho tới năm 1958, ngót hai mươi năm sau, tôi theo đoàn làm phim *Vợ chồng A Phủ* vào chùa Trầm quay một số thước ngoại cảnh. Bao nhiêu năm rồi, sư ông có già đi nhưng vẫn lực lưỡng quắc thước thế. Nhưng không còn nhớ tôi. Hay không muốn nói là có nhớ. Ít lâu sau nghe tin cụ sư phải đi tù.  
Tôi ở lại chùa Trầm có đến tuần lễ. Buộc vào câu sư ông đã mời tôi viết sách quảng cáo chùa. Tôi dựa đấy mà ở. Mỗi buổi chiều, ngồi nhắm rượu và "đàm đạo” miên man. Nhưng không phải chỉ có chuyện chùa chiền. Lung tung, chuyện nhà quê kẻ chợ, đủ cả. Vốn vài ba câu sách Phật của tôi chưa phải mở ra. Xem chừng sư ông cũng không thích chuyện phật pháp mấy.  
Có hôm tôi đi biệt cả ngày. Tôi phân vân chưa biết viết thế nào. Ngồi trên đồi So trông xuống mà lo. Nhưng rồi tôi cũng viết xong. Tôi đưa sư ông mấy trang viết bút chì, đầu đề là *Qua dòng sông Hát.* Đấy là sự tích các chùa dọc theo bờ sông Hát mà sư ông đã kể. Tôi thêm mấy đoạn tả phong cảnh, mỗi chỗ chêm mươi câu thơ lục bát.  
Thế là xong. Có thể kể đấy cũng như truyện kiếm hiệp *Tráng sĩ rừng Thông,* những sáng tác câu cơm đầu tay cầu may của tôi. Tôi không còn cớ gì ở lại. Sư ông cũng bảo sư ông sắp có việc ra chùa Bà Đá. Sư ông đã nói giáo từ hôm kia hôm qua. Có thể nhà chùa đuổi khéo tôi.  
Tôi cũng tỏ vẻ cứng. Tôi thiết gì ở đây? Tôi kể tôi còn vãng vài cảnh chùa nữa. Tôi nói:  
- Nhờ sư ông giới thiệu tôi vào chùa Vô Vi.  
Sư ông cười khanh khách, khoái chí:  
- Chùa Vô Vi cũng một tay mỗ đèn nhang, đấy không có sư.  
- Thế thì chùa Trăm Gian.  
Sư ông trừng mắt:  
- "Sừ" vào Trăm Gian cứ vào, chứ "sừ" nói ở Trầm vào thì các bà lão trong ấy ghét đấy. Mấy con mẹ trốn chúa lộn chồng, tôi khinh lắm.  
Tôi vào chùa Trăm Gian.  
Tôi tiếp tục cuộc phiêu lưu của tôi. Tuy nhiên cũng phấp phỏng vì lời sư ông doạ.  
Chuyến lang thang này thực tên là đi ăn mày nhà chùa. Nhưng cũng để lại cho tôi những kỷ niệm mà thời gian dù mài tròn đi thế nào, vẫn còn nhớ.  
Nơi tưởng đáng lo thì lại đáng nhớ. Chùa Trăm Gian, một ngôi chùa cổ trên đồi, thấp thoáng trong những bóng cây thông già. Đôi lúc, gió thổi qua, làn thông lại thở dài.  
Cô tiểu nữ quảy nước ngoài giếng, bước ra cổng tán nhà hậu, đi thanh thản. Dưới cái khăn vuông nâu, đôi mắt to và trong. Cái nhìn quyến luyến như ngừng lại.  
Mỗi khi chiều xuống toả lưa thưa trong cành thông lại nghe tiếng chuông thu không. Nện một vồ rồi cô tiểu buông thõng tay, đứng nhìn thành chuông, niệm rì rào. Rồi chuông dồn những tiếng cuối, hoà tiếng tụng kinh, bóng người và bóng chuông. Tưởng như lúc ấy, người con gái đi tu kia, buồn quá chỉ còn dập đầu chết bên chuông hay là chợt tỉnh, dương xăm xăm xuống bậc tháp, theo tiếng chuông hoàng hôn đưa nỗi vui buồn đến trên mỗi mái nhà trong đồi. Cô tiểu bỏ chùa xuống với cuộc đời hay xuống với tôi chăng. Nhưng cũng chỉ có đôi mắt thế thôi.  
Buổi tối, dưới nhà hậu, vang tiếng giã gạo thình thịch. Tôi nhòm trộm khe cánh cửa, thấy in bóng lên vách, hai cô tiểu đứng cối, cái đầu trọc trắng hếu nhấp nhô bên chiếc quang đèn dầu.  
Tôi phải ngủ biệt tịch trên chùa chính, đắp chiếu nằm trong ruột bệ ông hộ pháp Thiện. Hôm đầu còn ẩm mùi đất mốc, sau chỗ nằm quen, có hơi người ấm như cái ổ.  
Đêm tháng mười, trời rét buốt sắc như thuỷ tinh. Thế mà vẫn thoảng đâu đưa đến mùi hoa sói cúc vạn thọ, mùi hương.  
Không biết mùi thơm bốc ra từ các bát nhang trên kia hay từ ngoài ánh trăng vào..  
Có đêm thức dậy, trăng trong ngần qua cửa ngăn, lô nhô những đầu tượng, tôi có cảm tưởng chùa đông người hẳn lên.  
Nhưng lại chợt lạnh ngắt. Tại trăng sáng, tại tiếng chày giã gạo của các cô sư nữ hay tại chiều nào tôi cũng đứng đón nhìn cô tiểu ra gánh nước rồi lại tương tư vụng cô tiểu lúc thỉnh chuông mà bâng khuâng không ngủ được.  
Tôi đến chùa như khách vãng cảnh. Sư bà cũng ngỡ tôi là cậu học trò ngoài tỉnh. Sư bà gọi tôi bằng "cậu". Sư bà kể chuyện ngày trước còn ở nhà, sư bà cũng có cậu em trạc tuổi tôi nho nhã dáng học trò như tôi, "cậu cháu vừa đỗ giáo học”.  
Một hôm khác, sư bà thở dài:  
- Năm mô a di đà Phật, rồi có người nó hãm hại, vu cho cậu cháu đi “hội kín”. Phải toà áo đỏ bắt đi đày Côn Lôn. Đã mười năm rồi, chẳng biết có còn sống không.  
Rồi sư bà "nam mô phật" liên tiếp, tiếng thở dài chìm xuống.  
Tôi hiểu được nỗi sư bà mến tôi, để tôi quanh quẩn ở chùa như người nhà. Ấy chỉ vì sư bà nhớ thương người thân.  
Suốt ngày tôi đi vơ vẩn ngoài đồng, trên đồi, chiều về, nhà chùa bưng lên cái mâm gỗ cơm gạo đỏ, muối vừng, đậu rán dầu lạc chấm tương và bát canh dưa nấu lạc. Ngày rằm được ăn oản chuối. Cứ hai buổi chiều ngày đầu tháng giữa tháng nhà chùa phải thắp hương, thật khó nhọc. Chiều mười tư tôi cũng xuống nhà hậu lấy hương đi cắm. Chùa Trăm Gian có đến mấy trăm bát hương phải cắm. Mỗi cửa một bát một nén, một trăm gian khuất dọc hai bên hành lang, trên chùa chính, dưới nhà tổ, chỗ thờ hậu, các tháp ngoài vườn. Các cô tiểu phải rảo bước cắm hương mới kịp lên thỉnh chuông chiều.  
Ở chùa hồi này chỉ còn có sư bà với hai cô tiểu - sư bác và một tiểu đi khuyên giáo xa. Mỗi chuyến quang gánh đi thiên hạ xin ăn cũng biền biệt hàng tháng. Suốt ngày, sư bà và hai cô tiểu đi làm đồng, chiều về chưa vào bữa đã phải chạy lên đèn hương rồi vào tụng kinh, ra thỉnh chuông dai dẳng hàng giờ.  
Ở chùa Trăm Gian, tuy được ăn uống no đủ, nhưng tôi cũng định khi nào sư bà không cho ở nữa thì tôi trở về Vạn Phúc. Không thể đi tiếp được nữa. Điều ngạc nhiên, tôi nhận ra sau cùng là không phải dễ chỗ nào cũng có chùa Trầm hay chùa Trăm Gian cho ta ăn. Kiếm ăn các chùa nào có dễ?  
Thằng Điều ở Vạn Phúc lại trở lại cuộc đi với tôi và chúng tôi cùng nấn ná ở Trăm Gian. Nếu không có một việc bất ngờ xảy ra, chắc còn lần khân ở đấy.  
Một hôm, lý trưởng, phó lý trong làng đem tuần ra hỏi nhà chùa xem có khách vãng lai đến ở không. Chúng tôi đưa thẻ thân cho bọn chức dịch.  
Phó lý hất tay không xem thẻ, hạch:  
- Các quan nhà binh sắp về "ma nớp" tập trận, người lạ mặt phải đi ngay bây giờ?  
Nhưng lý trưởng tỏ ra kỹ lưỡng công việc hơn phó lý, lão xem thẻ thân rồi vặn:  
- Chúng mày quê ở ngoài phủ loài vào đây làm gì? Ma cà bông ma cà cúi hả?  
- Chúng tôi đi chơi.  
Thế là ma cà bông rồi. Đem ra điếm, trói lại giải lên huyện.  
Chúng tôi phải ra điếm thôn Tiên Lữ. Nhưng trai tuần không trói. Chúng tôi chỉ phải ngồi chịu rét, làm mồi cho muỗi đói suốt đêm. Hôm sau, bị giải lên huyện Chương Mỹ.  
Từ Tiên Lữ ra, đã thấy lố nhố từng tốp lính khố đỏ, lính da đen đi cùng đàn lừa và la kéo những khẩu đại bác xủng xoảng vào con đường đồi gồ ghề đất bùn như pha son. A, lính đi tập trận. Sau những cái tường đá ong nhợt nhạt, người làng đứng lặng lẽ nhìn ra. Đi với mỗi đám lính, có một ả me Tây, gánh hai thùng nặng chĩu bánh mì xúc xích, giăm bông, các thứ kẹo, chuối trứng và bia, rượu. Mỗi me lại mướn hai ba người gánh theo các đồ ăn uống như thế. Có me thuê hẳn một xe tay lùn "Ô mích" cái mặt bự phấn và cặp môi đỏ chót cao vắt vẻo ngồi trên mui. Đó là những me Tây được nhà binh cho thầu bán thức ăn uống cho các quan làm "ma nớp" đánh trận giả.  
Những cảnh xe thức ăn uống và lính tráng đủng đỉnh như thế, tôi đã quen mắt từ hơn mười năm trước, khi còn học trường Yên Phụ. Buổi sáng, tôi thường đứng xem lính trong thành ra tập thổi kèn "bú dích" và tập trận giả ở đường Cổ Ngư bên Hồ Tây. Cạnh mỗi đám lính bao giờ cũng phấp phới xanh đỏ mấy me Tây quang gánh và xe cộ bán bánh, bia rượu... Đấy gần trại, có lần lính khuân cả bàn ghế ra bãi bày các thứ ăn uống. Các quan Tây mề đay óng ánh, lon vàng choé, uống rượu đỏ lự mặt, ngồi quát tháo và ra quất roi, đá đít đán lính tập trận rên bờ hồ.  
Nước Pháp đã thua trận bên châu Âu. Toàn quyền Đờ cu đã mở cửa Đông Dương rước Nhật vào. Nước cờ đương đổi, thế mà cảnh tập trận của lính Tây vẫn ngềnh ngàng bấy nhiêu súng ống, vẫn các me quẩy thức ăn uống đi theo. Chẳng khác ngày trước.  
Anh tuần đinh nói:  
- Nhân thể tớ ra chợ Đơ, chứ hơi đâu giải người lên huyện!  
Chúng tôi đi với anh ta như người trong làng ra tỉnh.  
Đến thị xã Hà Đông, anh bảo:  
- Bây giờ các đằng ấy đi đâu thì đi!  
Thì ra phó lý thôn Tiên Lữ và lý trưởng khác cánh nhau, đâm phiền người ta. Thế cũng là thật tan cuộc du lịch phiêu lưu. Tôi trở về Nghĩa Đô.  
Mùa nước to, trai tráng dương bị các trương phiên, khán thủ đốc đi hộ đê sông Cái. Làng tôi canh điếm nước trên địa phận Tú Tổng. Tôi có bằng “xécvica”(7) nhưng vì chưa sửa được cái lễ mâm xôi con gà vào hộ tư văn – có chân tư văn được mỗi năm hai lần ra văn chỉ chia phần dự lễ đức Khổng Tử. Vẫn bạch đinh, cho nên phải chịu phu phen tạp dịch và tuần phiên cắt lượt đi đê như trai làng chân trắng.  
Cảnh canh đê, trống giục trống dồn, năm nào cũng thế.  
Chánh tổng cưỡi ngựa dong nhan trên đê cao. Lý trưởng xách batoong bước lừ lừ, đến điếm là giơ gậy lên hét.  
Buổi tối, cái đèn ba dây chong giữa điếm. Các cụ chức việc mò ra đánh tổ tôm. Đã cho phu canh gác, thấy quan phủ Hoài hay Tây lục lộ Hà Nội về khám thì tang vật tổ tôm hay tài bàn, xóc đĩa đều biến mất. Trong điếm chỉ có khay nước để các cụ thức nhắp canh đê. Ở bãi cỏ sườn đê, phu các làng ngủ lăn lóc.  
Các xóm dưới bãi chạy nước lên, người lớn và gà lợn, trẻ con rúc ráy bên vệ vỏ. Ngày nào cũng có người chết đuối.  
Nước lớn, củi rều trôi về nhiều. Những người tiếc của trời đã chạy nước lên lại nhảo xuống bãi, bơi ra vớt củi, có người bị cuốn đi.  
Sông Hồng chướng đỏ như pha máu, cuồn cuộn giữa hai bên làng mạc đợi tai vạ đến. Trống ngũ liên, tù và nổi sùng sục giữa đêm, rợn gáy.  
Tôi viết cái truyện ngắn *Nước lên,* hôm đi hộ đê ở Tứ Tổng về. Tôi tả quang cảnh bi thảm của một năm sông Hồng nước lớn. Truyện ngắn này tôi gửi tuần báo *Hà Nội Tân Văn.*  
Về sau, chị Hằng Phương kể cho biết truyện tôi viết vào giấy lèm nhèm, chữ tôi lại gẫy nét, khó xem. Chị tình cờ lấy trong đám truyện loại lên đọc và thấy đáng chú ý. Đấy là truyện ngắn đầu tiên của tôi in trên báo được trả tiền nhuận bút. Hồi ấy, không phải cứ có bài đăng báo thì toà báo trả tiền người viết như thể lệ bây giờ. Toà báo chỉ trả tiền người nào được mời, còn như mình gửi bài "lai cảo" thì người ta đăng đến bao nhiêu bài cũng thế thôi. Bởi vì đấy là anh gửi cho báo chứ người ta có mời anh viết đâu! Bởi vậy, đồng tiền báo *Hà Nội Tân văn* "mở hàng" cho tôi vào nghề và những quyển tiểu thuyết *Đỏ* và *đen* của Stăngđan, tiểu thuyết của Panai Istrati mà anh Vũ Ngọc Phan khuyên tôi đọc, đó là cái duyên quyến tôi vào nghề văn.  
Tôi không thể so sánh và tưởng tượng ra giá một bài báo với công sá những công việc đã làm bấy lâu để kiếm sống.  
Hãng giày *Bata* mỗi tháng trả lương tôi sáu đồng. Bấy giờ, một cái truyện ngắn tôi được mười đồng, lại có băng quấn quanh tờ giấy bạc, ngoài để tên *ông...* Ôi, lịch sự? Mà một tháng, tôi có thể viết mấy cái truyện ngắn! Điếc không sợ súng, tôi cứ lia tràn. Tôi khoắng một đêm xong cái truyện ngắn, là thường Tôi vào nghề văn từ truyện ngắn *Nước lên* - nếu có thể nói truyện đăng được trả tiền, là vào nghề. Rồi tôi gửi liên tiếp cho báo *Hà Nội Tân văn* những truyện ngắn *Bụi ô tô, Một đêm sáng trăng suông, Bệnh già,* những truyện thiếu nhi, *Trê và Cóc, ông Trạng Chuối* và một cái kịch loài vật. Tôi thành cộng tác viên của báo được trả tiền bài. Nhưng môi lần đến toà báo, tôi vẫn phải vòng quanh phố Hàng Buồm không biết bao nhiêu lần mới mạnh bạo bước vào cửa nhà in Trung Bắc, nơi hàng ngày anh Vũ Ngọc Phan đến làm việc toà soạn.  
Cũng hồi này, tôi gửi cho *Tự Lực văn đoàn* truyện ngắn *Con gà ri.* Truyện ngắn này đầu tiên tên là *Mê gái* đăng số 1 tuần báo *Chủ Nhật* của văn đoàn ấy.  
Một hôm, Đinh Hùng và Huyền Kiêu dẫn tôi đến làm quen với toà báo *Chủ Nhật* và nhà xuất bản *Đời Nay*.  
Khái Hưng reo ầm lên, gọi hoạ sĩ Tô Ngọc Vân, nhà văn Thạch Lam và nhiều người xung quanh đến:  
- Tôi đã bảo mà? Tác giả truyện ngắn này còn rất trẻ! Rất trẻ!  
Tôi cảm động run cả tay, khi bắt tay mọi người. Nhưng ông Khái Hưng chỉ khen tôi mà không trả tôi đồng nào, cũng chẳng cho tôi một tờ báo biếu? Vẫn cái lệ toà báo chỉ trả tiền và biếu báo người được mời viết.  
Tôi đến với nghề văn đại khái như vậy. Tôi không có cảm tưởng nào mới lạ hơn khi tôi nghĩ lại những nghề bán giày làm kế toán, đánh máy chữ, coi kho hay dạy trẻ học và những khi thất nghiệp với những mong ước của một người lương thiện muốn có một công việc làm.  
Tôi bắt đầu làm quen với nhiều người trong nghề mới của tôi Nhưng không dễ quen được đâu. Cánh *Tự Lực văn đoàn* thì ăn mảnh. Vài người tìm cách chơi với họ "thấy người sang bắt quàng làm họ", ra vẻ hí hửng. Những ông kiểu như ông Lưu Thần thuộc đám trác táng cao đạo, cũng không để mắt đến tôi.  
Bọn lau nhau chúng tôi thì khá đông, có anh đã viết, có anh chưa viết và những anh không biết viết chuyên điếu đóm chạy hiệu để các đàn anh sai bảo. Mỗi đứa - có một biệt hiệu lố lăng: *Cát Noát, Zannine* Lệ Thuỷ, hoặc tên bố mẹ đặt cho lại đem lộn ngược lên cho lạ kiểu, như *Thái Kim Điên*, *Thái Đình Gia* (Đinh Gia Thái). Tôi ở trong đám đó.  
Nghe anh em nói uống một chén nước mắm rồi uống rượu, không bao giờ say. Tôi cũng uống hẳn một chén nước mắm. Nhưng chỉ nhấp một ngụm rượu đã say đừ ra như mọi khi. Có khi đi đánh nhau lối đòn hội chợ nữa. Hồi ấy, làng văn hay đánh nhau lắm. Thiết Can viết một bài trên báo *Hà Nội Tân văn* chê Nguyễn Doãn Vượng. Vượng đón Thiết Can đánh Thiết Can ngay trước cửa nhà in Trung Bắc giữa phố Hàng Buồm, Nguyễn Bính đương in truyện ký *Ngậm miệng* trên báo *Tiểu thuyết thứ năm.* Thượng Sĩ viết phê bình, đọc sách cho báo *Tin Mới,* nhắn Nguyễn Bính: không nộp tiền "mãi lộ" sẽ phết cho một bài chửi. Nguyễn Bính nhắn lại: chửi thì đánh. Rồi đánh thật. Tôi cũng hung hăng trong đám đánh hôi ấy.  
Những cái vỡ lòng trong nghề văn cũng là những bông lông la đà của đám này.  
Tôi quen Đinh Hùng và Huyền Kiêu ở nhà xuất bản *Tân Việt*.Kim Hà dắt tôi đến nhà xuất bản ấy ở phố Hàng Cót.  
Nhà xuất bản ở trong Sài Gòn mới ra làm ăn ngoài này. Ông Lê Văn Văng chủ nhà xuất bản đương cắm cờ chiêu mộ đám trẻ. Nhà xuất bản đã ra quyển *Đám ma tôi* của Hoài Điệp (Đinh Hùng) và *Những đêm sầu của linh hồn* của *Phiêu Linh* (Nguyễn Đức Chính), hai ngòi bút mới nhoi ra trong đám trẻ.  
Chúng tôi xúm đến nhà xuất bản ấy, coi như nhà mình. Các bạn chữ tốt như Huyền Kiêu thì viết thơ của mình lên những tờ giấy hồng điều treo đầy tường. Các bạn hay chim gái như Đinh Hùng, Nguyễn Bính thì gạ gẫm ve vãn cô em gái chủ nhà xuất bản đương học trường đạo *La Coócđe* trên Quần Ngựa.  
Một hôm, trước cả bọn chúng tôi, ông *Tân Việt* cao hứng, tuyên bố.  
- Tôi sẽ cho hai anh này đi học đến đỗ “*bắc*"(8).  
Hai anh này là tôi và Kim Hà, Kim Hà còn dốt hơn tôi. Anh không hề được cắp sách đến trường. Hai chúng tôi vui sướng và vui lây cả đến Nam Cao - khi này, Nam Cao đương là ông giáo trường tư Công Thanh ở làng Thuỵ. Ba chúng tôi đã bao lần ngồi ghế đá vườn hoa *Écke* cạnh chùa Quán Thánh trông ra Hồ Tây ban đêm. Gió hồ cuối thu thổi vào rào rạt như nguồn cơn của lòng người. Ngỡ như ngọn gió đương thổi cái tương lai tốt đẹp đến cho mình.  
Tôi biết Kim Hà từ hồi "Bình dân". Anh chính trị phạm Giang Đức Cường thợ ảnh báo *Tin Tức* giới thiệu tôi với Kim Hà trong cuộc mít tinh ở nhà Đấu Xảo ngày 1 tháng 5 năm 1938. Anh Cường nói Kim Hà viết văn. Kim Hà hăng hái đi mít tinh trong đoàn thất nghiệp như tôi. Rồi quen Kim Hà tôi cũng không thấy anh viết văn. Suốt ngày, Kim Hà gò cổ gõ trang kim. Nhà anh có nghề làm vàng mã.  
Thế rồi, một hôm anh đưa cho tôi quyển tiểu thuyết anh viết dày đến ba bốn tập giấy kẻ. Truyện tên là *Cái nhà gạch.* Chữ to tướng. Bởi mắt anh toét lèm nhèm, lại toàn viết đêm. *Cái nhà gạch* là chuyện Kim Hà kể sự tích mẹ anh ký cóp, xoay xoả để làm nên cái nhà gạch hai gian mà anh đương ở đấy.  
Ít lâu sau, Kim Hà đến bảo tôi:  
- *Cái nhà gạch* của tao được giải thưởng *Tự Lực văn đoàn*.  
Kim Hà mở tờ tuần báo *Ngày nay* đăng tin giải thưởng văn chương hàng năm của *Tự Lực văn đoàn* cho tôi xem. Kim Hà được giải thưởng thật. Mà giải nhất. Đọc báo xong, tôi cũng chưa tin hẳn. Phải đến hôm Kim Hà đưa tôi ra nhà Mạnh Phú Tư là người có cuốn tiểu thuyết *Làm lẽ* cũng được giải thưởng. Mạnh Phú Tư giỏi tiếng Pháp, viết văn bằng đánh máy, ở trong cái ngõ gần Cửa Nam một mình một buồng, mặc áo ngủ láng đen lưng thêu con rồng vàng, thế mà chỉ được giải ba. Bấy giờ tôi mới thật tin, nhưng vẫn lạ lắm.  
Quyển *Cái nhà gạch* của Kim Hà viết sự thực, sự thực mạnh mẽ đến nỗi người đọc không thấy chữ nữa, chỉ gặp xù xì toàn cuộc sống. Nào Kim Hà gò trang kim. Nào Kim Hà bị mẹ chửi, phải nhịn đói. Nào Kim Hà đi chơi nhà thổ, mắc bệnh lậu, mẹ lại chửi thế nào... Cũng phải, Kim Hà làm gì có chữ. Kim Hà chỉ có đời thực của mình thôi.  
Kim Hà được lĩnh trăm bạc tiền thưởng. Trăm bạc Đông Dương hồi ấy còn to lắm. Khoái quá, một độ anh vứt cả đục trang kim vàng mã. Chơi bời thế nào mà lại mắc bệnh lậu lần nữa, người cứ ốm rê đi như cái tã.  
Tiểu thuyết *Cái nhà gạch,* nhà xuất bản *Đời nay* bảo để nhà văn Thạch Lam chữa rồi in. Nhưng cả mấy năm cũng chẳng thấy in. Anh đến đòi bản thảo mấy lần, không được.  
Anh không đến nữa. Nhưng anh cũng không bực mình mà lại có một bằng lòng giản dị. Cũng như công mình đục trang kim bán cho hàng mã, đã lấy được tiền rồi thì thôi. Anh viết quyển khác.  
Anh viết *Tiếng còi nhà máy,* Nhà xuất bản *Tân Việt* in. *Tiếng còi nhà máy*, anh ngồi ở nhà nghe còi tầm ở Nhà máy thuộc Da, nhà máy Bia ô Mền, nhà La Pho rồi anh tưởng tượng ra truyện. Cái tài tự nhiên của Kim Hà đã trút tất cả cho *Cái nhà gạch,* quyển này tuy được in nhưng không còn gì nữa. Chủ nhà xuất bản *Tân Việt* trả Kim Hà mỗi tháng mười đồng. Anh cũng lại bằng lòng. Anh ngỡ *Tân Việt* bắt đầu nuôi anh lương tháng để sắp cho anh đi học. Kim Hà bấy giờ đã ngoài ba mươi, mặt rỗ chằng chịt, bệnh hen nặng, người lử khử như con cò ruồi. Thế mà lúc nào cũng khoái đời. Ông *Tân Việt* chỉ trả tiền anh được bốn tháng. Còn tôi chỉ được một dòng quảng cáo sắp in truyện *Đen trắng* (chưa viết bao giờ) lên bìa một quyển sách của người khác, thì chẳng được xu nào.  
Toàn chuyện hão.  
Chuyện hão nữa là cô "*em gái*" ông chủ mà cái bạn ngấp nghé, lại chính là vợ lão. Ông ta bịa để câu đám trẻ.  
Chúng tôi được chiêu mộ đến cũng muộn, vào lúc nhà xuất bản vừa qua đận khó khăn ban đầu. Ông Lê Văn Văng này vác một túi bạc ở Mỹ Tho ra làm xuất bản. Nhiều bậc nhà văn đàn anh, các ông Lan Khai, Trương Tửu đã xúm đến trổ tài đào tiền lão, lão sắp khánh kiệt.  
Lão gần kiệt lực mới học được nghề, trước nhất là, biết cách đối xử với từng hạng người viết văn. Cái khó vào nghề đã qua, bây giờ, mánh khoé xuất bản đầu tiên lão trổ ra là lão cấm cửa mấy vị quân sư quạt mo nọ. Việc thứ hai, lão đánh tiếng gọi bọn mới viết lách và cũng còn ít tuổi đến, như chúng tôi, dụ dỗ làm công không. Cứ chiêng trống rùm beng rằng sắp có lớp nhà văn mới xuất hiện. Ông Trương Tửu viết bài phèng la *"Tôi thắp hương cầu nguyện..."* cho lớp trẻ ra đời. Một nhà xuất bản khác, nhà *Tân Dân* ra loại báo thiếu nhi dưới hình thức sách, tên là *Truyền Bá*. Báo *Hà Nội Tân văn* của anh Vũ Ngọc Phan sắp phải đóng cửa, vì người bỏ tiền ra in báo là Vũ Đình Dy thân Nhật đã trốn đi. Anh Vũ Ngọc Phan cũng chỉ là người làm công. Anh tìm việc mới cho tôi. Anh Vũ Ngọc Phan và anh Nguyễn Công Hoan mách tôi với nhà xuất bản *Tân Dân*. Ra loại sách "*Truyền Bá*" cho thiếu nhi, ông *Tân Dân* mời tôi viết thử cho nhà ông quyển *Con dế mèn,* sách bán được khách mua, ông *Tân Dân*đặt tôi viết tiếp. Tôi viết *Dế mèn phiêu lưu ký* dài gấp đôi quyển *Con dế mèn -* tất nhiên, tiền cũng được trả gấp đôi.  
Tôi cũng không nhớ kỹ được tại sao tôi lại viết truyện *Con dế mèn.* Có lẽ gợi ý khởi đầu là vì thuở nhỏ tôi giỏi chơi đúc dế ở bờ sông Tô Lịch.  
Thấy sách của tôi bán được, ông *Tân Dân* hợp đồng miệng với tôi là khi nào tôi trao bản thảo, ông trả tiền ngay.  
Mỗi quyển mỗi loại truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài, bản thảo bán theo giá định sàn. Như vậy mỗi tháng tôi viết một truyện vừa cho trẻ em chừng năm mươi trang viết tay (nếu viết quá phải san làm hai quyển. Những "Dế mèn" của tôi hồi ấy chia làm ba quyển vì giá quy định như vậy, chứ không phải vì yêu cầu của cảm hứng. Ngoài ra, một tháng tôi đưa hai truyện ngắn và cứ ba tháng viết một truyện dài. Chao ôi, sao mà tôi viết khoẻ thế. Tôi vào nghề văn có trong ngoài ba năm trước 1945 mà viết như chạy thi, được năm truyện dài, truyện vừa, ba tập truyện ngắn(9) còn truyện thiếu nhi như "*Dế mèn*" thì có đến cả chục truyện, cái in cái chưa in, vương vãi lung tung - bản thảo đã bán, rồi đảo chính Nhật, Pháp, rồi cách mạng, thành thử thất lạc cả, tôi cũng không nhớ hết.  
Cũng chẳng lạ, viết để kiếm miếng sống lúc ấy tất phải cuốc khoẻ thế vậy.  
Ông *Tân Dân* làm ăn nền nếp, giàu có, khác nhà ông *Tân Việt,Tân Dân* là nhà xuất bản lớn, có nhà in riêng, có biệt thự ở làng Thuỵ Khuê bên Hồ Tây, có ruộng ở quê nhà trong Mục Xá, Vân Đình huyện ứng Hoà.  
Ông có thói quen không tiếp và cùng một lúc trò chuyện công việc với hai người viết văn. Ông không bảo ai như thế, nhưng phàm người viết đã giao thiệp với ông đều biết rỉ tai nhau như thế.  
Giá bản thảo có lẽ ông mua của mỗi người mỗi khác mà chỉ hai người biết với nhau. Có những tác giả hạng nhất của nhà ông, như Nguyễn Công Hoan, Lê Văn Trương sách đương bán rất chạy. Có những người viết và làm ăn lương tháng như Trúc Khê, Ngọc Giao, có những người đưa bản thảo không lấy nhuận bút, được ông in đã là sướng. Có người đưa bản thảo kèm thêm tiền để ông in cho. Không ai biết ông đối dãi với mỗi ai thế nào. Cứ như truyện Trạng Quỳnh lừa người vào xem cái lạ trong buồng quây cót giữa ao, chỉ thấy một câu chửi đứa nào ra mà bảo đứa nào.  
Câu chuyện giữa ông và tôi đại khái như sau:  
- Chào ông.  
- Xin chào ông. Ông đem quyển gì mới cho tôi?  
- Thưa ông, tôi có cái truyện *Truyền Bá* năm mươi trang khổ to thế này.  
- Giấy nhường bản quyền đây, mời ông ký cho. Giá là năm mươi đồng.  
- Năm mươi đồng ạ?  
- Thưa vâng. Chúng tôi đương tính nếu tình hình có khó khăn nữa, sẽ tăng nhuận bút. Chiến tranh gay thật.  
Tờ giấy "*Nhượng bản quyền tác giả*" đã in sẵn, được đặt trước mặt tôi. Trong giấy có khoản: in lần thứ hai thì bản quyền trở lại tác giả (nhưng in lần thứ nhất bao nhiêu, lần thứ hai bao giờ, chẳng điều nào ghi cho tác giả biết hoặc nói rõ phải có chứng kiến của tác giả. Mà giấy nhường bản quyền cũng chỉ có mỗi một tờ ông chủ xuất bản giữ).  
Với tôi thì ông có in lại đến mấy lần cũng được hay chẳng có tờ nhượng bản quyền kia cũng không sao. Vì ông đã trả tiền tôi. Tôi viết cả chữ và con số 50 vào tờ giấy nhường bản quyền rồi ký tên. Trong khi ấy, ông nhón ngón tay đếm lại mười tờ “con công”. Rồi hai tay ông nâng tập giấy bạc tãi xoè ra, ông nói:  
- Cám ơn ông.  
Xong hẳn những việc đó, ông xoa tay, hoan hỉ hỏi:  
- Hồi này ông có định đi du lịch đâu xa không?  
- Thưa ông, tôi sắp vào Huế.  
Ông trợn mắt, nói nhỏ:  
- Ấy đi Huế thì ông phải cẩn thận ông còn ít tuổi, tôi xin nói thật. Ở Huế nhiều bệnh hoa liễu lắm. Ông nào rủ ông chơi sông Hương mà có gọi gái đến ngủ đêm, ông cứ cho nó ăn cháo gà. Đứa nào mà không dám ăn cháo gà thì ông biết ngay là nó tim la, nhẹ cũng là bệnh lậu. Cái giống thịt gà cá chép là kỵ các bệnh phong tình. Ông còn ít tuổi, tôi xin nói thật.  
Tuy câu chuyện làm quà, nhưng tôi ngẫm nghĩ ông đã nói thật và tôi lấy làm cảm kích. Bởi vì chưa chắc tôi đã bằng tuổi cô Nga con gái đầu của ông. Mà mặt mũi tôi thì nhờ nhệch? Lãng mạn nhất, thì cũng như câu chuyện tôi đã viết lại trong *Xóm Giếng ngày xưa,* nửa đêm kia tôi đã đi với Đinh Hùng và Huyền Kiêu vào nghĩa địa Thanh Xuân trên đường Hà Đông. Cho ông gác một hào, rồi vào bãi tha ma. Tôi đốt bản thảo tập thơ *Dưới bóng trăng thanh* của tôi trước ngôi mộ cô Khuyên mới chôn được ba ngày. Khuyên bỏ làng quê Nghĩa Đô ra Kẻ Chợ ở với mẹ rồi lấy chồng ngoài ấy. Đinh Hùng đặt một bài thơ trên mộ Đinh Thị Tuyết Hồng, chị Đinh Hùng năm trước trẫm mình tự tử ở hồ Trúc Bạch - hay hồ Gươm, tôi không nhớ. Có người đã viết thành sách *Tuyết Hồng lệ sử.*  
Rồi chúng tôi về Ngã Tư Sở uống bia. Tôi không có tiền nhiều hơn và cũng chưa dám vào nhà hát.  
Bởi vậy, câu chuyện ông *Tân Dân* dạy cách ăn chơi cho tôi ông nghĩ thật và chắc không phải chuyện ông nói như thế như, khi tiếp ông Lưu Thần, ông Lê Văn Trương, ông Lan Khai hay ông Nguyễn Công Hoan, những nhà văn đã lịch lãm*.*  
Đến dây, chuyện đã dài, tôi hiểu vậy. Tôi bắt tay ông.  
- Chào ông.  
Ông đáp lại:  
- Xin chào ông.  
Tôi đi ra. Ông đứng dậy, tiễn tôi đến chỗ cái bình phong.  
Ở ngoài đường, Nam Cao cộp cộp giày tây bước vào, phớt lạnh khi qua mặt tôi, như không quen.  
Cách ông *Tân Dân* hợp đồng tợn tạo, mạnh mẽ với tôi, cũng có ý riêng của ông. Ông cốt tích trữ. Nhà xuất bản này thường mua và tích trữ nhiều tác phẩm của những người có tiếng. Tôi là người viết còn trẻ, nhưng sách viết cho thiếu nhi của tôi bán chạy. Ông muốn độc quyền giữ người viết.  
Sau đó, dù tôi có không viết cho ông nữa, ông vẫn khối sách của tôi để có thể tung ra mấy quyển một lúc, bán rẻ, đánh quị nhà nào in sách tôi. Việc con nhà buôn bán cạnh tranh tác phẩm này không xảy ra cho tôi. Nhưng nhiều đàn anh, như Nguyễn Công Hoan, đã bị miếng đòn hiểm ấy. Nhà *Đời Mới* in truyện *Cái thủ lợn* và tiểu thuyết *Thanh đạm* của ông cùng lúc ông *Tân Dân* cho ra thị trường mấy quyển khác cũng của Nguyễn Công Hoan, mà giá sách *Phổ thông bán nguyệt san* là giấy in báo, chỉ rẻ bằng nửa tiền sách nhà *Đời Mới*.  
Nhà xuất bản *Tân Dân* không phải là một nhóm, một văn đoàn như kiểu văn đoàn *Tự Lực* hay nhà *Hàn Thuyên.*  
Cái nhà xuất bản này là cửa hàng tạp hoá to vốn, nhiều quầy, nhiều mặt hàng, ai mua gì cũng có. Truyện kiếm hiệp, sách giáo khoa, tạp chí tranh luận duy tâm duy vật, truyện trinh thám, truyện tình ái vẩn vơ, truyện xã hội tả thực. Mỗi thứ đựng một ô trong ngăn kéo. Không tác giả nào biết tác giả nào. Tôi chưa hề ngồi chơi với ai ở nhà xuất bản trừ mỗi lần đến gặp ông *Tân Dân,* nộp bản thảo, lấy tiền. Một mình ông *Tân Dân* có bốn tờ báo ra hàng tháng, hàng tuần *(Tiểu thuyết thứ bảy, Tao Đàn, Phổ thông bán nguyệt san, Truyền Bá.* Không kể, có thời kỳ còn tờ tuần báo *Ích Hữu).* Một nhà xuất bản đủ thứ sách, cho người lớn, cho trẻ em, cho nhà lý luận, cho cô hàng xén. Thế mà ông chỉ phải nuôi có hai ông viết văn ăn lương tháng và những năm về sau, một ông thầu văn, ông Vũ Bằng.  
Tình hình Nhật Pháp và Đông Dương càng găng, nhà xuất bản *Tân Dân* cũng kinh doanh tạp nham theo thời thế, không cứ nghề in và nghề xuất bản. Tôi nghe ông Vũ Bằng nói ông *Tân Dân* còn buôn nhà và buôn đồ cổ. Công việc biên tập và in sách báo dồn vào tay ông Vũ Bằng. Vũ Bằng thầu cả ba tờ báo tháng, báo tuần của ông. Ông Vũ Bằng còn thầu thêm tờ tuần báo nữa của nhà in Trung Bắc, tờ *Trung Bắc chủ nhật.*  
Hà Nội lúc ấy chỉ có trên dưới chục tờ báo hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. Phần nhiều đều là báo có người thầu hoặc làm khoán. Tờ *Đàn Bà* của bà Thuỵ An có thế lực với Tây, xin được cấp giấy Đáp Cầu, số giấy chính để bán chợ đen. Trúc Đường làm nhà in Lê Cường nơi in báo *Đàn Bà* được khoán cho việc biên tập. Chủ báo chỉ thu tiền phần quảng cáo và giữ mục nhắn tin mua bán hộ. Hàng hoá khan hiếm, nhà báo đứng ra nhận mua giúp - tất nhiên có lãi, các thứ khó mua như son, phấn, sáp, nước hoa và nhiều thứ khác của các bà, có bạn đọc lắm tiền nhờ xoay chợ đen hộ.  
Tôi vẫn viết thẳng cho ông *Tân Dân* và lĩnh tiền ở ông ấy. Tôi mách mối, ông *Tân Dân* mời Nam Cao viết truyện thiếu nhi.  
Đến khi Nam Cao muốn viết thêm truyện ngắn, ông bảo hỏi ông Vũ Bằng. Mỗi số báo Vũ Bằng lĩnh của chủ một món tiền biên tập rồi phát lại cho ai bao nhiêu thì tuỳ. Nhiều người ở xa viết với ông Vũ lúc ấy, như Lý Văn Sâm ở Biên Hoà, Bửu Kế, Phan Du ở Huế, Nguyễn Văn Xuân ở Quảng Nam, không biết có được ông ấy gửi trả nhuận bút không.  
Hồi này nhiều tay giáo học được Tây gọi về làm phòng kiểm duyệt. Họ viết văn lấy tiếng, còn toàn cho bài không.  
Báo nào cũng phải in khẩu hiệu và danh ngôn "Thống chế Pêtanh đã nói" cũng phải đăng bài của các ông ở phòng kiểm duyệt kiêm nhà văn. Sách của các ông này, loại như truyện *Đời cạo giấy* của Giao Chi và tập truyện ngắn *Rượu cần chẳng uống mà say* của Nguyễn Khắc Mẫn nhà xuất bản *Đời Mới* in bày nhan nhản các hiệu.  
Trong cảnh làm ăn bon chen thế, tôi sống một cách trái ngược, vừa thiếu thốn lại vừa chơi bời - dù là chơi bời cò con và cò rả. Trong sinh hoạt nghề mới, gì tôi cũng muốn biết, muốn học, học lỏm. Lúc đầu cũng có cái thích, nhưng lâu rồi lại buồn bã nhìn ra những dớ dẩn và chua chát của nó.  
Bàn giấy nhà văn Lê Văn Trương, người có nhiều sách in nhất lúc ấy. Tôi đến nhà anh ở Láng, thấy giữa bàn viết, anh đặt cái sọ đầu lâu người đã lên nước bóng vàng khè. (Cái mốt nhiều người viết văn bấy giờ hay chơi đầu lâu, để trên mặt bàn). Con dao găm xiên ngang giữa hai hàm răng. Cái đầu lâu và con dao găm chặn lên tấm bìa xanh của một bản thảo đương viết, trên bìa có hàng chữ to: "Quyển tiểu thuyết hay nhất đời nhà văn của tôi”. Và cái chậu nước mưa đặt ở thềm hè. Để lúc viết hăng quá, bị nóng đầu, - anh ấy bảo thế, nhà văn ra dìm mặt vào nước mát cho bộ óc dịu đi.  
Trò ảo thuật dao găm, đầu lâu, chậu nước và câu thần chú nọ không phải để nhà văn tâm niệm và làm theo, cũng không để tôi xem, nó để bẫy các ông xuất bản đến chơi. Vì các bạn, ai cũng biết thời kỳ này anh đã viết ẩu. Nhiều quyển, Lê Văn Trương cho đàn em, đám Đặng Đình Hồng, Tân Hiến viết rồi anh ký tên. Đọc văn biết khác ngay.  
Tôi đã hết ngạc nhiên thấy trong nghề viết văn cũng có chợ đen và làm xiếc. Có khi tôi cũng theo các đàn anh Vũ Bằng, Ngọc Giao lai vãng vài ba tiệm thuốc phiện ở Hàng Chiếu, ở Bờ Sông ngoài Hà Nội hay có những lần cùng Nguyễn Bính, Việt Châu tác giả tập thơ *Lông ngỗng reo tình* đến tiệm hút ở Chợ Cũ, ở đường Cây Mai, vào Chợ Lớn. Nhiều ông viết văn làm báo nằm trong làn khói thuốc phiện như "bóng ma" và bàn tán tất cả mọi chuyện trên đời.  
Cuộc sống của tôi lảng vảng bên hố truỵ lạc, khi sợ, khi thích thú, khi buồn chán, không tự phân biệt được.  
Một lần, Nguyễn Bính rủ tôi đi “giang hồ”. Nghĩa là đi chơi không cần tiền. Có tiền mới đi chơi, thì là xoàng rồi, ai cũng làm được. Lên tàu hoả ra ga Đầu Cầu thì lên không. Ở đấy đã có Trần Nhân Cư ông trưởng ga xép này sính làm thơ và là người của trường thơ Nguyễn Bính. Đến ga Bắc Ninh, thi sĩ Vũ Hoàng Chương, do Mạnh Phú Tư giới thiệu, tôi biết anh Chương đỗ tú tài toán, làm thơ, lại mê đọc truyện trinh thám. Nhà ở Bến Thóc, thành phố Nam Định. Một nhà thế gia, đương tàn. Nhưng mà vẫn to lắm. Nam Cao và tôi ở ăn cơm cả tháng, cũng không ai giáp mặt chúng tôi. Mỗi tầng gác có nhiều buồng, buồng treo rèm vải điều. Bên trong, một bà già nằm hút thuốc phiện. Vũ Hoàng Chương làm ga, có tiền. Anh mua giấy, in lấy tập *Thơ say* ở nhà in *Cộng Lực* rồi lại nhờ nhà xuất bản *Cộng Lực* đứng tên phát hành.  
Chúng tôi đỗ lại Bắc Ninh. Vũ Hoàng Chương gài chúng tôi xuống nhà ả đào, nhà cô Tuyết Lành dưới phố Niềm. Tối hát, ngày ăn bún ốc - lại ăn bún ốc, trừ cơm. Chán cảnh phố Niềm, chúng tôi lên phủ Lạng Thương, kéo theo xếp ga Chương. Xếp ga Chương bỏ cả ga, đi chơi. Ba người ngồi toa đen, như những kiện hàng.  
Chúng tôi vào nhà Bàng Bá Lân. Thấy có ông tờ-rốt-kít Dương Tá Ban chít khăn, mặc áo trắng dài đã ngồi uống rượu ở đấy. Ông Dương tự nhận là tờ-rốt-kít lại thạo xem tướng tay, hay đi phân kim cắm huyệt tìm đất để mả như nghề cụ Tả Ao.  
Ở sông Thương, ngày ngày, Chương và Bính tha thẩn vào xóm Thùng Đấu ngoại ô thị xã Bắc Giang. Hai bạn thơ vừa đi vừa nghêu ngao đọc thơ. Ông Chương thì "*Tố của Hoàng* ơi", ông Bính thì "*Ngày xưa vua nước Bướm"...*  
Ở đây, ngày trước thi sĩ Bính có yêu một người. Bây giờ, trở về, khóc mối tình cũ. Tình cũ chẳng thấy đâu, chỉ thấy trẻ con ra xem xúm đông xúm đỏ, chạy trước chạy sau. Thế mà hai người vừa đi vừa đọc thơ, tôi đi giữa chịu khó khoác tay hai bạn. Ngất nghểu ba thằng rồ.  
Được mấy hôm, nếu Bàng quân không đưa tiền tàu và nói thẳng rằng thế là tiền tiễn, chưa biết bao giờ chúng tôi mới nhổ rễ.  
Còn đến cả tuần sau mới về đến Hà Nội. Qua Niềm, lại xuống Tuyết Lành. Rồi lại hát cô đầu Phủ Từ. Không có tiền, Bính và tôi phải "nằm va-li" ở cô đầu Từ Sơn, Chương về Hà Nội chạy tiền "chữa cháy".  
Tối hôm chia tay chuyến đi tiêu tiền toàn của người khác ở hàng thịt chó Hàng Đồng, Vũ Hoàng Chương và Nguyễn Bính tức cảnh đọc bốn câu thơ: *Tô Hoài, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương  
Còi thét vào ga Phủ Lạng Thương,  
Sở tại bàng quan chầu xuống xóm  
Thi nhân bá ngọ chuyến lên đường*  
Chả là rủ Bàng quân đi hát, ông phản đối, nên "bá ngọ" chuyến đi? Chơi thế, phải mặt dầy đi chạy vạy chằng bửa. Nhưng lại thổi màu phiêu đãng bất cần đời lên mà làm thơ. Những "say đi em”, “nghiêng nghiêng trần thế", "nàng tiên nâu" chỉ là "làm thơ" vậy thôi. Thời thế những năm ấy đã khác. Cái lãng quên và quay lưng chỉ còn là sự gục đầu xuống. Đời thật lúc đó thảm hại lắm, như những chuyến hành khất "giang hồ" trên. Những bế tắc, bệnh hoạn đã thành tên là thơ say, thơ trăng, thơ tiên, thơ sầu mộng, thơ điên, thơ em gái. Thật tên là thơ xin ăn, vì thèm, vì đói, đủ kiểu. Có người hỏi tiền thẳng thừng như thơ Nguyễn Tử Kính, nhà xuất bản Á Châu in: *Gió rét chưa chi về sớm quá  
Áo chưa đan được lạnh bên lòng  
Còn đâu hi vọng mà mong  
Người đan áo rét tặng trong dịp này*  
Nguyễn Bính trong *Tiểu thuyết thứ năm:*  
Chùa Hương xa lắm em ơi *Đò giang cách trở, chịu thôi cô mình  
Câu này anh nói thật tình  
Muốn đi thì phải cho anh mượn tiền*  
Và mơ màng Quỳnh Dao: *Bạch lạp bừng sôi trên mỏ hạc  
Hồng đơm thơ ngự khắp chân tường  
Đơm tình gái mộng chờ thi sĩ...*  
Những câu thơ đã đăng báo in sách giá trị tương tự hai câu rao thuốc chữa bệnh phong tình thời ấy: *Chỉ đâu mà buộc ngang trời. Thuốc Hồng Khê chữa những người lẳng lơ.* Tuy vậy, có lúc tôi gọi những rạc rày như thế là thơ và đời thơ.  
Bọn chúng tôi rồi có người ngã rục, có người đau ngoảnh mặt đi, có người tỉnh ngộ.  
Tôi tham gia *Văn hoá Cứu quốc* ít lâu sau khi làm nghề văn, giữa đám bè bạn lố nhố lao sao vậy. Mới đầu không phân biệt được rồi có lẽ vì thói quen vốn là người làm ăn bình thường chân chỉ, tôi thấy ra rằng trong nghề văn và sự nghiệp cách mạng cũng đòi người hoạt động không khác lúc tôi ở Ái hữu thợ dệt, ở Thanh niên dân chủ.  
Tôi nghĩ thuyết phục bạn.  
Một hôm, tôi đưa Nguyễn Bính một tờ *Cứu Quốc.* Lần sau Bính đến, hỏi tôi có báo Việt Minh, cho xem nữa. Nhưng xem xong Nguyễn Bính cũng lặng lẽ đi, không nói.  
Một hôm, tôi đưa Vũ Trọng Can xem báo *Cứu Quốc,* Vũ Trọng Can người làng Thọ vùng tôi. Truyện *Màu hoàng yến* và kịch dài *Cái vạ* đầu tiên của anh in trên các báo *Ngày nay* và *Tiểu thuyết thứ năm* rất hay, đã thúc giục tôi càng ham mê viết. Vũ Trọng Can đọc xong tờ báo Cứu Quốc bí mật hỏi: “Còn nữa không?". Đôi mắt “chó giấy” của anh ngước nhìn, chẳng ra ngờ nghệch, chẳng ra khinh đời.  
Ít lâu, tôi gặp Vũ Trọng Can ngoài phố. Quần áo "tuýtso" lụa, giầy "dôn", cà vạt hoàng yến, thật điển. Nam Cao và tôi đến nhà Can chơi. Những năm trước, đã thành lệ, Can có quần áo tốt mặc hết mùa lại đem gửi nhà cầm đồ Vạn Bảo ở phố Mới lấy tiền tiêu. "Cho người ta giữ hộ. Bao giờ cần lại lấy về cơ mà". Can nói cợt thế. Bây giờ, Can thuê gác ở, có tủ, bàn, giường tây (cũng đều thuê). Trên cái giường lò xo, tôi trông thấy một bên là cô bạn diễn viên kịch. Cô bạn gái Mỹ Ảnh nằm bên kia và Can nằm giữa hai cô. Họ đương xem tướng tay cho nhau.  
Can ngồi lên, hét vào mặt Nam Cao và tôi:  
- Chúng mày ngốc hơn những thằng ngốc... đeo đuổi viết lách mãi... mở mắt trông ông đây, ông còn nhiều thứ nữa...  
Chúng tôi phải mở mắt trông ông ấy là như thế này. Độ trước Vũ Trọng Can đã đem bộ *Đông chu liệt quốc* đến nhà tôi ngồi liền cả tháng soạn riêng ra từng vai, viết lại thành quyển *Người chiến quốc* dầy sụ. Rồi xin phép xuất bản. Sở thông tin báo chí của Pháp cấp phép cho mua giấy. Nhưng không in sách, Can đem bán giấy lấy tiền. Vì thế mà phát tài.  
Rồi Can nói khéo thế nào, có người làng đưa tiền cho anh đi với Nguyễn Trọng Trạc - trước quản lý báo *Ngày Nay* lên Lạng Sơn buôn dó làm giấy. Nướng vào sòng bạc trên ấy hết sạch tiền, lại thêm mắc nghiện. Lần khân không về, không dám về, cứ ở Đồng Đăng Kỳ Lừa rồi ốm ngã nước. Khi khiêng về đến nhà thì đã hấp hối. Bấy giờ người nhà mới biết anh đã nghiện. Nhưng đổ thuốc phiện vào không kịp nữa.  
Đó là lớp người trôi như bèo trên mặt sóng.  
Trần Huyền Trân có gian buồng nhỏ trống trơ sau Cống Trắng, trông ra một đầm sen - ngõ Sơn Nam, tên ông chủ cho thuê các nhà trong ngõ. Mẹ anh sinh sống ở cái lều kéo vó trong đầm. Đấy cũng là nơi trú ngụ, chúng tôi thỉnh thoảng đến nằm khàn ở cái buồng rỗng ấy. (Khi thuyết phục Trần Huyền Trân tham gia *Văn hoá Cứu quốc*, Lê Quang Đạo đã có lần đến ở đây). Hoặc lên túm năm tụm ba trên cái gác phố Hàng Đồng nhà Chu Ngọc, coi như thế là "xê dịch", là "giang hồ vặt". Phiêu lưu kiểu kiến bò cho qua cơn trống trải.  
Cuộc sống trong ao mà những con chẫu chàng thỉnh thoảng ngoi lên mặt nước, đờ đẫn nhìn theo mấy cái bọt mình vừa thở.  
Đôi khi, Nam Cao và tôi lang thang đến rạc cẳng trên hè phố rồi ra cửa ga Hàng Cỏ, thuê buồng ngủ. Để đêm đêm nghe tiếng còi tàu. Nam Cao thích truyện ngắn *Dik và Linh* đăng ở *Hà Nội báo,* tôi không nhớ một trong hai anh viết, của Nguyễn Hồng Tranh hay Vũ Năng An. (Tôi mới được biết *Dik và Linh* của Vũ Năng An). Truyện tả đời phiêu bạt của những người làm tàu biển. Chúng tôi ao ước thế.  
Cuộc sống chữ nghĩa còm cõi thật phức tạp và thương tâm. Nhưng ở lớp người ấy, có người biết mơ ước, cả trong u tối Khi hiểu được nguyên do những thảm hại nhiều người trong chúng tôi đã vứt đi được cái hào hoa, ngông nghênh dở, thấy ra mình đương ở đâu và phải làm gì cho đáng là con người. Tôi hiểu các bạn thơ trường phái "áo cừu gốc liễu" lối Thâm Tâm và Trần Huyền Trân ở trường hợp ấy.  
Thơ Thâm Tâm viết: *"Đưa người ta không đưa qua sông  
Sao có tiếng sóng* ở *trong lòng  
Nắng chiều không thắm không vàng vọt  
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong  
Đưa người ta chỉ đưa người ấy  
Một giã gia đình, một dửng dưng  
Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ  
Chí lớn chưa thành, bàn tay không  
Thì đừng bao giờ nói trở lại  
Ba năm mẹ già cũng đừng mong...*"(10)  
Bài thơ này Thâm Tâm viết tặng một bạn đi thoát ly, lại vừa là than thân, thương thân. Tình cảm anh bày tỏ trước người ra đi vì đại nghĩa. Vẻ tráng sĩ bên sông Dịch, đi không bao giờ về, có cách riêng của nó. Cái cảm khái của người bất đắc chí. Tôi lại nhớ những đêm đi hát uống rượu ở Ổn Rợp với các bạn Võng Xuyên, Đồ Điếc, Nguyệt Hồ ở Nam Định. Say rồi đập bát, khía tay lấy máu viết lên tường. Nhưng dù sao, đã thấy được tù túng, cùng quẫn. Tiếng sóng Tiếng sóng trong lòng ta! Cái khát vọng của tâm sự người làm thơ.  
Những số báo *Cứu Quốc* đầu tiên ra công khai hàng ngày trong tháng tám 1945 ở Hà Nội, nền lá cờ đỏ to suốt trang nhất của báo, Thâm Tâm vẽ lá cờ ấy.  
Kháng chiến chống Pháp, Thâm Tâm vào bộ đội rồi mất bệnh ở châu Quảng Uyên trên Cao Bằng, trong chiến dịch biên giới thu đông năm 1950.  
Thơ Trần Huyền Trân: *Ơ kìa thiên hạ đương say  
Có nghìn tay vẫy nghìn tay đương cười  
Nhớ ngươi nhạt thếch môi cười  
Ta vo chỏm tóc ta ngồi ta ca  
Tình tang lỗi nhịp mình ta  
Thương về đầu bạc nhớ ra má hồng  
Đầu xanh ai vợ ai chồng  
Võng đưa ai mẹ bế bồng không con  
Nằm đây thép rỉ son mòn.  
Cái đi mất mát cái còn lần khân  
Cúi đầu bóng rét vương chân  
Ngẩng lên đã đụng trời xuân trên cành  
Không vui sâu cỏ không đành  
Mà cười e chửa ngon lành trái mơ...(11)*  
Đó là một tự sự theo lối của trường thơ Trần Huyền Trần, Thâm Tâm. Giữa một ngày xuân nghìn tay đương vẫy nghìn tay (phong trào cách mạng đương lên), tôi nhớ anh (cán bộ cách mạng), tôi hát. Tôi hát rằng tình hình bây giờ thật đau xót, vì đâu mà xã hội tan đàn xẻ nghé, ngoài đường ảm đạm đầy tiếng khóc. Tôi còn lần khân ở đây, người tôi mòn rỉ đi. Chợt thấy cái rét chưa qua hẳn mà mùa xuân đến rồi. Không vui cái vui cỏn con không đành nhưng vui là vui gượng, vì cách mạng chưa thành công. Nhớ người đi chiến khu, như người độc hành lên biên ải, *trùng quan dâng áo ngự hàn là đây,* tôi gửi anh tấm áo ấm và dâng anh lời thơ một tấm lòng.  
Không ngẫu nhiên, Trần Huyền Trân đã viết nhiều ca dao hô hào đánh Pháp đuổi Nhật, ký tên Đỗ Quyên, đã in trên báo *Cờ Giải phóng,* báo *Cứu Quốc,* thời bí mật.  
Truyện *Con dế mèn* và *Dế mèn phiêu lưu ký* là những sáng tác đầu tay của tôi cùng những truyện ngắn *Nước lên, Con gà ri, Bụi ô tô*... Những sáng tác non dại ấy cũng có thể dùng để đo được trình độ tư tưởng và hiểu biết của tôi đương như thế nào.  
Tôi lớn lên giữa những buồn vui, những gian truân, trong mọi tập tục, thói quen của lớp tuổi tôi ở làng. Lúc đó, đương thời kỳ Mặt trận Bình dân. Lý tưởng như giấc mơ đẹp đến với những người thanh niên cùng lứa, cùng cảnh như tôi. Cái ao ước "thế giới đại đồng” của Dế Mèn, của Dế Trũi, của Châu Chấu Voi, của Xiên Tóc là cái hiểu chủ nghĩa cộng sản của tôi với vẻ đẹp và cả những trống rỗng trong suy nghĩ tôi.  
Từ khi biết nghĩ điều hay cho những ao ước của mình, tôi chỉ một mạch nghĩ theo cách mạng. Nhưng ở cái chợ văn thời ấy eo xèo kẻ mua người bán, kẻ ra người vào. Ngót nửa thế kỷ văn học quốc ngữ, được dăm tác phẩm có giá trị. Còn thì người ta cầm bút không vì cái gì cả hoặc chỉ để gãi cái thích của số người đọc ít ỏi lúc ấy. Những nhân vật chàng và nàng phù phiếm... Và nhảm nhí tệ hại, lướt qua bìa sách cũng đã thấy nặng mùi. *Ngoại tình... Thả cỏ... Một đêm với Dương Quí Phi.(12).*  
Sáng tác của tôi còn nhiều thiếu sót dường như tự nhiên chủ nghĩa, nhưng gốc tôi giữ được cho tâm hồn cái dáng dấp lý tưởng mình theo đuổi từ khi chưa làm nghề văn.  
Tâm trạng tôi, gia đình tôi, làng tôi - mọi cái của mình, quanh mình. *Quê người, Giăng thề, Nhà nghèo, Xóm Giếng ngày xưa* trong đó có những mảnh đời, mảnh tình cỏn con của mình, của những người cùng túng. Cái nhìn còn bế tắc hoặc có phần nhẹ nhàng, hay xót xa, hay đá chút khinh bạc, ấy là phần nào con người và tư tưởng chán chường của tôi.  
Từng chi tiết và từng nhân vật trong sáng tác của tôi, các bạn lứa tuổi tôi trong làng là người và chuyện tiểu thuyết *Quê người.* Truyện ngắn *Nước lên* hao hao giống ai, là ai. Cái nhà giáo trong truyện *Giăng thề,* đời sống các ông hương sư vùng quê. Cả những truyện loài vật tưởng như xa lạ kia cũng không ngoài cái rộn ràng hay thầm lặng của mảnh vườn trước cửa, trong luỹ tre cuối xóm hay trên bãi Cơm Thi bên kia cửa đình làng Nghè bờ sông Tô Lịch.  
Tôi ngồi giữa làng tôi mà viết, hối hả viết. Mấy năm nay, Nam Cao thất nghiệp vì trường học phải đóng cửa đã về ở nhà tôi. Chúng tôi ở trong một gian bên kia buồng, cái gian nhà ngày trước có những thầy giáo bên đạo đã ở, chỉ trổ một lỗ vuông cửa sổ tí tẹo, thành gạch sâu và im vắng đến nỗi bất chợt thò tay có thể nắm đuôi được chú chim sẻ đương than vãn ngoài hốc tường.  
Cái bàn viết bằng gỗ tạp, hai chân rời như bàn đánh bóng. Hai đứa tôi ngồi hai đầu, cũng như hai tay đánh bóng, châu mặt vào nhau. Mùa hè, Nam Cao căng màn nằm ngủ đêm trên bàn ấy.  
Mỗi tháng, chúng tôi túi bụi bận viết vào mấy ngày cuối tháng. Đã vào nghề viết, nhưng nghề ra sao, chỉ biết lúc nào cũng ngại viết, viết lúc nào cũng là một dằn vặt. Cứ sắp đến ngày hẹn đem truyện xuống nhà xuất bản, tôi mới ráo riết, cắm cúi thâu đêm. Có khi, chúng tôi phải viết đổi tay cho nhau mới làm kịp.  
Nam Cao thạo tả nhân vật, tôi nhờ anh viết cho tôi những đoạn như thế. Lúc Nam Cao buồn ngủ hay chán viết anh bảo tôi: “Cậu làm hộ mình thế này nhé. Sắp mưa, bờ ao có bụi tre. Buổi chiều. Mấy trang cũng được”. Tôi vốn thích tả cảnh. Tôi lia hộ bạn vài trang như anh đã phác.  
Chúng tôi túng đề tài - thực tế bề bộn quanh mình, nhưng có thể chưa đủ năng lực biết phân tích khai thác. Có một truyện ngắn Nam Cao viết về một anh đi xem bói, thầy bói đoán toàn cái tốt sắp gặp. Nhưng xem bói xong, anh ta ra đến cửa, bị ô tô chẹt chết. Lần ấy bí cái viết, chúng tôi về Nam Định xem thầy bói Kế. Lão thầy bói Kế đương được tiếng, Nam Cao viết từ đầu chí cuối hệt quang cảnh đi xem bói Kế. Nhà thầy bói, cái mặt và dáng lão bói Kế ngồi, những câu lão phán, nhất nhất thật. Chỉ thêm đoạn cuối tả cái ô tô đâm chết người vừa xem bói ra.  
Ý thức viết của tôi rõ rệt hơn từ khi tham gia hoạt động *Văn hoá Cứu quốc*. Lý trí tôi khẳng định được vấn đề miêu tả xã hội đau khổ là đúng. Tuy nhiên, hiểu biết số phận nhân vật trong một xã hội với quy luật của nó thì nhiều năm sau này, mới dần dần vỡ ra. Vậy mà cả tới bây giờ mỗi khi cầm bút vẫn cảm thấy chập chững, ngắc ngứ, có thể thiếu sót, có thể sai lầm, thật khó khăn.  
\*\*\*  
Đến nhà Vũ Quốc Uy họp, chúng tôi thường kiểm điểm việc phát triển tổ.  
Tôi rất lo việc này. Tôi chưa tự tin khả năng thuyết phục của tôi. Thực thì, một số bạn mà tôi dúi cho tài liệu bí mật đọc đều thờ ơ, như Đinh Hùng, Nguyễn Bính, Vũ Trọng Can.  
Tôi chưa biết cách nào đưa được bạn biết nhìn lên trước cái nhìn hàng ngày. Chút danh hão, sự cam chịu bó mình trong mòn mỏi mà không tự biết, cái sợ nỗi nguy hiểm có thể đến.  
Tôi không giúp gỡ nổi cho các bạn cất mình cao hơn những ràng buộc và lo lắng ấy.  
Vũ Quốc Uy rất hoạt động. Cả Như Phong nữa. Như Phong kể lại đã phát triển tổ thế nào. Có hôm Như Phong và Nguyên Hồng đi đấu khẩu với bọn tờ-rốt-kít. Có lần Như Phong đến nhà tôi, hoạ sĩ Văn Giáo cùng đi. Tôi đoán Như Phong đã tuyên truyền sang cả giới hội hoạ.  
Tình hình người viết văn những năm trong chiến tranh thế giới lần thứ hai biến đổi hàng ngày. Chợ văn ở Hà Nội oi ả, chợ chiều, hiu hiu.  
Có bạn bây giờ tưởng văn chương hồi ấy chỉ có *Tự Lực văn đoàn*. Không phải. Bạn đọc *Tự Lực* nhiều, nhưng không phải là tất cả. Bạn đọc *Tự Lực* phần lớn là thầy giáo, công chức, thanh niên sinh viên họe sinh. Nhóm *Tự Lực* gồm một số nhà văn muốn truyền bá một quan niệm, một lối sống, từ xã hội đến gia đình, đến cá nhân và tình yêu.  
Thời phát đạt của văn đoàn *Tự Lực* bắt đầu những năm Mặt trận Dân chủ đến chiến tranh thế giới lần thứ hai. Họ muốn làm cho văn chương kiểu đó được độc tôn. Không công nhận các dòng văn khác hoặc chỉ đề cao ai do mình tung lên.  
Thậm chí, dìm chết người viết khác lối văn của mình, như đối với Kim Hà và Phan Huấn Chương(13).  
Nhưng từ bắt đầu chiến tranh thế giới lần thứ hai, trong giông bão chống tai hoạ phát xít, bản thân văn đoàn này và người đọc cũng phân hoá. Những người chủ chốt trong nhóm *Tự Lực*: Hoàng Đạo, Nhất Linh, Khái Hưng... đi vào con đường chính trị thân Nhật. Còn ai ở lại với văn chương thì văn chương đã tàn. Bấy giờ văn đoàn *Tự Lực* có in vài sáng tác rộng ra ngoài cánh mình. Cũng không vớt được thanh thế nữa. Đến sau tập truyện ngắn *Hoa vông vang* của Đỗ Tốn và truyện ngắn của Cung Khanh thì lịm hẳn.  
Lúc này, tạp chí *Thanh Nghị* mang màu sắc trí thức lớp trên muốn đứng ra cầm cờ*.* Nhưng không có thực lực và uy tín văn học. Vả lại, năm 1943 không phải năm 1938, không ai chỉ còn biết chú ý đến cờ quạt văn chương và tư tưởng thuần trên sách báo. Quanh mình đã nóng như lửa và thực sự lửa dang cháy. Mỗi người, người nào cũng đương tự quyết định.  
Chết hay là đứng lên.  
Khuynh hướng tờ-rốt-kít không có sức hút về văn học. Nhưng họ hoạt động nhiều vì Pháp để yên và họ đã quẫy mạnh trong đám trẻ cầm bút. Tờ *Tranh đấu* của nhóm tờ-rốt-kít ở Hà Nội cũng ra bí mật. Những khẩu hiệu khoa trương khá hấp dẫn đã được nêu trong các cuộc đấu tranh đòi đời sống, lập Ái hữu tiến tới nghiệp đoàn. Nhưng chỉ có khẩu hiệu, không có việc. Rồi cũng tan rã.  
Nhà xuất bản *Hàn Thuyên* ra đời với mấy tay quân sư tờ-rốt-kít mồm. Một số nhà xuất bản khác mới nhoi ra, có dây mơ rễ má với đám thanh niên tờ-rốt-kít, *Mới, Ngày Mới, Đại Học...* Nhưng tình hình lúc ấy dồn dập đến nỗi cả tờ-rốt-kít lý thuyết cũng không thể cứ đứng hò hét. Mấy người lao vào hoạt động phản động. Một số viết sách báo tưng bừng trong bàn tay quỉ thuật của nhà cầm quyền Pháp. Một số khác đi với cách mạng Đám người có khuynh hướng phục cổ lúc này cũng lắm vẻ, nhưng vẻ nào cũng là cơ hội, "Cần lao, Gia đình, Tố quốc" hay "Đại Đông Á” gia giảm, phục cổ cũng chỉ khoanh trong lứa tuổi và tầng lớp nào đấy thôi. *Văn hoá Cứu quốc* ở Hà Nội bắt rễ vào một số tiểu tư sản trí thức. Người tiểu tư sản vốn không có sức riêng. Xã hội tan rã đương lay động nó dữ dội. Người tiểu tư sản được hút vào cách mạng, thành tiếng nói sức mạnh cách mạng. Cái đèn pin và cái lắc lê của tôi, thật ngây ngô, nhưng đã nói đầy đủ được tinh thần hành động của tôi. Trên báo *Cứu Quốc,* khi Tống khởi nghĩa, Xuân Diệu viết bài hô: "Thời vứt sách". Lời hô ấy, lúc ấy không hẳn phù hợp. Nhưng tinh thần "Thời vứt sách" trong cả quá trình người cầm bút tham gia chuẩn bị Tổng khởi nghĩa là một sự thật. Chữ không đủ. Phải võ trang.  
Trong những người nửa lãng mạn, nửa thời thế, có Nam Cao với tôi. Tôi quen Nam Cao vì tôi đến học chữ Pháp ở trường tư của một bà dì họ tôi, trường Công Thanh ở Thuỵ. Đi làm nhà *Bata*, tôi học thêm tiếng Tây. Nam Cao dạy ở đấy và đầu tiên tôi gọi anh là ông giáo Tri, ông Trần Hữu Tri. Tôi ít tuổi hơn anh, văn hoá kém anh, nhưng anh thấy tôi đã viết được truyện ngắn đăng báo. Việc đó có thể rất kích thích anh.  
Nam Cao đã đỗ bằng *"đíp lôm”*đã làm phóng viên báo *Kịch Bóng* từ hồi ở Sài Gòn, thế mà đến nay viết vẫn lận dận. Anh đã thử cả các cửa, thơ trào phúng, thơ mơ mộng, lúc truyện ngắn, truyện vui ký tên Nhiêu Khê, Thuý Rư, Nguyệt, Xuân Du, Nam Cao... nhưng chưa biết đứng lại đâu.  
Lính Nhật chiếm cái trường tư Công Thanh với cả quãng phố làng Thuỵ làm chỗ nhốt ngựa. Nam Cao thất nghiệp, lên ở với tôi. Anh mới viết xong một truyện vừa. Truyện *Cái lò gạch cũ.* Nhân vật Chí Phèo trong truyện là tên một người thật ở làng anh. Chuyện từ đời trước, anh viết theo vợ anh kể.  
Chi tiết để tô điểm chuyện Chí Phèo thời bấy giờ, tất nhiên là những tai nghe mắt thấy trong bọn chức việc họ hàng anh ở làng mà anh biết.  
Truyện viết xong, nhưng cũng như bao lần, anh không tin có ai. Anh muốn đưa nhà xuất bản *Đời Mới.* Nhà xuất bản này là một hiệu thuốc chữa bệnh lậu ở phố Hàng Cót, mở thêm xuất bản. Lạ một điều là ở Hà Nội hồi ấy, có nhiều nhà lang thuốc kiêm nghề xuất bản sách báo. Có lẽ vì các nhà thuốc Hồng Khê, Bình Hưng, Lê Huy Phách, Từ Ngọc Liên, Hương Sơn đã sẵn nhà in in nhãn thuốc, bây giờ làm báo, làm sách không tốn kém mấy chỉ thêm danh giá. Nam Cao tính: "Cái thằng xuất bản hạng bét này có thể quí bản thảo". Tuy vậy, cũng chỉ dám đến nhà xuất bản *Đời Mới* vào lúc nhá nhem tối, bản thảo *Cái lò gạch cũ* đã quấn sẵn, tròn như cái ống.  
Ít lâu, ông Trác Vỹ, chủ nhà xuất bản viết thư mời Nam Cao đến.  
Ông Trác Vỹ nói:  
- Tôi sẽ in truyện của ông. Nhưng đầu đề *Cái lò gạch cũ k*hông ăn khách. Tôi đổi cho ông là truyện *Đôi lứa xứng đôi.* Tôi nhờ ông Lê Văn Trương văn sĩ trứ danh thay tên và đề lời giới thiệu. Sách đã in sắp xong. Tôi báo để ông mừng.  
Chẳng nhớ rồi Trác Vỹ "thí" cho Nam Cao được mấy đồng. Nhưng dù sao thế là đã có sách in, từ nay anh dễ đi chào hàng những quyển khác. Và Chu Ngọc, Thâm Tâm, nhiều bạn rất khen *Đôi lứa xứng đôi.* Nam Cao không ngờ.  
Nam Cao được mời viết truyện thiếu nhi cho loại sách *Truyền Bá* của Nhà xuất bản *Tân Dân*. Ông *Tân Dân* thuê anh làm truyện thiếu nhi rồi lại viết truyện ngắn.  
Không bao giờ chúng tôi đủ ăn. Ở nhà quê, nhà nheo nhóc một vợ ba con, Nam Cao liên miên viết truyện dài, truyện ngắn, truyện thiếu nhi thế mà mỗi ngày vẫn phải đi dạy kèm các cháu một người bạn chúng tôi để được đỡ thêm ít tiền.  
Tôi đưa báo *Cứu Quốc* bí mật, Nam Cao đọc chăm chú.  
Nếu lúc ấy đương viết, anh thu giấy lại, giắt bút cẩn thận vào cái kẹp bìa, ra đóng cửa cài then cẩn thận rồi nằm xuống cầm báo đọc đi đọc lại một lúc lâu. Có khi Nam Cao nói:  
- Đêm không ngủ được.  
Nam Cao là người hay nghĩ, cả lo. Mỗi lần họp với Như Phong và Uy về, tôi đều kể lại Nam Cao nghe nhận định của đoàn thể về tình hình thế giới trong nước. Tôi bảo Nam Cao viết bài cho báo bí mật. Nam Cao cặm cụi viết những bài báo hai trăm chữ. Anh cũng thấy khó viết, như tôi.  
Thêm hai người bạn hoạt động truyền bá quốc ngữ, anh Khôi, anh Oanh, chúng tôi đã thành một tổ *Văn hoá Cứu quốc* riêng. Chỉ hai ba người một tổ, bảo đảm bí mật, ngộ xảy ra việc gì không vỡ loang được. Tôi vẫn sinh hoạt tổ gốc nhưng chỉ biết Uy và Như Phong. Thỉnh thoảng mới gặp Bé hay Hương (Trần Quốc Hương) ở trên về liên lạc.  
Cùng ở trọ nhà tôi có Nguyễn Xuân Huy. Hồi mới viết, tôi yêu những truyện ngắn đẹp như thơ của Nguyễn Xuân Huy. Vì sao Nguyễn Xuân Huy đến ở với chúng tôi, không nhớ. Có lẽ chỉ vì anh ấy chạy bom Mỹ, nhà anh thuê ở đầu phố Quán Thánh, máy bay Mỹ có thể đến ném bom cái tháp nước Hàng Đậu. Cũng có thể Huy đến ở chẳng vì lẽ gì, hoặc vì anh thích ra ngoại ô rộng rãi.  
Nguyễn Xuân Huy dạy học ở trường tư thục Nguyễn Vạn Tòng. Ngày hai buổi tàu điện đi về, cần cù, làm việc, đọc sách, tiêu pha và sống điều độ. Thỉnh thoảng, Nam Cao và tôi bốc lên đi dông dài mấy ngày liền. Huy không thế. Nếu không đi dạy, anh ở nhà viết, viết và chữa. Anh viết mực tím, chữ thật đủ nét, rồi chữa mực đỏ. Nếu không viết, anh Huy đọc sách và ngồi im hàng giờ.  
Bỗng nhiên, Huy vác về bộ tự truyện *"Đời tôi”* của Tờrốtky. Sách có dấu thư viện Hà Nội. Ba quyển dày bằng cái gối xếp. Sách hồi ký mà nhiều lý sự và đọc cũng khó, tôi không thích. Thỉnh thoảng, Nam Cao lấy xem rồi buồn ngủ, hạ xuống làm gối. Huy tỏ ý không bằng lòng.  
Nam Cao nói nhỏ bảo tôi:  
- Thằng này có mùi đệ tứ.  
Quả thật Huy đương viết một quyển tiểu luận văn học sặc hơi tờ-rốt-kít. Văn Huy vốn đẹp, sáng dịu mà tôi rất yêu, bây giờ lý luận giọng đao to búa lớn xô bồ. Thỉnh thoảng, Nam Cao và Huy hay tranh luận về thuyết cách mạng thường trực của Tờ-rốt-kít. Mỗi lần cãi cọ, mặt Huy đương trắng bệch bỗng đỏ găng, đỏ cả hai tròng mắt cá ngão, như sắp đả nhau. Nhưng họ không quá tay bao giờ, không như Điều và tôi đánh nhau năm trước.  
Các loại đệ tứ linh tinh ở đất Hà Nội này lúc ấy chẳng thiếu. Tờ-rốt-kít nói cộng sản thì Tây không để mắt. Mẹo Tây rẻ tiền quá, ai cũng biết. Việt Minh hoạt động bí mật, hở một cái, Tây bắt. Chúng tôi bàn cách hoạt dộng bán công khai.  
Cần chui vào bất kỳ báo nào, ngay tờ *Thông Tin* của Hoàng Cừ thân Nhật. Nếu có được một trang đăng bài ta, cũng tốt.  
Nhưng thật khó. Mọi hoạt động và tổ chức mật thám Pháp rình triệt từng tí. Nguyễn Hữu Đang mới xui được Đỗ Xuân Dũng ra xuất bản lấy tên là nhà xuất bản *Người bốn phương.*  
Nhà xuất bản chỉ mới in tờ quảng cáo ba chữ *Người bốn phương* và tên những bạn cộng tác sắp vào trong lòng hình ngôi sao năm cánh, thế mà Sở Mật thám đã tịch thu và gọi một số người chúng tôi lên. Rồi cộng tác với nhà *Kiên thiết* của quân sư Lan Khai cũng bị đe nẹt.  
Không kể những nhà xuất bản to lúc ấy như *Tư Lực, Hàn Thuyên, Tân Dân,* nhiều người cũng đua đòi bỏ tiền mở xuất bản. Nhà xuất bản mới mọc như cua bò.  
Người ta làm xuất bản, làm báo không phải vì xuất bản, vì báo. Bấy giờ sách báo đều in bằng giấy bã mía Đáp Cầu và giấy dó thủ công. Một quyển sách có được phòng kiểm duyệt phủ Thống Sứ cho in mới được sở Thông Tin cấp phép cho mua giấy. Nhà xuất bản được giấy cũng không cần in. Được giấy, đem bán cho hàng vàng mã, cho các nhà phất quạt, độn mũ, độn khăn. Hoặc muốn được gọn tiền, bán lại ngay cho các nhà làm giấy. Các nhà sản xuất giấy này đã đứng đón mua lại giấy của mình ngoài cửa kho. Họ chỉ việc bỏ đi tờ đầu có đóng dấu rồi lại đem vào bán cho nhà nước thu mua chỗ trạm giấy ở vạc làng Hồ.  
Tìm ra cái vòng tròn ấy lại là Vũ Trọng Can. Anh vốn người làng Thọ chuyên nghề làm giấy.  
Tôi cũng đã có phen đi làm thày dùi - mà thời ấy tiếng lóng gọi là thầy xuất, cho nhà xuất bản Bách Việt. Đặt hy vọng có thể hoạt động “bán công khai” ở nhà xuất bản này.  
Ông bạn con nhà giàu ở phố Hàng Đồng đứng lên, lo in. Tôi chạy kiểm duyệt.  
Từ khi có chiến tranh. Pháp lập cơ quan thông tin tuyên truyền, báo chỉ, có phòng kiểm duyệt. Báo chí sách vở sống chết chập chờn như ma trơi. Thời kỳ Mặt trận Dân chủ, trên toàn quốc có ngót hai trăm báo các loại. Năm 1937, Đại hội các nhà báo ở Hà Nội, cả những người Pháp chi nhánh đảng xã hội Pháp làm báo ở Đông Dương cũng dự. Những chuyện ấy đã ra chuyện ngày xưa. Bây giờ làm báo, viết văn, in sách, to tát nhất cũng là chuyện cò con, chạy chọt đút lót các người ta ăn tiền với mọi mánh khoé tồi tệ - như mọi hoạt động chợ đen thời bấy giờ.  
Đầu tiên, tôi đưa kiểm duyệt quyển tiểu thuyết *Xóm Giếng* của tôi và tiểu thuyết *Một đời người* của Nam Cao.  
Nguyễn Văn Chỉnh, giáo học ở Nam Định, được về Hà Nội làm kiểm duyệt. Chỉnh khét tiếng ăn đút. Mặt Chỉnh dài như mặt ngựa, môi thâm xì búng ra sái thuốc phiện. Quyển sách nào đến tay lão, được ra hay không chưa biết, hãy đặt hai mươi đồng lót vào bản thảo, lão mới đọc cho. Không thì cứ nằm chồng đống đấy đã.  
Sách đưa đã lâu, tôi phải giục bằng cách đến nhà Chỉnh biện thêm hẳn một trăm đồng. Chỉnh bỏ kính xuống chồng bản thảo đương đọc, bắt tay tôi, rồi nói:  
- Ông cho tôi nhiều thế. Tôi xin ông. Cám ơn ông.  
Rồi lại nói:  
- Hai quyển sách ông đưa thì thế này. Cái truyện dài *Xóm Giếng* của ông đành phải bỏ. Nó phạm luật. Ông viết cả cái xóm cháy trụi, tan nát, thì hỏng to. Bây giờ khẩu hiệu thống chế Pêtanh là "gia đình" mà ông cho cháy hết cả nhà cả cửa con nhà người ta thế thì còn đâu gia đình. Nhưng tôi để lại cho ông cái quãng "Xóm Giếng ngày xưa" đề tựa ở đầu, cũng còn vớt vát in được. Chắc ông đã lấy tiền bản quyển của ông Bách Việt rồi, thôi thế ông cũng chẳng mất gì. Còn quyển *Một đời người* của ông Nam Cao không thể được. Tôi mà hạ bút xuống ký liều thì tôi ngồi tù. Ông Nam Cao ông ấy chửi Tây thâm thật. Có con đàn bà chẳng bận gì đến Tây ông cũng bịa ra, đặt tên là Suyzan rồi cho nó đi làm đĩ.Thế có bỏ mẹ Tây không? Phạm huý tuốt? Phạm vào khẩu hiệu "Tổ quốc" của thống chế Pêtanh đấy. Ông về bảo ông Nam Cao thế. Các ông văn sĩ viết văn kiếm cơm mà viết thế thì bỏ mẹ cả nút. Các ông chẳng nhớ gì cả? "Cần lao, gia đình, tổ quốc" ba khẩu hiệu hôm nào cũng in to bằng cái mẹt trên đủ các báo mà cứ nhắm mắt viết liều...  
Tôi không hiểu ba khẩu hiệu "cần lao, gia đình, tổ quốc" của thống chế Pêtanh nước Pháp bại trận còn nghĩa gì thâm thuý khác không, nhưng bài học mà tôi nhận được của người kiểm duyệt sách dạy cho, ý tứ nó là thế. Tất nhiên, ông Hợp chủ nhà xuất bản *Bách* Việt, sau việc ấy, đối với tôi, có ý nghi ngại. Tôi biết thế và không đến nữa. Tan hi vọng có thể “bán công khai”.  
Thủ đoạn đàn áp và dao kéo kiểm duyệt của dịch, đối với sách báo xuất bản công khai hồi ấy là một đòn không cách nào đối phó lại được. Những tác phẩm mong muốn không thể viết ra. Suốt thời kỳ này, phần tích cực chống địch và tuyên truyền lý tưởng của mình trong các sáng tác được in chỉ có thể là nói bóng, nói xa, nói hai mặt. Cứ kể ngay hồi "bình dân" cũng chưa bao giờ người viết có tự do, nhưng bây giờ còn gay gắt hơn. Văn học Việt Nam thời thuộc Pháp chỉ là cái khập khiễng. Bởi vậy, nói bóng lúc nào cũng là võ khí dễ dùng.  
Với Nguyên Hồng là Lửa, Nhân Loại, Ngày Mai. Đặc biệt tập truyện ký *Cuộc sống* anh viết ở căng Bắc Mê, nơi Nguyên Hồng bị bắt đi an trí, nhan nhản những Ngày mới, Tương Lai...  
Nam Cao viết truyện ngắn *Cơn giông,* tả một ngày bức sốt trước cơn giông. Người đọc có đầu óc thời thế hiểu cơn giông là sự mong muốn thay đổi.  
Những ý nghĩ của Thứ trong *Sống Mòn(14)* về tương lai, cái triết lý của Thứ về sự đổi thay. Chúng ta hiểu như thế là tác giả nói về cách mạng và bàn với bạn đọc nên khắc phục nhược điểm của bản thân mình mà tiến tới một đổi thay như thế nào.  
"Trên những bãi sông kia, trong những làng mạc, những khóm xanh xanh kia, có biết bao nhiêu người sống y như không bao giờ dám cưỡng lại đời mình. Đời họ là một đời tù đầy Nhưng cũng như một con trâu, họ vẫn cắm cúi kéo cày, ăn cỏ, chịu roi. Ở bên kia những cánh đồng bùn lầy là rừng xanh, cuộc sống tự do, cỏ ngập rừng. Con trâu cũng biết vậy, nhưng chẳng bao giờ nó dám đi, chẳng bao giờ nó dám dứt đứt sợi dây thừng. Cái gì giữ con trâu lại đồng bằng và ngăn ngừa người ta đến một cuộc đời rộng rãi hơn, đẹp đẽ hơn? Ấy là thói quen, lòng sợ hãi sự đổi thay, sợ hãi những cái gì chưa tới ấy thế mà trên đời này lại chẳng có gì tới hai lần. Sống tức là thay đổi”.  
Một đoạn cuối truyện ngắn tả cái chết của một nông dân, Nam Cao đã nói những mong ước:  
"Bây giờ thì sự im lặng bất tuyệt đã bịt chặt đôi tai anh, chán nghe những lời mai mỉa của đời rồi. Bóng tối đời đã phủ kín đôi mắt anh, mở thao láo nhiều đêm để nhìn trong bóng tối những cảnh nó làm anh nhục nhã. Anh đã có thể dửng dưng đối với những chuyện loài người...Vậy thì anh Phúc ơi? Anh hãy nghỉ cho yên! Những chuyện đời bây giờ là của chúng tôi. Chúng tôi, những kẻ đã đau khổ, đã uất ức, đã ao ước, đã khát thèm, đã thất vọng và vẫn còn hy vọng và phải hy vọng mãi. Sự đời không phải cứ mù mịt mãi thế này đâu Tương lai phải sáng sủa hơn. Một rạng đông đã báo rồi.  
Một mặt trời mới sẽ mọc lên bên trên nấm mồ anh và bên trên đầu hai đứa con côi anh để lại. Một bàn tay bè bạn sẽ nắm lấy bàn tay chúng và dắt chúng đi tới một cuộc đời đẹp hơn”(15).  
Nguyễn Đình Thi ca tụng sức sống dân tộc trong ca dao và khi anh viết lược sử một số quan điểm triết học duy tâm, anh cũng khéo đưa vào đôi ba ý tiến bộ chủ quan của mình.  
"*Văn học khái luận*" của Đặng Thai Mai phân tích ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng trong đề cương văn hoá Việt Nam theo cách riêng anh. Những tác phẩm dịch Lỗ Tấn và Tào Ngu của Đặng Thai Mai, trên báo *Thanh Nghị* chúng tôi xem như những áng văn tiến bộ mẫu mực trên thế giới mà Đặng Thai Mai đã ý tứ và lặng lẽ trình bày, giới thiệu.  
Tôi viết truyện *Dế mèn phiêu lưu ký* cũng có mục đích nói những hoài bão lý tưởng của mình. Truyện *Đám cưới chuột* và truyện *Chuột thành phố,* viết lối hai mặt diễn đạt chương trình Việt Minh "Toàn dân đoàn kết tập trung đánh kẻ thù chính".  
Nhiều câu trong phần đầu tiểu thuyết *Xóm Giếng (Xóm Giếng ngày xưa)* đều mang nghĩa bóng mà người viết có ý gửi gắm:  
"Người ta ước ao làm một trận mưa rào. Mưa rào xuống cho lòng hả hê và cho trời quang đãng. Những cái gì bực tức được gột bỏ. Trong khoảng mênh mông xanh nhởn kia sẽ phủ một không khí tốt lành và tự do. Trái đất chín nẫu này quẫy cựa dưới một cái mặt trời thui người, đương chờ một trận mưa sung sướng.  
"Tôi cho rằng lúc này mà cứ ca ngợi xê dịch, tán tụng vẩn vơ cái thú đi lông bông là thất sách lắm. Ai không thích nhởn nhơ đi đây đi đó. Xưa nay, bài hát đáng hát nhất là bài hát giục lên đường. Nhưng lên đường đi đâu? Tuổi trẻ chúng ta bây giờ đi đâu? Đi đâu? Cất bước trong một buổi mai, nhắm cái phía chân trời mới đỏ thắm màu hy vọng, những người thanh niên bốn phương của đất nước. Chớ không phải giang hồ mà mắm miệng lôi cái va li cà khổ lếch thếch...  
"Tôi hướng về những đốm nhà tránh nắng trong núi, nghĩ đến một phương trời nào rộng rãi tự do. Tự do như núi cao, tự do như sông dài. Cuộc sống có giá đối ngang trước mắt. Người ta và tự nhiên trở về với nhau, khởi một cuộc đấu tranh mãi mãi"(16).  
"Tôi tin tưởng. Tôi có quyền tin tưởng lắm chứ. Này đây một đoá hoa trong cánh rừng Xuân mới rỡ ràng của những Ngày Lớn chúng ta đương nằm trên lòng bàn tay tôi, ơi người đồng chí thân mến”(17).  
Người viết sách báo thời kỳ này, tương tự thời kỳ văn chương yêu nước 1930 trở về trước, nhưng khác về nội dung.  
1930 các nhà văn có tâm huyết đồng thời là những người hoạt động đánh Pháp. Được ảnh hưởng của Đảng, người viết văn thời kỳ chuẩn bị tổng khởi nghĩa 1945, con người và đời sống, ngòi bút với sức mạnh quần chúng, với hoạt động cách mạng, gắn bó là một. Chúng tôi nghĩ giải phóng được đất nước và con người đồng thời lấy lại được tự do cho tư tưởng và văn nghệ. Nhiều nhà văn đã tham gia các tổ chức cứu quốc.  
Hiện tượng văn học đó là hoạt động cách mạng thành được phong trào như thế, trong giới văn học không có ở những năm trước khi có cao trào tiến tới Tổng khởi nghĩa.  
Các nhà xuất bản lập loè như đom đóm. Thôi thì "Lượm lúa vàng", "Hàn Mặc", nào "Mới", nào "Sáng", nào "Ngày mới", nào "Người mới", "Bách Việt", nào "Duy Tân", "Kiến Thiết", "Nguyễn Du", "Đại Học”, “Đại Đồng thi xã", "Xây dựng"...Chưa kể những người có tiền bỏ ra in lấy những tập thơ, tự tiện đem tên cô nào mà mình muốn mồi chài ghép vào tên sách, như Thơ Kim. Thơ Ngọc Bích, Thơ Ngà. Khác nào phở Tàu Bay, phở Khuyển, phở "ngầu pín" và phở Bắc đường Lagờrăngdie ở Sài Gòn. Phan Như, Nguyễn Tố, Nguyễn Tuất, Nguyễn Văn Phúc ít nhất cũng có ba bốn năm các ông viết sách, ra thơ tranh nhau nhận là cháu Tản Đà, (lúc ấy, Tản Đà đã mất), bài nào cũng đề hai chữ “Tản diệt” lên trên tên mình.  
Trong cái nhố nhăng có bạn thanh niên bị ám tư tưởng tờ-rốt-kít chui vào khối nhà xuất bản của những công tử nhà giàu cốt bỏ tiền để có tên, có tiếng. Nhà nhỏ thì ra các sách tạp, không khuynh hướng rõ rệt, cốt giữ chỗ. Chủ xuất bản *Tân Việt*, lúc đầu, bài lời nhà xuất bản nào trên đầu sách cũng thêm bốn chữ "phá sạch sành sanh" chú thích chữ Pháp: *table rase* - đấy là chữ mà Tạ Thu Thâu hay dùng. Xuất bản *Tân Việt* làm ra vẻ ta đây tờ-rốt-kít. Nhưng chính lão lại đang sưu tầm các mánh khoé làm giàu. Nhà xuất bản *Hàn Thuyên* tỏ mình có quan điểm tương lai của nhân loại, dường như độc quyền dùng những chữ chạm huý thực dân (ai viết những chữ ấy các ông kiểm duyệt cứ việc xoá, không kể câu thế nào nhưng sách báo của nhà xuất bản này thì thả cửa sài các chữ: xã hội, giai tầng, thượng tầng, hạ tầng, đế quốc thực dân, nhân loại đại đồng, cộng sản, đấu tranh giai cấp, cách mạng, duy vật biện chứng...  
Chưa đủ, Nguyễn Tế Mỹ thường thắt cà vạt đỏ cho nó thật hiệu là cách mạng.  
Như Phong bảo tôi:  
- Ta phải tấn công vào bọn này. Đằng ấy với Nam Cao giác ngộ Nguyễn Xuân Huy. Thằng này vốn lãng mạn mới bị ớm đệ tứ thôi. Để tớ tranh luận với thằng Tế.  
Cũng đôi khi tôi đã cãi cọ với Tế Mỹ. Bao giờ Tế cũng hoa tay nói một loạt "biện chứng pháp, duy vật lịch sử" con gà đẻ quả trứng, quả trứng nở ra con gà và cây đậu sinh hạt đậu, hạt đậu lại mọc ra cây đậu, rồi những tít mù mâu thuẫn thống nhất gì nữa, tôi không biết, và tôi cũng không đáp lại được.  
Tế đã viết bài trên báo hàng ngày *Bình Minh* thân Nhật khen truyện dài *Quê người* của tôi nhà *Mới* vừa xuất bản. Từ đấy, tôi quen Tế. Mới gặp, Tế đã hỏi tôi biết đâu có thuốc gia truyền chữa bệnh liệt dương thì mách.  
Tế cũng thuộc bọn lang thang trong thành phố. Nhưng không chơi với cánh viết văn. Tế sống rúc ráy như chuột cống.  
Tế bảo phải ở "hạ tầng cơ sở". Tôi đánh giá cái “hạ tầng cơ sở” của Tế cũng như hồi tôi đi lang thang vào nhà mõ các làng với Song Hồ. Nhưng tôi im lặng đi với Tế. Tế hay rủ tôi ăn cơm đậu rán, uống rượu ở hàng cơm đầu ghế chỗ đầu cầu trên phố Bờ Sông. Vùng ấy, Tế thuộc cả các ngóc ngách hàng cơm, tiệm hút, nhà chứa. Có đêm Tế rủ tôi đi thuê "xăm” ngủ. Cái “xăm” kỳ quái cho người chơi lậu chốc lát hay cả đêm, rất bất ngờ đối với “đội con gái” lùng nhà thổ. Các nhà trên Bờ Sông hay ngăn buồng ra làm từng khoảng, chắn vách gỗ, liếp nứa. Chúng tôi nằm trong một gian hẹp như cái chuồng xí. Hai bên, một vách gỗ, một phên nứa, chong đèn cả đêm. Tế rất thạo tìm ra trong khe vách có một chỗ đút nút giấy để nhòm trộm sang buồng bên cạnh.  
Từ khi ấy, mỗi lần gặp Tế trịnh trọng đeo cà vạt đỏ, tôi buồn cười, như ở trên Kép gặp tờ-rốt-kít Dương Tá Ban đi làm thầy địa Tả Ao để mả.  
Tế đi giầy tây có cổ, chỉnh tề. Nhìn kỹ, mép cà vạt đỏ đã bóng nhẫy mồ hôi tay. Tế và tôi ngồi trong nhà Nguyễn Xuân Huy. Như Phong từ phía vườn hoa Hàng Đậu đi tới. Như Phong to lớn, bước đĩnh đạc, vẫn như mọi khi, nách kẹp quyển sách, đầu trần và miệng ngậm cái píp to.  
Tôi không nhớ Tế và Như Phong tranh luận những gì. Lời qua tiếng lại ào ào như ong bay, đến tận lúc thành phố lên đèn. Tế nói hơi lắp, mép nhấp nháy lỏng chỏng mấy sợi ria râu ngô. Tế đặt tay cạnh bàn. Tay Tế trắng xanh, nổi gân cục, cứ run từng lúc. Có vẻ Tế sợ Như Phong.  
Hôm gặp lại, Tế hỏi:  
- Thằng Như Phong có nói gì về tao không?  
Như Phong đã nói: "Thằng Tế ngu như bò mà kiêu không chịu được!”, nhưng tôi không dám nói lại với Tế như thế. Tế nhận xét Như Phong:  
- "Luý" chỉ lúng túng trong phạm vi quốc gia, phải quốc tế chứ. Tương lai nước ta trong tương lai cuộc đấu tranh giai cấp toàn thế giới. Các cậu không thấy ra chỗ này.  
Tế nói thêm:  
- Liên hiệp là thoả hiệp, liên hiệp không phải là chủ trương của giai cấp công nhân. Thời kỳ bình dân các cậu thoả hiệp, bây giờ các cậu đầu hàng.  
Tế dùng chữ "các cậu" ám chỉ chúng tôi. Nhưng Tế không nói thẳng là Việt Minh, không phải Tế nể mà cả đến trong trò chuyện với nhau người ta cũng không dám nói hai chữ Việt Minh. Nhưng quái, hôm trước không nghe Tế nói thế. Thằng này sợ Như Phong, chỉ mạnh bạo nói phét trước mặt tôi.  
Tôi nói:  
- Đừng nói nữa. Chúng mày lý thuyết xuông, tao biết rồi.  
Tế tái mặt, mắt lồi ra như mắt cua:  
- Cách mạng không dừng lại, cách mạng bùng nổ liên tiếp đến khi cách mạng thành công trên cả trái đất. Mác đã nói thế.  
Ít lâu, Tế đi đâu. Có người bảo Tế đã về quê ở Hải Dương. Sau này, nghe có người nói Tế bị Việt Minh ở Thanh Hà thủ tiêu.  
Chúng tôi tìm cách giác ngộ Nguyễn Xuân Huy. Tôi bàn với Nam Cao. Chúng tôi ngần ngại. Nhưng rồi tôi cứ thử đưa một tờ *Cứu Quốc* cho Huy. Huy giữ tờ báo mấy hôm. Rồi lặng lẽ trả lại.  
Nam Cao nói:  
- Mình muốn bàn việc này.  
Huy trả lời ngay:  
- Cho mình nghĩ ít lâu nữa.  
Chúng tôi hiểu ít lâu là không bao giờ.  
Một trường hợp khác, Nguyễn Đức Chính có biệt hiệu là Phiêu Linh. Một anh thanh niên tập tễnh viết văn, cũng như tôi Chính ở Bắc Giang về Hà Nội. Đầu tiên, Chính làm đàn em điếu đóm cho cánh Đinh Hùng, Huyền Kiêu. Từ khi nhà xuất bản *Tân Việt* ra quyển ký *Những đêm sầu của linh hồn* và nhà *Hàn Mặc* in truyện thiếu nhi *Con bò giời đày* cũng của Chính, Chính thấy mình đã biết thế nào là làng văn. Vả chăng, bấy lâu hầu hạ lão *Tân Việt,* cũng học được mấy tẩy của nghề xuất bản. Chính bắt đầu đi dụ dỗ được nhiều người làm xuất bản. Chúng tôi gọi Chính là "thầy xuất".  
Chính nói:  
- Quấy cho cái nghề xuất bản nhộn nhịp lên thì anh em mình có phận nhờ.  
Có một hồi Nguyễn Đức Chính cũng mở nhà xuất bản, nhà xuất bản *Nguyễn Đức Chính.* Người ta kể Nguyễn Đức Chính về Bắc Giang nói khôn nói dại thế nào mà bố anh - một mục sư Tin Lành địa phận trên ấy, ông mục sư đã bán nhà cho anh cầm tiền về Hà Nội làm xuất bản.  
Nhà xuất bản *Nguyễn Đức Chính* in quyển tiểu thuyết tự truyện tên là *Nhà ai* của Nguyễn Đức Chính. Quyển sách dày tới năm trăm trang, bày lù lù ở các hàng sách. Thế rồi cả năm đi qua, vẫn thấy quyển sách trên quầy đã mờ cả bìa. Không ra thêm được quyển nào, sách ế, không thu được vốn *Nhà ai* về.  
Nguyễn Đức Chính lại long tong đi làm thầy xuất. Về việc Nguyễn Đức Chính sạt nghiệp, Vũ Hoàng Chương, có ra một vế câu đối, mà không ai đối được: *Nhàmình bỗng chốc hoá "nhà ai* ".  
Chính vốn nhẹ tính, chỉ cười hề hề. Tôi đưa báo *Cứu Quốc* cho Chính đọc. Chính cao to, đen xám, nói ồ ồ, khê như ngái ngủ. Ngày tôi mới gặp, Chính mặc áo dài thâm, đi guốc.  
Chỉ ít lâu, Chính đã nhiễm bộ tịch vừa ngang ngang vừa chán chường, cái điệu của anh làm văn thấy đời khinh mình nên phải khinh lại đời. Có lúc tay cũng cầm cái quạt thước, như nhà văn Nguyễn Tuân.  
Chính cười, trả tôi tờ báo:  
- Tớ chẳng Việt Minh, chẳng Đại Đông Á gì đâu, nhưng tớ muốn làm Việt Minh, làm Tây, làm chú Lùn lúc nào cũng được. Tính tớ thế.  
Cho đến bây giờ, tôi vẫn nghĩ có khi Nguyễn Đức Chính đã chết vì cái câu "*tính tớ thế*". Ít lâu sau, ở Hà Nội không thấy Chính đâu. Có người nói Chính về Bắc Giang, đi các làng mua thầu dầu, mua trầu cho nhà thầu. Một lần, Lê Quang Đạo cho chúng tôi biết trên chiến khu Bắc Giang hỏi về Nguyễn Đức Chính ở Hà Nội. Đạo biết Nguyễn Đức Chính.  
Chúng tôi cũng biết Chính. Nhưng biết thế nào về cái người "tính tớ thế", làm Tây, làm Việt Minh, làm Nhật, được cả.  
Biết cũng như không.  
Tôi không gặp lại Nguyễn Đức Chính lần nào nữa.  
Một buổi trưa, Nguyễn Xuân Huy từ trên phố về, bảo tôi:  
- Uy bị bắt.  
Tôi không hiểu sao Huy biết tin ấy, xưa nay tôi ngỡ Huy không biết Uy và tôi có quan hệ với nhau. Lúc ấy dương có báo dộng máy bay *Đồng minh* Anh Mỹ. Huy không ăn cơm, vào gói mấy cái quần áo, mấy quyển sách xong ngồi đấy đợi báo yên, rồi đi lên phố.  
Hà Nội hồi này ngày nào cũng có báo động. Tiếng còi trầm bổng rít lên, ngoại ô còn nghe rõ mồn một. Tàu điện bỗng dừng lại. Người chạy táo tác. Súng phòng không đã bắn ầm ầm. Người ta phân biệt đạn cao xạ Nhật thì sủi khói trắng. Súng Pháp từ pháo đài Cáo, pháo đài Láng bắn lên lỗ chỗ từng vệt khói đen vằn vèo.  
Máy bay Mỹ từ phía đông nam tới. Những chiếc phóng pháo B.26 lúc đen trũi, lúc sáng trắng theo bóng mặt trời, lừ lừ trôi trên đầu, rắc bom xuống thành phố.  
Như Phong tới. Vẻ bình tĩnh của Như Phong làm tôi yên tâm hơn.  
Như Phong nói:  
- Bé đã đi thoát được rồi. Có tin đã đến chiến khu.  
Vũ Quốc Uy bị bắt đột ngột. Bắt Uy rồi, mật thám dăng bẫy ở nhà Uy. Chúng thay tua đến rình và ngủ ngay đấy, tảng như người nhà.  
Một hôm, Bé đến nhà Uy. Mấy mật thám đã ngồi sẵn, đứa đánh cờ, đứa xem báo. Nhà Uy vốn chạ người đi lại. Có khi Bé ở đấy, lại ăn cơm hàng ở nhà đầu phố, gần nhà máy điện Yên Phụ. Như học trò ăn cơm tháng và cả Nguyễn Đức Chính cũng ăn cơm trọ đấy. Người ta chỉ biết mặt nhau ở lúc ăn, không biết gì hơn.  
Bé vào nhà chào mọi người rồi cất mũ lên mắc. Thấy người đánh cờ ngước lên, lé mắt nhìn trộm, anh chột dạ. Bọn mật thám cũng không ngờ cái người cần rình bắt lại đương đứng trước mặt. Anh Bé mặc cái áo dài vải magatoc đen. Sở Liêm phóng Bắc kỳ đương lùng bắt bí thư cộng sản, "Ông đốc lý đỏ” theo cách gọi của mật thám. Không ngờ cái cậu bé loắt choắt áo dài như học trò nhà quê ra lại là ông đốc lý cộng sản đương ở trước mặt chúng.  
Bé vờ ra sau nhà đi giải. Trông thấy vợ Tường - một anh công chức bạn Uy nhà ở trong, đứng cửa bếp, mắt đỏ hoe. Biết có biến, Bé chạy lên cái sân thượng sau bếp mọi khi chúng tôi vẫn họp.  
Bọn trong nhà cũng bắt đầu nghi, ra nhìn. Thấy bóng người vụt qua sân sau, cả bọn ùa ra.  
Bé đã tụt xuống chân tường sau chạy vào Ngũ Xã, rồi biến mất về phía chùa Châu Long.  
Thế là Bé thoát. Bọn ấy không dám báo về sở để Tây cho vây lùng. Tây mà biết mấy thằng để xổng ông đốc lý đỏ thì chúng nó mọt gông.  
Câu chuyện Như Phong kể Bé vượt vòng vây mạo hiểm và hồi hộp, không làm tôi sợ, mà tôi lại mơ màng đến những hoạt động ẩn hiện tài giỏi của người cán bộ.  
Như Phong nói:  
- Chúng ta tin ở tinh thần Uy, nhưng cũng phải cẩn thận. Cần tránh đi ít ngày.  
Nam Cao về Nam Định. Tôi cũng theo anh xuống quê Nam Cao ở Đại Hoàng.  
Hơn một tháng, tôi trở lại Hà Nội.  
Như Phong đến bảo:  
- Uy bị bắt vì lộ một công tác khác, không phải việc chúng mình. Và Như Phong lại hẹn đi họp. Chúng tôi không đề phòng hoặc tránh đi nữa.  
Còi báo động rên rỉ lại nổi dồn từng hồi. Máy bay Mỹ đến trên bầu trời ánh sáng một ngày tàn đã vàng mờ thành phố tiều tuỵ lặng im, chờ đợi.  
Bên kia hồ Tây, dần dần nổi lên tiếng gầm gừ. Rồi tiếng ran ra khắp trời. Cả đoàn tàu bay Mỹ đã đến, những cái máy reo rắc cái chết đương trôi trên trời.  
Người chạy nhốn nháo. Những tiếng nổ sét đánh xuống.  
Hồi ấy, tôi làm giáo viên truyền bá quốc ngữ miền Tây Hà (Bưởi) dạy đêm ở trường làng và trên Yên Thái, lại làm phòng thủ thụ động khi có báo động, đeo băng đỏ lên đứng đầu chợ dẹp người. Khói bom mù mịt bốn phía.  
Các đám cháy khét lẹt. Bơm rơi xuống Quần Ngựa, vào làng Hồ, cống Đõ, cả dọc sông Tô Lịch. Ở vạc làng Hồ, có một đám cưới đương ăn cỗ chết cháy hết. Những người đi chợ về ngồi gục trong gốc cây. Người hái rau muống dưới cống Đõ nằm lòi ruột trên cái thuyền thúng.  
Chúng tôi khiêng các xác chết đặt ra ngoài cạnh đường cái.  
Đầu làng Thuỵ, lính Nhật đứng trong lô cốt gác trại. Giữa làng Thuỵ, tiệm nhảy "Thuyền buồm" bờ hồ Tây đã đóng cửa. Một cơ lính Pháp đến đóng đấy đã mấy hôm. Người lính lê dương gác, đứng im. Tây, Nhật dửng dưng nhìn người chết bom xung quanh.  
Cả vùng bờ hồ Tây cháy mãi, tận đêm trời còn nổi từng tảng khói và lửa đỏ xuộm. Đâu còn đường sống bây giờ? Hôm sau, sáng sớm, còi báo động đã nổi. Báo động, báo động. Thúc bách lắm rồi. Tiếng đồn Nhật sắp hất cẳng Tây càng rộ lên cùng với những câu chuyện tàn ác về phát xít Nhật. Những chuyện người kể cũng giống những chuyện đăng trong báo *Cứu Quốc* bí mật. Đâu đâu cũng khủng khiếp. Bên Gia Lâm có người đàn bà chửa đi cắt cỏ ngựa bán cho Nhật, bị Nhật ngờ là người đi dò tin tức. Nhật mổ bụng con ngựa, nhét sống cả người đàn bà có mang vào bụng ngựa, đem khâu lại.  
Máy bay phóng pháo Mỹ lại bay từng hàng vào rải bom xuống thành phố. Nhà Đấu Xảo, xung quanh ga Hàng Cỏ, ngõ Hàng Đũa, chợ Hàng Da, vùng Giáp Bát, bãi nhãn Nhật buộc ngựa ở Thủ Lệ. Mấy hôm nay lại đánh phá nhà máy xe lửa Gia Lâm.  
Người chết nhiều quá. Tôi xốc những cái xác chết bên bè rau muống bờ sông lên, khuân ra để ngoài rệ đường, như khuân củi. Không thấy ghê tay buồn nôn nữa. Còi báo động và tiếng máy bay xé trời. Người chạy từng đám, nằm chồng đống trong các chân tường, các gốc nhãn. Tiếng *Nam mô a di đà phật* váng lên như khóc.  
Còi báo yên. Tôi về đến đầu làng. Tôi trông thấy Nguyên Hồng đã đi trước vào nhà tôi. Nguyên Hồng đưa vợ con chạy máy bay sang Thuận Thành hôm trước đã đem gửi tôi cái hòm và cái bàn. Thỉnh thoảng, anh lại lên chơi.  
Đột nhiên, tôi quay lại. Từ gốc đa cổng làng đi vào một đám lố nhố quần áo tây vàng, trắng.  
Bọn họ đã đến sau lưng tôi. Tiếng gọi: Ê! ê? ê! Rồi, mật thám Luýt, một Tây lai, nhay lên trước mặt tôi, giơ cái còng sắt:  
- Đưa tay đây!  
Mật thám vào nhà tôi, gác cổng, gác sân. Bà ngoại tôi, mẹ tôi đâu phải ngồi nguyên đấy. Nguyên Hồng đương đứng trên đầu thềm. Anh hấp tấp ra đón tôi. Mật thám Luýt dang thẳng cánh, tát Nguyên Hồng một cái lạng cá, nó quát: "Đứng im!” Tôi thương quá. Vốn Nguyên Hồng tính bộp chộp thế. Năm trước, ăn cưới Thâm Tâm ở nhà phố Nhà Diêm rồi cả lũ, Nguyễn Dân Giám, Trúc Khê, Trần Huyền Trân, cả chú rể Thâm Tâm, kéo nhau ra hát cô đầu ở “24 gian” trên đường xuống Bạch Mai. Nửa đêm, Nguyên Hồng lay tôi dậy sang giường anh. Một người cô đầu ngồi đấy. Nghe hát xong, mọi người đã ngủ. Nguyên Hồng vẫn rì rầm trò chuyện với người cô đầu. Nguyên Hồng nói: "Anh giới thiệu em, anh Tô Hoài, nhà văn xã hội". Có lẽ cả đêm anh đã thuyết phục, giác ngộ cô ả đào.  
Chúng khám nhà rồi bắt tôi và Nguyên Hồng đi, khuân theo của tôi một hòm sách và bản thảo, giấy má. Trong có một tờ *Cứu Quốc* bí mật, một quyển "ABC mác xít", quyển phóng sự chữ Pháp *Mười ngày rung chuyển thế giới* của Giôn Rít, sách Như Phong mượn của thư viện Hà Nội.  
Cái xe ô tô mật thám bịt bạt vải xám, có hai hàng ghế, đỗ trên ngã ba đầu chợ. Tôi bị ẩy lên đầu ghế trong. Tình cờ, ngồi ngay sau lưng mật thám Luýt, cách cái vách bạt, có lỗ vuông cửa kính mi-ca, nhìn qua được. Tôi thấy thằng Luýt cầm mảnh giấy nhỏ, trong giấy viết những tên người; Tô Hoài, Như Phong, Nguyễn Đình Thi, Học Phi, Nguyễn Hữu Đang.  
Ô tô đến trước chợ Đồng Xuân, đỗ lại. Mật thám Luýt nhảy xuống. Thế này thì tổ tôi bị bắt cả rồi. Một lát, mấy người dẫn Như Phong ra. Hai tay Như Phong bị khoá còng sắt như tôi. Nhưng khuôn mặt phương phi của anh vẫn thản nhiên như mọi khi khiến tôi chợt nhớ việc xảy ra. Đã trông thấy có thể có ngày hôm nay từ đêm họp đầu tiên trên sân thượng sau nhà Uy. Nghĩ thế, tôi bình tĩnh hơn.  
Chúng tôi bị giải về Sở Mật thám Hà Nội. Một lúc, tôi thấy những người có tên trên mảnh giấy tôi trông trộm ở tay mật thám Luýt cầm đều lần lượt bị bắt tới. Người sau cùng bị giải đến là Nguyễn Đình Thi. Chỉ thiếu Học Phi. Nguyễn Đình Thi, một sinh viên, tôi chưa biết mặt nhưng lại biết Thi vì một chuyện khác. Năm trước, Lại Phú Khoát cùng làng tôi học trường Bưởi với Thi. Thi đã tổ chức lạc quyên ủng hộ Khởi nghĩa Bắc Sơn trong học sinh. Khoát được Thi và các bạn tuyên truyền Khoát đã về kể lại với tôi. Khoát ủng hộ Bắc Sơn cái đèn pin và chiếc áo ba-đờ-suy dạ “mông-ta-nhắc” đương mặc.  
Tôi xin ra đi đái. Từ sáng, bây giờ mới được đái. Vừa đứng chỗ đái, người mật thám dẫn tôi canh đằng sau, đã cất mồm chửi:  
- Tiên sư mày, đái nhanh lên?  
Câu chửi nghe thấm cái đau hơn cả lúc bị bắt. Lúc còn trẻ con chơi chửi nhau, chẳng nói làm gì. Từ khi lớn, chỉ bị thằng đốc tờ ở Hà Đông chửi một lần, còn chưa nghe ai chửi mình bao giờ. Đời sang giai đoạn khác từ đây.  
Tôi phải giam chung xà lim với một người bồi bị chủ Tây nghi là ăn trộm. Anh khóc lo mai bị tra điện. Cái xà lim dài hơn sải chân. Muỗi quá, nằm ngửa, chân tay bị cùm, không xua được. Tiếng muỗi, tiếng người khóc ti tỉ, đàn rệp ngửi hơi người bò ra. Lạ thật, chỉ bệ xi măng và cùm sắt mà rệp cũng ở được.  
Đến khuya, người bị tình nghi ăn trộm hỏi tôi:  
- Ông làm sao mà bị bắt?  
Tôi không bằng lòng anh ấy khóc ư ử từ nãy, tôi trả lời:  
- Tôi bị bắt về tội đọc sách làm chính trị.  
Tôi thấy người ấy im đến sáng.  
Tờ mờ sáng, mật thám Luýt xuống quát tôi ra, hỏi ngay trước cửa xà lim:  
- Thằng Hồng đến họp ở nhà mày à? Chúng mày sắp họp à?  
Tôi nói:  
- Không, người ta đến chơi. Chẳng có việc gì cả.  
Ngay hôm ấy, Nguyên Hồng được thả, chúng tôi bị giải đi Nam Định, vẫn không hiểu vì tội gì.  
Mới bị bắt ít lâu mà Uy gầy yếu, da tái xám. Đầu anh trọc trông càng rộc hẳn. xuống nhà lao Nam Định, mới rõ dần chuyện chúng tôi bị bắt thật rắc rối. Không phải Uy bị bắt vì *Văn hoá Cứu quốc*. Uy làm công chức phủ Toàn quyền trên Hà Nội, nhưng bố anh dạy học và nhà ở Nam Định, Uy về Nam Định, đem sách báo bí mật tuyên truyền Việt Minh cho nhiều người dưới ấy. Anh đã lập được mấy tổ công chức *Cứu Quốc* ở thành phố Nam Định.  
Những người những anh em ấy được giác ngộ rồi đã hăng hái, xốc nổi và ngây thơ. Có người viết thư nặc danh chửi công sứ Giăng Giăng. Mật thám tìm ra chữ người viết thư, tra hỏi. Thế là lộ tất cả những ai đã được Uy tổ chức vào Việt Minh, Uy bị mật thám Nam Định lên Hà Nội bắt.  
Uy bị bắt, bị tra tấn, xét hỏi về tổ công chức *Cứu Quốc* ở Nam Định. Hồ sơ đã xong và đã bị đưa lên Hà Nội giam Hoả Lò sắp ra toà. Nhưng mật thám Nam Định vẫn còn nghi Uy có hoạt động khác nữa. Bèn nhờ sở Mật thám Hà Nội bắt Tường ở nhà trong. Tường bị tra điện, bị đánh. Thế là chúng biết còn có bọn chúng tôi hay đến nhà Uy.  
Buổi sáng, trước cửa nhà giam, Văn Tiến Dũng từ trong xà lim được dẫn ra hành lang cho đi giải. Đột nhiên, anh đứng lại, quay mặt ra sân, nhìn vào chúng tôi đương ngồi rải rác đấy, anh nói to: “Thưa đồng bào, tôi từ hải ngoại về nước. Cách mạng Việt Nam hiện nay đương trôi nổi, từ hải ngoại...”  
Văn Tiến Dũng bị mật thám bắt ở Sen Hồ bên Bắc Ninh. Anh đương hoạt động ở Trung du.  
(Sau này, tôi được biết anh nói “tôi từ hải ngoại về” vì anh đoán trong bọn ở ngoài sân, có anh em mình, cũng có thể có "chó", nó sẽ tưởng anh ở nước ngoài về. Vì thế mà địch lạc hướng hỏi cung). Những trận dòn ác liệt mà Văn Tiến Dũng đã ra gan chịu ròng rã hàng tháng. Tất cả trại giam nín lặng, kính phục. Có Cầm Văn Dung, tri châu người Thái, bị bắt vì tội âm mưu với nhân tình là Lò Thị Cam, đầu độc chết công sứ Sơn La Sanh Pulốp. Ông tri châu, mặc quần áo ngủ, ở ngoài hiên, không phải nhốt xà lim. Sau mỗi trận mật thám tra điện anh Văn Tiến Dũng, ông ta lại lẩm bẩm tiếng Tây: một người anh hùng. Rồi ông ấy bí mật đưa sữa vào cho anh.  
Tôi lại thấy những mật thám ác như tên Đỉnh ở Nam Định, suốt ngày đêm quay điện, đánh người không ghê tay. Thế mà Đỉnh lại sợ vợ, bị vợ vác củi đánh. Vợ Đỉnh đồng bóng cũng khét tiếng thành Nam, như Đỉnh khét tiếng ác.  
Chúng tôi được giải xuống Nam Định. Tôi hồi hộp bồn chồn thấy những đêm mật thám đi càn bắt về hàng trăm người các huyện Yên Khánh, Yên Mô ở Ninh Bình. Chúng tra tấn ròng rã cả tuần cũng không cạy răng ai được một câu.  
Thế mà, ngay giữa cơn đòn tra, chập tối đến, trong các xà lim lại vang ra những lời tụng kinh Tam thiên tự Việt Minh. Tiếng đọc đều như học trò học bài.  
Tôi lại thấy cảnh mật thám trùm chiếc chăn dạ xám lên đầu những đứa phản bội đã khai báo rồi dắt chúng đứng nấp trong ngách cửa cho nhìn ra nhận diện người mới bị bắt.  
Xà lim tôi bị nhốt ở Nam Định đông ngốt đến ba chục người. Thế mà cũng có vài con "chó" giả làm người bị bắt, "chó" vờ nằm lẫn với người để đánh hơi tìm đầu mối.  
Có người bảo chúng tôi còn may, vì Nam Định lên nhờ mật thám Hà Nội bắt hộ, điều đó bẽ mặt mật thám Hà Nội, nên chúng nó làm tắc trách. Bởi thế, thoáng buổi sáng, ở sân nhà giam, trước khi bị giải xuống Nam Định, Uy đã rỉ tai được với bọn tôi những việc cần khai cho khớp khẩu cung với nhau. Chúng tôi sẽ nhận có đến nhà Uy. Mỗi người quen Uy vì một lẽ khác nhau. Chúng tôi có nói chuyện về văn hoá tiến bộ, nhưng không phải là hội họp, không đóng tiền nguyệt liễm. Phần riêng của tôi tôi chỉ biết Uy và Như Phong. Nó hỏi về anh Bé, tôi bảo tôi không biết. Tôi sẽ không khai Nam Cao.  
Trong chúng tôi, Thi và Như Phong đã bị bắt, bị tra tấn lần trước, khi mật thám khủng bố Mặt trận Dân chủ. Thi cao lớn ngăm ngăm, thoạt trông thì dữ, nhưng có đôi mắt hiền và người ra vẻ trí thức. Những đêm xà lim lạnh buồn đầu thu, khi đã xong cung, đợi phải đưa sang toà án, chúng tôi được giam chung, tôi nghe Thi hát giọng trầm mà buồn. Thi kể chuyện bị bắt ở Hà Nội năm trước, mật thám Phơtô bảo: “Chúng nó khen mày hát hay lắm, bây giờ mày hát tao nghe". Vừa nói, nó quay điện tra luôn.  
Như Phong dặn tôi một mẹo: "Lúc bị quay điện, mày cứ há mồm ra kêu tướng lên như thế đỡ đau”. Tôi gầy kheo khư nhất đám. Ai cũng ngại tôi không chịu nổi đòn.  
Uy bị giam ở đây đã lâu nên thông thạo, biết làm cách liên lạc. Chốc lại xin cai ngục cho đi đái. Có lần, đi qua, đứng lại trước lỗ ánh sáng cửa xà lim tôi lâu đến lúc cai ngục trông thấy, đuổi mới đi. Uy nói rõ vào: "Cứ như thế nhé. Khi nào đau quá thì nghĩ đến cờ đỏ... mình lăn ra đấy thì không biết đau nữa... Nghĩ đến cờ đỏ búa liềm...”.  
Có lần Như Phong gọi vào lỗ cửa:  
- Này, này, nhớ đấy. Trông mặt tao đây, đừng run.  
Tôi trông ra lỗ đưa cơm trên cánh cửa xà lim có lưới mắt cáo chỉ thấy một cái mặt lởm chởm râu. Nghe tiếng thì biết chứ mật chẳng giống Như Phong mọi khi.  
Thật tôi cũng không nghĩ ngợi gì. Đôi khi, tôi chỉ phảng phất nhớ nhà. Bố của Uy, bố Như Phong, mẹ vợ Thi đã xuống thăm con. Tội nghiệp chắc bà tôi, u tôi ở cái làng Nghĩa Đô quê kệch kia không biết tại sao tôi bị bắt và cũng chẳng biết tôi bị bắt đi đâu.  
Một hôm, tôi phải điệu lên phòng giấy mật thám Tây Lơ Cóc hay Lơ Giơn gì, không nhớ. Tôi thấy Học Phi đã đứng đó.  
Lâu không gặp, nhưng anh vẫn thế. Anh nhe răng cười, hai hàm răng trắng toát, lúc nào anh cũng đánh răng bằng miếng cau khô.  
Tôi nhớ đã bàn tôi chỉ biết Uy và Như Phong. Tây mật thám trỏ Học Phi, hỏi tôi:  
- Biết ai đây không?  
Tôi lắc đầu. Tôi đã nghĩ sẵn: này nó đánh, này nó đánh. Nhưng nó chỉ nện tôi một bạt tai, rồi lại sai dẫn tôi về xà lim.  
Không ai nhận, Học Phi được thả ngay. Hôm sau, tôi bị tra điện. Nó hỏi việc họp tổ ở nhà Uy. Tôi chưa nói gì, đã ngất sùi bọt mép.  
Cũng chỉ có một lần ăn đòn như thế. Rồi chúng tôi được trả lại Hà Nội, sau câu nói cuối cùng của chánh án Nguyễn Hữu Trí: "Các anh không nên liều lĩnh". Tôi đã biết mặt lão tây lai Nguyễn Hữu Trí quan phủ Hoài Đức, khi tôi cùng Điều và Hoà đi xin phép lập hội Ái hữu thợ dệt Hà Đông và khi tôi bị bắt đi lính không nghề suýt phải sang Tây. Bây giờ lại thấy lão ở toà án Nam Định. Tôi không hiểu thế nào về câu nói vuốt đuôi ấy của ông quan. Bởi tất cả những gì phải làm và lấy của đút của người nhà phạm nhân thằng Tây đã làm, đã ăn, thằng quan chánh án An Nam này có chấm mút gì hay không.  
Chúng tôi bị đưa về Hà Nội. Uy ở lại. Cái án *Văn hoá Cứu quốc* chỉ có đến thế ở Nam Định. Uy trở sang nhà lao rồi lên Hoả Lò với án ba năm tù ngồi tù án trước.  
Uy đứng cuối sân nhà giam cạnh bãi cỏ, nhìn ra tiễn chúng tôi. Tay anh cầm lọ mật ong vàng sánh có ngâm rau thai của bố anh gửi vào cho. Anh ngước cặp mắt kính. Hai gò má nhô lên, trông càng hốc hác. Những ngày gian khổ vừa qua, những việc anh giúp chúng tôi, tôi hiểu lòng anh, thật tình anh không phản bội.  
Trên tàu hoả đêm ấy, trăng cuối thu lạnh biếc loang loáng ngoài cánh đồng chiêm vào cửa sồ. Thi và Như Phong ngủ ngon trên cái ghế dài như hai đứa trẻ, tay vẫn bị cùm.  
Mật thám Đỉnh giải chúng tôi lên. Cả đêm, Đỉnh nói chuyện huyên thuyên như người ngồi đồng. Ô hay nhỉ, cái lúc thằng mật thám không đánh người thì nó cũng người như người ta. Nó kể chuyện tại sao nó đi làm nghề mật thám.  
Tương tự chuyện nhiều mật thám cũng thường nói thế. Hệt thằng Kiêm trong Vạn Phúc năm trước kể với tôi.  
Năm ấy, Mặt trận dân tộc phản đế ra đời và hoạt động ở Vạn Phúc được ít lâu thì các cơ sở vùng La, Mỗ, Ngọc Trục, Vạn Phúc bị vỡ. Kiêm bị bắt với Tý, là em. Được tha về, gặp tôi, Kiêm bảo:  
- Hai anh em thì chỉ có thể một người đi làm cách mạng, còn một người phải ở nhà nuôi bố mẹ. Tớ ở nhà.  
Kiêm ở nhà và làm "chó", lấy con gái nuôi nhà Hai Cua chủ sòng bạc. Chuẩn bị Tổng khởi nghĩa Kiêm bị thủ tiêu ở Vạn Phúc.  
Đỉnh cũng kể nó và anh nó cùng hoạt động. Đỉnh cũng từng là cách mạng. "Nhưng không thể hai anh em cùng hy sinh". Anh nó bây giờ đi hoạt động xa. Ở nhà, cả nhà vợ anh, nó cũng chu đáo không sót, làm mật thám, nhưng nó hay giúp người cách mạng, Đỉnh bảo thế. Câu chuyện bịa cứ thao thao ráo hoảnh.  
Về đến xà lim sở Mật thám Hà Nội, mật thám Luýt lại gọi từng người chúng tôi lên.  
Luýt ngắm nghía tôi một thoáng, rồi bảo:  
- Cái thằng "Bé con" dạo nọ vẫn họp với mày ở nhà thằng Uy là ông đốc lý cộng sản đấy, mày biết không? Được, cứ xuống xà lim cho "tỉnh người" rồi ông sẽ cho mày biết thêm.  
Ở mật thám Hà Nội bấy giờ Tây đương giam nhiều đảng viên đảng Đại Việt. Pháp và Nhật đã đến độ căng nhất.  
Những người thân Nhật chạy vào trại lính Nhật, Nhật đưa đi Chiêu Nam (Sanhgapo) như Dương Bá Trạc, Trần Trọng Kim, Vũ Đình Di..*.* Bọn ở lại, cậy thế Nhật, đã sắm súng ống, nhưng Pháp cũng lùng bắt ráo riết.  
Khu *vi ô lông* ngoài sân, chỗ nào cũng có Đại Việt. Có lão già râu ria lôi thôi ngồi bần thần bắt rận. Như ông lang phố huyện. Cánh Đại Việt cãi nhau hàng ngày với Việt Minh.  
Nguyễn Chấn "mắm tôm" bên ta đối phó hăng nhất. Anh cởi trần, bụng xệ, cặp lông mày sâu róm, nói choang choác. Anh bẻ gãy lý sự chúng nó.  
Chấn bảo chúng tôi:  
- Cũng bị bắt như các đằng ấy, chỉ một năm trước, thì ăn chắc năm năm tù.  
Một năm trước, tình hình khác.  
Bây giờ, mật thám Luýt ngày ngày đem báo Đông Pháp xuống ngồi đọc ngay cửa xà lim. Đến chỗ tin Hồng quân Nga giải phóng Bucarét, nó cười như mếu.  
Một lão Đại Việt tru tréo, vu vạ:  
- Đấy nhá, đấy, các ông một duộc với giặc lõ rồi, mật thám ngồi đọc báo cho nghe, rõ ràng, rõ ràng đấy thôi.  
Thế là lại um lên. Đại Việt ngồi trong hiên. Việt Minh đứng ngoài gốc sấu.  
Tôi được biết Hà Nội sắp xét lại vụ của chúng tôi.  
Luýt gọi tôi lên. Nó đương mải viết, không ngẩng đầu. Vẫn cắm cúi thế, bỗng nó quát thật to, chẳng buồn nhìn lên.  
- Cho cút. Bận sau còn tụ bạ thì chết với ông?  
Hôm mới vào, đi đái, bị mật thám chửi, câu chửi buổi đầu còn cay, đến câu quát này nghe thấy nhàm. Nhưng tự dưng Luýt ngẩng lên, nói thêm một câu, khác hẳn:  
- Mai kia cách mệnh thành công, mày đừng giết thằng Luýt nhé!  
Đương tưởng sắp lôi thôi, lại hoá ra được thả. Tôi không hiểu sao.  
Tôi ra chỗ lấy quần áo gửi. Vào xà lim, theo lệ, sợ người bị giam tự tử, sở Mật thám bắt cởi để lại cả dây giầy, thắt lưng, giải rút, ví tiền, đồng hồ... tất cả những dây dợ và cái gì có trong người.  
Tôi đứng cửa. Một người ngồi trong bàn giấy mở sổ gọi tên lần lượt. Đến tên tôi, người ấy nói trỏ ra:  
- Mày chẳng còn cái đếch gì cả?  
Tôi bước thất thểu. Bấy lâu, những cái mặt sàn xà lim xi măng ở Hà Nội, ở Nam Định đã cắn băng mất cả lưng cái áo may ô.  
Tôi cứ lưng trần đi về nhà.  
Bà ngoại tôi trông thấy, oà khóc. Ở làng trên, cũng có ông cai Long làm sở mật thám. Hôm trước, cai Long xuống doạ: cháu bà có sống về cũng thành tật. Chạy đưa một trăm thì mọi việc xong xuôi. Một đồng gãy nhà tôi cũng chẳng đào đâu ra nữa là những ấy tiền. Và đúng là cả nhà chẳng biết mấy tháng nay tôi bị bắt đi nơi nào. Bà ngoại, ngày rằm và mùng một lại mua miếng thịt lợn sống, ra lễ ngoài "rừng ông Cụ".  
Tối hôm ấy, Hoà đến hỏi thăm. Hoà ở xóm Trẽ. Chúng tôi đã cùng hoạt động hồi Ái hữu năm trước.  
Hoà nói:  
- Mai tớ lên nhà hộ sinh Yên Thái xin mấy cái rau bà đẻ. Cái rau đàn bà đẻ chóng lại người, bằng mấy thuốc. Bây giờ công tác nhiều lắm.  
Chỉ đi vắng ít lâu mà như tình thế đã khác nhiều rồi.  
Hoà đưa tôi một tờ *Cứu Quốc* mới. Và một mảnh giấy to bằng cái phong bì cứng bóng như giấy ảnh. Đấy là tờ giấy của tàu bay Mỹ ném xuống, trong vẽ hình người phi công Mỹ cao to màu xanh mờ, bên cạnh ghi hàng chữ quốc ngữ: "Ai thấy người phi công nước Hoa Kỳ như thế này nhảy dù ở đâu thì giúp đỡ cho ăn uống, chỉ đường, dừng đi báo quân Nhật Bản. Ai có công, giữ tờ giấy này, sau này *Đồng minh* sẽ thưởng nhiều tiền".  
Nhớ phong trào làng tôi năm trước, có Điều, có Hoà... Mới đầu, diễn kịch còn là việc rất mới. Hoà đóng vai thổ công trong một vở kịch. Bố Hoà tối nào cũng đi lùng chỗ tập kịch đuổi đánh con. Ông sợ phải tội vua bếp làm. Hôm kịch diễn, ông đứng xem, thấy thằng con ra đeo râu, đội cái mũ vua bếp phất giấy đen có trang kim lấp lánh, lại đi đôi hia giấy, mặc áo thụng và hai đầu gối thò ra, nhiều người cười vỗ tay, ông cũng cười. Rồi chúng tôi được đà diễn nhiều kịch. Mỗi tối, người xem đứng chật sân đình. Các vở *Người biển lận* và *Cái tủ chè* của Vũ Trọng Can, *Tấm lòng vàng* của Nguyễn Công Hoan, *Gái không chồng* của Đoàn Phú Tứ. *Không một tiếng vang* của Vũ Trọng Phụng. Và *Toà án lương tâm* của Vũ Đình Long. Chúng tôi lập hẳn một ban kịch, tên là Nghĩa Đô kịch đoàn. Nô nức lắm. Diễn kịch rồi đến việc đi kiện hương lý bán bãi nhãn của công rồi chống thuế, rồi lập Ái hữu thợ dệt, rồi dạy truyền bá quốc ngữ phong trào và ý thức lên dần. Hoà hăng hái tham gia tất cả.  
Suốt ngày, Hoà ngồi xếp bằng tròn giải thích điều lệ trên phản giữa trụ sở hội Ái hữu trên đầu chợ Bưởi trong cái hầm chứa vỏ dó nhà Oanh mà chúng tôi thuê lại. Đến ngày nay, phải bí mật, có thể tù tội, thế mà cách mạng đã nảy nở sâu trong làng. Tôi hiểu dù gian nguy, nhưng đương tới thay đổi.  
Tình hình thế giới, trong nước, trong làng tôi dồn lại phải đi tới thế nào. Chưa bao giờ cả vùng tiêu điều khốn khổ đến như thế. Nghề lĩnh lụa đã lụn bại hẳn. Khung cửi đem chẻ đun, bán làm củi. Người tha hương bơ vơ những đâu, vãn cả làng. Trông trước thấy cái đói, cái chết mà dường như đành.  
Hoà và tôi ngồi trong thềm hè. Ánh ngọn đèn hoa kỳ hắt lốm đốm xuống mảnh chiếu.  
Ở bờ rào rặng tầm xuân ngoài cổng tán nghe một tiếng soạt mạnh. Hoà cười, đứng lên. Cái bẫy chuột đã sập. Được con chuột! Làng tôi hay ăn thịt chuột. Thịt chuột rán với vỏ quít. Nhưng ngày trước, chỉ đến tháng mười mới đi bắt chuột đồng. Chuột làng người ta chê bẩn. Bây giờ chén tuốt cả chuột cống.  
Đấy là mùa đông 1944.  
Nhà xuất bản *Tân Dân* thôi không mua bài của tôi như mọi khi nữa. Ông ấy ngại lôi thôi.  
Tôi đến, ông *Tân Dân* nói:  
- Tôi đã bảo ông dừng đua đả, đừng dại. Không phải tôi sợ cách mệnh đâu ông nhé. Có ông Trúc Khê ngồi làm việc trên gác, ông Trúc Khê ngày trước là Việt Nam quốc dân đảng chứ có tay vừa đâu. Về sau ông ấy mới thấy chỉ có đem văn học ra phụng sự quốc dân mới đúng là giúp nước.  
Ông *Tân Dân* còn nói nữa, nhưng chẳng có câu nào mời tôi viết. Tôi không thấy như mọi khi, ông mở ngăn kéo lấy ra cái giấy nhượng quyền tác giả và những tờ giấy bạc, trịnh trọng và cẩn thận đếm xong đưa cho tôi rồi ông xoa hai tay hoan hỉ, theo thói quen. Hôm nay, ông chỉ mời xơi nước. Tôi cũng không đưa ra cuộn bản thảo, có truyện ngắn, có truyện thiếu nhi *Truyền Bá. Ô*ng tiễn tôi ra tận thềm ngoài, sau cái bình phong như mọi khi, nhưng cũng không nói khác thêm. Rồi nhà *Tân Dân* chạy bom Mỹ về Mục Xá. Tôi cũng không đến nhà ông lần nào nữa.  
Nhà xuất bản *Kiến Thiết* ở phố Trường Thi mới mở, mời tôi viết. Tôi không quen ai ở đây, túng thì nhận lời. Tên tôi cùng một số tên nhà văn khác, nhà xuất bản quảng cáo lên báo.  
Hôm ấy, tôi có khách lạ chưa gặp bao giờ. Một người mặc sơ mi trắng, dáng nhanh nhẹn, tự giới thiệu:  
- Tôi ở Sở liêm phóng.  
Tôi không ngờ. Nhưng tôi không thấy người mật thám chìa cái cùm ra. Người mật thám chỉ nói:  
- Sở liêm phóng mời ông xuống.  
Một người mật thám Tây hỏi tôi có biết nhà xuất bản *Kiến Thiết* và những người cùng đứng tên trong quảng cáo với tôi. Tôi nói không biết - mà tôi không biết thật.  
Mật thám Tây ấy mặc cả liền:  
- Tôi cho anh viết nhà xuất bản này, anh phải báo cho tôi biết mọi việc họp việc làm của những người mà tôi cần biết. Anh bằng lòng không?  
Tôi không dám làm chỉ điểm công nhật cho mật thám như nó bảo thế. Tôi hiểu vậy là tôi bị triệt đường làm ăn. Thế nào bây giờ? Tôi lo đói - cũng như cả làng đương đói.  
Nguyễn Huy Tưởng đến bắt liên lạc ngay sau mấy hôm tôi được sở Mật thám thả về. Nguyễn Huy Tưởng cũng hoạt động trong hội Truyền bá quốc ngữ, anh có một truyện dài dã sử, *Đêm hội Long Trì* đương đăng trên tờ *Tri Tân* tuần báo nghiên cứu lịch sử.  
Bây giờ cái sở nhà Đoan - nơi Nguyễn Huy Tưởng làm chạy bom đi khỏi thành phố, và vợ con Tưởng cũng tránh về Dục Tú làng quê anh, chỉ có mình Nguyễn Huy Tưởng ở lại. Cả ngày, lông nhông ngoài đường.  
Chiếc xe đạp có cái ghi đông vểnh. Những bài báo bí mật tôi viết cho báo *Cứu Quốc,* báo *Cờ Giải phóng,* những bài một trăm, hai trăm chữ được cuốn tổ sâu, Tưởng đem đút vào ruột ghi đông rồi đậy lại cái tay nắm bằng nhựa đen.  
Nguyễn Huy Tưởng bảo tôi viết bài cho báo. Tôi lại viết, tôi viết lại chuyện đội nữ du kích hồ Ba Bể lần nữa.  
Những ngày đầu khởi nghĩa, đội Tuyên truyền giải phóng quân từ chiến khu Việt Bắc vào Hà Nội, tôi đã gặp chị Thanh, chị Loan. Các chị giải phóng quân kể chuyện sinh hoạt ở khu giải phóng, chuyện Kim Đồng hi sinh, chuyện trận Lũng Hoàng. Các chị nói có vài lần hành quân qua hồ Ba Bể, không có đội nữ du kích ở đấy.  
Nhưng đội nữ du kích hồ Ba Bể tưởng tượng của tôi đã thành kỷ niệm trong dời viết, từ khi tôi chưa đặt chân tới vùng rừng núi ấy. Biết đâu câu chuyện trời nước rừng xanh này lại không phải là ngọn nguồn tình cảm tôi sau này, khi lên Việt Bắc, tôi đến ở lâu núi Phia Biếc cạnh Ba Bể châu Chợ Rã *-* quê hương thứ hai cho sáng tác của tôi. Trong cội rễ tư tưởng, có nhiều nguyên nhân lắm khi không biết và cắt nghĩa hết được.  
Mỗi lần gặp, Nguyễn Huy Tưởng lại dốc ghi đông ra một đống bài đút nút bên trong. Có lần anh lấy đằng lưng áo sơ mi ra một đệp báo *Cứu Quốc,* báo *Cờ Giải phóng.* Tưởng sôi nổi, thú vị gần gũi không có vẻ bí mật lặng lẽ và trinh thám của Như Phong.  
Tình hình càng sôi nổi, mọi hoạt động của chúng tôi gần như công khai.  
Cái Tết lặng lẽ đến. Không ai biết Tết, bởi không có Tết.  
Cả làng im ắng như không. Nhà phong lưu trong làng tôi năm nay cũng gói bánh chưng nhân thịt chó. Không ai nghĩ ra được có khi phải ăn bánh chưng nhân thịt cái giống xúi quẩy ấy vào ngày tết nhất.  
Nguyễn Huy Tưởng bảo tôi:  
- Chúng ta sẽ có một cuộc họp hai ba hôm. Làm ở nhà cậu có tiện không?  
Tôi bảo:  
- Được Nhưng ăn uống thế nào, độ mấy người?  
Cậu không phải lo.  
Hỏi kỹ, Nguyễn Huy Tưởng cũng chăng lo được gì. Thế là tôi vẫn phải chạy. Nguyễn Hữu Đang đưa cho năm đồng và tôi vận động các bạn cảm tình Việt Minh, Khôi và Khoát cho được mấy cái bánh chưng và cân cá mắm.  
Vẫn ở nhà tôi. Cái gian buồng âm thầm tối om om đầu nhà, tôi và Nam Cao đương ở, ngày trước các thầy giáo bên đạo đã ở và tôi đã được sinh ra ở đấy, và năm trước, mật thám Luýt đến bắt tôi ở đấy. Bây giờ cách mạng lại đến họp ở dây và họp to hơn tất cả mọi lần. Tình thế đã nóng lắm đến nơi rồi. Thay đổi gì không hay là chết đến nơi. Phiên chợ Bưởi cuối năm, bề bộn người các làng kéo ra ăn xin, ăn cướp, người đói đông gấp mấy lần người đi mua bán.  
Tôi cũng không biết trước những ai đến họp. Tưởng nói độ mươi người. Con số thế cũng là to, chưa lần nào nhiều thế.  
Đến hôm họp, thấy vẫn toàn bạn quen. Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Hữu Đang, Trần Huyền Trân, Nguyên Hồng. Các anh Hương và anh Độ(18), cán bộ trên về.  
Một ngày, Trần Độ nói về tình hình thế giới trong nước.  
Một ngày, giảng chương trình Việt Minh và kế hoạch sửa soạn khởi nghĩa.  
Độ người vạm vỡ, khác anh Bé. Anh say sưa nhất khi nói công tác khởi nghĩa đến mục quân sự.  
Độ nói: Đề cương về văn hoá của Đảng viết "Cách mạng văn hoá có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công" và "bây giờ chúng ta đương dồn sức chuẩn bị khởi nghĩa, làm cho cách mạng chính trị thành công". Đề cương đã nói cách mạng văn hoá đi sau cách mạng chính trị. Những phương pháp cải cách văn hoá đề ra bây giờ dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau. Chúng ta đương phấn đấu như thế”.  
Đề cương văn hoá Việt Nam của Đảng nói cả nhiệm vụ cần kíp của nhà văn hoá mác xít Việt Nam. Độ bảo anh không am tường vấn đề này lắm. "Các đồng chí cứ phát biểu. Khi cách mạng thắng lợi chúng ta sẽ lãnh đạo văn hoá chúng ta là những người xây dựng công tác văn hoá trong chương trình của Việt Minh".  
Công tác chuẩn bị khởi nghĩa, Độ nói tỉ mỉ. Nghe Độ nói, tôi như nhìn thấy khởi nghĩa là một chiến trường mà cả nước sắp bước vào. Thế nào là du kích chiến. Đánh du kích, đánh bằng trí óc và mẹo cùng với sự nhanh nhẹn. Một bà già, một em nhỏ cũng có thể đánh du kích. Kẻ địch đi đâu cũng gặp du kích, bị du kích tấn công, cả nước thành du kích. Kẻ địch muốn đứng không chỗ đứng muốn nằm không chỗ nằm cứ đánh thế, đánh mãi, luôn luôn vững tinh thần người này hy sinh người khác thay, cho đến lúc cách mạng thành công. Trần Độ hẹn lần sau sẽ cho tập bắn súng, tập lựu đạn.  
Năm trước, họp ba người với Lê Quang Đạo trên gác sân thượng sau nhà Uy. Bây giờ, những cuộc họp ấy đã xa xa như trong kỷ niệm thơ ấu. Bây giờ sự thật to lớn đương rầm rộ lên. Tôi cảm tưởng hồi hộp cả nước chuẩn bị.  
Tôi viết thư nhắn Nam Cao. Không hình dung được Nam Cao lên để làm gì và làm thế nào chúng tôi sống được, nhưng tôi cảm thấy Nam Cao phải lên ngay không thể ở Đại Hoàng.  
Lúc này phải làm gì. Mặc dầu tôi đương cảnh khó khăn, không biết trông vào đâu. Nhà có bà tôi, u tôi, ba người. Màu đói đã vàng cả trong mắt, vàng cả chân trời. Nhưng tôi cứ giục Nam Cao lên. Tình thế bồng bột, mãnh liệt vượt cả nỗi khó khăn chồng chất hàng ngày.  
Trên chợ Bưởi, người lang thang đâu đến càng nhiều. Buổi tối, lần vào ngủ trong các cầu chợ. Đêm nào cũng có người chết. Người chết khắp nơi, như gà chết dây. Những người thu thuế cho dọn xác đi từ gà gáy. Chợ lại họp như mọi ngày. Không sợ và cũng không sợ được nữa.  
Các chức việc trong làng, vì cái chợ đói mà khó nhọc. Người chết, chủ thầu thuế chợ không chịu chôn, làng lấy tiền đâu mua chiếu bó và mượn đào huyệt.  
Thế là phải canh. Bốn cầu chợ hai bên sông Tô Lịch, chập tối đã có tuần ngồi canh. Nhưng rồi cũng chỉ canh được một phía đèn sáng. Người đói lẻn vào đằng kia, chỗ bóng tối bờ sông lên. Người ta phải nghĩ cách kéo cành rong ra rấp xung quanh các cầu chợ.  
Nam Cao ở quê lên. Dưới làng, anh đương sốt ruột ngóng tin. Làng anh cũng chết vãn người, chết cả đến nhà hàng xóm rồi.  
Mấy hôm ấy, chúng tôi sửa soạn diễn kịch ủng hộ quĩ hội Truyền bá quốc ngữ miền Bưởi. Chúng tôi tập kịch, Nam Cao đóng vai giới thiệu kịch. Vai cỏn con ấy cũng đã quá quan trọng, nặng nề. Tính Nam Cao, cứ ngồi với anh em quen thì nói như trạng, nhưng gặp ai lạ lại im thin thít, đôi khi mặt đỏ lên tận tai.  
Hôm nào cũng đi từ chặp tối. Đêm về, lại thức viết. Nam cao viết một truyện dài về cái đói, cái đói giày vò ngay trong mấy bạn quen và cả chúng tôi. Nam Cao viết chuyện chúng tôi. Anh Lập làng tôi có võ, lực lưỡng khoẻ mạnh, thế mà mỗi lần đến, lấy gân bắp tay, tọp trông thấy. Tập kịch, chỉ nói một lúc miệng đã nhạt đớ. Buồn quá, Nam Cao lại cắm cúi viết những chuyện căm giận quanh mình. Viết chẳng ai in, nhưng vẫn viết.  
Quãng chín giờ tối, phía thành phố, bỗng có chớp giật. Rồi nổ súng râm ran. Ai cũng đoán ngay Pháp Nhật đả nhau. Chúng tôi chạy ra bờ tre cuối làng, trông về cánh đồng Cáo.  
Trong bóng tối, đại bác Pháp từ pháo đài bắn ra đỏ lừ. Nhật đương tấn công pháo đài Cáo.  
Nam Cao nắm chặt tay tôi:  
- Đằng nào súng cũng phải nổ mới ngã ngũ được.  
- Tôi cũng nghĩ thế.

**Tô Hoài**

Tập tự truyện - Tô Hoài

**5. Một quãng đường (2)**

Tiếng súng đã im hẳn từ lúc gần sáng. Cả làng, cả vùng lặng như chết. Nhưng chắc không ai chợp mắt. Sốt ruột chẳng hiểu thế nào.   
Có điều tôi không biết, ngay khi súng nổ trong đêm, người các làng đã kéo đi. Chó cắn nhau, thế nào cũng có con què gãy, và thế nào cũng có cái gì kiếm được. Bà con thiết thực hơn chúng tôi, đói hơn chúng tôi.   
Vùng tôi từ ngày xưa đã biết đi kiếm ăn lúc thời thế rối ren như thế. Các cụ còn kể lại hai lần Tây hạ thành, đương loạn lạc, cả làng đã kéo vào hôi của các dinh thự. Bố ông Năm Cạnh đi chậm quá, chỉ vớ được chiếc nón chóp bạc, đội ngay lên đầu. Tây trông ra, tưởng quan đội nón, bắn chết. Những người vào sau không được gì thì đi khuân gạch vỡ chỗ thành lở Bấy giờ, các tường làng và tường gạch vồ, nhiều nhà ở làng Hồ, làng Thọ, làng Nghè là cái tích gạch ấy. Làng Noi khiêng được cả cái kiệu bát cống còn rực rỡ đẹp nguyên. Những câu chuyện về Tây hạ thành vẫn được kể lại. Bây giờ Nhật hạ Tây, lại kéo đi kiếm ăn. Lúc này đương đói, càng hăng.   
Từ gà gáy, cả một khu kho thuốc nổ của nhà công nghệ pháo Phú Mỹ trong đường cánh đồng vào Noi bị phá cửa. Kho bốc cháy, chết bỏng nhiều người có thằng Cửu, thằng Tốn người làng tôi. Những người không chết, khuân sạch đi những thúng thuốc pháo. Kho giấy vạc nhà nước ở làng Hồ, không còn lại một bó dó, một tờ giấy.   
Trên đồn Bưởi, trên pháo đài Cáo, lính Nhật cầm ngang súng lưỡi lê đứng sừng sững như cái gốc cây. Mọi nơi đồn ải và trại lính vẫn nguyên. Chỉ có cái mặt thằng Tây đổi ra mặt thằng Nhật.   
Cầu chợ Bưởi đèn sáng rực. Bốn cầu chợ rỗng không, xung quanh rấp rong, giữa sáng trắng. Như cái chợ ma. Chợ ma thật. Người đói vẫn dật dờ đến như những cái bóng biết đi. Những đêm giêng hai rét buốt, người đói lâu đã khô xương rồi sợ bóng tối. Họ men đến chỗ sáng, trông thấy sáng mới biết mình vẫn còn sống. Người đói lần đến...   
Vào lúc chặp tối, lính Nhật trong đồn ra dồn lại một chỗ được bốn người đói. Nhật đâm chết cả bốn người dưới gốc cây đề cạnh cầu chợ rồi để bêu xác luôn đấy. Cho phải sợ. Nhưng chỉ thưa thưa vài hôm, người đói lại kéo đến, như mọi chặp tối.   
Một sáng, có người đến nhà tôi. Nước da ngăm ngăm, mắt nhìn sâu thẳm, đôi mày rậm đen sẫm. Trông hao hao quen. Chỉ lạ cái áo the dài. À, nhớ rồi. Giới.   
Năm trước, Lê Hữu Kiều giới thiệu Giới với tôi. Giới mới trong Thanh ra. Có dạo đọc báo *Bạn đường* ở Thanh Hoá, tôi yêu tư tưởng mới trong các bài và thơ của Giới viết, ký tên Thôi Hữu, cũng như những chữ rất mới của Trần Mai Ninh trên báo ấy.   
Vào ngồi trong nhà, Giới bỏ mũ ra. Đầu Giới trọc tếu.   
Đoán được điều tôi phân vân. Giới vừa nói vừa cười, vẫn đùa như mọi khi:   
- Tớ mới chui cống Hoả Lò ra. Cho ở nhờ vài ngày, để tóc mọc khá một tí đã nhé.   
Bấy giờ, Nhật đang lùng Việt Minh ác lắm. Nhà tôi không có lối thoát đằng sau. Nhưng biết làm thế nào. Tôi không dám nói với Giới cái sợ của tôi. Tôi đi xin được cái áo sợi dệt mặc rét cho Giới. Giới cởi áo the thâm treo lên vách. Nếu ai đến, trông cũng đỡ lạ mắt.   
Được cái nhà tôi, cả ngày cũng chẳng có người đến. U tôi hồi này hay sang Bắc bán giấy phèn. Mỗi bận u đeo tay nải mang đi vài ba trăm giấy, có khi hai ba ngày mới về. Ở nhà không có ai, bà ngoại tôi chạy đói lên nhà dì Niêm trên Sơn Tây. Cái làng thiếu đói không người động tay chân, suốt ngày êm ả, chẳng ai đến nhà ai.   
Cả ngày, Giới ở trong buồng đọc sách và ngủ. Chúng tôi chỉ ăn ngày một bữa, gạo tấm Sài Gòn. Giới chén khoẻ, hết cơm thì đứng dậy, chắc cũng chưa no. Khi đi ra sân, anh buộc cái khăn lên đầu. Tôi nói với u tôi: “Các anh người miền trong thường để đầu trọc và hay húi cua như lính tập". Không biết u tôi có nghi ngờ không, nhưng im lặng. Hôm bà ngoại tôi về bảo: "Tao thấy rồi. Ngày trước các thầy giáo trên nhà thờ làng Đông xuống trọ nhà ta thầy nào cũng tóc cun cún, suốt ngày ở trong buồng, chập tối mới ra sân đi bách bộ. Anh này có phải là người bên đạo không?”.   
Vài hôm sau, Giới hay đi, chốc lại về. Có khi đi lâu hơn, không ăn cơm nhà. Tôi đoán Giới đi dạo quanh. Nhưng không hỏi. Một hôm, Giới đương đọc sách, Trần Độ đến.   
Độ đưa cho tôi bản chỉ thị của Thường vụ Trung ương ngày 12-3-1945: *Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta.* Độ bảo sẽ họp thảo luận tài liệu quan trọng này. Đã mong cái gì to lớn sắp đến, từ hôm đảo chính Nhật.   
Giới đi lâu không thấy về. Không hiểu sao, Giới cũng không bảo gì với tôi.   
Có đến một tháng sau, chợt gặp Giới ở nhà bà Lam cuối xóm Trẽ đầu cánh đồng đi ra. Tôi ngạc nhiên sao Giới vào nhà ấy. Tôi không tưởng được Giới quen ai, ngoài tôi trong làng này.   
Giới thì thầm:   
- Tớ vẫn có việc quanh đây. Nhưng không tiện đến nhà đằng ấy nữa. Đằng ấy biết nguyên tắc bí mật rồi. Tên tớ bây giờ là Tấn. Nhớ đấy, Tấn.   
Tôi hiểu, Tấn đã bắt liên lạc được với đoàn thể, và công tác ở vùng này. Đến khi khởi nghĩa, tôi được biết Tấn là thành uỷ viên phụ trách ngoại thành.   
Từ hôm Nhật đảo chính, nhiều nhộn nhạo chính trị trong thành phố, nhưng làng tôi vẫn im lìm dưới bóng cây đa to bờ ao đình. Lý trưởng, chánh hội vẫn yên như mọi khi. Và vẫn đói dài, càng đói. Những nhộn nhạo chính trị ngoài thành phố không dội về được qua luỹ tre cuối làng. Tiếng gào thiếu hơi chưa nghe đã tắt.   
Nếu không có cuộc mít tinh kỷ niệm Nguyễn Thái Học của Quốc dân đảng tổ chức ở vườn Bách Thảo, tôi không biết những gì đương xảy ra trong thành phố. Cuộc mít tinh vườn Bách Thảo, Đại Việt và Quốc dân đảng “ra mắt đồng bào".   
Trên gò núi Nùng, cái lư hương giả phết sơn đen sì to bằng chiếc bồ đại. Khói trầm bốc nghi ngút. Hai bên lư hương, hai ông lão đứng túc trực. Hai lão cùng chít khăn, mặc áo thụng lam, cùng có bộ râu đen tốt sum sê. Hai ông đứng chắp tay chăm chăm nhìn xuống, cũng im như cái lư hương.   
Một lúc, bỗng dưng, có người trèo lên trụ tường hoa chõ vào loa máy, kêu:   
- Đả đảo Việt Minh!   
Tôi còn đương ngơ ngác chưa hiểu sao thì trong đám người đứng chật cả lối đi khắp vườn, ầm ầm tiếng hô:   
- Đả đảo Nghiệp, Sơn(19).   
- Đả đảo Nghiệp, Sơn!   
Rồi đám đông đi diễu qua trước gò đất. Ở đầu mỗi đám, khi có một người nào hô lên: "Đả đảo Việt Minh” thì trong các hàng lại rầm rập hò hét: "Đả đảo Nghiệp, Sơn? Đả đảo Nghiệp, Sơn!” Nhiều người chửi om lên rồi không nghe tiếng hô nữa. Dòng người đi rầm rập.   
Đáng lẽ làng tôi cũng không biết đám mít tinh ấy. Đương đói chẳng ai đi đâu. Nhưng Việt Minh các tổng ngoại thành đã điều động quần chúng ra vườn Bách Thảo phá mít tinh.   
Các làng đi đông, hô to gấp mấy lần người của Quốc dân đảng. Họ bị vố không ngờ, tán loạn ngay từ đầu. Ông đọc diễn văn không ai nghe được câu nào nữa. Hai ông lão râu dài đứng trang trí đã biến mất lúc nào. Đám đông ùn ùn ra các ngả. Rồi tiếng hò "Đả đảo Nghiệp, Sơn” lại rầm rầm tới chỗ đỗ xe điện đầu đường Quán Thánh.   
Về làng, bà con còn kháo chuyện. Có người tinh ý, nhận xét:   
- Toàn người ốm đói ở đâu đi mít tinh.   
- Thằng trên vừa "đả đảo”, chúng tớ rập luôn “Nghiệp, Sơn”, thế là bọn nó cũng ú ớ "Nghiệp, Sơn". Chẳng ai biết Nghiệp, Sơn là cái chó gì!   
Lại chuyện mít tinh giả hiệu. Chúng tôi nhớ năm trước ở Quần Ngựa có mít tinh tiễn thống sứ Saten về Pháp. Nhà nước cũng thuê đi mít tinh toàn phu đám ma mặc nguyên cả áo khiêng đòn màu cháo lòng lụng thụng đến đầu gối. Các hội Ái hữu bí mật vào phá. Chúng tôi chia thành tổ, trà trộn vào Quần Ngựa vừa cướp kẹo tiệc trà bày trên giấy, vừa hô đả đảo lung tung. Đám phu đám ma thấy có người cướp kẹo, thế là cũng xô nhau cướp, như cướp cháo cúng quan ôn, quên cả mít tinh.   
Thế là, trên quãng Đường Thành, từ Bách Thảo lên Quần Ngựa, mấy năm nay đã có hai đám trò vè của Pháp Nhật.   
Ít lâu, trong làng nhộn nhạo một vẻ bí mật khác thường. Ai cũng biết có Việt Minh trong làng rồi. Người ta đoán, ai là Việt Minh, ai Việt Minh. Cứ lo lo và chờ đợi. Việt Minh xoay chuyển thế nào chứ vẫn sắp chết đói, sắp chết đói cả.   
Tiếng chân người rậm rịch về phía đồng Mả Mái suốt sáng. Việt Minh tập quân sự đằng ấy. Tài liệu, sách báo, súng đạn thuốc nổ, trên bến Chèm, Sơn Tây, Hà Đông, từng tốp người gánh đến người gánh qua, như khi bình thời cuối năm đến gà gáy, người các làng đi chợ phiên áp Tết. Đêm trước, bên nhà cô Thạo có thuốc súng đưa về, để không cẩn thận, cháy nhà. lửa bốc cao, tiếng nổ như pháo ném, lính Nhật trên đồn Bưởi nhốn nháo chạy xuống. Nhật không biết tưởng cháy nhà vì đun bếp. Cũng đứng nhìn cho đến lúc cái nhà chỉ còn là đống than.   
Cách mạng lên nhanh trong cảnh đói khổ ngày càng tang thương. Mấy tháng trước chỉ có người đói ở đâu đến, bây giờ vùng tôi bỏ làng, đi chết bơ vơ nơi khác. Cả người trai trẻ, người giác ngộ cũng chết đói. Nếu không mau khởi nghĩa thì chết hết. Tin bí mật Uỷ ban giải phóng tổng Bưởi đã có rồi.   
Người ta mừng lạ lùng.   
Hai Bủng nhà ông đôi Ngôn là thợ mũ, hoạt động Ái hữu ở Hà Nội, tham gia phong trào thanh niên trong làng hồi Mặt trận Dân chủ. Đã lâu anh thất nghiệp. Vợ chết đói, con chết đói, anh phải lên chợ xin ăn. Lúc đầu các bạn thương chung nhau cứu. Nhưng rồi cũng không còn ai cho ai được. Tay chân nề ra, người gầy khỏng hẳn lên. Anh hai Bủng chỉ còn hai con mắt trong leo lẻo. Anh chết xó nào, không ai biết.   
Nhiều thanh niên giác ngộ, nhưng không còn kiếm được miếng ăn, không thể ở lại quê nhà. Điều thì đi phu cao su Dầu Tiếng đã lâu. Các anh Kết, Thận, Lập cũng chạy đói đi tha phương. Phần nhiều vào Sài Gòn. Sang tận Kam-pốt, tìm đến những nơi có nghề dệt mà tôi đã có tới đấy với Điều.   
Phong trào vùn vụt lên, vượt trên cái chết. Nguyễn Huy Tưởng vẫn đưa đều cho tôi báo *Cứu Quốc,* báo *Cờ Giải phóng.*   
Thỉnh thoảng Tấn cho xem tờ *Đuổi giặc nước* của Việt Minh ở Thanh Hoá.   
Mít tinh quần chúng ở chợ Canh, chợ Nhổn. Rồi các vùng Trôi, Gối, cả Sống, Ốc cũng có Việt Minh về chợ diễn thuyết.   
Rồi Việt Minh tổ chức cho người đói cướp kho thóc của Nhật ở phủ Hoài, ở Nhổn. Ngày nào cũng nghe tin phá kho thóc các nơi. Trên đường lên Sơn Tây, quãng Bún, Nhật vào trong làng lôi người ra chặt đầu cắm cọc doạ kẻ quấy rối trị an, nhưng đêm đến, tiếng tù và báo cướp inh ỏi. Các kho thóc ngay vùng Bún cũng bị phá đem chia cho người đói. Tinh thần quần chúng náo nức.   
Chấn động nhất là khi Tấn bắn chết mật thám Cai Long trên đường tàu điện xế cống Đõ. Đấy là tiếng súng cách mạng đầu tiên nổ trong vùng Bưởi.   
Cai Long, người làng Yên Thái. Năm trước, tôi bị bắt, đã xuống nhà tôi, bảo chạy trăm bạc thì nó cứu cho đấy.   
Pháp bị Nhật đá. Nhưng các hồ sơ, Pháp để lại cho Nhật.   
Mật thám ta lên ngồi cạnh chủ mới. Cai Long, đội Sinh được thăng chức. Đoàn thể đã cho lệnh thủ tiêu tên chó săn.   
Nhờ Quế Thái là cơ sở trong xóm, Tấn biết giờ giấc nó đi làm. Buổi sáng, Cai Long dắt xe ra cổng làng rồi đạp đi. Hôm ấy Quế Thái đi đằng trước nó, như tự nhiên Tấn đi xe đạp sau lưng.   
Bến tàu điện sáng sớm vắng, thưa thớt. Đầu làng Đông mấy chị thợ xeo đứng xo ro thành dám đợi người ra “đón xeo” hay mượn bóc uốn. Cổng làng Hồ, một người quảy bìa qua đường, ra sông đãi sớm. Tiếng chày giã dó, tiếng đòn "kéo tàu" xì xoẹt trong dãy tàu xeo lụp xụp bên bờ sông. Cuối xóm Đông Lân đến cống Đõ, ven sông chỉ có những cây nhãn lồng đã bắt đầu mùa hoa vàng rộm như những mâm xôi phủ trên lá.   
Tấn đạp dấn xe lên.   
Từ cống Đõ, quãng đường quanh ra cổng Rong một bên hồ Tây lô xô những búi cây rút xanh mờ, bên này, giữa hai bờ tường đền Voi Phục, một dải đất hoang và bãi tha ma.   
Một đêm ở Sống - trong chùa làng An Thọ, đêm mồng một tết năm kháng chiến đầu tiên, lúc ấy Tấn phụ trách báo *Thủ đô,* Tấn kể cho tôi nghe lúc ấy như thế nào.   
- Mình cũng mới tập bóp cò, tập ngắm từ hôm nhận nhiệm vụ, chưa được bắn thật lần nào. Nhưng lúc ấy không băn khoăn gì. Chỉ nghĩ một mực là mình phải bắn chết nó.   
"Qua cống Đõ, tới một thôi đường mới vào đầu làng Thuỵ. Trại Nhật đóng ở nhà Tam Đa. Quãng này mà hạ nó thì tốt nhất. Xe dấn lên, mình rút súng vẩy vào giữa lưng nó. Vừa lúc, nó chột dạ quay lại. Trong tiếng súng nổ, mình trông mặt nó khiếp đảm, đen ngòm, mồm mắt dạng cả ra.   
"Xe nó đâm vào đường tàu. Xe mình cũng loạng choạng đổ theo. Nó vùng dậy. Mình xông đến, bắn phát nữa. Nó gục hẳn, nằm vắt một bên đường tàu.   
"Trại Nhật đầu làng Thuỵ nghe tiếng súng, lính Nhật nhốn nháo xô ra.   
"Trông lên, Quế Thái đương đạp xe qua cửa trại Nhật.   
Không hiểu nghĩ thế nào, mình không quay lại, mình lại nhảy lên xe, từ từ đạp qua đám lính Nhật đương chạy đến chỗ tiếng súng. Qua rồi, chợt nhìn xuống thấy một bên ống quần và cái vạt áo lốm đốm vết máu phun còn đỏ đòng đọc.   
Thế mà lính Nhật không biết.   
"Đến chùa Thuỵ, bờ bên kia sông Tô Lịch, cả nửa làng Thuỵ cũng nghe tiếng súng, đương nhốn nháo ra.   
"Bình tĩnh, vào chùa, sư bà đương ngồi khâu vá bên cái giại đầu thềm. Mình chào, rồi nói:   
- Tôi là Việt Minh, tôi vừa trừ gian...   
"Chưa nghe hết câu, sư bà đã đứng dậy, dắt vào buồng nhà hậu, tối như hũ nút. Sư bà thì thào: "Cứ đứng đây đã, *Nam mô a di đà phật*". Rồi đi ra. Mình đứng im, tay giữ khẩu súng trong túi quần. Lát sau, sư bà vào cầm bộ quần áo nâu cũ. Mình thay cái quần và cái áo dính máu lại đấy, giắt khẩu súng vào lưng. Rồi nắm tay từ biệt sư bà, bước ra cổng chùa, qua cầu, lại sang đường.   
"Đằng kia, bọn Nhật đã chăng dây khám người qua lại.   
Mấy cái ô tô kín mít, có lẽ của sở Liêm phóng Nhật, đương phóng lên. Xe đạp mình cứ bon bon đi. Bộ quần áo nâu cũ mình mặc đã vá vai mấy miếng. Giống anh thợ vườn người làng Thuỵ buổi sáng ra sở ươm cây La Pho làm".   
Sau đó, Việt Minh làng tôi lại trừ tên Ba Lự - một mật thám khác em ruột Cai Long. Chiến công ấy của Hoà. Hoà nấp cạnh ao Cá đầu làng Bái. Lúc ấy đã tối. Bên gốc đa, ngay sau vách, Hoà kê súng vào khe nứa. Trong nhà Tíu - nhà mụ chứa gái điếm, Ba Lự nằm hút thuốc phiện ngay dưới mũi súng của Hoà lách vào.   
Sang giữa mùa hè, hoạt động dồn dập của các đội thanh niên xung phong Hoàng Diệu trong thành phố càng vang dội.   
Diễn thuyết ở trường Gia Long trường Kỹ Nghệ, rạp chiếu bóng Palát, rạp hát Tố Như, nhà máy rượu, chợ Mơ, chợ Đuổi.   
Cờ đỏ sao vàng treo đỉnh tháp Rùa, trên tàu điện đường Hà Đông, trên sông Hồng. Người ta thì thào chưa ngớt chuyện kỳ diệu này đã vô số chuyện thần tình khác.   
Trong khi, nạn đói vẫn cứ mỗi lúc một trầm trọng.   
Những vùng Thái Bình, Nam Định ruộng nương thẳng cánh cò bay người đói còn đi lang thang chật đường tứ xứ huống chi làng tôi, tấc đất không có. Người ở các phố nội thành mới được hàng tháng mua gạo "bông" - gạo bán cung cấp. Địa phận thành phố ngày ấy hẹp như bàn tay. Cuối phố Huế đã hết Hà Nội. Cái xe bánh sắt ngoại thành kéo khách qua Khâm Thiên, đến chỗ chắn tàu hoả gần ga Hàng Cỏ, chỗ ấy vẫn còn thuộc tỉnh Hà Đông, xe bánh sắt bị cấm không được vào. Làng tôi ở ngay ngoài đường vòng thành thuộc phủ Hoài Đức không được mua gạo “bông”, cả làng đói.   
Thỉnh thoảng, Nguyễn Huy Tưởng đến đưa vài đồng của anh em gửi giúp. Nếu chúng tôi không có tiền ấy và anh Khôi tôi, người bạn đã nhờ Nam Cao dạy mấy đứa cháu học cấp cho gạo ăn cầm hơi, không biết tình thế sẽ thế nào. Có thể chết như hai Bủng, dễ lắm.   
Nam Cao nhận thư của vợ. Thư kể mấy tháng nay mẹ con chỉ ăn rau sam. Con bé út mới sinh được hơn một năm *- c*on bé, anh đặt tên là Bình Yên. Con Bình Yên chê cơm nhà đói khó, đã bỏ đi rồi. Cái thư đau đớn đọc xong, biết làm thế nào, anh thờ thẫn nuốt nước mắt.   
Từ lâu, Nam Cao chẳng còn kiếm được đủ nổi miệng mình ăn. Thỉnh thoảng, chị ấy cũng nhận được ít tiền của chồng đỡ đần nhưng đã lâu, chẳng có. Mẹ con ở quê đành sống lần hồi. Lo chẳng được, lại tính cả lo. Lúc nào cũng xót xa vì trách nhiệm với vợ con. Nhưng biết làm thế nào hơn? Đi dạy mấy cháu học, được vài đồng còm cõi đổi lấy gạo. Viết truyện nhà xuất bản chỉ mua ngữ, rồi chẳng mua nữa. Thời buổi này? Anh mới viết xong một cái truyện dài, đặt tên truyện là *Chết mòn(20).* Mấy tháng trời mới xong, vác đi dạm bán các nhà xuất bản, chăng ma nào ngõi. Người ta không thể in một cái dài của tác giả mới và nhất là trong thời buồi này.   
Trác Vỹ, chủ nhà xuất bản *Đời Mới,* một hôm, đưa cho Nam Cao một danh thiếp đề: Vũ Đình Hải. Trác Vỹ viết thêm một dòng: "Ông Hải muốn gặp ông".   
Chúng tôi phân vân xem đi xem lại cái thiếp, tên và địa chỉ. Một người hay nghĩ ngợi lung tung như Nam Cao, mỗi khi gặp việc khúc mắc, anh lại thử bày trước ra vô vàn cái rắc rối để lo thêm, băn khoăn thêm.   
Tôi chợt nhớ:   
- À, thôi thôi, thằng này là thằng làm mối người. Ở phố Boócnhi Đétbóoc, phải, ở Trường Thi.   
Tôi đã nhớ ra. Một độ, trên tờ *Việt Báo,* báo hàng ngày, có mục tên là "Sợi tơ hồng" ký tên Vũ Đình Hải. Mục này đăng tin làm mối người. Trai: tuổi, nghề, vốn. Gái: tuổi vốn, gia thế... Đôi khi kèm ảnh. Ai muốn lấy vợ lấy chồng thế nào cứ nhờ mục "Sợi tơ hồng" đăng cái ý muốn của mình lên, "Sợi tơ hồng" ở giữa liệu cách xe duyên rồi ăn tiền hoa hồng đôi bên.   
Trên mục ấy, Vũ Đình Hải đã có viết bình luận rằng nghề làm mối người còn rất mới ở nước ta, nhưng nó đã cũ rích ở các nước Âu Tây. Ông ta muốn mục "Sợi tơ hồng" và ngành kinh doanh làm mối sẽ góp phần quan trọng vào quốc kế dân sinh.   
Nhưng được ít lâu, báo bỏ mục ấy. Tại ế hay tại sao, không biết. Cũng không ai chú ý đến. Thời buổi nhố nhăng, thiếu gì nghề lạ, nghề bịp. Vũ Ổn, gồng Trà Kha, "Xây dập dì", thuốc cường dương, Khánh Sơn bói tây, nhà Sipic Dương Văn Mẫn buôn nước bọt, tômbôla xổ số, Sỹ Cát ăn cắp của mỗi người một đồng... Có thêm cái nghề làm mối người này thì cũng là thường. Không biết có phải Vũ Đình Hải ấy không.   
Nam Cao đi gặp Vũ Đình Hải có tôi kèm. Tính Nam Cao cẩn thận.   
Chúng tôi đến Trường Thi, tìm đúng số nhà, ngẩng lên thấy trên tường đóng cái biển đồng to có khoá dưới đuôi. Biển khắc hai dòng chữ "Vũ Đình Hải. Trinh thám tư".   
Quả thực ở Hà Nội, Hải Phòng hay Sài Gòn, tôi chưa thấy đâu có chiếc biển thế và nghề trinh thám tư. Ở nước ta chỉ mới có hai người làm nghề ấy trong tiểu thuyết là thám tử Lê Phong của Thế Lữ và thám tử Kỳ Phát của Phạm Cao Củng.   
Chúng tôi cứ vào. Cái bàn giấy rộng bè bè kê giữa một gian phòng to, chồng chất giấy má, sổ sách - phòng làm việc của một đại thương, một chủ hãng, một giám đốc công ty.   
Ngồi đằng sau cái bàn đồ sộ và bề bộn một vẻ làm ăn phát tài tấn tới đó là một người đứng tuổi, da bềnh bệch, mặt béo xị như khách lai.   
Ông ta đứng dậy, bước ra kéo ghế và nghiêng người, nghiêng mặt, một tay để lên ngực, rành rọt từng tiếng kiểu Tây nói tiếng Tây:   
- Tôi, Vũ Đình Hải, trinh thám tư. Tôi được hân hạnh tiếp hai ông là...   
Nam Cao, mặt đỏ gấc:   
- Tôi là Nam... Nam...   
Hải giơ tay bắt, giựt một cái như muốn giằng Nam Cao sang bên lão ta, rồi kêu:   
- Ông Nam Cao! Ông Nam Cao! Rất hân hạnh! Hân hạnh!   
Nam Cao càng lúng túng.   
- Mời ông ngồi. Còn ông... à... Ông Tô Hoài. Mời hai ông ngồi. Phải, tôi muốn gặp ông Nam Cao, gặp các ông. Hân hạnh, Bá Nha, Tử Kỳ mà. Tôi đọc truyện *Đôi lứa xứng đôi* của nhà *Đời Mới* ông Trác Vỹ in, tôi thấy cái truyện ấy mới dúng là văn chương An Nam. Cho nên tôi muốn gặp ông, khen ông, làm quen với ông, chơi với ông.   
À ra thế! Chỉ có thế. Tôi thở dài khẽ... Nam Cao chưa qua cơn đỏ mặt lại càng đỏ hơn vì anh hay ngượng khi nghe ai khen mình. Nhưng Vũ Đình Hải đã lại nói chốp chốp như cái máy, không cần nhìn người nghe:   
- Trinh thám là nghề tôi chơi thôi, nghề chính của tôi là thương mại. Tôi là bạn hàng cánh hẩu của ông Myzuxuni sáng lập viên công ty xuất nhập khẩu Nam Nhật... An Nam Nippôn... vốn một trăm vạn mà tôi có cổ phần sáng lập... Trụ sở chính của công ty chúng tôi ở Cầu Đất dưới Hải Phòng, têlê-phôn số 384...   
Nói xong, Hải dang cả hai tay lùa chúng tôi đi giật lùi ra:   
- Giới thiệu qua với các "vu" thế. Còn bây giờ thì tôi đương bận. Các “vu” sẽ cho tôi hân hạnh được tiếp tối nay nhé, rượu nhạt thôi. Tám giờ, dưới Khâm Thiên, tay phải, số...   
Chúng tôi lại nhảy sang cái hồi hộp mới. Chỗ Khâm Thiên, số nhà ấy là nhà cao lâu à? Lão thám tử tư chắc lắm sự oái oăm. Khâm Thiên, phố ăn chơi, chúng tôi cũng chỉ nghe hơi nồi chõ thế. Có đi ả đào, chúng tôi cũng chỉ phất phơ "che tàn" ở Ngã Tư Sở, Vạn Thái, Mả ông Năm cà khổ vớ vẩn thôi. Hay là chúng mình sắp trải "Một đêm với Dương Quí Phi" - đêm huy hoàng, như cái bìa quyển sách vàng khè có tên như thế của Trúc Đình mới xuất bản. Nam Cao tưởng tượng và nói đùa. Cuối cùng chúng tôi quyết định đi.   
Hai đứa ăn qua loa bát phở rồi đi dần ra Cửa Nam, ngồi vườn hoa *Bà đầm xoè*(21) giết thì giờ bằng cách nhìn tàu điện lên xuống để chờ tối.   
Phố Khâm Thiên đã lên đèn. Những đốm đèn phòng thủ, chao đèn bọc kín, đỏ bẻm.   
Từ hồi đảo chính Nhật, tiệm nhảy *Cái chùa* (La Pagode) ở Khâm Thiên đã biến thành tiệm nhảy *Takara* ngay giữa phố với cả dãy nhà hát bên ấy, bọn sĩ quan Nhật chơi thâu đêm. Chúng tôi đi lò dò bờ hè bên này, đếm số nhà. Đúng đấy, nhìn ra, thấy cái nhà cửa khép cửa mở, tà áo thấp thoáng. Đúng kiểu nhà hát. Khép cửa, vì đã có khách. Chúng tôi bước vào.   
- À, à. Khách của ông Hải, ông Vũ Đình Hải...   
Nam Cao nói trống không, và giọng ê à, cố vẻ tự nhiên và hách dịch - oai tí chút. Để che cái ngượng nghịu. Mấy cô ả đào không chú ý, cứ đon đả thường lệ:   
- Mời hai anh lên gác.   
Một tiệc đã sắp sẵn trên chiếc bàn dài khăn giải bàn trắng. Có đến hai chục người hai bên. Những ông Tàu già mặc áo lụng thụng chấm gót. Vũ Đình Hải ngồi đằng kia, nói to tên chúng tôi và "chức vụ" văn sĩ cho mọi người nghe xong, rồi chạy lại, thì thào chỉ trỏ đưa mắt giới thiệu cho chúng tôi biết: ông Nhật này chủ hiệu Đai nan Kôsi ở Hàng Bồ, ông Nhật này chủ hiệu Nakamura ở Cửa Đông, ông Mizuxum nghiệp chủ sáng lập công ty An nam Nippôn ở Hải Phòng và ông Ca ca Cu cu gì nữa, giám đốc công ty thu thóc tạ Bắc Kỳ. Ông Tàu này là bang trưởng Quảng Đông, ông Tàu áo dài kia bang trưởng Phúc Kiến...   
Chẳng ai để mắt đến hai chúng tôi. Họ ngồi ưỡn người ra đằng sau, thì thào ghé tai và thỉnh thoảng tiện tay quệt má những cô ả đào đương cầm quạt phe phẩy.   
Hai đứa tôi vào trận hoả mù, chẳng hiểu đâu vào đâu.   
Chúng tôi xuống đến dường cái mới độ chín giờ. Có lẽ tiệc chưa bưng ra hết món. Bị thờ ơ và lạc lõng quá, chúng tôi khó chịu ăn không nuốt được. Chúng tôi nháy nhau lùi xuống trong lúc trận chè chén đương ồn ào. Vũ Đình Hải trinh thám tư mặt rượu đỏ găng, đương la đà, ba hoa, không trông thấy chúng tôi. Có thể lão cũng chẳng còn nhớ có chúng tôi.   
Về sau, mới biết đấy là nhà hát loại sang ở Khâm Thiên của đốc Sao. Bà đốc Sao là chị ruột nhà trinh thám tư Vũ Đình Hải.   
Chúng tôi cuốc bộ từ đấy về Bưởi.   
Nửa đêm, Nam Cao hỏi tôi:   
- Còn thức không? Mình muốn bàn cái này.   
- Cái gì?   
- Thằng Hải này có chân trong Nam Nhật công ty, chắc thế lực lắm. Mà nó lại buôn sợi. Hay là nói nó xin cho tôi cái giấy mua sợi của nhà máy sợi Nam Định. Mua sợi bây giờ phải có phép nhà binh Nhật. Có cái phép ấy mà mua được sợi thì vợ con mình dễ chịu quá.   
Tôi băn khoăn và man mác. Khi anh xưng "tôi" và nói giọng xúc động, thế là anh đương nghĩ ngợi lắm. Chúng tôi đã quên hẳn câu chuyện nhà hát cô đầu. Chắc anh vẫn suy nghĩ chuyện này từ lúc tối. Tôi không biết bàn với Nam Cao như thế nào.   
Sáng hôm sau, Nam Cao dậy sớm, ra ngồi ngoài bậc cửa, hai tay chống má, mắt đỏ hoe. Không biết anh khóc hay vì đêm không ngủ được mà mắt đỏ thế. Đến giờ đi dạy học, anh bước ra.   
Không bao giờ Nam Cao nói lại việc muốn dựa thế Vũ Đình Hải nhờ xin giấy mua sợi nữa. Nhưng sự hối hận và căm tức gậm nhấm anh còn đau hơn cả lời nói ra. Có việc nghĩ trong đêm, cao hứng miên man, nhưng ngay lúc ấy, nghĩ lại, anh hối hận, lo lắng, dằn vặt mình, tưởng không thể bao giờ nguôi. Con người cứ mấp mé cái sáng cái tối, đường quang đãng và bóng tối. Việc này cũng thế.   
Một đêm kia, Nam Cao và tôi lại đi hát “che tàn" mấy người bạn buôn dó, bạn của Khôi, ở Ngã Tư Sở.   
Lâu lắm, từ ngày đói, các bạn ăn chơi cũng dạt đi như chuồn chuồn trốn bão. Chẳng còn đâu những đàn đúm, rượu vào rồi lạy nhau, bình thơ nhau, đêm đêm nháo nhác cô đầu cô đuôi Vũ Trọng Can đã chết, Nguyễn Bính đi Sài Gòn. Sắp đảo chính Nhật, Đinh Hùng đến chơi. Hùng nói không còn ở cái gác cây hương sân thượng trên đầu ô Yên Phụ nữa. Tôi hỏi thăm mày vẫn còn cái đầu lâu để trên bàn và cái bình cắm mấy cẳng sen tàn? Hồi ở trên gác thượng có cây hương đầu ô, chàng thường khoe đấy là "hoa sen của Liên đến cắm từ mùa sen trước". Rồi Liên ốm, chết. Bây giờ thì "Bao giờ Liên nhớ thì Liên đến đổi hoa, nếu không thì Hoa-cái-đầu-lâu-thời gian cứ trơ ra đấy”. Chơi hoa tàn, ôi là một sự đẹp không mất tiền và lại bọc lên đấy nỗi nhớ thương. Đến lúc Hùng cởi cái áo va rơi dạ đen ra, thấy đít quần thủng hai miếng to. Tôi lại đưa Hùng xem tờ *Cứu Quốc.* Đinh Hùng đọc không nói gì. Uống rượu xong, rồi khóc, đi về phía Cổ Nhuế.   
Đèn điện Ngã Tư Sở lù mù như những con đom đóm trên vách. Đường vắng rợn. Quanh chiếc chao phòng thủ, muỗi đậu đen như chấu. Các nhà hát có khách đều đã cài then cửa, buông mành. Họ hãi người đói thấy sáng thì xông vào. Lại sợ cả lính Nhật đi tuần, lính Nhật say rượu. Ở Vĩnh Hồ, bọn Nhật vào nhà nào, dù nhà ấy có khách đương hát, khách cũng phải tháo chạy ra cửa sau.   
Người đi chơi bây giờ cũng xót tiền, hiếm ai hát chầu “mặn”. Thời buổi khó khăn, mâm rượu mà bày ra, dù chỉ vài con mực nướng, các cô đầu trong nhà cũng xúm lại tiếp, làm việc hầu hạ, ăn dỗ mồi của khách.   
Chúng tôi ngồi trong nhà hát một lúc, ảo não, khó thở, bèn mở cửa ra đường.   
Từ Vĩnh Hồ xuống, còn đèn và lác đác người. Phía Cầu Mới, đường Tàu Bay, đường Láng tối như hũ nút. Mới độ chín giờ, chưa khuya. Trong hơi gió đưa lại, mùi rác ẩm lẫn mùi xác chết. Chỉ đứng một lát, trông ngang đã thấy lểu đểu mấy cái bóng. Người vẫn nằm sẵn đâu trong mép đường, thấy khách chơi từ ánh sáng trong nhà ra thì dật dờ lại.   
Bỗng ánh đèn pin loang loáng xiên tới.   
Tiếng người quát:   
- Cút đi! Cút đi!   
Rồi một ông trương phiên, khán thủ nào hét tuần tráng:   
- Thằng này ra đường Tàu Bay? Thấy cái nào thì kéo đi thật xa. Hôm qua vứt ngay ở Vĩnh Hồ, nó lừa đến gần sáng nó vứt lại. Bỏ mẹ tao?   
Luồng đèn pin rọi thẳng vào mặt chúng tôi:   
- Các ông này đi hát thì vào nhà hát, đi đâu thì đi ngay. vơ vẩn đây, lính Nhật trên ấp nó tuần xuống mà gặp, thì toi mạng...   
Ở đâu bây giờ cũng như ở chợ Bưởi. Những chức việc trong làng cả đêm phải đi rình đuổi không cho người đói đứng lại địa phận mình. Sợ đêm nó chết. Và hễ gặp xác người, lập tức kéo vứt sang địa phận khác. Làng nọ ném xác chết sang làng kia. Người ta sợ phải chôn. Chôn xác trần trụi không có chiếu bó, cũng phải mất tiền thuê người đào huyệt. Tiền đâu ra mà hôm nào cũng thuê đào hàng chục cái huyệt. Người đào huyệt cũng hiếm.   
Chúng tôi bỏ về ngay lúc ấy. Trời đất này, còn lòng dạ nào mà đi chơi.   
Một hôm, có một cuộc họp mở rộng nhiều tổ ở nhà Như Phong - ngôi nhà gạch nhỏ trong xóm Cung giữa làng Tây Hồ. Nhà ấy, nhà Như Phong thuê để đến mùa hè người nhà lên ở hóng mát.   
Nam Cao và tôi, cả Nguyễn Huy Tưởng, Trần Huyền Trân, Nguyên Hồng cùng lên nhà tôi rồi chúng tôi vào làng Võng ra bến đò ngang hồ Tây sang Tây Hồ, cái bến trước cửa đình Võng chỉ ngày phiên chợ Bưởi mới có người sang. Đương giữa mùa sen, con đò ngập lút trong bóng những chiếc lá sen xanh rợp, thơm ngát. Cái đò ngang ngày xưa có Hồ Xuân Hương ở Tây Hồ sang chợ Võng Thị.   
Nguyễn Huy Tưởng nói:   
- Đò này là thuyền rồng chở vua Thánh Tông ngự chơi hồ Tây. Thuyền đến quãng làng Tây Hồ gặp con hồ ly chín đuôi ra rỡn. Chúng mình, anh nào có tướng làm vua thì cứ tự dưng trông hồ ly hoá ra người. Con gái xóm Cung bên kia đẹp lắm, anh nào là vua Trần?   
Không ai nói. Nếu lúc vui chuyện, chắc mọi người đã gắp cho Nam Cao và Trần Huyền Trân, (Trần Kim) hai chàng họ Trần tranh nhau chân học trò, chân vua gặp hồ ly. Nhưng lúc ấy ai cũng lặng im.   
Nguyễn Huy Tưởng lại kể một điển khác:   
- Ngày trước, Hồ Xuân Hương cũng quê ở Tây Hồ, chắc phiên chợ thường sang chợ Võng bán chỉ và mua tơ về đánh chỉ. Nàng thơ đã qua bến đò ngang này.   
Gió nồm hây hẩy đưa lại chút mát lá sen. Thế mà tưởng như trời đương oi bức ngột ngạt. Không ai đáp chuyện Tưởng.   
Có lẽ vẫn còn ám ảnh cảnh bi thảm vừa nãy. Ông lái khua bơi chèo đuổi đám người đói ở cửa đình xô xuống đò, có lẽ vì tiếng canh nổ phành phạch đảo lại đầu làn nước, ngay sát những chiếc lá sen lơ thơ ngoài nhất, trông thấy trên thuyền máy, nhấp nhô chỏm mũ và đôi mắt kính lấp lánh. Thằng lính Nhật! Câu chuyện lịch sử và nàng thơ dù cho hào hứng mấy, đến đây cũng phải nín.   
Nào đâu trời nước hồ Tây mênh mang giữa vườn Ngự Uyển thời Lý. Chỗ nào kiến trúc sư Vũ Như Tô của Nguyễn Huy Tưởng dựng đài Cửu Trùng? Chỉ thấy lính Nhật đi tuần trên hồ. Tiếng canh sùng sục quần suốt ngày, cả tối.   
Cuộc họp hai ngày ở nhà Như Phong đông hơn lần họp ở nhà tôi hồi đầu năm, lần này, Trần Quốc Hương nói chuyện tình hình thế giới, trong nước rồi đọc sách báo, chương trình Việt Minh, lại thảo luận chuẩn bị khởi nghĩa và bàn cách phát triển các tổ.   
Lần nào họp cũng bàn chương trình Việt Minh và kế hoạch khởi nghĩa.   
Lần nào cũng bàn, bàn đi bàn lại, càng háo hức. Hương bỏ trong người ra một khẩu súng lục Bờrôninh mới, bọc giấy bóng. Cuộc bàn càng sôi nổi, nghiêm trọng. Việc bàn chiến đấu trong lúc khởi nghĩa là tự nhiên.   
Ngay cả khi ngồi vào họp đã có mục dặn lại nhau cách thủ tiêu tài liệu, cách rút lui khi lâm sự, địch bắt thì khai thế nào. Những chuẩn bị đối phố ấy bao giờ cũng cho tôi cảm tưởng và ý thức về công việc đương đòi hỏi, không nghĩ mình người cầm bút hay người cầm súng. Anh Bé nói năm trước khi khởi nghĩa, văn hoá cũng xông ra đánh quân thù như các giới khác.   
Buổi tối nghỉ họp. Chúng tôi cắt canh bảo vệ, ngôi sao lung lay sa xuống đầu. Đẹp quá. Nhưng cứ đương nghĩ cái đẹp hồ Tây lại chập chờn nghe tiếng canô Nhật. Tiếng máy canô hay tiếng sóng vỗ?   
Không, không, không phải tiếng canô Nhật. Đây là tiếng sóng vỗ. Sôi sục lắm rồi. Trong thành phố, những trận nổ súng của các đội danh dự Việt Minh trừ gian đương xảy ra hàng ngày. Đấy là tiếng súng. Không phải tiếng giặc. Tiếng sóng hồ Tây quê tôi, tiếng sóng cách mạng vỗ. Cái làng Võng nhỏ bé chúng tôi vừa đi qua để sang Tây Hồ, làng Võng có đền thờ ông Mục Thận quăng lưới bắt hổ cứu vua. Nhưng xưa nay không ai trông thấy làng Võng. Bởi cái làng nhỏ bé đã ngủ quên cả đời trong rặng nhãn cổ thụ ven hồ. Thế mà cũng trong làng Võng xa mờ ấy, Tấn đã đặt ở nhà một cơ sở cơ quan "ấn"(22) báo *Hồn nước* của Đoàn thanh niên *Cứu Quốc* Việt Nam. Thế mà ở bến Chèm bên kia, đêm đến, những gánh súng gánh đạn sau chùa Tân, bên tha ma Mả Mái trong cái làng đói của tôi, người các đoàn thể *Cứu Quốc* đã gầy rạc, nhưng khuya nào cũng ra đồng tập quân sự. Bốn phía quanh thành phố bây giờ không có đêm.   
Đến cuộc họp nữa ở nhà Nguyễn Huy Tưởng, họp bí mật to nhất từ xưa đến nay, mà họp ngay giữa thành phố. Có những anh hôm nay tôi mới gặp, Nguyễn Công Mỹ, Lưu Văn Lợi, Hồng (Thép Mới)...Lưu Văn Lợi cũng công chức nhà Đoan với Tưởng, Hồng là sinh viên, Nguyễn Công Mỹ dạy học ở Hả Phòng lên.   
Mấy năm trước, tôi chỉ biết trong tổ tôi có Như Phong và Vũ Quốc Uy. Nguyên tắc bí mật, tổ có ba người biết nhau. Thêm một tổ đương hình thành, có Nam Cao. Bây giờ, Nhật ác đến khủng khiếp, khám thấy có tài liệu Việt Minh, bắn người tại chỗ. Thế mà chúng tôi họp cả mười người trên gác nhà Nguyễn Huy Tưởng.   
Cái gác dài và rộng, chỉ có mình Tưởng còn ở lại. Bên Phủ Từ hay Thuận Thành sang, Nguyên Hồng thường ở nhờ đấy. Cái khoá chữ, các bạn đều biết khoá số đề 1789 - năm cách mạng tư sản dân quyền Pháp. Cứ tự do mở khoá vào ở.   
Gác bên cạnh, Tưởng bảo là nhà một mật thám Tây làm cho Nhật. Nhưng cũng chẳng cần để ý. Tưởng đóng của sổ và cuộc họp bắt đầu, bàn về ra báo *Tiền phong số 1* của Hội *Văn hoá Cứu quốc* Việt Nam và phân công viết. *Văn-to-đầu(23)* thay mặt cấp trên tới dự   
Thời Mặt trận Dân chủ *Văn-to-đầu* hoạt động công khai, đã ra ứng cử Hội đồng thành phố. Bây giờ vào bí mật, anh vẫn đạp xe đi cả ngày. Đầu anh to, rất dễ nhận. Thế mà anh cứ đi như thường. Biến chuyển đến nơi rồi.   
Tình hình càng khẩn trương. Báo *Cứu Quốc* đăng tin Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ họp từ ngày 15 đến 20 tháng tư Có hôm Tưởng giao cho tôi một đệp sách báo.   
Tôi chia cho cả Hoà là Việt Minh trong làng, theo đường dây của Tấn không cần giữ bí mật như mọi khi. Sách báo Việt Minh hồi này in chữ typô hẳn hoi. Nghe Tưởng rỉ tai: sắp chữ và in trong Hà Nội nhiều thợ in vào công nhân *Cứu Quốc* cả rồi.   
Không cứ Nguyễn Huy Tưởng nói, tôi cũng biết. Mấy lâu, có hai anh thợ in báo *Tin Mới,* nhà ở đền Quán Thánh buổi trưa lên nhà tôi nghỉ nhờ, tránh báo động tàu bay Mỹ. Hai anh đã lấy cho tôi những đoạn bài báo Nhật kiểm duyệt bỏ các con số người đói, người chết đói, những vụ đói ăn thịt lẫn nhau ở Ninh Bình. Ở Nam Định kể trong báo cáo của cụ Ngô Tử Hạ, lúc ấy là trưởng ban Cứu tế. Tôi gửi con số những việc đau thương ấy cho Nguyễn Huy Tưởng chuyển đi báo *Cứu Quốc.*   
Gần như ai quanh mình cũng là Việt Minh. Tôi đi bán tín phiếu(24) cho các người quen biết. Anh đi buôn bán, anh mộ đạo Phật, đều mua. Có anh mua tín phiếu hai trăm bạc.   
Những người có của đánh tiếng muốn được xem truyền đơn “Đồng tiền cứu nước” và mua tín phiếu - có thể để giữ sẵn dấu tích Việt Minh trong nhà.   
Đảng Cộng sản Đông Dương mới ra thêm Tạp chí *Cộng Sản.* Tài liệu bây giờ nhiều. Nguyễn Huy Tưởng bó thành một bó trong cái túi vải nâu treo lủng lẳng trước ghi đông xe đạp.   
Hồi này, Nam Cao mải mê với một đoàn kịch. Nam Cao vốn trầm tĩnh, nhưng đã bốc thì hay tuyệt đối và coi trời bằng vung. Nam Cao có lý sự mới: trong công tác văn hoá chỉ có kịch là đắc lực nhất. Sân khấu, nghìn người xem, hàng nghìn người xem một đêm? Một khẩu hiệu ném ra trên sân khấu khác nào hô hào ở mít tinh. Mỗi buổi diễn kịch giá trị bằng một buổi mít tinh.   
Nam Cao với Nguyễn Huy Tưởng, Nguyên Hồng, một số đã thực hiện công tác văn hoá công khai của Đảng. Như Phong, Nam Cao, Trần Huyền Trân Nguyên Hồng, Kim Lân... dựa vào một đoàn kịch sẵn có - Ban kịch Hà Nội của Chu Ngọc. Như trước kia đối với nhà xuất bản *Người bốn phương* hoặc lợi dụng cả với trang phụ trương báo *Thông tin* thân Nhật.   
Nam Cao vay nhà xuất bản nào được một trăm bạc - tôi không nhớ. Một trăm đồng lúc ấy chẳng còn giá trị lắm, nhưng cũng không phải nhỏ đối với bữa cơm bữa cháo của chúng tôi. Đã lâu, Nam Cao không nhận được tin tức. Vợ con mù mịt trong cơn lốc, con Bình Yên đói chết. Thế mà trăm đồng ấy, Nam Cao đem một phần góp quỹ đoàn kịch. Nam Cao còn có ý định viết những vở kịch như truyền đơn, như tiếng dội của khẩu hiệu hô trong mít tinh.   
Nhiều việc khác đang bối rối và cần làm trước. Đoàn kịch Hà Nội, đoàn kịch tài tử của những bạn tốt nhưng quen lang thang và quên lãng không chú ý chính trị. Các bạn thường mê mệt ngất ngưởng những kịch *Bóng giai nhân(25),* những cuộc ngâm thơ rền rĩ *"Ta rót về đâu... rót về đâu... về đâu... hề hề hề...*". Đoàn kịch sống lối chèo gánh, khi rỗi việc đồng thì gọi nhau, lập bọn, tìm đám. Vì vậy phải đưa tư tưởng tiến bộ vào từ tổ chức đến tiền bạc, đến vở mới.   
Giữa lúc này một cuộc họp cấp tốc được triệu tập. Họp tại làng Vạn Phúc trong Hà Đông. Ở nhà một người cảm tình của Trần Huyền Trân. Chủ nhà không hoạt động nhưng quí Việt Minh và có góp vốn giúp đoàn kịch. Làng Vạn Phúc ở trong phạm vi an toàn của xứ uỷ Bắc kỳ.   
Họp có một đêm. Nguyễn Huy Tưởng. Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Hũu Đang được cử tham gia đoàn đại biểu trí thức Hà Nội lên chiến khu dự Đại hội đại biểu quốc dân toàn quốc ở Tân Trào.   
Trong ý nghĩ và tưởng tượng hào hứng của tôi ngày ấy, cả nước đã thành chiến khu trước nhất trên biên giới phía bắc. Báo *Cứu Quốc* đăng tin quân giải phóng đánh Nhật ở châu Tự Do (Sơn Dương). quân giải phóng tiêu diệt đồn Nhật ở núi Tranh Đấu (Tam Đảo), giải phóng một trại tù binh Pháp. Ở các chiến khu Hoàng Hoa Thám, Lê Lợi, Quang Trung, Trần Hưng Đạo, Phan Đình Phùng, Trưng Trắc, Nguyễn Tri Phương đều có du kích hoạt động. Và Hà Nội đã được đặt tên bí mật là thành Hoàng Diệu.   
Lên chiến khu! Lên chiến khu! Tiếng gọi thiêng liêng trong chúng tôi. Đi chiến khu trở thành mong ước của nhiều người, cả những người chưa biết cách mạng.   
Làng tôi có ông lang Dương giỏi võ. Tổ chức Việt Minh đã đến tận xóm ông. Việt Minh xóm ông là những ai, ông đều biết. Nhưng ông không phục những người ấy lại là Việt Minh.   
Ông bỏ làng đi tìm Việt Minh ở chiến khu. Nghe nói chiến khu trên Bắc Sơn. Ông lên Thái Nguyên, lên Võ Nhai.   
Dọc đường, ông nhập bọn cùng với đám đông thanh niên các nơi, nhiều người cũng đương đi tìm chiến khu. Lính Nhật bắt được cả bọn. May Nhật không chém người nào, chỉ đánh một trận gần chết, rồi đuổi về.   
Nhiều nơi, nhiều người, với tâm trạng khác nhau như thế đã đi tìm chiến khu.   
Nguyễn Huy Tưởng và tôi từ Bưởi lên tàu điện xuống Bờ Hồ. Những cái hầm xây nổi như gò đống bãi tha ma để nấp máy bay, lỗ chỗ vằn vèo lượn quanh hồ Hoàn Kiếm đã bị người đói chiếm ở.Có báo động cũng không ai núp vào được.   
Sáng nào, từ các miệng hầm những người phu hót rác cũng khiêng ra những xác chết cứng.   
Những chiếc xe bò chất đống những bao gạo đóng bì trắng nối đuôi qua. Như thế ai cũng biết có chuyến tàu chở gạo, của nhà binh Nhật vừa ở Sài Gòn ra đã thoát bom dọc dường. Lính Nhật đeo súng đi xe đạp hai bên xe bò gạo. Cả đường phố ngơ ngẩn trông theo.   
Còi báo động! Cái xe bò thình lình chững lại giữa dốc.   
Người cầm càng lả đi, quỵ xuống. Cả đoàn xe gạo ùn lại. Bao nhiêu người tứ phía xông đến. Bọn Nhật đâm lưỡi lê chết người cầm càng rồi nằm ghếch súng nấp sau những chiếc xe đạp quăng đấy. Người cứ xô lên vây quanh.   
Toán xe gạo khác lại đến trong tiếng máy bay ầm ầm trên đầu. Phía sông Hồng, một chiếc tàu bay Mỹ hai thân hiện ra, rồi một đàn phóng pháo lừ lừ đến. Tiếng rú rền khắp nơi. Đạn cao xạ Nhật bùng từng cục khói trắng vào nền trời xanh nhễ nhại. Tiếng bom rơi nổ từng chặp... Đâu đâu?.. Lại nhà xe lửa Gia Lâm... Lại ở Sét, ở Giáp Bát...   
Bọn Nhật đã chạy hết. Những người đói, đẩy những xe gạo về phía phố Bắc Ninh. Trong chốc lát, giữa đường Hàng Gai xuống dốc Bờ Hồ chỉ còn lại xác người cầm càng và một chiếc xe bò trống không, sập trục, hai bánh nằm úp.   
Gạo vãi - cái gạo máy Sài Gòn trắng nhởn như vôi bột rắc trên đường nhựa. Những dòng máu khô đen xỉn lại quanh cái xác. Đây là cảnh Hà Nội khi chúng tôi chia tay.   
Nguyễn Huy Tưởng nói:   
- Cậu biết không, trên chiến khu bây giờ một đồng chí quốc tế về lãnh đạo. Có nghe đồn đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã về chiến khu không?   
Rồi Tưởng ghé tai tôi:   
- Mình sắp đi xa.   
Tôi bắt tay Tưởng, bùi ngùi. Cảnh cướp gạo và người chết đã lấy đi hết những câu nói của chúng tôi. Chúng tôi chỉ nhìn nhau và thấm thía rằng chiến đấu lúc này là cứu mình nữa.   
Tờ mờ sáng hôm sau. Tôi nghe tiếng gọi ngoài cổng. Lật đật chạy ra, người bước vào lại là Nguyễn Huy Tưởng.   
Tưởng nói:   
- Bọn Lùn khủng bố, lùng nhiều nhà, cả nhà Nguyễn Đình Thi. Nhưng thoát được hết. Tránh đi ngay.   
Từ hôm mật thám Ba Lự ở làng trên bị Hoà bắn chết, lính Nhật đã hai lần sục vào làng tôi. Nhiều người đã đi tránh trong vùng, không về làng.   
Tôi tìm Tấn, muốn nhờ Tấn giúp cho tôi về Thanh Hoá. Nhưng Tấn đi đâu, đã lâu không đến nhà ai trong làng.   
Tôi báo tin cho Nam Cao đang ở Ngã Tư Sở. Nam Cao xuống Phà Đen, xuôi tàu thuỷ về ngay Nam Định. Tôi đã hẹn: có thế nào, sẽ viết thư.   
Tôi cứ vào Thanh. vì không biết đi đâu.   
Ô tô quãng Ninh Bình vào phải chạy đêm qua Đồng Giao. Ngày đêm máy bay Mỹ rình tàu hoả và ô tô suốt quãng đường trống ấy. Bọn Nhật chuyển quân vào phía Nam không dám đi xe lửa, lũ lượt kéo bộ. Đêm sáng trăng Đồng Giao, cỏ tranh quét lấp đến lưng ô tô. Trên nóc xe có người ngồi nghe ngóng gác máy bay. Có động, người gác làm hiệu đấm tay xuống mái xe.   
Đến Thanh, tôi không tìm được người bạn dạo trước Tấn đã dẫn ra nhà tôi chơi. Người cùng nhà nói anh ấy đi vắng.   
Trông vẻ mặt, con mắt người trả lời và cái nhìn khách hỏi tôi đoán anh ấy đã thoát ly hoặc đã bị Nhật bắt. Không đâu có ai ngồi yên.   
Hôm sau, tôi đáp ô tô vào Vinh.   
Ghế cạnh tôi là một chị người Vinh. Chị đi buôn hay ra Hà Nội làm gì tôi không biết. Nhưng, chỉ làm quen, bắt chuyện một lát: chị Lân đã đưa tôi xem tờ *Độc lập,* cơ quan bí mật của Đảng Dân chủ Việt Nam trong Mặt trận Việt Minh. Báo cũng in giấy xanh như báo *Cứu Quốc,* sặc mùi mực li-tô.   
Tới một chặng, chị bảo: "Sắp đến chỗ lính Nhật khám”. Như thể chị nói khéo cho tôi biết: “Có gì thì cẩn thận".   
Trong người tôi lúc ấy có tờ *Cờ Giải phóng* và quyển *Kinh nghiệm Bắc Sơn khởi nghĩa.* Quyển sách tôi nhét trong túi quần, lấy ra bây giờ cũng không được. Tờ báo thì đây.   
Lính Nhật mưu mẹo thường khám bất chợt. Chiếc xe hàng từ từ đỗ. Mọi người xuống đứng sắp dãy cạnh xe. Bọn Nhật từ ven đường xách súng ra quây quanh vùng với bọn mật thám Tây. Chúng soát từng người một, xông lên lục xe.   
Người lính Nhật đứng dạng hai chân, súng dựng một bên vai, giơ khuỳnh hai tay như cái máy. Đàn ông hay đàn bà cũng một tay nó ngoặt vào từ mái tóc vuốt xuôi vuốt ngược. Hai bàn tay cùng một lúc giựt lộn hai túi quần.   
Nhưng tôi đã nuốt xong tờ *Cờ Giải phóng* từ lâu. Quyển sách thì đành để đấy. May, nó không rớ đến.   
Chiếc xe hàng, lại được đi. Chị Lân lên ngồi ghế cạnh tôi, như lúc nãy. Chị hỏi:   
- Anh xem báo nữa không?   
Tôi lại thấy tay chị cầm tờ báo *Độc lập.* Chị cất thế nào tài quá. Tôi ngần ngừ. Chị cười, nói:   
- Từ đây đến Vinh không còn chặng nào nữa đâu.   
Đến Vinh, tôi ở nhà chị Ba - một trong cánh với chị Tây đi buôn đường dài tàu Sài Gòn, tôi đã quen năm trước. Tôi vào nhà Bùi Hiển. Trong câu chuyện úp mở tôi hiểu ở đây, anh đã có liên lạc với Việt Minh.   
Ngày nào, máy bay Mỹ cũng đến ném bom ga Vinh.   
Hồng quân Liên Xô đã chớp nhoáng diệt tan đạo quân Quan Đông của Nhật ở Mãn Châu. Nhưng, tôi không biết gì hết. Một đêm, tôi thấy êm ả khác, mọi khi bọn Nhật đi gươm kéo kệt kệt trên mặt đường đá, nhộn nhạo cả bóng tối. Hôm sau, có tin Nhật đã đầu hàng *Đồng minh*.   
Lính Nhật say lê giày đinh hát ô ê và chọi gươm xoang xoảng.   
Tôi về ngay Hà Nội. Tôi đi qua những nơi mà hôm trước còn náu hình lặng lẽ, bây giờ đương cuộn lên từng lớp sóng người.   
Thanh Hoá, Ninh Bình, Phủ Lý... Đoàn người quần áo nâu lam lũ ồ ạt kéo ra, những người đồng sâu lên. Chắc những ông già đồng chiêm đã hỏi anh Bé về trận đánh thắng phát xít Đức của Hồng quân năm trước. Kiếm, gậy tay thước, câu liêm, đèn pin, dao găm... trang bị của các đoàn thể theo kế hoạch "sửa soạn khởi nghĩa" - mà chúng tôi cũng đã chuẩn bị thế. Trên khuôn mặt sạm đen, hốc hác, những con mắt quắc đàm đăm.   
Những đoàn người đi trên đê cao, trong cánh đồng, trên thuyền dưới sông tưởng không bao giờ hết. Người các làng kéo vào chiếm thị trấn, chiếm huyện, chiếm tất cả, tịch thu đồng triện, đốt văn tự sổ sách trên đồn, nhà quan phủ, ông thừa ông lục - những dấu vết đau khổ. Những đám khói nghi ngút.   
Về đến ngã ba Đuôi Cá, trước mặt Hà Nội.   
Hà Nội rực đỏ cờ. Lòng đường ngùn ngụt những khẩu hiệu: Việt Nam độc lập muôn năm.   
\*\*\*   
Tôi bổ đến nhà Như Phong.   
Trong đêm 17, Như Phong cùng một đội tuyên truyền xung phong và công nhân *Cứu Quốc* nhà in đột nhập toà báo hàng ngày *Tin Mới* yêu cầu in bài tường thuật cuộc biểu tình buổi chiều của công chức toàn thành đã biến thành cuộc biểu tình của các đoàn thể *Cứu Quốc* và quần chúng ủng hộ Việt Minh trước Nhà hát lớn thành phố.   
Rồi anh tham gia chiếm Sở Báo chí thông tin của Nhật.   
Bây giờ, Như Phong phụ trách cơ quan đó của chính quyền cách mạng.   
Như Phong bảo tôi:   
- Hôm qua họp tất cả các tổ, anh Nghiêm(26) đã phân công. Mày tìm thằng Nguyên Hồng thì biết công tác của mày.   
Tôi gặp Nguyên Hồng ở chỉ huy sở Uỷ ban khởi nghĩa Hà Nội, nhà số 101 cuối phố Gambetta (phố Trần Hưng Đạo bây giờ) gần ga Hàng Cỏ. Nguyên Hồng mặc quần áo nâu, đương đứng trong sân. Thấy tôi, Nguyên Hồng vẫn đứng yên như thế, nhưng Nguyên Hồng giơ hai tay một vẻ hết sức khoáng đạt. Cả người, cả mặt Nguyên Hồng rung lên. Nguyên Hồng ôm choàng lấy tôi.   
- Tô Hoài ơi! Cách mạng thành công rồi.   
Sau dó Nguyên Hồng đưa cho tôi năm đồng bạc bảo tôi đi ăn cơm. Rồi chúng tôi cùng về báo *Cứu Quốc.* Nguyên Hồng và tôi được làm phóng viên báo *Cứu Quốc,* cơ quan hàng ngày của Tổng bộ Việt Minh.   
Trong bí mật, tôi vẫn hồi hộp đọc và viết cho báo đoàn thể. Bây giờ làm phóng viên của báo, tôi làm việc cùng những đồng chí đã làm báo *Cứu Quốc* bí mật.   
Những tự vệ toà báo lại là những người tôi gặp lại - các thanh niên trong khu an toàn của Xứ uỷ được lấy đi làm bảo vệ.   
Các anh đều quê làng Vạn Phúc. Nhiều người năm trước đã cùng tôi hoạt động Ái hữu. Những thợ cửi, mặc áo nâu, giắt khẩu “bờrôrinh” trong thắt lưng đứng trước cửa cơ quan.   
Làng Vạn Phúc cách mạng với biết bao kỷ niệm đời tôi, bây giờ gặp lại đây.   
Toà nhà ba tầng nhà in Têrêxa là cơ quan Tổng bộ Việt Minh và báo *Cứu Quốc.* Trong một buồng ở tầng trên cùng có một viên quan là Ngô Đình Diệm bị giữ từ Quảng Bình vừa được đưa ra Hà Nội. Không phải giam, mà Diệm chỉ bị để ở đấy cho đến khi sắp kháng chiến toàn quốc thì được thả.   
Một hôm Nguyễn Huy Tưởng đến rủ tôi đi có việc. Tưởng làm báo *Cờ Giải phóng* ký là Điều Tử và ở trong ban lãnh đạo hội *Văn hoá Cứu quốc*.   
Chúng tôi đạp xe ra Yên Phụ, lên Phú Gia. Tưởng tìm đến một nhà cơ sở. Trước hôm lên chiến khu, Tưởng đã được đưa đến ở đấy. Tưởng để quần tây, áo sơ mi lại, mặc quần áo nâu rồi liên lạc đưa qua sông Hồng, tắt Tam Đảo lên châu Sơn Dương vào chiến khu... Đò sang chỗ bến Hối.   
Trông sang bến Hối. Chỉ thấy làn dâu xanh mờ. Nước sông Hồng đương cữ lớn, mênh mông đỏ rực chân trời. Mắt Tưởng nhìn xa xôi. Nghẹn ngào, Tưởng nói:   
- Những ngày lên chiến khu mình nhớ suốt đời..   
Trong anh em chúng tôi, Nguyên Hồng là người sôi nổi, hay xúc động, hay khóc. Nhưng hôm gặp lại tôi, cảm động đến run cả câu nói, Nguyên Hồng lại không khóc. Sự xúc động lặng lẽ của Nguyên Hồng còn sâu hơn cả nước mắt. Bây giờ "Ông Tôn Tôi" Nguyễn Huy Tưởng vốn trầm mặc này lại rơm rớm nước mắt. Thì ra, thói quen vui buồn của Tưởng không phải bao giờ cũng âm thầm.   
Một hôm tôi gặp lại Tấn. Tôi mới biết cái hôm tôi tìm Tấn trước khi vào Thanh, Tấn được trên điều đi học quân sự ở chiến khu 2 trong Chợ Bến.   
Tấn có đôi mắt đen sâu thẳm dưới đôi mày rậm. Một miệng cười khoẻ, vẻ đẹp rất đàn ông. Nhưng đôi khi cặp môi thờ ơ, thoáng một nét buồn.   
Tấn tâm sự với tôi một câu lạ lùng:   
- Tớ ở lớp quân sự trong Chợ Bến về, Hà Nội đã khởi nghĩa rồi. Tớ vào làng nào cũng thấy mỗi đồng chí ngồi một cái bàn, không còn thân thiết như khi nằm ổ rơm lúc bí mật. Ồ, ngồi bàn ghế mình lại nhớ ổ rơm. Rất buồn, mình muốn thôi công tác trở về làm thơ.   
Kháng chiến chống Pháp bắt đầu, Tấn phụ trách báo *Thủ đô* rồi Tấn làm báo *Vệ quốc quân,* báo *Sự thật.* Tấn lại viết nhiều thơ như Tấn đã mong ước thế.   
Tấn mất đã lâu, từ năm 1950, bị máy bay Pháp bắn, anh hy sinh ở Hợp Thành trên Thái Nguyên. Tôi cứ nhớ chuyến ấy Thôi Hữu vừa thoát chết trên biên giới về kể chuyện. Ở biên giới, Thôi Hữu và Trần Đăng đi với một đơn vị chủ lực. Chẳng may, cả ban chỉ huy tiểu đoàn bị quân Tàu Tưởng giả làm Hồng quân Trung Quốc lừa bắt rồi đem bắn. Trong những người bị bắn có Trần Đăng và Thôi Hữu, hai phóng viên báo *Vệ quốc quân* đi với đơn vị. Trần Đăng đã hy sinh cùng tiểu đoàn trưởng Hùng Sinh. Thôi Hữu chạy thoát. Nhưng về thăm nhà ở Hợp Thành, lại bị tử nạn.   
Tôi nhớ những nỗi buồn nhiều khi thật vẩn vơ của Thôi Hữu. Nửa đêm anh ngâm thơ. Không thể nào cảm hết cái giọng trầm trầm, ảo não ấy. Những đêm đầu kháng chiến chúng tôi ở chùa Sống, Thôi Hữu đã kể cho tôi biết đời anh.   
Đời anh thật bình thường. Học hết sơ học trường phủ Hoằng Hoá, bố mẹ cho vào Huế học trường Kỹ nghệ. Cứ thế thôi, chẳng nói làm gì. Nhưng một năm, về quê nghỉ hè. Tình cờ, Thôi Hữu được biết anh không phải là con của ông bà chánh tổng ấy. Anh chỉ là cái thai hoang ông bà nhặt ngoài ruộng về nuôi.   
Từ đấy, không bao giờ Thôi Hữu về làng nữa. Chỉ vì buồn. Cứ chợt nhớ như thế, anh buồn lắm, buồn thăm thăm - anh kể, tưởng như có thể tự tử được.   
Làm phóng viên báo *Cứu Quốc,* tôi đã đi Nam tiến. Cả nước đương ngày đêm trông ngóng về Nam. Quân đội Anh lật lọng, bọn Pháp quay trở lại chiếm Nam bộ. Chiến trường đương lan ra quanh Sài Gòn. Trên sân ga Hàng Cỏ, liên tiếp những chuyến tàu đưa Vệ quốc quân vào Nam. Tiếng hát vang động lẫn tiếng pháo tiễn.   
Tết Độc lập 2 tháng 9 năm đầu tiên, tôi ở thị xã Quảng Ngãi.   
Tôi vào Tuy Hoà rồi Nha Trang, lên chiến trường Kon Tum rồi qua Củng Sơn xuống mặt trận An Khê, viết tập phóng sự *Ở mặt trận Nam Trung Bộ(27).* Gặp lại Trần Mai Ninh, hôm đến thăm trường quân chính trên bờ biển Bồng Sơn.   
Trở ra Hà Nội, tháng mười 1946 chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương ở báo *Cứu Quốc* kết nạp tôi.   
Tổ chức kết nạp tôi vào Đảng trong cái buồng con của chị Tư Già trên gác báo *Cứu Quốc* phố Hàng Trống. Chị Tư Già phụ trách nhà ăn của báo. Tuổi trẻ của chị đã bỏ lại trong nhà tù. Bây giờ khi nào chị nghe các đầu xương đau buốt kêu o o như đương trong cơn mật thám tra tấn, biết đấy là sắp trở trời.   
Lễ kết nạp tôi không có nghi thức, trang trí gì hết. Nguyễn Hữu Mai đại diện Thành uỷ đến dự. Xuân Thuỷ thay mặt chi bộ giới thiệu tôi. Trong buồng, chỉ có cái giường nhỏ của chị Tư Già. Bốn người ngồi xúm lại. Tôi nghĩ đến cảnh năm trước ngồi họp đêm trên gác thượng nhà Vũ Quốc Uy. Bây giờ cách mạng thành công rồi. Nhưng lễ kết nạp vẫn trong bí mật. Trông thấy trước mặt những gian khổ, những khó khăn mới.   
Xuân Thuỷ nói:   
- Làm đảng viên cốt nhất lòng trung thành với Đảng. Đảng ta qua bao gian nguy được lớn mạnh đến ngày nay là vì Đảng có nhiều đảng viên trung thực. Đảng cách mạng còn phải trải nhiều sóng gió, ở hoàn cảnh nào cũng đòi người đảng viên một lòng trung thực.   
Ngoài đường, Quốc dân đảng đương kèm người ở Ngũ Xã lên đi biểu tình quanh Bờ Hồ phản đối chính phủ. Cố vấn Vĩnh Thuỵ đêm đến lại lén đi chơi. Lính Tàu trắng ngang nhiên cầm tiểu liên lia các phố. Cái ô tô của Nguyễn Hải Thần lạ kiểu đến nỗi ai cũng biết ngay. Trong xe có vệ sĩ, ngoài thành xe đứng hai vệ sĩ. Trên nóc ô tô, một vệ sĩ nằm dạng chân ghếch súng dõi đằng sau.   
Tình thế bao nhiêu phức tạp, rắc rối. Ban ngày chúng tôi làm việc ở toà báo. Buổi tối chuyển ra ngoại thành ở chùa Thông gần cống Mọc.   
Đêm 19 tháng mười hai, Hà Nội nổ súng khởi đầu kháng chiến, tôi ở chùa Thông.   
Rồi tôi làm phóng viên báo trên mặt trận Hà Nội. Ở cùng với Thôi Hữu làm báo *Thủ Đô*. Được vài tháng, theo cơ quan báo *Cứu Quốc* lên Hạ Giáp, huyện Phù Ninh Phú Thọ.   
Một năm sau.   
Mùa đông năm 1947, Pháp tấn công Việt Bắc.   
Tôi đương ở Bắc Cạn, trong châu Bạch Thông.   
Nam Cao đã để vợ con ở lại Hà Nam, lên Bắc Cạn làm báo *Cứu Quốc* với chúng tôi. Quân Pháp đánh đến tận nơi, cơ quan báo ở bản Vi Hương bỏ mìn phá mất cả cái bệ máy in chưa kịp chạy. Chúng tôi rút lên châu Chợ Rã.   
Báo *Cứu Quốc Việt Bắc* được thành lập.   
Nam Cao, hoạ sĩ Trần Đình Thọ và tôi được phân công ở lại núi Phia Bióoc ở Bắc Cạn làm báo *Cứu Quốc Việt Bắc.* Tôi thành Nông Văn Tư, đồng chí Tư, Nam Cao có tên là Ma Văn Hữu, chúng tôi thay đổi tên, ở lẫn trong làng. Ngoài đường xe vận tải Pháp chạy suốt ngày. Một thử thách. Lòng trung thực được thử thách.   
Chi bộ Đảng mà tôi là bí thư đã kết nạp Nam Cao. Lễ kết nạp trong hốc đá.   
Lúc ấy sương sớm bắt đầu tan trắng xoá. Thỉnh thoảng, một quả moócchiê ngoài ngã ba Phiêng Phường nện vào vách núi. Chỉ có Xuân Thuỷ, Văn Tân và tôi dự.   
Trong cơn thử thách.   
Nam Cao ngồi xếp bằng tròn, rét quá, cổ quấn cái màn, nhìn không chớp xuống thung lũng. Nước mắt chảy ròng trên gò má cao, hốc hác. Nam Cao nói trầm giọng: *"...* Tôi thề trung thành với Đảng...”.   
Mắt tôi cũng nhoà đi. Những giọt nước mắt cảm kích và tự hào.   
Nam Cao thường kể lại lúc ấy anh nghĩ gì. Anh nghĩ lại những ngày trôi nổi ở Sài Gòn, ở Hà Nội, những quằn quại của con người dễ mơ mộng và xúc động, cái gì không có cũng thèm muốn, cái gì đương có cũng chán ghét, tất cả đều không nghĩa, cứ “chết mòn" không lối thoát. Bên tai, anh nghe tiếng nói đại diện Đảng như ánh cờ bay lượn trên bóng tối cuộc đời vô vị cũ, như thế, và anh không cầm được nước mắt.   
Thân phận trôi dạt, đã chèo chống, phấn đấu tới hôm nay. Trên sóng cát cuộc đời, mình đã từng là cái kiếp phong trần vật vờ vào đâu nên đấy, của con phù du.   
1972   
Chú thích:   
(1) Phố *Blóckhauss Nord* (Lô cốt Bắc), bây giờ là phố Phó Đức Chính.   
(2) Bí danh chúng tôi thường gọi Lê Quang Đạo thời kỳ ấy làm bí thư Ban cán sự của Đảng ở Hà Nội.   
(3) Tiếng lóng chỉ mật thám.   
(4) Chữ tắt *Anti-bolchevick* chỉ bọn phản động chui vào tổ chức cách mạng để làm mật thám.   
(5) Sửa soạn khởi nghĩa (Tổng bộ Việt Minh xuất bản. Bản in 1942 thời kỳ bí mật.   
(6) Nhà in Viễn Đông, một nhà in lớn của Pháp.   
(7) Bằng tốt nghiệp bậc sơ học thời thuộc Pháp.   
(8) Chữ Pháp, viết tắt. Chỉ bằng "tú tài" thời Pháp thuộc*.*   
(9) Quê người (truyện dài, đã in ở nhà xuất bản Mới. Xóm Giếng (truyện dài, mất bản thảo chính, nhà Bách Việt viết lời tựa đề là *Xóm Giếng ngày xưa*). Đêm mưa (truyện dài, mất bản thảo). Giăng thề (truyện vừa, nhà xuất bản Tân Dân). Cỏ dại (ký ức, nhà xuất bản Hà Nội), O chuột (tập truyện ngắn, đã in nhà xuất bản Tân Dân), Nhà nghèo (tập truyện ngắn, nhà xuất bản Người Mới). Nước lên (tập truyện ngắn, mất bản thảo, đã bán cho nhà Tân Dân). Và một số truyện ngắn đăng báo, truyện cho thiếu nhi.   
(10) "*Tống biệt hành*", thơ của Thâm Tâm.   
(11) "*Độc hành ca*", thơ của Trần Huyền Trân   
(12) *Ngoại tình*, tiểu thuyết của Vũ Trọng Can. *Thả cỏ*, phóng sự của Nguyễn Tố. *Một đêm với Dương Quí Phi* của Trúc Đình.   
(13) Tiểu thuyết *Rạng Đông* của Phan Huấn Chương đạt giải thưởng *Tự Lực* cùng năm với Kim Hà, Văn đoàn này tặng thưởng giải ba tiểu thuyết *Rạng Đông*, nhưng không in.   
(14) *Sống mòn,* tiểu thuyết của Nam Cao*.*   
(15) *Điếu văn*, truyện ngắn của Nam Cao.   
(16) *Xóm Giếng* ngày xưa, truyện của Tô Hoài. Nhà xuất bản Bách Việt 1944.   
(17) *Cỏ dại*, hồi ký của Tô Hoài, nhà xuất bản Hà Nội, 1994*.*   
(18) Trần Độ lúc ấy làm công tác đội của Trung ương Đảng.   
(19) Nguyễn Thế Nghiệp và Nguyễn Ngọc Sơn, hai thủ lĩnh Quốc dân đảng đã xin phép Nhật cho tô chức mít tinh.   
(20) Trong kháng chiến chông Pháp, nhà xuất bản Cứu Quốc ở Việt Bắc định in và Nam Cao đã đổi tên truyện là *Sống mòn*. Tiểu thuyết *Sống mòn,* Nhà xuất bản Hột Nhà Văn in lần đầu ở Hà Nội, sau 1954*.*   
(21) Vườn hoa Cửa Nam có pho tượng một người đàn bà tượng trưng thần Tự Do, người qua lại gọi là tượng *Bà đầm xoè* (đã bị phá sau đảo chính Nhật)   
(22) Cơ quan in báo bí mật.   
(23) Bí danh Khuất Duy Tiến.   
(24) "Giấy bạc" của Mặt trận Việt Minh. Tín phiếu có Bộ trưởng Việt Minh ký tên và lời ghi "Nhiệt liệt hoan nghênh tinh thần đồng bào ủng hộ cách mạng. Khi khởi nghĩa thành công, Chính phủ cách mạng sẽ hoàn lại tiền đồng bào".   
(25) *Bóng giai nhân*, kịch thơ của Yến Lan và Nguyễn Bính.   
(26) Một bí danh Trường Chinh, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương.   
(27) Phóng sự dài này đăng từng kỳ trên báo *Cứu Quốc*, Nhà xuất bản bản *Văn hoá Cứu quốc* đang in thì toàn quốc kháng chiến, mất bản thảo.

**Tô Hoài**

Tập tự truyện - Tô Hoài

**6. Những năm 1944 - 1945**

*Đảng cần phái cán bộ chuyên môn hoạt động về văn* *hoá đặng gây ra một phong trào văn hoá tiên bộ, Văn hoá Cứu quốc, chống lại văn hoá phát xít thụt lùi. Ở những đô thị văn hoá như Hà Nội, Sài Gòn, Huế... phải gây ra những tổ chức Văn hoá Cứu quốc và phải dùng những hình thức công khai đặng đoàn kết các nhà văn hoá và trí thức.*   
(Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ngày 25/2/1943)   
Một hôm, Hương "đen” lên Nghĩa Đô, đến nhà tôi.   
Hương bảo tôi:   
- Họp ở đây được không?   
- Được! Nhiều người hơn mọi khi đấy.   
- Độ bao nhiêu?   
- Khoảng mười người mà có thể liền một hai ngày...   
- Bao giờ?   
- Cứ lo sẵn đi. Rồi có người đến hẹn nữa.   
Hương "đen” ngẩn ngừ hỏi lại tôi:   
- Có cáng nổi không?   
Tôi cũng ngẩn ngơ rồi ầm ừ, không đậm không nhạt.   
- Được!   
Hương "đen” dường như cũng chẳng để ý vẻ ngần ngại thế nào của tôi, lại móc trong lưng ra một khẩu súng Brôning nhỏ, đen bóng như con quay sừng. Bao giờ thấy súng tôi cũng có một cám tưởng nghiêm trọng khác thường. Cách mạng phải có những cái này chứ, tôi vẫn cho là thế.   
Ít lâu sau ngày cách mạng thành công. Xuân Thuỷ chủ nhiệm báo Cứu Quốc cho tôi một khẩu súng lục. Chắc là súng giả, vì trông nó gồ ghề màu bồ hóng không loang loáng như súng của Hương "đen”. Tôi giắt sau lưng áo, cũng không mở xem bao giờ. Thế mà tôi đã đeo khẩu súng ấy với cái máy ảnh Leica - mà tôi không biết chụp - làm phóng viên báo đi Nam tiến, vào tận mặt trận Nha Trang và Củng Sơn ở Nam Trung bộ.   
Còn Hương "đen” thì như nghiện súng. Mỗi lần tôi lại được Hương “đen” khoe một khẩu brô-ning mới soi gương được còn bọc giấy bóng. Có lẽ rồi cái thú mê súng đã đưa Hương “đen, vào ngành an ninh. Suốt kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ, Hương "đen” ở chiến trường miền Nam. Khi chế độ Ngô Đình Diệm chết, Hương "đen” thoát được khỏi cái hầm đất nhà tù của bạo chúa Ngô Đình Cẩn ở Huế. Hương "đen” đã bị nhốt ngồi một mình dưới đất suốt năm năm trời. Tôi ôm Hương “đen”, sờ thấy cái lưng gù gù hết hiên ngang và hai cánh tay lòng không dài hơn trước. Cặp môi vẫn hơi dầy, nước da ngăm ngăm. Tiếng nói giọng mũi vẫn ấm và thân thương như ngày trước. Sau đấy, Hương “đen” lại vào chiến trường, lại làm nghề "cá" cho tới Sài Gòn giải phóng.   
Thật sự tôi cũng cứ "ừ" thế, nhưng ngổn ngang những cái phải lo chưa biết lo thế nào. Đảo chính Nhật rồi, các hoạt động của Việt Minh còn táo tợn hơn trước, dẫu cho bộ máy cả sở Liêm phóng Bắc Kỳ, người Pháp đã phải "bàn giao" nguyên vẹn cho người Nhật, ông chủ mới của Đông Dương. Mỗi khi máy bay Mỹ và Anh của Đồng Minh đến ném bom giải thảm xuống Hà Nội, quân Pháp bị xích chân ở các pháo đài Xuân Canh, pháo đài Láng, pháo đào Cáo vẫn phải bắn cao xạ lên phối hợp với súng phòng không Nhật mà người thành phố phân biệt được khói trắng đạn Nhật, khói đen đạn Pháp. Nhiều mật thám sừng sỏ thời Tây đã bị Việt Minh tiêu diệt. Những Phơtô, Luýt thì chết ngay rồi. Đội Sinh bị giết ở cống Mọc. Cai Long, Ba Lự người Yên Thái thì Thôi Hữu, cán bộ phụ trách ngoại thành đã bắn chết ở dốc Tam Đa, ở lều tiệm hút nhà thổ mụ Tíu đầu làng Bái.   
Nhà tôi ở trong giữa làng, không có vườn hay luỹ tre trổ ra đồng, nhưng nếu động, có thể chui rào sau nhà chạy sang làng Tân được.   
Lo chính là cái ăn. Đã bao lâu, không còn thấy mặt hạt gạo. Người đói la liệt các xó xỉnh. Không phải đâu xa, mà ngay trong nhà tôi. Nguyễn Xuân Huy không lên ở chung với Nam Cao và tôi nữa. Có lẽ cũng không hẳn vì thiếu ăn, bấy giờ Nguyễn Xuân Huy đương dạy trường tư Nguyễn Vạn Tòng, nhưng từ hôm giữa trưa về, Nguyễn Xuân Huy rỉ tai tôi: "Vũ Quốc uy bị bắt", rồi đi thẳng. Tôi vẫn đoán Nguyễn Xuân Huy đã dính líu với những tổ chức bí mật khác, có thể là tờ-rốt-kít mà đôi khi tôi có được đọc tờ báo *Tranh đấu* in thạch của một nhóm làm nhà in Lê Văn Tân, cũng như Nguyễn Xuân Huy đã tha về cho chúng tôi cả một bộ ba quyển tự truyện *Đời tôi* của Trôtky.   
Có hôm Nguyễn Xuân Huy chong đèn viết đến khuya, anh không viết truyện thơ mộng kiểu “*Nắng đào, Hoa lưu động khẩu lưu trường...”* và làm cho xong tập *13 bài thơ* không bao giờ xuất bản, mà Nguyễn Xuân Huy vươn vai, da trắng bệch, râu tua tủa, vừa ngáp vừa vuốt nách kêu: lúc này không còn lòng dạ thơ mộng nào nữa. Nguyễn Xuân Huy viết sách lý luận. Chữ Nguyễn Xuân Huy chân phương nhà giáo, cả đến chi tiêu hàng ngày cũng ghi: tiền giặt là, tiền xe điện, tiền mỗi tháng đi nhà thổ một lần, viết đều nét như anh đương soạn tập lý luận văn học *Sống và viết*, nhà văn mộng mơ này cũng xông vào chính trị rồi.   
Cũng như đã lâu không gặp lại Nguyễn Tế Mỹ, cái chàng tờ-rốt-kít bạn tôi này đã viết bài khen tiểu thuyết *Quê người* của tôi trên báo *Tin mới*.   
Cái khó về cuộc họp cũng không phải có hay không có Nguyễn Xuân Huy khác xu hướng chính trị cùng ở mà trước nhất, vì tiền. Từ năm ngoái, khi tôi bị bắt, thì hầu như các chủ báo, xuất bản đều hững hờ và xa lánh. Tất nhiên vì chúng tôi có mùi Việt Minh mà vì sách báo thời buổi này đương ế quá. Nam Cao đã phải về quê rồi. Ở quê nhà, con bé Bình Yên mới sinh - tội nghiệp cháu sinh ra, được đặt tên là Bình Yên. Chắc là mẹ con đã rau sam, rau rệu nhiều quá mà "cháu đã phải nhà hàng bún bắt đi rồi”. Thôi thì về, ra thế nào thì ra, đến phải chết thì cùng chết mà thôi. Những nhân vật trong sáng tác của Nam Cao càng ngày càng không cất đầu nổi lên trên miếng ăn, chẳng qua cũng là cái bóng xót xa mà hàng ngày chúng tôi phải chịu giữa bao nhiêu con người đói khát vạ vật trên chợ   
Bưởi, ngoài đầu làng kia.   
Hôm mới rồi, Trần Độ hỏi tôi: “Có phải mình gặp Nam Cao cái hồi đói mà họp ở nhà cậu được ăn bánh chưng ấy phải không?”   
Lúc thiếu đói, miếng ăn ngon no bụng bao giờ cũng nhớ lâu, nhưng không phải, Nam Cao đã về quê sống liều chết liều từ tháng trước rồi.   
Cũng chỉ còn mình tôi ở nhà. Mấy tháng nay bà ngoại tôi đã lên ở Sơn Tây. Cái xe ba gác bán đinh vít, đinh đỉa, lưỡi thuổng Thừa Lệnh của chú dì tôi mỗi phiên chợ Gạch, chợ Nghệ cũng còn bới đất lật cỏ được ra miếng cơm cho mẹ già. U tôi quang gánh giấy phèn, có khi mấy ngày mới về, chân tay vàng ửng như chát hòe. Người nói có hôm sang Bắc Bỏi, qua tận chỗ Ao Cả, Vực Dê. Các làng bên ấy ai người ta mua thứ giấy hẩm lau bát ấy làm gì bây giờ. Hay là u tôi tránh mặt đi làm mướn, đi ăn mày ở xa, cho tôi không biết.   
Chỉ còn có em không đi đâu được nữa. Em tôi ốm. Mấy tháng nay em thúng thắng ho, gầy rạc đi. Mấy cô trong xóm cùng lứa tuổi đi mua nhặt sách cũ nắng nôi vất vả quá Nam Cao đã đưa em tôi xuống Kẻ Chợ khám. Bác sĩ bảo thử đờm mới biết bệnh. Nhưng phải mất tiền, mà nhà thương thí ở Phủ Doãn không nhận người ốm ho hay lây. Chẳng biết làm thế nào.   
Người ta bảo hồi cải cách ruộng đất, các làng đem đốt mất nhiều sách chữ nho ngày xưa. Tôi thì tôi trông thấy trong nạn đói năm ấy người ta huỷ hoại sách mới ghê. Ở các chợ, những quang sách chữ hán bìa màu cánh gián chất đống như gò cỏ khô, bán làm nòm, làm củi, lấy cái sưởi cho qua đêm rét khủng khiếp. U tôi và em với lũ con gái làng lứa tuổi ấy đi các xóm mua sách quảy lên chợ. Chẳng ai nhòm đến, có buổi tối người đói đem đốt sách để sưởi như cháy chợ.   
Bây giờ lấy đâu ra cho cả chục người ăn hai ngày họp. Làng tôi tuy đói dài, nhưng hầu như cả làng đã vào Việt Minh. Thôi Hữu vượt ngục Hoả Lò ra, bí danh là Tấn, là Thường, thỉnh thoảng đưa tôi xem tờ *Đuổi giặc nước* cơ quan của Việt Minh Thanh Hoá.   
Thôi Hữu vẫn có liên lạc với quê. Lê Hữu Kiều đã giới thiệu cho tôi quen Thôi Hữu khi các anh ấy làm báo *Bạn đường*. Sau khởi nghĩa, Thôi Hữu không làm cán bộ chính trị nữa, mà làm phóng viên báo *Thủ đô* rồi báo *Vệ quốc quân,* đến năm Thôi Hữu bị máy bay Pháp bắn chết ở Hợp Thành trên Thái Nguyên, bấy giờ đương làm báo *Sự thật*. Ở làng trong các chị em phụ nữ cứu quốc, cô Thu yêu Tấn lắm. Có hôm hai đứa đèo xe đạp hôn nhau, chốc lại loạng choạng đâm vào đường tàu điện. Cũng chính ở quãng Cổng Dong cạnh hồ Quần Ngựa năm trước Tấn đã bắn chết mật thám Cai Long. Tôi biết đêm đêm những gánh sách báo, giấy mực, thuốc súng từ trong thành quảy ra qua vùng này sang bên kia sòng Cái và ở cánh đồng Mả Mái sau làng tự vệ chiến đấu ra tập quân sự ngay từ chập tối.   
Dù đói đến thế, nhưng phiên nào cũng có mít tinh ở chợ Canh, chợ Trôi. Cô Thu, áo nâu non đổi vai, vạt thắt quả găng, trễ một bên khẩu súng bro-ninh nữ, chít khăn mỏ quạ, mắt đeo kính râm. Cán bộ Việt Minh xuất hiện diễn thuyết giữa chợ hô hào phá kho thóc, đánh đuổi phát xít Nhật.   
Nhưng tôi không dám bảo với Thôi Hữu rằng sắp có họp ở nhà tôi, giúp cho tôi ít nhiều. Tôi giữ nghiêm ngặt kỷ luật hoạt động bí mật. Giữa lúc ấy, Nguyễn Hữu Đang tới. Nguyễn Hữu Đang đến xem lại tôi đã sửa soạn thế nào. Pháp chết rồi, nhưng tay chân Nhật vẫn nhan nhản, mặc dầu cũng không khó bằng trước.   
Có lần chúng tôi họp tới mười mấy người ở nhà Nguyễn Huy Tưởng giữa phố gần chợ Hôm. Lần đầu tiên tôi gặp Lưu Văn Lợi, Thép Mới, Nguyễn Công Mỹ... nhưng vẫn cứ phải cẩn thận.   
Nguyễn Hữu Đang hỏi tôi:   
- Công việc đến đâu?   
- Nhà vắng không có ai, bờ rào đằng sau nhà, có gì thì chạy sang làng bên.   
Nguyễn Hữu Đang xuống bờ cái chuôm cạn gật gù nhìn sang gò đất trống bên kia mấy bụi cây ráy.   
- Cũng được.   
- Nhưng chưa có tiền.   
- Chưa có tiền?   
- Thằng... thằng... có đưa mày đồng nào không?   
Tôi nói tránh.   
- Không sao, anh em ở địa phương đã cho ít gạo và cá khô, đủ rồi.   
Nguyễn Hữu Đang làu bàu chửi mấy thằng trong thành phố nhà còn có máu mặt.   
- Tiên sư những đồ khốn nạn, tao đã bảo chúng nó biết họp ở đây mà mày thì đào đâu ra tiền. Nhà chúng nó vẫn còn có ăn. Không cứu nhau lúc này thì lúc nào!   
Làng tôi ở vào một thế hết sức oái oăm. Các làng bên kia, Yên Thái, Đông, Hồ thuộc thành phố, được phát “bông” mua gạo hàng tháng. Làng Nghĩa Đô ở ngay đường bên này, nhưng đã sang địa phận tỉnh Hà Đông, đói lăn ra cũng không đáng quan tâm. Tây cũng như Nhật không cần giữ thể diện như đối với Hà Nội.   
Nhiều nhà từ thiện trong thành phố như cụ Ngô Tử Hạ đã đứng ra tổ chức cứu tế các tỉnh đói. Việt Minh chủ trương đẩy nhanh tiến tới Tổng khởi nghĩa, không kéo dài cái sống ngắc ngoải. Cũng là hai công tác xã hội, nhưng thái độ và chủ trương của Việt Minh đối với Tổng hội Cứu tế khác với phong trào *Truyền bá Quốc ngữ*. Nhớ lại chuyện hồi ấy bây giờ có người không biết hoặc lẫn lộn.   
Nguyễn Hữu Đang cũng xem qua loa chiếu lệ. Tình thế bây giờ đã khác hồi mùa thu 1944, khi bọn mật thám Huýt đẩy Vũ Quốc Uy về nhà này nhận mặt tôi rồi xích đi. Nguyễn Hữu Đang cho tôi một tờ giấy năm đồng. Tờ giấy bạc vẽ con công - năm đồng bạc ngày ấy khi mà sáu đồng Bảo Đại ăn một chinh Khải Định thì năm đồng tiền Đông Dương giá trị còn to lắm. Thế là yên trí rồi. Nguyễn Hữu Đang vốn thẳng tính và tính việc nhanh, ở cơ sở nào cũng thân như người nhà. Còn nhớ như nhà ông Mai ở Hàng Điếu, nhà ông thợ điện ở hàng Quạt mà chúng tôi đã đi ăn cưới con trai ông ấy, như ruột thịt.   
Năm mươi năm sau, mới đây, tôi được Phùng Quán và Phùng Cung mời đến dự ở nhà Phùng Quán cuộc mừng Nguyễn Hữu Đang 80 tuổi mà vẫn độc thân. Nguyễn Hữu Đang chụp chung với tôi bức ảnh, mới đấy mà bây giờ đã lụ khụ cả, anh có đề một câu rằng “... tặng Tô Hoài để ghi nhớ buổi họp mặt mừng tôi “sống dai” 80 tuổi...! Hôm ấy, Nguyễn Hữu Đang trịnh trọng cầm giấy phát biểu hùng biện, rành rẽ, vẫn thế mạch lạc một, hai, ba, bốn hô hào thanh niên cầu tiến tha thiết. Tôi bồi hồi và buồn bã, bâng khuâng. Cô Phương Quỳnh ngồi bên đã nói một câu lạ lùng mà thật vậy, tôi bàng hoàng thấy ra sự thật mà tôi không bao giờ có thể nhận xét được như thế “*Nhớ ngày nào liễu mới giâm. Le te bên vũng độ tầm ngang vai. Chợt đâu bóng lả cành dài. Đã sương, đã khói...!"* (Nguyễn Huy Tự). Cô Phương Quỳnh bảo rằng cụ Đang nói hăng hái như cụ ngủ từ 1945, bây giờ vừa mới trở dậy. Quả như rằng, cụ mà mặc cái áo năm thân nhuộm cậy, vẫn cái mặt đói hốc hác năm ấy, thì đúng là ông phụ lão cứu quốc đi dự mít tinh chợ Canh... Thôi cũng là đời. Nghe nói mấy lâu nay cụ nghiền ngẫm Lão - Trang.   
Rồi ngày họp đã tới. Các bạn lác đác về như tình cờ đến chơi. Như Phong, Trần Huyền Trân. Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Huy Tưởng. Trần Quốc Hương đến từ sáng sớm. Chập tối, Trần Độ mới vào. Sau này mới biết nơi công tác đội của Trung ương ở ngay ngoài đê, chỉ qua cánh đồng Dàn, Cáo thì tới làng tôi, Trần Độ đã thuộc nhiều đường nên không muốn đi ban ngày. Trần Độ và Trần Quốc Hương là cán bộ trên đến truyền đạt công tác. *Văn hoá Cứu quốc* ở Hà Nội liên lạc trực tiếp với Trung ương theo cách thức hoạt động đơn tuyến - chỉ có một người biết. Tổng bí thư Trường Chinh phụ trách công tác hội *Văn hoá Cứu quốc*. Ngày ấy, nghe nói "thượng cấp" tưởng ở những đâu, rồi sau mới biết các anh Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ ở ngay những làng ven đê sông Cái cũng thường qua lại làng tôi. Chỉ thị của anh Trường Chinh được Trần Độ làm công tác đội đưa đi. Người đón nhận tài liệu, giữa đường là Hương "đen”, rồi từ Trần Quốc Hương đến Lê Quang Đạo, bí thư ban cán sự thành phố. Trong ban cán sự chỉ có một mình Lê Quang Đạo liên lạc với một tổ *Văn hoá Cứu quốc*, là tổ của Vũ Quốc Uy- Như Phong và tôi. Các tổ cứ độc lập phát triển, ba người một... Lần này họp thiếu Lê Quang Đạo. Cuối năm ngoái, Lê Quang Đạo bị bắt hụt ở nhà Vũ Quốc Uy số 125 phố Lốc-Cốc-No (phố Phó Đức Chính bây giờ).   
Nghe nói Lê Quang Đạo không còn ở Hà Nội, đã lên chiến khu.   
Nhà tôi là ngôi nhà hương hoả của ông bà ngoại - ông tôi đã mất, năm gian nhà ngói cổ, hoang vắng, tiều tuỵ, đã đổ nát nhiều. Cả tháng chẳng ai tới, cửa ngõ đóng, cỏ rêu lên tận thềm. Nhưng cũng cứ cẩn thận, chúng tôi chỉ ở trong buồng, chỗ phản nằm của Nam Cao và tôi. Chúng tôi cũng làm việc thông thường và cần thiết mỗi lần họp, dặn nhau các cách đối phó, nếu bị “chó” xộc vào thình lình. Mọi người quây quần hai ngày hai đêm đái ỉa xuống chỗ chuôm cạn dưới kia. Đã lâu mới gặp nhau đông thế, lại họp đấy, ăn ở đấy, trời lạnh, tối đắp chiếu, chăn Nam Định, lăn lóc co quắp ngủ ngay trên phản.   
Vẫn những tài liệu ấy, những công việc ấy, lại bàn nhưng vẫn thấy mới. Cái mới thấy được chính là quang cảnh ở ngoài đường, trên chợ ùa vào. Người chết đói càng nhiều. Việt Minh tập quân sự, chuyển sách báo và thuốc súng. Có tối thuốc súng để ở nhà cô Thu bị bén lửa, cháy cả nhà. Lính Nhật trên đồn Bưởi xuống nghe ngóng nhưng cũng chỉ biết là cháy nhà. Cô Thu cũng phải nhờ ông Bảy Nền đấm mõm ông bá Kế mấy đồng bạc. Sau khởi nghĩa ông bá đến trả tiền lại cô Thu và xin lỗi. Chúng tôi ở trong cái nhà vắng mà cũng cảm thấy chuyển động, tưởng như nghe tiếng chân người bước rầm rập. Tôi lại nhớ ông ngoại tôi kể chuyện ngày trước các cụ đem nghĩa quân về cánh đồng ban đêm bắc loa gọi vào các làng: bớ ba quân thượng hạ... không trông thấy mà vẫn như trông thấy.   
Đổi khác đến nơi rồi. Trần Độ và Hương "đen" kể tội ác phát xít Nhật và tin tức nhiều nơi trong nước đã lập các khu giải phóng. Dạo đó tôi đã viết bài *"Đội nữ du kích Ba Bể*" in báo Cứu quốc bí mật theo lời kể của Lê Quang Đạo.   
Hai tài liệu của Trần Độ mang tới để nghiên cứu và thảo luận là: Đề cương văn hoá Việt Nam năm 1943 của Trung ương đảng cộng sản Đông Dương và Chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh (in năm 1944). Đề cương chưa in, Trần Độ đọc bản chép tay. Đề cương này sau được đăng tạp chí Tiên Phong của Hội *Văn hoá Cứu quốc* Việt Nam số 1 ngày 10 tháng 11 năm 1945 tại Hà Nội.   
Tôi đã có dịp kể: Đề cương văn hoá đã nghe đọc nhiều lần. Hồi ấy, “Chương trình Việt Minh, có bản lưu hành viết thành những câu năm chữ gọi là "Ngũ tự kinh" để dễ đọc và dễ nhớ. Đề cương văn hoá cũng được là "Ngũ tự kinh" của chúng tôi. Hình như mỗi người đã kín đáo chép lấy một bản và lần họp nào cũng đem ra đọc. Chúng tôi hiểu và đón nhận đây là một mệnh lệnh, mệnh lệnh chiến đấu của chiến sĩ văn hoá - người chiến sĩ chấp hành mệnh lệnh chiến đấu, xung quanh đương sôi súc chuẩn bị khởi nghĩa. Lý tưởng, lẽ sống, mong ước và chờ đợi và sẵn sàng ấy đã được cảm và thấy như thật không phải chỉ có ở đề cương văn hoá Việt Nam 1943 mà từ lâu ở những tài liệu *Nam kỳ khởi nghĩa,* tập *"Kinh nghiệm Bắc Sơn khởi nghĩa"*, những quyển *Ba trẻ anh hùng ở Hạ Môn,Du kích Tôn Tử* (chủ tịch Hồ Chí Minh biên soạn ở Việt Bắc, bí mật đưa về xuôi in lại) và các báo chí bí mật *Cờ Giải phóng*, *Tạp chí Cộng sản* (Đảng Cộng sản Đông Dương), *Cứu Quốc* (Tổng bộ Việt Minh), *Hồn nước* (Đoàn Thanh niên Cứu quốc), *Kèn gọi lính* (Hội Binh sĩ cứu quốc): những trang sách báo ấy ngày nào còn in đất, in thạch, in đá, bây giờ con chữ đàng hoàng (do tổ Công nhân Cứu quốc ở báo *Tin mới* gửi chữ ra).   
    
Trông hình thức cũng hiểu được tình hình. Có lần tôi hỏi Lê Quang Đạo ngày khởi nghĩa thì *Văn hoá Cứu quốc* làm gì. Lê Quang Đạo nói: “*Văn hoá Cứu quốc* cũng như mọi đoàn thể, cầm võ khí chiến đấu”. Chúng tôi chuẩn bị dao găm, đèn pin, lắc lê để phá đường tàu, quyên quần áo rét ủng hộ chiến khu Bắc Sơn. Chúng tôi đương làm như thế. Sự thực tình hình, tình thế, thực trạng văn hoá và chiến đấu là như vậy.   
Đến tổng khởi nghĩa thành công, sau 19-8-1945, một số hội viên *Văn hoá Cứu quốc* và trí thức, sinh viên cứu quốc đều được phân công vào các công tác văn hoá. Tôi còn nhớ: Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Huy Tưởng (Hội *Văn hoá Cứu quốc*), Nguyên Hồng, Tô Hoài (Báo Cứu quốc), Trần Lâm, Nguyễn Văn Thân, Trần Kim Xuyến (Đài phát thanh) Nguyễn Công Mỹ (Bình dân học vụ), Trần Huyền Trân (kiểm duyệt sân khấu), Như Phong (kiểm duyệt sách báo)...   
Không phải cuộc họp ít ý kiến trao đổi, nhưng cũng chẳng bao lăm. Nhóm các tổ *Văn hoá Cứu quốc* là những tiểu tư sản trí thức không gây được ảnh hưởng và tác động rộng rãi, mà chỉ quan hệ qua lại và lôi kéo được trong những trạc như nhau, mà cũng không phải đơn giản. Có người thủ an, có người nhận là cảm tình nhưng không đi họp, không đóng nguyệt liễm ngại liên luỵ, có người rong chơi, không thích chính trị, sợ vào hội kín. Đinh Hùng kể rằng cậu ấy uống rượu rồi ngủ suốt ngày 19 mãi đến trưa 20 ở nhà trong Ngõ Bò trông ra ngã tư Trung Hiền thấy cờ đỏ sao vàng la liệt mới biết trời đất đã đổi khác. Đến kháng chiến, Đinh Hùng làm báo Cứu Quốc khu ba ít lâu.   
Nhóm tuần báo *Thanh nghị* của Vũ Đình Hòe hay tạp chí Khoa học của Nguyễn Xiển chúng tôi không với tới. Vũ Văn Huyền, Thẩm Hoàng Tín đều có quen Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Hữu Đang nhưng cũng chỉ thế thôi, không giác ngộ được. Đặng Thai Mai tán thành Việt Minh và đường lối Đảng cộng sản nhưng chỉ giao thiệp với một người đến liên lạc (Vũ Quốc Uy). Các vị tờ a, tờ b, báo *Tri Tân* của Nguyễn Văn Tố - mà Nguyễn Huy Tưởng viết truyện lịch sử *Đêm hội Long Trì* đăng báo ấy - thì không thành lực lượng, cũng như các tay phò tá giải thưởng Alêchxan đơ Rốt cũng đã tàn. Văn đoàn Tự lực lúc ra tập "*Giai phẩm"* không còn hấp dẫn như trước; vả chăng, nhiều người trong văn đoàn và một số trí thức đã đi vào hoạt động chính trị thân Nhật, ủng hộ Nhật. Người Nhật lúc đầu còn nhẹ nhàng dưới hình thức văn hoá và giao lưu. Một số hoạ sĩ Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Văn Tỵ được mời thăm Nhật, hoạ sĩ Phuzita người Nhật sống ở Pháp về Hà Nội, nhà văn hoá Kôn-su giỏi quốc ngữ và chữ Hán khi đảo chính rồi làm kiểm duyệt, cho Nguyễn Giang ra nhật báo *Bình Minh*, mấy nhân sĩ Trần Trọng Kim, Vũ Đình Dy đã lục tục ở Chiêu Nam (Singapore) về. Thật ra, nhà xuất bản *Hàn Thuyên* chưa bao giờ thành nhóm, hội nhưng những khuynh hướng gần nhau năm trước bây giờ cũng không còn gắn bó rõ rệt. Nguyễn Tế Mỹ, Lương Đức Thiệp, khác Trương Tửu, Nguyễn Đức Quỳnh, Phạm Ngọc Khuê, cũng khác cả tay cơ hội Hồ Hữu Tường (về sau, người thì hoạt động chống đối, nhưng người thì đi kháng chiến). Đồ Phồn, Nguyễn Đình Lạp, thì hồ như xa lánh đã lâu, từ sau mấy cuốn tiểu thuyết "dã sử" nhà *Hàn Thuyên* in loại phổ thông, không ký tên Đồ Phồn. Mặc dầu vậy, tư tưởng con người ta cũng lạ, nếu đọc lời bạt ở tiểu thuyết *Khao* của Đồ Phồn in năm 1945 thì lại thấy hơi hướng "phá sạch sành sanh (table rase), khác nào những năm trước đấy, kiểm duyệt của Pháp và Nhật đã khéo léo như chỉ riêng để sách của nhà *Hàn Thuyên* được dùng những chữ "giai tầng", "đấu tranh giai cấp”, “thế giới hoà đồng”... Nhiều trí thức và sinh viên đã được các tổ chức khác nhau của đảng giác ngộ. Đảng Dân chủ Việt Nam được thành lập đã gia nhập Mặt trận Việt Minh. Bài hát *Tiến quân ca* của Văn Cao và bài hát *Diệt phát xít* của Nguyễn Đình Thi lần đầu tiên đã in trên báo *Độc lập* của Đảng Dân chủ Việt Nam phát hành bí mật. Đến khi cả hai vợ chồng Dương Đức Hiền được coi như thủ lĩnh sinh viên bấy giờ cũng đã thoát ly đi hoạt động, thanh thế của các đoàn thể cách mạng văn hoá và trí thức càng có tiếng vang lớn, không phải trực tiếp chỉ ở thành tựu của nhóm *Văn hoá Cứu quốc*.   
Thời Pháp rồi Nhật, mọi hoạt động công khai đều bị săn chặn khắc nghiệt. Đỗ Xuân Dũng - em luật sư Đỗ Xuân Sảng - được Nguyễn Hữu Đang làm "quân sư quạt mo" mở nhà xuất bản *Gió muôn phương*, Nguyễn Hữu Đang làm cái quảng cáo tên các tác giả in chung trong một hình ngôi sao năm cánh ở trang bìa sau, Sở Liêm phóng Bắc Kỳ gọi từng người lên. Tôi bị hỏi và đe: “Ngôi sao hả? Sao cộng sản sao Việt Minh chứ gì! Muốn được ở yên thì bỏ cái trò bịt mắt mật thám đi nhé”.   
Riêng hội *Truyền bá Quốc ngữ* thì Việt Minh vào được êm đẹp. Nguyễn Hữu Đang - trưởng ban dạy học của Hội, kể khi xin phép định đặt tên là hội *Chống nạn mù chữ*, nhưng sau thấy cái chữ "chống" và chữ "mù" ấy thì dẫu ông hội trưởng hiền hậu như Nguyễn Văn Tố cũng khó qua được mắt cú vọ mật thám. Rồi mới thành tên hội *Truyền bá Quốc ngữ* đúng nghĩa và vừa phải. Hội đã phát triển ở Hà Nội và lan dần ra các tỉnh.   
Ở Hà Nội, hầu hết người hoạt động *Truyền bá Quốc ngữ* đều bí mật là hội viên các đoàn thể cứu quốc khác nhau của Việt Minh. Trong công việc tổ chức ngày mít tinh 2 tháng chín năm 1945 ở Quảng trường Ba Đình có phần góp sức lớn của lực lượng *Truyền bá Quốc ngữ* ở Hà Nội. Mấy năm ấy Nam Cao và tôi đều đi dạy học buổi tối ở trường đình Yên Thái và Nghĩa Đô miền Tây Hà của Hội. Rồi hầu như tất cả anh chị em hoạt động và giáo viên vùng này đều tham gia tổng khởi nghĩa.   
Hai đêm ngày bàn bạc, bao nhiêu lo toan và hứng khởi tưởng như khởi nghĩa tới nơi, mà thật, cũng chỉ một lần họp sau ở Hà Đông, thì *Văn hoá Cứu quốc* đã có đại biểu, Nguyễn Hữu Đang. Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tưởng đi dự hội nghị Tân Trào trên châu Sơn Dương. Càng găng, càng khẩn trương, hơn một năm nay cuộc họp nào cũng lại nghe đọc thông báo kích động thống thiết về cái chết của Hoàng Văn Thụ.   
THÔNG CÁO HÃY RA SỨC TỔ CHỨC MỘT LỚP ĐẢNG VIÊN MỚI   
Hỡi các đồng chí!   
Hỡi các đảng bộ   
Bọn phát xít Pháp vừa mới xử bắn đồng chí Hoàng Văn Thụ thân mến của chúng ta.   
Cái chết của đồng chí Hoàng Văn Thụ chứng tỏ rằng: quân thù càng sắp tới ngày rẫy chết càng tàn nhẫn gấp bội.   
Cái chết của đồng chí Hoàng Văn Thụ còn chứng tỏ rằng: quân thù rất sợ Đảng ta và tinh thần phấn đấu của các đồng chí chúng ta.   
Cũng như các đồng chí trước kia đã hy sinh trong khi làm tròn nghĩa vụ, đồng chí Hoàng Vãn Thụ đã chết để bảo toàn cho Đảng, để nâng cao tinh thần anh dũng của dân tộc bị áp bức Đông Dương.   
Bằng những hy sinh của các đồng chí đã khuất, nhất định chúng ta sẽ thắng!   
Một đảng viên chết đi phải được muôn nghìn đảng viên mới nối chí.   
Các đảng bộ phải tổ chức thêm một lớp đảng viên mới, gọi là lớp Hoàng Vãn Thụ.   
Mỗi đồng chí trong thời hạn một tháng phải giới thiệu một đảng viên mới vào Đảng.   
- Phản đối khủng bố trắng - Tinh thần Trung ương uỷ viên Hoàng Văn Thụ muôn năm.   
- Cách mạng Đông Dương thành công muôn năm   
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG   
Nhiều năm sau này, ở nhà anh Trường Chinh thường có những dịp gặp gỡ anh em *Văn hoá Cứu quốc* ngày trước. Vũ Quốc Uy chịu trách nhiệm tổ chức và nhắn anh em, anh Trường Chinh cẩn thận, kỹ lưỡng, bao giờ anh cũng xem tờ giấy ghi tên người dự, và thiếu ai, thừa ai, anh bảo ngay. Cái lần tôi đi Thất Khê viết tập truyện ký *Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ* cho Nhà xuất bản Thanh niên, anh dặn dò tỉ mỉ, anh bảo: nghe kể lại chuyện cũ phải tinh ý phân tích bởi mỗi người một tâm sự, một nguyện vọng của mình trong câu chuyện. Có người nói sự thật, có người khoe khoang báo công, có người nói dối, có người minh oan. Rồi tôi nghiệm thấy đúng như vậy. Bấy giờ cụ ông sinh anh Hoàng Văn Thụ đã mất, chỉ còn bà chị ruột của anh.   
Anh Trường Chinh gửi quà biếu cẩn thận, anh kể anh đã đón ông cụ xuống ở nhà ít lâu. Ông cụ cứ đi chơi phố rồi vào chợ Đồng Xuân uống rượu say, ngồi xích lô về tận cửa, anh Trường Chinh nói: “Lộ bem (bí mật) quá, nhưng biết làm thế nào". Rồi anh cười to.   
Anh Trường Chinh hay kể lại hồi ấy ở bí mật cùng anh Hoàng Văn Thụ, khi Xuân Đỉnh, khi Phú Thượng huyện Từ Liêm, anh Hoàng Văn Thụ dạy anh học bạch thoại. Biết đọc rồi, anh hay đọc sách báo tiến bộ Trung Quốc có nói về tân văn hoá, anh đã viết dự thảo Đề cương văn hoá Việt Nam hồi này, anh nhớ hình ảnh và hay nói đùa: "Mình là học sinh Hà Nội hẳn hoi mà mỗi khi ra đường phải đóng vai lý Đình Dù khăn xếp, áo the, ô khoác tay, chân đi giày ta. Hoàng Văn Thụ người miền núi mà giả trang đẹp trai lắm, mặc quần áo tây, đi xe đạp cách như thầy ký, như sinh viên. Đề cương văn hoá mà Trần Độ đưa đi phổ biến cho chúng tôi, anh Trường Chinh khởi thảo, anh Hoàng Văn Thụ tham gia ý kiến rồi anh chữa lại. Tình hình gấp gáp đến độ không kịp đưa đi cơ quan “ấn” (in), chỉ truyền miệng như các cậu biết đấy”. Năm trước, một lần Trần Độ chuẩn bị giúp anh Trường Chinh một số tài liệu về hoạt động *Văn hoá Cứu quốc*. Trần Độ hỏi, tôi nói còn nhớ được gì thì tôi đã viết cả trong tập *Tự truyện*. Chỉ nghĩ rằng cuộc cách mạng giành độc lập của đất nước ta không như ở một số nước khác mà những hoạt động văn hoá làm chấn động tinh thần con người trước đã.   
Không, ở nước ta, trước nhất là cuộc sống và chiến đấu tư tưởng và cách nghĩ này cứ tự nhiên ảnh hương trong tôi suốt các thời kỳ kháng chiến mà tôi đã viết ý nghĩ ấy trong nhật ký, những khi chứng kiến tổ chức kết nạp Nam Cao và Nguyễn Tuân vào đảng.   
Mấy hôm sau, anh em tôi được bữa no. Có gì đâu, còn lại vài lẻ gạo và một xâu cá mắm. Lâu lắm, em tôi mới được ngửi mùi thơm cá nướng. Chao ôi, mới đấy mà "đã sương đã khói" hơn năm mươi năm qua rồi.   
Anh chỉ còn nhớ mả em ở cánh đồng làng chỗ gò Mũ Đồng Cân trông ra.

**Tô Hoài**

Tập tự truyện - Tô Hoài

**7. 1947**

Nhớ lại năm làm báo *Cứu Quốc Việt Bắc* bao giờ tôi cũng nhớ mùa hoa mơ và những ngày áp Tết. Hoa mơnở trắng các bản trắng đầy trong cánh đồng và đầu suối. Bạt ngàn, trắng ngần, trắng ngần rừng mơ chân núi Phia Bioóc.   
Mùa đông đầu tiên tôi ở rừng, rét cóng cá. Cả ngày mờ mịt trong sương mù và ánh lửa sưởi. Khi trời loé nắng lại chỉ thấy hoa mơ trắng cửa rừng càng rét thêm.   
Chúng tôi ở cách Phủ Thông đồn Pháp chẳng bao xa.   
Ngày ngày tiếp xúc với cả nước và thế giới bằng cái đài cọc cạch của Nguyễn Tiêu và những bản tin mỗi tuần một lần giao thông đi mấy ngày lên Bản Váng trên hồ Ba Bể mới lấy về được. Nha Thông tin và đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam ở trên ấy.   
Công việc hàng ngày của tôi: viết tin, bài và xuống nhà in ở rừng bên cạnh. Suốt tháng, ăn thịt gà đến phát sợ.   
Không có rau. Trong các làng, chưa mấy nhà biết làm vườn.   
Thỉnh thoảng, có việc được ra “Thủ đô” thị xã Bắc Cạn, về kể lại những chuyện phở vịt, bánh khảo nhân đỗ đen, chuyện đi diễu quanh mấy phố tỉnh đường ngược, gặp mặt toàn người quen ở Hà Nội, rồi lại vào chơi với đội kèn ông "quản" Liên.   
Sớm hôm ấy, sương mù mịt trên Đèo Giàng. Tiếng máy bay ầm ầm phía Bắc Cạn.   
Đến trưa, được tin địch nhảy dù thị xã.   
Chúng tôi ngơ ngác. Hôm trước, Xuân Thuỷ, chủ nhiệm báo ra thị xã. Cả mấy người cùng đi, không biết thế nào. Địch nhảy dù xuống đấy.   
Mọi việc đã được lo trước. Khi còn ở gần Phủ Thông đã đi tìm nơi đóng cơ quan dự bị khác. Báo *Cứu Quốc* ra đời từ thời kỳ còn bí mật, trong những ngày cực kỳ gian khổ mà "cơ quan ấn" chỉ là một người ngồi lăn li-tô trong buồng nhà kín đáo.   
Người ấy phải đái vào ống, đêm mới đem ra ngoài đổ. Chúng tôi đã nghe Lê Viên kể lại khi cơ quan "ấn" của báo ở núi chùa Thày, bị mật thám Pháp ập đến, các anh đã cất giấu những cuộn giấy, những lô mực, những con chữ và hòn đá - chiếc máy cái của nhà in. Công việc trong bí mật của tờ báo lớn nhất nước ta ngày nay(1), có chi nhánh toàn quốc, lúc bắt đầu là như thế.   
Tôi hiểu tôi đương làm báo cách mạng khác làm văn làm báo xưa kia.   
Sáng sớm, hôm ấy lại một đoàn sắp hàng ba, mười hai chiếc đakôta bay trắng phau, qua trên Đèo Giàng. Màu trắng và tiếng máy rú thật rùng rợn. Máy bay đi nhảy dù Cao Bằng.   
Cơ quan dự bị của chúng tôi chạy sâu vào giữa châu Chợ Rã.   
Làng Khuổi Khún chỉ có ba nhà dân tộc Tày. Chúng tôi trú tạm. Nhà chữ, toà soạn, kho giấy và mực chuyển lên, dồn vào rừng gần xóm. Cuộc di chuyển đột ngột ấy cũng là chuyến cuối cùng của cái ô tô *Sơvrôlê* của toà báo đã đem được từ phố Hàng Trống đi. Không phải bị máy bay bắn, mà ô tô phải chết xó chỉ vì không còn đường đi. Những đoạn đường đá lên Chợ Rã cũng phá hố ngang hố dọc hết. Cái xe được đánh vào bụi cây trong rừng. Ít lâu sau, định vào tháo lấy phụ tùng, nhưng tìm không thấy cái ô tô màu cánh quít nữa. Đập một đống mối thấy lòi ra mảnh sắt gỉ. Mối đã ăn hết cả cái ô tô.   
Lên tới Khuổi Khún vừa chập tối, Xuân Thuỷ đã về được.   
Mấy hôm chạy luồn rừng, chỉ còn trông cái cười mà nhận ra mặt Xuân Thuỷ. Em Cầu hôm sau mới về đến. Cầu còn gầy gò hơn. Cầu đã bị lính dù bắt giữa thị xã. Lính dù đem Cầu ra bến Cầu Phà để bắn cùng đám người chúng lôi từ trong phố ra. Bộ trưởng Nguyễn Văn Tố, hội trưởng hội Truyền bá Quốc ngữ ngày trước, cũng bị bắn chết chuyến ấy. Nhưng Cầu thấp bé chạy thoát được. Cầu chạy ngược về Chợ Đồn.   
Đằng ấy cũng có Tây xuống dù. Cầu lại đâm vào rừng. Rồi làm thế nào cũng lần được về Khuổi Khún. Cầu ốm nằm liệt.   
Chúng tôi ai cũng sốt rét. Cứ tự dưng tìm chăn, đắp chùm đầu. Thế là biết hiệu cơn sốt đến, lại thường sốt rét ác tính đái ra máu. Có anh ở nhà chữ, mới đến châu Tự Do đã chết.   
Nhưng cũng không ai kịp ở yên. Tiếng súng, tiếng ô tô đêm ngày réo trên Đèo Giàng trước mắt. Bộ binh Pháp đương đánh xuyên Bắc Cạn lên tới Cao Bằng. Bọn Tàu Tưởng cho quân Pháp mượn đường. Pháp ở Lạng Sơn mượn đường ô tô chở quân vòng sang Tàu rồi bất chợt ập vào thị xã. Mất Cao Bằng và Bắc Cạn, chúng tôi bị chẹt vào giữa.   
Cũng không thể trở về Phủ Thông khuân đồ đạc được. Pháp chiếm Phủ Thông, sục vào các cánh rừng xung quanh. Cái bệ máy "công tự" to nhất chưa kịp chạy. Máy này chạy bằng máy phát điện, từ Hà Nội đi, đầu tiên lên đến Trung Giáp, Hạ Giáp ở Phù Ninh bên sông Lô. Rồi ngược thuyền lên Bình Ca. Rồi trâu kéo vào Sơn Dương, trâu kéo qua Thái Nguyên lên Bắc Cạn - hai con trâu ròng rã kéo lết bộ máy mấy tháng, trượt vai, mòn cụt cả móng. Thay mấy đôi trâu.   
Bây giờ địch đặt mìn phá vỡ. Mất máy cái, từ nay chỉ còn máy "mi néc" đạp chân, quay tay.   
Nhưng chưa phải chỉ gay go thế. Đương dựng lán trong cửa rừng ở tạm, một toán quân Pháp lên châu Chợ Rã, qua ngay ngoài đầu đường.   
Không thể vá víu được nữa, cơ quan báo lúc ấy chỉ có một số ít người ở lại làm *Cứu Quốc Hà Nội* phát hành ở mặt trận còn tất cả lên đây. Có đến ngoài trăm người. Nhà in biên tập, giao thông cùng với máy, kho giấy, kho gạo, kho muối, cồng kềnh, bề bộn.   
Vượt rừng sang làng Bản Hậu - một xóm Tày ở tựa chân núi Phia Bióoc. Nhưng đấy cũng chỉ cách đường bộ hai kilômét. Suốt đêm, moọcchiê câu vào núi. Tiếng ình oàng dội ra. Không biết nó bị ta đánh chặn hay đương tiến vào phía nào. Các làng ven đường, Khuổi Khún, Thạch Ngoà và những Bản Pục, Phiêng Phường, nhà bị đốt, khói bốc lên, đến tận tối còn đỏ ngòn.   
Mọi nhà đã lánh vào ở rừng. Cảnh chạy giặc không phải là cái gì bối rối với người ở đây. Hôm Tây nhảy dù Bắc Cạn lên tới Phủ Thông, chúng tôi lúng túng ở Khuổi Khún, Quốc Lâm, cán bộ châu tạt về qua nhà, cả ngày quét sàn, trang thóc, uống rượu: "Phá đường rồi, lập trạm gác rồi, không lo. Thằng Tây không làm gì được. Thằng Tây phải chết thôi”. Rồi đi ngủ. Sáng hôm sau, khi tan sương, có nắng, Quốc Lâm lại ngả cái cót, đổ thóc ra, lại trang thóc cồn cột như hôm qua.   
Nghe kể chuyện, mới biết ở Khuổi Khún, năm trước, du kích đã đánh một toán hơn trăm lính Nhật từ Chợ Rã kéo xuống.   
Có lẽ vì thế mà không ai biết sốt ruột. Tôi đã viết truyện ngắn *Đồng chí Hùng Vương* tả lại quang cảnh ấy.   
Ở đây đã thạo vườn không nhà trống từ thời khu giải phóng. Từ hôm Tây nhảy dù ngoài tỉnh làng nào cũng vắng tanh. Thỉnh thoảng mới gặp người ra vác mảnh gỗ vách, ván sàn nhà vào để ở lán bí mật. Những con gà nhà gáy xa xa như mọi khi nghe gà rừng gáy trong thung lũng.   
Chúng tôi chia từng tốp, ngủ lán như bà con trong làng.   
Đêm đầu nằm yên một chỗ, nhưng sau mócchiê câu sáng cả rừng. Khói ngoài Phiêng Phường cuồn cuộn đỏ đến sáng.   
Đương cữ tháng mười, đêm buốt ngăn ngắt. Tây ở ngoài đường, đốt nhà để sưởi.   
Mỗi chặp tối, lại đi tìm một chỗ phẳng trên sườn núi để ngủ tạm. Nhưng cũng chẳng đêm nào yên một chỗ. Đêm ngoài trời trên núi, không dám nhóm lửa. Chúng tôi trùm chăn, trùm cả rơm rạ lên đầu ngủ ngồi vạ vật ở sườn núi đá.   
Cái màn quấn bù xù quanh cổ. Mưa "nay" như sương mù rơi, đóng từng mảng nước cứng nho nhỏ trên đầu cuộng rạ. Nam Cao đã được chi bộ kết nạp vào Đảng ở núi Phia Bioóc trong những ngày ấy.   
Đêm nào cũng vất vả thế, không được. Phải tìm nơi chắc chắn hơn. Xuân Thuỷ và tôi với Toàn, chủ nhiệm Việt Minh xã, chúng tôi lên các làng Dao rải rác đỉnh núi. Sườn đá dốc dựng đứng. Cỏ tranh cứa xước chảy máu cổ chân và ngón tay.   
Trèo một quãng, thở ra cả hai tai. Trời dần tan sương. Trông xuống Phiêng Phường ngoài đường thấy ô tô Pháp đậu thành từng cụm, chốc lại rời ra, bò lên bò xuống như những con bọ hung. Nom rõ trên xe, có bọn Tây cởi trần, mình đỏ hắt.   
Sau lưng chúng tôi rừng đại ngàn. Triền Phia Bioóc che chở cho chúng tôi. Núi Phia Boóc - tên của khu giải phóng đặt từ lúc bí mật là núi *Cứu Quốc,* cao chất ngất chạy dài từ chân ngọn Phia U-ắc trên châu Nguyên Bình xuống, sườn châu Chợ Rã bên kia ghe khắp châu Chợ Đồn, chập trùng đến đầu tỉnh lỵ Bắc Cạn thấp xuống toả ra những cánh rừng lúp xúp. Người Tày ở dọc thung lũng hai bên chân núi. Trên đỉnh, các làng Dao mù mịt trong sương. Có thể lên Cao Bằng, xuống Thái Nguyên chỉ truyền qua các xóm chóp núi thưa thớt này.   
Tôi có những cảm giác háo hức. Chỉ vài ngày lên đây, những “noọng” Liễu, những “nhình" Pin cứ dần dần thấy là những người đẹp.   
Các làng Dao trên núi đã là trạm giao thông của khu giải phóng trong bí mật. Đội Võ trang tuyên truyền từ Cao Bằng xuống đã qua núi *Cứu Quốc* về Tân Trào. Trận quân cách mạng hạ đồn trên Tam Đảo của Nhật đã vang dội xuống đồng bằng từ khi ấy.   
Các dân tộc trên núi giác ngộ từ lâu. Trong bóng rừng âm u, những làng Dao, làng Tày đã là những làng "Việt Minh hoàn toàn" từ nhiều năm trước. Cuộc sống còm cõi của tôi ở thành phố bấy lâu, đến đây đã mờ xa.   
Chúng tôi lên Cốc Phường, qua Vàng Kheo, sang Píc Cáy, ngọn núi cao nhất.   
Đến một xóm Dao ở Khui Váng, một cái khe cạn sâu trong rừng vầu tối ẩm ướt. Chủ nhà đem dao ra rừng lấy về một giỏ nấm hương. Những cái nấm còn ướt sương, nhoáng màu nhung nâu. Nấm xào suông với muối ăn thơm như mùi thịt nướng. Tôi biết thêm sự tích núi Phia Boóc - Phia Boóc là Núi Hoa, núi hoa thơ mộng. Bởi vì trên núi có dòng suối, ban đêm nước chảy lóng lánh cát vàng cát bạc sáng như rắc hoa.   
Tôi ngồi giữa yên tĩnh rừng núi Phia Boóc và những làng Dao. Tưởng như bọn Tây đang đốt phá dưới chân núi kia là cái bóng chập chờn ngoài cuộc đời này.   
Trở về, Xuân Thuỷ làm một bài thơ dài, *Đường lên Píc Cáy âm u.* Bài thơ in trên báo *Cứu Quốc Việt Bắc* ký tên là Trần Liên. Cũng là một bí danh Xuân Thuỷ dùng để liên lạc với chúng tôi từ đấy về sau, khi báo *Cừu Quốc* Trung ương đã về dưới Bác Giang.   
Một buổi tối, quanh ánh lửa sưởi trong hốc núi ở Cốc Phường có một cuộc họp quan trọng của cơ quan. Xuân Thuỷ báo tin: báo *Cứu Quốc* Trung ương sẽ chuyển về căn cứ khu 12. Nhưng nhiệm vụ tuyên truyền tổ chức đồng bào Việt Bắc đương trực tiếp chiến đấu càng phải phát triển. Đoàn thể đã quyết định thành lập báo *Cứu Quốc Việt Bắc* phát hành ba tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn - Cao Bắc Lạng căn cứ địa của khu giải phóng cũ.   
Tôi được phân công chịu trách nhiệm chung và làm bí thư chi bộ Đảng của báo mới thành lập. Nguyễn Bá Lợi, quản lý báo. Một mình Nam Cao toà soạn. Một mình hoạ sĩ Trần Đình Thọ làm "nhà in". Trần Đình Thọ viết và lăn đá li-tô. Nguyễn Tiêu phụ trách "điện đài", nghĩa là săn sóc cái đài thu thanh chạy pin để ghi chép tin tức. Cảnh đánh máy. Sáu Hồng, Phúc Mơ nhà in, nhà chữa, chúng tôi sẽ lắp lên cái máy *mi néc* đạp chân.   
Cơ quan chính rút đi, vượt núi sang Chợ Đồn giữa quãng Vàng Kheo. Mấy hôm, mưa trơn lầy lội dốc núi đoàn người và máy chuyển xuống phía Chợ Lạng. Không biết phải bao nhiêu ngày mới về tới được rừng Yên Thế bên kia.   
Mấy chúng tôi ở lại. Chủ nhiệm Việt Minh Toàn giúp cho chúng tôi mặc như đồng bào địa phương. Quần áo chàm, túi chàm, mũ nồi chàm. Toàn lại đưa chú Mộc đến làm liên lạc. Mộc người ở Thạch Ngoà. Tối đến, chú Mộc dạy chúng tôi tiếng Tày.   
Báo *Cứu Quốc Việt Bắc* đã ra đời.   
Tôi bắt đầu làm quen với cuộc sống rừng núi. Tôi với tôi cũng khác trước nhiều rồi. Nhớ hôm đầu ở Hà Nội đi, mang theo bánh xà phòng và bộ quần áo mặc thay đổi. Đến ở đồi Đồng Lư với báo Vệ quốc quân của Lê Tất Đắc cạnh núi chùa Trầm trông vào vùng đồi So Sở đã cảm thấy vẻ chiến khu?   
Đầu tiên, bắt liên lạc với tỉnh uỷ Bắc Cạn. Trần Đình Thọ mở một lớp dạy in đá li-tô cho cán bộ tuyên truyền của tỉnh. Nam Cao cũng học lăn li-tô. Anh còn viết rồi in truyền đơn địch vận chữ Pháp cho hội Phụ nữ châu Chợ Rã.   
Địch đương đánh rộng ra chiếm đóng Bắc Cạn. Tỉnh giao trách nhiệm cho tôi thành một đơn vị phụ trách cả xã nơi cơ quan đóng. Với tôi, mọi việc thật mới, nhưng cũng thật thích thú.   
Hôm họp ở ban châu, có một chị cán bộ về. Chị ấy người nhỏ bé, trắng trẻo, dáng nhanh nhẹn. áo dài chàm, đeo túi chít khăn và thắt lưng quặt đằng sau, sống áo cẩn thận như cô gái trong làng. Nghe giọng nói, tôi đoán là người Tày ở Chợ Rã. Nhưng đến lúc hỏi chuyện mới biết chị người xuôi. Chị Ngọc Bảo người Hà Nội lên Việt Bắc trong đợt “cán bộ xung phong Việt Bắc” vừa rồi. Thế ra, đến kiệt cùng rừng núi này không phải chỉ có chúng tôi.   
Tôi mở một lớp huấn luyện cán bộ xã. Tất cả đảng viên ở ba thôn Khuổi Khún, Bản Hậu, Mỹ Vi, các ban và mặt trận xã Trong một hòm tài liệu của báo *Cứu Quốc* để lại có tập báo *Việt Nam Độc lập* xuất bản ở Khu Giải Phóng. Các bài trong báo có thể soạn thành chương trình Việt Minh cơ sở.   
Lớp huấn luyện trong một cánh rừng trên đồi sau làng Bản Hậu. Học tập, ăn tập thể, tối ngủ ngay đấy. Tôi giảng bài, cũng tự giảng cho mình được một hiểu biết và một tình cảm. Mơ ước và lý tưởng sự thật đơn sơ như lớp huấn luyện này.   
Đến xóm người Dao ở Cốc Phường xa hẳn đường cái, có thể tránh được Tây đánh úp thình lình. Gọi là xóm, kỳ thực chỉ ba túp lều nền đất. Vào tận nơi vẫn chỉ thấy cây và đá, chưa nhận ra chỗ người ở.   
Ở nhà Chẩn. Chẩn còn mẹ, em gái là Liễu và người em trai, Pảo. Mới tháng trước, Pảo đương ngồi trước cửa, có một con gấu đi qua. Con gấu tát Pảo một cái, Pảo mất một bên má. Bây giờ, mật gấu bôi còn vàng xuộm cả mặt.   
Ở Cốc Phường, nghe tiếng súng chìm xa xa dưới chân núi. Tôi cho toà soạn báo và nhà in ở hai nơi cách xa. Cốc Phường chỉ mới là nơi dừng chân. Ở đây, mỗi nhà đều có một chỗ trong rừng, bí mật, chỉ nhà mình biết. Nam Cao và Trần Đình Thọ theo Chẩn. Không phải đi cho vui hai người. Mà chúng tôi bảo vệ cái "máy in" Trần Đình Thọ. Máy "*mi néc*" đạp chân còn quẳng một đống ở cửa rừng sau Bản Hậu. Như vậy, “máy” Trần Đình Thọ đương cần thiết. Nếu chưa lắp được máy, phải ra báo in li-tô. Thế thì một mình Trần Đình Thọ là cả một nhà in rồi. "Toà soạn" Nam Cao và "nhà in" Trần Đình Thọ phải ở liền với nhau.   
Trên đỉnh núi, trong rừng sâu, cái lán nhỏ nhô ra bên một gốc trám cổ thụ. Phải xuống một quãng mới tới ngọn nước. Hàng ngày, Nam Cao và Trần Đình Thọ xuống lấy nước về thổi nấu. Theo cách đi đứng đảm bảo bí mật, từ bờ suối lên, không để một vết tích của con người. Hai anh ở lán với mẹ đồng chí Chẩn. Suốt ngày, Chẩn đi nương, có khi ngủ ngay ở lều. Còn tôi, khi xuống xã, khi đi họp châu, họp tỉnh, khi ở chỗ nhà in dưới lán gần làng. Thỉnh thoảng mới có đêm lên đây.   
Chúng tôi lại đổi sang núi Vàng Kheo, trên lối đi Píc Cáy.   
Vàng Kheo khuất nẻo ở xóm, trông vào rừng nứa. Ở Vàng Kheo, ngồi trong nhà không ra được bốn phía. Phía rừng nào tới cũng phải qua cánh nương trồng trước mặt. Không thể bị ập bất ngờ. Ngày ngày, chú Mộc liên lạc xuống nhà in. Ở rừng dưới đã bắt đầu dựng lán và lắp máy. Vàng Kheo cũng chỉ quạnh quẽ có ba nhà. Đêm rét buốt quanh bếp lửa, cả hai nhà bên đều đến ngồi chuyện râm ran.   
Chúng tôi học tiếng Dao...Học đếm trước... *iệt... uy... pu... piê nhận háng* ăn cơm... *nhận đom* ăn cơm chiều... *nhận pi êu* ăn no... *im mình dạo* tôi đi chơi... *ma hiu chong câu* không biết nói chuyện... *im mình Hà Nội* tôi đi Hà Nội...   
Lán dựng cho chiếc máy *minéc* đã làm xong. Nhưng Trần Đình Thọ vẫn lăn li-tô. In truyền đơn hộ trung đoàn 72 và cô Ngọc Bảo, cán bộ phụ nữ châu Chợ Rã. Cái máy minéc chỉ làm đủ việc báo. Bây giờ không phải chỉ một mình Trần Đình Thọ mà cả "toà soạn" Nam Cao cũng lăn li-tô. Trần Đình Thọ trở nên nhà kỹ thuật viết chữ ngược, quét nước chanh và quệt mực. Nam Cao mắm môi mắm miệng lăn, lăn lăn... Truyền đơn địch vận (bằng tiếng Pháp) Hoàng Xuân Tuỳ, chính trị viên trung đoàn 72bên Nà Đông gửi sang nhờ in cả tuần lễ không ngơi tay.   
Ở Vàng Kheo trông thẳng lên đèo Giàng bên kia. Người Dao ở Vàng Kheo bảo thế. Bởi sương mù chẳng mấy khi trông thấy núi. Còn nói đâu đến con đường đi Chợ Rã, Tây đóng ở Phiêng Phường, ở Phủ Thông, cả tuần cả tháng lặn vào bóng sương. Mùa đông lạnh tê, suốt ngày mù mịt. Những đêm trăng, sương phủ trắng như bông. Đôi khi bóng núi hé ra, chỉ thấy núi xanh, núi xanh chất ngất dán lên nhau. Tưởng như trên thế gian, độc còn có mỏm Vàng Kheo và những ngọn núi xanh như thế. Thỉnh thoảng, tiếng súng bên đèo Giàng, tiếng gầm gừ của những đoàn xe địch chạy lên Cao Bằng. Cái hiu quạnh tan được chốc lát.   
Nhưng bây giờ không còn lo như ngày đầu địch nhảy dù. Tự vệ các làng đã được củng cố. Chủ lực huyện đi hoạt động. Cả Trung đoàn 72 về nữa.   
Đường núi từ Phia Boóc sang Lùng Trang qua Pác Trang, tỉnh uỷ Bắc Cạn đóng ở đấy. Chẩn ở Cốc Phường đưa tôi đi.   
Chặp tối, đến Píc Cáy.   
Tôi đã biết cách nhận xét lúc đi giữa rừng và khi sắp đến làng xóm. Chưa thấy suối, nhưng trông thấy bụi cây lượn lô xô, biết đấy có nước chảy. Nơi có người ở, nhiều vết người và những loại vật nuôi trong nhà. Đường quang hơn, chân trâu lỗ chỗ nhiều hơn. Đến lúc, thấy có phân lợn, biết sắp đến nhà.   
Chẩn bảo:   
- Đồng chí Tư đứng lại dây tôi vào trước.   
Tôi ngạc nhiên. Chợt nghĩ đến cái súng ngắn tôi giắt lưng. Khẩu mút cầm trong tay, Chẩn bước vào.   
Tôi hỏi theo:   
- Đứng lại làm gì?   
Chẩn nói:   
Có tiếng lạ.   
Và nói thêm:   
- Đừng vào vội.   
Chẩn bảo tôi đứng lại để mình vào trước. Thế thôi. Can đảm và lòng trung thực dung dị.   
Lúc sau, Chẩn trở ra nói:   
- Có bọn người ngủ nhờ.   
Đấy là một đám công nhân công binh xưởng bên kia núi chuyển về Chợ Đồn.   
Đêm Pic Cáy yên tĩnh ấm áp trong tiếng củi sưởi thâu đêm. Sáng ra, lại đi trong lạnh buốt. Nhưng câu chuyện cẩn thận ấy của Chẩn, tôi nhớ mãi.   
Bút ký *Ở rừng* của Nam Cao viết trong những ngày ở núi Vàng Kheo. Hai buổi thổi cơm ăn xong, lăn li-tô một lúc, lại ngồi lúi húi viết. Cả cái truyện ngắn *Tiên sư thằng Tào Tháo* rồi Nam Cao tự đổi là *Đôi mắt* cũng được viết ở chỗ đèo heo hút gió ấy. Cũng ở đấy, tôi bắt đầu viết tập truyện ngắn *Núi Cứu Quốc.* Một lần xuống Đại Từ về Thái Nguyên, tôi đã đem đưa những sáng tác của chúng tôi cho Nguyễn Huy Tưởng ở hội Văn Nghệ.   
Suốt ngày, Nam Cao ngồi bên thành chuồng gà cạnh bếp. Chuồng gà ở dưới đầu giường, nghe tiếng gà đinh tai ngay dưới gáy. Nam Cao tựa lưng vào chuồng gà, bảo ngồi thế cho ấm, bọ mạt bò vào lưng cắn không biết ngứa, đã quen.   
Bao giờ Nam Cao cũng có cách cắt nghĩa về bất cứ một cử chỉ nào của mình. Anh thường lý luận và nhận xét khẳng định thiết thực, lại vui vui, gàn gàn. Anh bước ra, đứng đái ở đầu sàn. Những con trâu quanh đấy đã biết lệ, nghe tiếng người, liền chạy lại, hếch mũi lên, khoan khoái hứng nước thải. Bao giờ anh cũng đợi cho trâu đến đông. Bảo là khỏi phí.   
Trâu núi cũng thiếu muối. Ở nước đái, ở lưng áo và ở chiếu có hơi muối. Phơi áo phơi chiếu cẩn thận, kẻo trâu chén mất.   
Anh lại bảo: hút thuốc lá tất nhiên dẫn đến bệnh ho lao. Nói thế, những khi Trần Đình Thọ đẽo cho chúng tôi mỗi người một cái tẩu gỗ, đầu tẩu tạc một mặt Tây mũi lõ. Nam Cao hút tợn. Lúc ấy anh cười mà nói rằng hút thuốc chống rét cần hơn, nhiễm lạnh còn dễ ho lao hơn hút thuốc. Cũng phải nói, thuốc lá núi Phia Boóc những năm ấy cũng là cái chống rét hiệu nghiệm. Lưng có chuồng gà ủ, - mặc dầu bọ mạt bò rần rần trên người. Trước mắt có lửa sưởi, trên mặt đượm hơi thuốc lá. Đấy cũng là những phương tiện giúp đỡ toà soạn làm việc.   
Nhưng có một chuyện tôi nhớ mãi, câu chuyện đã làm những "nhận xét khẳng định” của Nam Cao đổ vỡ. Trong bút ký *Ở rừng* Nam Cao có một đoạn triết lý về con người, ấy là khi anh nghĩ đến mình, đến vợ con đương ở vùng tạm chiếm dưới khu Ba. Anh viết rằng con người ta phải vào lửa mới có thử thách, cũng như người có xuống sông bơi mới biết bơi. Cái triết lý cũng không lấy gì là mới ấy đã nảy ra hôm chúng tôi khuân đồ đạc từ lán bí mật ở Cốc Phường leo núi sang Vàng Kheo. Những người khác đi làm lán máy in. Mộc đi liên lạc. Nam Cao, Trần Đình Thọ và tôi ở lại dọn cơ quan. Ba lô, đồ đạc đem hộ mỗi người lại chia nhau khuân hết tất tật các thứ giấy, mực, phiến đá mài, cái lô lăn, mọi đồ dùng in li-tô của "nhà in" Trần Đình Thọ, lại nồi xoong thổi cơm, lại những bao gạo. Chúng tôi đeo tất cả. Đi mấy chuyến, suốt ngày cật lực.   
Cũng chẳng phải một công việc ghê gớm gì trong những ngày long đong ở đây. Nhưng mấy ngày sau Nam Cao còn phải bóp chân nước nóng. Anh lại có những khẳng định mới. Nam Cao nói: “Thế là mình không đau tim. Thì ra cái lão đốc tờ ở Nam Định ngày ấy đã nói láo". Ngày trước, khi anh bôn ba vào Nam Kỳ rồi ốm bệnh phù phải trở về, anh đã học ôn lấy, rồi đi thi đíp lôm. Đỗ rồi, anh xin thi vào làm thư ký toà sứ ở Nam Định. Nhưng khám sức khoẻ, đốc tờ bảo anh “đau tim”.   
Những người bệnh đau tim và ho lao thì không được làm công chức luật lệ của Tây thế. Câu chuyện này, mỗi khi Nam Cao kể, tôi cho là lại không có tiền đấm mõm cho nên lão đốc tờ phong bệnh cho đấy thôi. Nhưng bao giờ Nam Cao cũng cãi lại. Anh tin ở "khoa học" là anh đau tim thật.   
Sau cái chuyến vác nặng sang Vàng Kheo mà chỉ đau bắp chân, rồi còn nhiều lần đổi cơ quan, phải vác, đi xa nữa, nặng nữa, anh lại “xà lù" chửi thằng đốc tờ gà mờ và anh lại có một nhận xét mới: "Thế là mình không đau tim, tim mình khoẻ chẳng khác tim các cậu".Anh tin như thế và anh đã viết vào bút ký *Ở rừng* rằng có bơi mới biết bơi, Mai Thiên con ơi!   
Pháp đã rút khỏi các châu Chợ Đồn, Chợ Rã về chụm lại ở thị xã Bắc Cạn, rồi Cầu Phà, Phủ Thông, Bằng Khẩu, Hạ Hiệu, Ngân Sơn, dọc đường lên Cao Bằng. Bây giờ, nơi đóng của Pháp gần chúng tôi nhất là ở đồn Phủ Thông, cách khoảng mười kilômét.   
Chúng tôi rời xuống ven đường và ở tập trung cho tiện công việc. Khe suối Thâm Phạ trên sườn núi ngay đầu làng Bản Hậu trông xuống đường Chợ Rã.   
Những cây mắc có - cây hạt dẻ cao, quả rụng gai nhọn và sắc. Đến mùa hạt dẻ, mùa trám trắng, sáng nào quanh gốc cây cũng thấy vết chân hươu, chân gấu. Lán chúng tôi cheo leo trên nguồn nước, hai bên um tùm những bụi dong rậm xanh đen, bên các lán của bà con trong làng. Anh Trúc, anh Ba, nhà chủ nhiệm Việt Minh Toàn cũng ở đấy. Sàn nhà bắc trên dòng nước mà mùa rét đến chỉ còn một vệt ẩm, phải đào xuống, cắm máng vào, mới thấy nước thấm ra.   
Bắt đầu những ngày mưa xuân mới, mưa bụi rồi mưa dầm rả rích. Suốt đêm nước mưa đọng trên cây cao rơi lùng phùng đánh trống xuống mặt lán lá dong và những bụi dong quanh nhà - nghe còn xa vắng hiu quạnh hơn khi ở Vàng Kheo.   
Trên Cốc Phường tôi để một lán muối. Phải đem muối xuống, kẻo muối chảy hết. Ở Việt Bắc, hạt muối còn quí hơn gạo. Hết mực, hết giấy còn ngồi đợi được nhưng muối ngày nào cũng phải có ăn.   
Những bì muối giấu giữa rừng, chỉ một mình Chẩn và tôi biết. Chẩn lợp lán, vác dó muối vào, buộc treo lên những dóng cây cao, phủ một túm lá cọ.   
Chẩn trèo lên cành cây trông xuống mặt đất tối lầy lội, kêu:   
- Hỏng rồi? Hỏng rồi!   
Tôi chưa kịp hiểu thế nào. Chỉ trông thấy bùn lẫn cứt trâu, biết có trâu qua lại rừng này nhiều. Ngay lúc ấy, một đàn trâu xông đến, đen kịt, hung hăng húc đánh sừng quanh gốc cây. Đàn trâu lên phá kho muối. Trên thân cây nước muối chảy xuống. Thân cây trơ trụi, toác cả vỏ. Tàu lá cọ buộc che mưa kêu lạt xạt, có tàu đã rơi xuống. Những con trâu cúi liếm xồn xột, liếm đến tan cả tàu lá. Vẫn còn hơi muối, lại càng bị kích thích. Tiếng sừng húc, tiếng lưỡi liếm xuống đất tiếng móng va nhau lộp cộp.   
Những con trâu nghênh sừng trông ra. Đốm mắt trâu đỏ dòng đọc. Trâu đương hăng tiết. Trâu sắp phát điên. Chúng tôi phải trèo trốn lên một cành ngoã cao, chẩn cúi xuống, giơ khẩu súng "mút" bắn vu vơ mấy phát.   
Đàn trâu bỗng chạy toé. Phút chốc, cánh rừng vắng hẳn.   
Chẩn ở lại đấy canh không cho trâu trở lại. Đêm ấy, Chẩn ngủ trên cành cây, trước những bì muối. Sớm hôm sau, các nhà ở Vàng Kheo và Cốc Phường - cả mấy chú bé, cô bé nhà đồng chí Quân, nhà ké Hùng và "em" Liễu, "chị" Pin cũng theo vào, vác cả kho muối xuống núi ngay buổi sáng.   
Báo đã được in máy cẩn thận. Mỗi tuần hai số, bốn trang bằng cái quạt nan.   
Trong cả mấy đống tài liệu báo *Cứu Quốc* Trung ương để lại, tập báo *Việt Nam độc lập* in hồi bí mật ở Cao Bằng là quý nhất. Chúng tôi học báo *Việt Nam độc lập* của Bác Hồ mà làm báo *Cứu Quốc Việt Bắc.* Một cái tin ngắn Nam Cao cũng viết có nháp, sửa đi sửa lại. Viết rồi đem đọc cho chú Mộc nghe. Có khi đọc cả cho các em bé ở các lán quanh đấy hay quấn quít đến chơi với chúng tôi. Rồi lại sửa lại. Cứ thế, một cái tin, một câu ca dao cũng làm theo lối này. Chúng tôi chữa lại, tờ báo nôm na hơn, dễ hiểu hơn. Đôi khi, bài ca dao của Nam Cao ký tên là *Suối Trong* lại in lời dịch ra tiếng Tày của Nông Quốc Chấn hoặc một bài xã luận cả hai thứ tiếng Kinh và tiếng Tày.   
Những công việc tưởng dễ, đối với những người đã làm nghề viết như chúng tôi. Vậy mà chẳng dễ dàng. Khi Nam cao viết bài, đem đọc đem chữa, viết lại cả buổi. Loay hoay vẫn chưa yên tâm, còn chữa được nữa. Tôi nhớ năm trước viết bài hai trăm chữ cho báo bí mật ở Hà Nội.   
Được nhiều thư của bạn đọc gửi về hỏi ý kiến. Bước đầu đã tới những điều mà chúng tôi mong muốn. Tờ báo là bạn của người đọc. Những lá thư mộc mạc đủ mọi chuyện, cả chuyện gia đình, chuyện làng xóm, cách cư *xử*... Ở báo *Việt Nam độc lập* khi trước, có cả bài xã luận khuyên cán bộ nữ lúc đi công tác đương có kinh nguyệt không nên lội suối nhiều và có mục kêu gọi bạn đọc ủng hộ chanh để toà báo in li-tô.   
Bạn đọc gửi về cho nhà báo hàng túi chanh giúp báo có thể ra đều đặn.   
Buổi tối, chúng tôi ngủ cả trong một lán. Ở sườn núi bên kia, chiếc máy in minéc đạp chân lạch cạch, đều đều trong ánh nến nhựa trám. Sáu Hùng đứng máy thật oai. Một máy con con hai bát, chân đạp, tay lật giấy, như người đạp máy khâu. Thế nhưng với chúng tôi lúc ấy, cái máy in bé nhỏ nhất trong các loại máy in này đã là một bước tiến xa. Từ hòn đá hộp mực và con lăn của hoạ sĩ Trần Đình Thọ lên cái máy của công nhân Sáu Hùng nhả ra những tờ báo vuông vắn chữ nối đều đẹp tăm tắp.   
Cơm chiều xong, trời cũng vừa tối. Bóng rừng sụp xuống.   
Rừng Thâm Pha tối đen như ai bịt mắt. Chúng tôi xúm quanh cái đài. Đài của Nguyễn Tiêu cũng như cái máy minéc, những của cải văn minh này đã khiến cho tờ báo du kích mang vẻ khoa học. Trong khi nghe đài, Cảnh rửa bát trên suối Cảnh vốn nghề đánh máy chữ, bây giờ chỉ việc thổi nấu rửa bát. Cái “suối mơ” chảy ngay dưới sàn nằm, suối mơ thật.   
Suối cho nước thổi nấu, rửa bát và ban đêm có thể đái xuống đấy, khỏi ra ngoài, hãi gặp con gấu về tìm quả hạt dẻ. Cán bộ Cảnh lại chuyên vác gạo, đi kiếm rau và thổi cơm. Có khi cất công lên tận châu lỵ Chợ Rã, mua bó thuốc lá còn nguyên lá của người Nùng và mật ong về làm "căng tin”.   
Góc sàn trong, dưới ánh nhựa trám, Nam Cao đương “làm việc toà soạn" với chú Mộc. Mộc đọc lại bài báo anh vừa viết. Lại dịch ra tiếng Tày cho chúng tôi cùng học.   
Trần Đình Thọ gầy quắt queo, ngồi trầm ngâm với cái tẩu gộc, to bằng nắm tay.   
Năm người nằm trên cái sàn tre - với khẩu súng các bin. Thật sự là một tiểu đội du kích.   
\*\*\*   
Dần dà, vào những ngày cuối năm. Cái rét ngăn ngắt đến. Những cây mai nở trắng ngẩn ngơ các đầu xóm báo hiệu lại sắp năm hết Tết đến.   
Làng nào cũng ăn Tết trong lán. Ở các mảnh ruộng chân rừng cạnh ngọn nước đã thấy cắm lên những cây tre thẳng tuột, quấn giấy vàng, trên đầu buộc những vòng tròn. Đấy là cột vòng để trai gái ra đánh còn, đánh yến. Anh Ba, anh Học, anh Trúc... Cô Nhạn, cô Eng áo chàm mới. Những quả còn vừa khâu xong tua đỏ tua vàng. Chúng tôi cũng ra chơi còn.   
Kháng chiến ở rừng vẫn có Tết như thường.   
Giấy và mực, kho chính vẫn để gần Phủ Thông, chỉ cách đồn địch một quãng - ngay trong rừng Vi Hương, chỗ đóng cơ quan khi Tây chưa nhảy dù thị xã.   
Kho trong rừng phải cắt lượt đi trông coi. Bởi hàng ngày con hươu, con hoẵng, con chuột đến phá, nhất là mối. Vô ý, soát cột kho mà chỉ nhìn bề ngoài, ba hôm sau xem lại đã thấy đống mối đùn trong, đục thuốn vào, thủng hàng tấc giấy. Cách vài ngày lại phải có hai người xuống cùng dân quân tắt qua rừng, đến xem xét kho.   
Nhưng cứ như thế nữa, không được. Đất mới như nhử mối đến, nhiều mối quá. Phải có người ở luôn. Thế là Phúc Mơ xung phong đi coi kho.   
Phúc Mơ thợ nhà sách, từ khi lên Bắc Cạn, chuyên làm lán, đánh tranh lợp nhà. Tên anh là Phúc, các bạn còn gọi là Phúc Mơ, bởi Phúc Mơ thích văn thơ và có mộng viết văn.   
Em Tước cũng đòi đi với Phúc Mơ. Tước nói: “Cho em đi với. Có hai anh em cho vui?” Tước là một em bé liên lạc ở cơ quan từ Hà Nội đi. Tước ở lại cơ quan Chợ Rã với chúng tôi.   
Hồi còn ở Hà Nội, ở nhiều cơ quan, ngày nào cũng có những em thiếu niên xin đi công tác. Những ngày đầu, thiếu niên học sinh cả nước sôi nổi. Công tác của cách mạng bao trùm lên tâm trí hết thảy mọi người, kể cả các em bé. Trên các chuyến tàu Nam tiến đưa Vệ quốc đoàn vào các chiến trường miền Nam, nhiều em trơn nhà bám theo tàu, nhảy lên tàu. Có khi rủ nhau lập thành tiểu đội, trung đội rồi xin gia nhập đoàn quân Vệ quốc. Ở cơ quan nào cũng có những chú bé đến đòi cho em đi liên lạc, làm cấp dưỡng, làm gì cũng làm.   
Báo *Cứu Quốc* cũng vậy, có em đến học sắp chữ, xin đi “làm cách mạng, đi đánh Tây”. Một em theo Phạm Văn Hảo lên Tây Bắc, bị Pháp nhảy dù đánh úp, mất tích. Em Vinh bị vây trong Hà Nội, chạy thoát được ra lại tìm lên Bắc Cạn. Em Cầu, em Tước là những em hăng hái như vậy. Ngay ở Bản Hậu, nơi chúng tôi đương ở, cũng nhiều trẻ em dân tộc đòi theo cơ quan. Các em trong làng không xa nhà bao giờ mà hăng hái thế. Tương và Nhu, mấy năm sau đã theo tôi về dưới Bắc Giang.   
Trước hết, tính nơi ở và công việc cho Phúc Mơ và Tước.   
Kho tàng bên ấy chẳng qua chỉ ném tạm vào rừng. Tây trong Phủ Thông, nếu hôm nào nó cần chặt, đốt bớt rừng xung quanh, sẽ đi đời mấy cái kho. Đằng nào sang giêng cũng phải tính bốc đi. Phúc Mơ sang để sửa soạn trước việc đó.   
Phúc Mơ làm lán ở cách một quãng. Ở đấy, ngày ngày đến kiểm soát kho. Như vậy, vừa xa đồn địch lại bảo đảm bí mật kho tàng.   
Trần Đình Thọ có sáng kiến lập một "chi nhánh" in li-tô bên ấy. Ngoài tờ báo tin tức, mở xuất bản in bằng li tô. Ngồi trong rừng có thêm việc hàng ngày. Mà làm việc đến bao nhiêu cũng không thể cạn. Bởi vì kho giấy, kho mực ngay đấy.   
Trong tủ sách của toà soạn, có nhiều sách in bằng li-tô của Khu Giải phóng ngày trước. Những quyển *Du kích Nga,* và *Ba trẻ anh hùng* ở *Hạ Môn* được lấy ra in lại. Những sách ấy vẫn thích hợp với phong trào đánh du kích bây giờ. Tôi đã tìm được việc làm hàng ngày cùng với công tác coi kho của Phúc Mơ và Tước.   
Trước khi đi, chi bộ tổ chức kết nạp Phúc Mơ vào Đảng.   
Thế là, chi bộ thêm hai đảng viên mới, ngay trong lúc công tác khẩn trương. Cùng một cảnh trong rừng ở Bản Hậu, nhưng kết nạp Phúc Mơ được tổ chức đàng hoàng hơn hôm kết nạp Nam Cao.   
Chúng tôi ở trong lán. Hoạ sĩ Trần Đình Thọ vẽ một hình búa liềm to cài lên vách nứa. Trên sàn có một ống tre cắm hoa mua, hoa sim. Phúc Mơ giơ tay thề tuyệt đối trung thành với Đảng, nước mắt Phúc Mơ ứa ra, như khi Nam Cao giơ tay thề như thế. Đêm ấy, Phúc Mơ kể: "Anh ạ, tôi nhớ bố mẹ tôi, tôi thương bố mẹ tôi, bố mẹ tôi chết năm đói cả rồi”.   
Trần Đình Thọ hướng dẫn cách viết chữ ngược, bôi chanh đặt giấy, lăn đá. Rồi Phúc Mơ và em Tước sang giữ kho giấy bên Phủ Thông.   
Chỉ tuần lễ sau, đã thấy Tước đeo về địu sách in, xén cẩn thận, buộc hai buộc dây rừng. Hơn trăm quyển *Du kích Nga* phát hành đợt đầu. Công việc khá tấn tới...   
Tết bây giờ mới đến. Nhưng vẻ Tết đã đến từ hôm hoa mai trắng ngần đầu rừng. Anh em quảy gạo sang lán Phúc Mơ và thịt lợn, thịt gà đã kho sẵn, cả những xâu bánh tày của bà con trong làng đem cho cơ quan ngày Tết. Chúng tôi chuyển thư khen của Tổng bộ Việt Minh về công tác kịp thời của chúng tôi ra sách báo cho đồng bào các dân tộc ở Việt Bắc.   
Ngoài giêng, Sáu Hùng đưa mấy anh thợ in sang. Ngày Tết, chắc Phúc Mơ đã in được kha khá, phải sang gánh đỡ về. Hơn nữa, bên này đã cạn giấy, đi lấy giấy mực nhân thể.   
Xế trưa, tôi đang họp với xã ở lán chủ nhiệm Việt Minh. Mộc vào gọi:   
- Anh Tư về ngay!   
- Việc gì thế?   
- Anh Sáu Hùng về rồi.   
- Ờ, để anh họp xong. Bảo anh Sáu Hùng cứ dỡ giấy mực ra.   
- Nhưng mà có việc khác kia, anh Sáu Hùng bảo thế.   
- Việc gì, chú biết không?   
- Em có biết.   
- Việc gì thế?   
Chú Mộc nói thong thả:   
- Tây đốt kho giấy của ta ở Phủ Thông rồi.   
Tôi về ngay. Các anh sang gần đến nơi, vào nghỉ lán một nhà quen ở rừng Vi Hương. Cũng để nghe ngóng tình hình. Lúc ấy, có chị xách cái nồi hớt hải chạy ra. Sáu Hùng hỏi:   
- Cái gì thế?   
Chị ấy nói: "Tây vào ngoài suối, bắt mất hai cán bộ rồi". Sáu Hùng lại hỏi: "Hai cán bộ nào?". Chị, nói: "Hai cán bộ kho giấy ấy mà".   
Một lát thấy rừng bên khói lên, rồi tiếng nứa nổ lép bép, rồi ánh lửa đỏ khé ngùn ngụt bốc. Tây đốt kho.   
Nhưng cũng chưa tin hẳn. Sáu Hùng chạy theo vào lán sâu, tìm gặp người ẩn trong ấy xem thực hư thế nào.   
Một cụ già đi đến.   
- Hôm qua, hai cháu cán bộ đến lán nhà cụ chơi. Sáng nay hai cháu xuống suối lấy nước gặp Tây đi tuần. Có người ta trông thấy mà. Còn trông thấy cả Tây đem hai cháu cán bộ về lán, về kho đấy. Nó đốt kho khói đầy rừng kia. Thế là cán bộ làm phản, đem Tây về đốt của cải của đoàn thể ta.   
Sáu Hùng và anh em chạy về. Chúng tôi bàn cách chuyển lán đương ở và máy in. Phải đề phòng cả khả năng xấu ấy. Có thể lắm. Có thể Phúc Mơ dẫn Tây sang đây.   
Nhưng tôi phân vân, thật phân vân. Tôi không thể hình dung được Phúc Mơ lại như thế.   
Tôi bảo anh em không vội. Có gì, mai hãy chuyển cho cẩn thận, và không nên làm hoang mang bà con các lán quanh đây vẫn chưa biết việc xảy ra bên Phủ Thông. Chúng tôi ở lại.   
Đêm ấy cắt canh gác suốt đêm. Chúng tôi làm lặng lẽ. Nhưng chỉ đến chập tối, bà con đã biết cả. Không một khe rừng nào thoi thóp ánh lửa. Người ta đã dọn đi hay ở nhà mà không dám đốt lửa. Tự nghĩ thấy xấu hổ. Cơ quan cách mạng mà có người phản bội để lo lắng cho làng xóm. Cả đêm không ai chợp mắt.   
Sáng sớm, dưới chân núi, sương phủ trắng trên đèo Giàng. Thật là ngày rồi. Một đêm yên tĩnh, và ngày mùa đông trong óng như thế, tôi lại nghĩ đến Phúc Mơ. Phúc Mơ không thể phản bội.   
Sáu Hùng lại sang Phủ Thông. Sáu Hùng bao giờ cũng bồn chồn sôi nổi. Quê anh vùng Canh Diễn. Sáu Hùng lại đi.   
Sáu Hùng đi một mình. Sáu Hùng nói: "Để tôi đi một mình đã. Tôi thuộc đường. Lại quen biết hết bên ấy. Đi một mình cho gọn, dễ xoay xoả. Không sao đâu”.   
Đến giữa trưa, Sáu Hùng đã về. Đi nhanh như vậy, Sáu Hùng nói to:   
- Thằng Phúc Mơ tinh thần lắm. Không phải nó dẫn Tây vào đốt kho đâu. Kho giấy vẫn còn nguyên. Tao vào tận nơi xem rồi mới về đây mà.   
Câu nói đó của Sáu Hùng đem lại cho mọi người cái nhẹ người. Không những vì kho không bị đốt, mà vì biết Phúc Mơ không phản bội.   
Thì ra buổi sớm, Phúc Mơ và Tước ra suối lấy nước. Ở rừng cẩn thận, theo cách của người khu du kích đã có kinh nghiệm, không làm lán cạnh suối, sợ Tây hay lùng ngược, tìm người ở ngọn nước. Phúc Mơ ở xa suối, mấy ngày mới đi vác nước một lần.   
Bọn lính Pháp mò đi lùng theo suối.   
Chúng bắt được cả Phúc Mơ và Tước. Chúng đánh hai người ngay trên bờ suối. Phúc Mơ chỉ nhận là người trong làng đi kiếm củi. Hai anh em đều mặc quần áo chàm như người ở đây. Nhưng em Tước lại thắt cái thắt lưng da to bản, kiểu thắt lưng bộ đội. Thế là chúng nó cứ đánh, đánh mãi.   
Rồi chúng bắt Phúc Mơ dẫn đến nơi ở. Phúc Mơ và em Tước đưa bọn lính về lán. Vốn quen làm việc gọn gàng ở nhà máy, lại cẩn thận đề phòng. Nơi ở của hai người cũng như lán ở rừng. Trên mặt sàn nằm chỉ có bộ quần áo, cái quang treo xoong cơm và nồi thịt Tết. Nhưng bọn Pháp vẫn nghi ngờ.   
Chúng nó lại đánh. Phúc Mơ chỉ một mực nói: “Tôi ở đây”. Em Tước lắc đầu không biết.   
Khói và ánh lửa hôm trước trông thấy, chỉ là khói Tây đốt lán Phúc Mơ.   
Tôi đã đến họp với các xã, kể cho cán cán bộ xã nghe tinh thần Phúc Mơ và em Tước dũng cảm bảo vệ kho như thế nào.   
Mấy hôm sau, chuyển được hết kho giấy mực về. Các làng Dao ở Nà Đông, Cốc Phường, Vàng Kheo, Pic Cáy lại xuống khuân kho cho chúng tôi. Người Dao đi rừng như hổ đi, cứ theo hướng, không cần đường. Vào tận kho, dỡ giấy mực hai ngày liền, mà Pháp ngoài đồn Phủ Thông không hay biết gì.   
Chúng tôi vào lán Phúc Mơ ở. Còn thấy được cái ống đựng đậu xanh. Tìm quanh đấy, trong hốc cây có mấy chục quyển *Ba trẻ anh hùng* ở *Hạ Môn.*   
Đầu mùa hạ, trung đoàn 88 đánh tiêu diệt Phủ Thông.   
Bộ đội vào cứu được một số đồng bào. Nhưng không thấy Phúc Mơ và em Tước.   
1973   
    
Chú thích:   
(1) Từ 1947, báo Cứu Quốc ra hàng ngày khắp các chiến khu, gồm có: Cứu Quốc trung ương. Cứu Quốc khu 11 (Hà Nội). Cứu Quốc khu 3, Cứu Quốc khu 10, Cứu Quốc khu 12, Cứu Quốc Việt Bắc, Cứu Quốc khu 4. Cứu Quốc khu 5, Cứu Quốc Nam Bộ.

**Tô Hoài**

Tập tự truyện - Tô Hoài

**8. Ông già ở Agra.**

  Chưa bao giờ tôi nghĩ có ngày tôi đến Ấn Độ.Đất nước Ấn Độ, với tôi trong ý nghĩ, vừa xa lại vừa gần.   
Bởi từ thuở bé, tôi đã được phiêu lưu theo *Tây du ký* qua những chốn lạ lùng với thầy trò Đường Tăng. Bởi vì, bây giờ ở Tân Đêli, ở Bombay hay Canquita, gặp chúng tôi đến từ Việt Nam, người Ấn Độ đọc câu thơ: *Tên tôi, tên anh là Việt Nam...*   
Và trong tôi Ấn Độ còn nguyên những mơ màng, chiêm bao xám mờ của tuổi thơ tôi ở trong làng.   
Các làng vùng Bưởi, người tứ chiếng đến ngụ cư cũng nhiều. Người Đại Từ lên xóm Vạc làng Yên Thái bờ sông Tô Lịch làm nghề nấu dó đã mấy đời. Các chị thợ xeo giấy quê dưới Nam. Trai tráng Quần Anh, Quần Tín ở Thái Bình lên làm thợ thâm nhuộm lĩnh lụa. Đến mùa rét, các nhà đào ao, đắp tường, từng bọn thợ đấu trên Phùng kéo xuống trọ rồi đi rao hỏi việc khắp các ngõ.   
Lại có những người tận đâu đâu, không bao giờ chúng tôi có thể tưởng tượng ra nơi xa xôi ấy, cũng đến sinh cơ lập nghiệp. Có người nước Nhật làm hiệu buôn trong thành phố về lấy vợ làng Đoài Môn. Có ông Ấn Độ chuyên chăn dê. Ông ấy lấy vợ làng Bái. Làng Yên Thái, làng Đông, làng Hồ, có người Tàu đến ở lâu từ bao đời, ai cũng coi như người Nam Định, Thái Bình lên. Có một người Tàu đến ở gần đây nhất một ông quan ba Tàu. Năm 1945, Tàu Tưởng được làm *Đồng minh* thắng trận, sang đóng quân ở trường đạo La Coóc Đe trên Quần Ngựa, lo việc tước khí giới quân đội Nhật. Ông quan Tàu này hay xuống dốc Bái chơi nhà thổ nhà mụ Tíu.   
Đến khi quân Tàu rút về, ông ở lại. Ông lấy cô nhà thổ. Hai vợ chồng sinh sống bằng nghề quảy nước thuê cho các tàu xeo giấy, về sau đi đâu không biết.   
Những người lạ ấy đều nói giọng vùng tôi. Những đứa trẻ Nhật hay Ấn Độ, hay Tàu nói tiếng Bưởi hệt giọng hơn cả tôi.   
Các nhà Tàu bán thuốc bắc, giết thịt lợn, mở hiệu cao lâu, bán kẹo, làm thợ dọi vàng lá trang kim. Con trai cũng được “vào làng", đóng tiền đi việc làng, đi khiêng giúp đòn đám ma rồi ăn cỗ, cũng đánh trống đi rước những ngày đình đám.   
Nhưng tôi biết hơn cả, là nhà ông Tây đen - Ông Carata Sinh. Điều đó tự nhiên với tôi, vì nhà ông ấy có lũ con trạc tuổi tôi cùng đi học trường làng Yên Thái.   
Mấy hôm nay các bạn nhà văn Ấn Độ đưa tôi đi chơi đền Ta Mahan ở tỉnh Agra. Một di tích đẹp vùng Trung Ấn. Quả tình, tôi thấy cũng không có gì lạ. Tôi mơ hồ trong những nghĩ ngợi lông bông. Không phải vì không có gì quyến rũ lòng ham hiểu biết, thưởng thức, say mê nghệ thuật. Ở trong đền có một ngôi mộ hoàng hậu Munta Mahan. Cái đau xót của ông vua có vợ chết đã biến thành công trình xây dựng và điêu khắc dày công tốn của như thế vậy - nỗi buồn của vua chúa cũng khác người ta.   
Tôi đương đi qua một vùng đồng bằng mênh mông trời xanh xanh thẳm. Người ta bảo tất cả những con đất nhô ra biển đều có quang cảnh và tính nết tương tự, mặc dầu, so với thân hình cả nước ý đằm vào Địa Trung Hải thì cái doi đất Ấn Độ bao la gấp bao nhiêu lần, nhưng Ấn Độ cũng như thế hai bên là đại dương, giữa bao phủ ngày đêm một trời thiên thanh. Hàng năm chỉ có vài ba cơn mưa, đôi khi mùa hạ đem đến những đám mây đen tụ lại chốc lát, nhả nước xuống rồi tan ngay, trời đất trở lại màu xanh nhởn nhơ quanh năm.   
Trong những ngày đêm Ấn Độ hồi ấy, tôi đi dưới khoảng trời lúc nào cũng xanh. Vòm trời nhờ nhờ, đấy là màu xanh ban đêm, màu xanh thẫm trời, rồi tiếp đến đất nước lại xanh xanh suốt ngày không lúc nào khác.   
Những cánh đồng ngô, những cánh đồng cà tím liên tiếp dọc đường. Không giống những quãng đồng ruộng bé nhỏ quê tôi, ở đây cánh đồng dằng dặc xào xạc vàng nhợt, những bãi cà tím bao la quanh những tảng đá ngồi chơ vơ như những núi nham thạch sao băng rơi. Đường xuống phía nam lại bổ dọc qua những cánh đồng trơ trọi bãi ngô vừa bẻ.   
Từng đàn lạc đà tải hàng, đi dài. Người cưỡi lạc đà chỉ hở hai con mắt nhấp nhô sau cái vấu vai con vật, đầu quấn khăn trắng giữa nắng sa mạc.   
Sông Hằng xa xa mặt nước lẫn bờ cát vàng. Vài chỗ cạn, có một đàn trâu đen, sừng cong tròn. Lặng lẽ đứng uống nước trông ra dòng nước nắng ánh lên đỏ choé. Đằng kia, làng xóm lơ thơ những túp nhà lợp lá mía trắng nhờ trong làn bụi mịt mù. Con đường đất xuyên bờ bãi vào tới cái giếng có thành cao tròn đầu làng, người đứng xúm xít. Đã lâu không mưa, chiếc lá xanh cũng đổi màu bạc. Người làm đồng, váy áo trắng quấn bụi bên cạnh những con la lắc lư, ngất ngưởng.   
Nắng thế mà những người đàn bà đi làm vẫn thướt tha bộ cánh vải áo loả toả, toả trắng, toả hồng, toả vàng.   
Ở những thị trấn ven đường có những người làm trò quỉ thuật, người làm xiếc, con người dông dài trong thiên nhiên, như thiên nhiên. Người ấy, tay cầm cái beng beng bằng đồng, gõ từng tiếng một, thong thả bước ra, mấy con khỉ lon ton đi trước ông chủ. Ở ngực mỗi chú đeo một cái trống tý tẹo. Cẳng chân khỉ nhỏ như cái que, bước đều tăm tắp, như giả, như thật. Chốc chốc, con khỉ giơ hai tay vỗ mặt trống, ngoảnh bên phải, ngoảnh bên trái, câng câng, vênh váo.   
Những người đạo sĩ làm quỉ thuật, người làm việc đi dong trong những đêm Tân Đêli xanh biếc, sôi nổi bập bùng tiếng trống cơm. Các góc phố, các ngã năm, ngã sáu, ở thị trấn nào cũng có những đám hát, - đám xẩm chợ, như ở ta.   
Người xem sáng đêm vẫn đông như nêm cối. Điệu múa Tala Mala, thần nước xanh, thần lửa đỏ quấn lấy nhau, đẹp kỳ diệu. Tưởng như đời sống tinh thần của các dân tộc ở Ấn Độ đã trải những nền văn hoá lâu đời như từng thời kỳ của tuổi trái đất.   
Đền Ta Mahan trong bóng tường thành uy nghiêm cất lên nền trời xanh, đẹp nhất toà tháp tròn nóc đá trắng cao lơ lửng như vầng trăng mọc ban ngày trên sông Giua, một nhánh sông Hằng. Cái nóc nhà lạ lùng, cái thang gác toàn đá trắng đá đỏ ở lối xuống hầm mộ bà hoàng hậu, tuyệt vời tinh hoa kiến trúc của văn hoá Ấn Hồi.   
Tôi tha thẩn ra chỗ lan can đá góc sân đền hạ nhìn xuống sông. Con đường mùa cạn, sông đọng từng vũng nước tròn. Trẻ con vầy nước, tiếng cười the thé chen tiếng đập vải, vỗ vải từ mặt nước vang lên. Từng đàn trâu sừng cong cuốn như cái loa kèn in hình đen kịt mặt cát trắng, lùi lũi nối nhau lội qua sông.   
Ở bờ tường đá giáp lưng tôi, cũng có người ngồi. Một ông già, ông đạo sĩ già trong làng ra chơi quỉ thuật. Có lẽ thế. Từ nãy, ông già duỗi thẳng hai chân, yên như cái yên lặng ở đấy.   
Tôi chỉ thấy nhờ nhờ râu tóc và con mắt loáng sáng ngước lên rồi lại thăm thẳm đi đâu. Con mắt ấy đã khiến tôi chú ý đến ông. Phải thế không, hay là bởi một hồi tưởng xa xôi nào.   
Ông già từ từ đứng dậy. Trước mặt ông, một con gấu đứng đấy tự bao giờ. Con gấu đen, lưng kẻ một vạch lông trắng lủa tủa như bờm ngựa, cao hơn hẳn người, như cây dừa che bóng tàu lá trên ông già. Mõm nó rúc trong chiếc rọ con, cái rọ mỏng mảnh đóng vào mõm gấu cốt làm phép cho khách lạ khỏi hãi thôi, chứ đấy là con gấu ở với ông. Chắc người sai bảo nó đã quá quen. Ông đứng lên thì con gấu bước ra ngoài, dưới lưng ngay trước mặt. Hai mắt gấu thây lẩy như hai giọt nước mắt trong vắt sắp rơi xuống đám lông ngực đen xám.   
Một tay gấu cầm chiếc côn gỗ thông, đầu buộc cái chuông nhỏ. Gấu bắt đầu lắc nhạc reo leng keng... leng keng... nhè nhẹ, và từ lúc ấy, luôn tay rung như thế.   
Ông già ra đứng với con gấu như hai bố con cùng khúm núm chào khách rồi nhấc cái bị trên vai xuống. Chiếc bị bằng vải xám nhạt, như bao bưu kiện của người công nhân mỗi sáng khuân ra các xe thư.   
Trông màu bao tải, tôi nhớ tôi đã trông thấy cái bao tải như thế này. Không phải mới trông thấy thường mấy hôm nay ở dọc đường, mà ngày trước ông già Carata Sinh ở làng tôi cũng có chiếc bao tải giống thế. Trí nhớ khó hiểu của người ta nhiều khi đinh ninh, mặc dầu sự thực cũng lắm lúc chẳng phải. Nhưng lúc này, cái nhớ như thế, làm cho tôi có cảm tưởng bàn tay xám xù xì của ông già ở Ta Mahan này tôi đã được thấy, tôi biết từ lâu rồi.   
Chiếc bao tải màu xám nhạt đeo trên vai ông già Carata Sinh ngày ấy ở vùng Bưởi. Chặp tối, từ trên thành phố về nhà, ông bỏ bao xuống, trong cái bao xam xám lăn lóc ra, có khi là quả cà tím đem bán còn ế lại, có khi là mẩu bánh - không phải những chiếc bánh, mà những mẩu bánh, mẩu đầu đuôi chiếc bánh mì. Lúc nãy, trên đường đi làm về qua Cửa Bắc, ông Carata Sinh đã mua của những người gánh đồ thầu cơm cho lính Tây đem ra dọc đường Cửa Đông bày bán những thùng thức ăn thừa - người bấy giờ gọi là đồ Tây quăng. Ông Carata Sinh đã mua những mẩu bánh vụn như thế. Ông buông cái bị xuống đầu nhà. Lũ trẻ trong nhà, những thằng Caranan Sinh, cái Háccô, thằng Uđà Sinh chạy đến, bao giờ cũng hồi hộp và nhộn nhạo hẳn lên.   
Bây giờ, ông già làm xiếc đặt chiếc túi xám xuống. Tất nhiên, chẳng khi nào việc đời hơn ba mươi năm trước lại trở lại đúng là quả cà tím của ông Carata Sinh đổ ra. Cái túi của ông già vừa buông, ngoằng ra một đàn rắn.   
Những con cạp nong, cạp nia khúc vàng khúc trắng, con rắn da mờ như da rắn ráo, vừa bò vừa vươn lên, bạnh mang tròn đầu như quả vả, nghe ngóng đánh hơi. Những con rắn đương tìm nghe tiếng nhạc. Người thả rắn thế này, tôi cũng thường trông thấy ở dọc đường các thành phố Ấn Độ. Người ta cầm ống sáo thổi. Con rắn ngó ngó như đuổi bắt những tiếng réo rắt. Lúc ấy, một nhà du lịch nào đó đến chụp ảnh với đàn rắn vừa nghe nhạc và múa. Khách đã thấy rõ những con rắn chỉ là những thính giả hiền lành đương say nhạc. Khách đứng vào giữa đám rắn, bấm ảnh rồi trả công cho người đã cho thuê cái phông lý thú như thế. Cảnh ấy làm kỷ niệm, ở đâu khác, người xem ảnh còn lý thú hơn nhiều những bức ảnh người chụp với gấu gỗ, hổ gỗ, cá sấu nhồi cỏ thường thấy bày ở vườn hoa các thành phố châu Âu công nghiệp không có hổ, gấu và cá sấu.   
Ông già có chiếc túi xám đựng rắn giống cái túi của ông Carata Sinh làng tôi ngày trước. Khi tôi còn bé, tôi thấy trẻ con đi chăn trâu mùa lạnh hay tìm các hang đất bắt những con rắn ráo ngủ tránh rét trong đấy rồi đem quấn rắn lẳn vào trong cổ áo, bảo có khăn quàng rắn vào cổ thế thì ấm, khỏi ho. Chẳng biết ông Carata Sinh và trẻ con nhà ông có chơi rắn như thế không, ngày ấy tôi không chú ý như vậy.   
Tôi bước đến gần ông già cửa đền Ta Mahan. Tôi giơ tay muốn nói xin ông bắt lại những con rắn vào bao tải. Không khó khăn gì, ông già buông cái sáo xuống, tiếng nhạc o o vừa im, những con rắn lẳng lặng ngoằng vào cái tải - đã thành lệ thế. Và thế là quang cảnh xung quanh không còn rung động như lúc có tiếng chuông khe khẽ như tiếng nước reo trên đầu cái côn của con gấu và những con rắn đương nghe tiếng sáo.   
Ông hộ pháp gấu từ nãy cầm dựng cái côn, lại lùi ra đứng tựa vào tường đá.   
Tôi đến ngồi cạnh ông già. Trời nắng dịu - một ngày cuối thu như ở ta. Nắng vàng nhoè trên mặt sông gió cuốn, trong cánh đồng cát bay có những người xách cào đi làm đồng về qua đấy, các bà già giặt vải ở dưới sông, lũ trẻ chơi bên bờ nước cũng đã lên đây, cả những người gác dền cũng tụ lại trong chỗ nhiều bóng nắng. Người nằm trong nắng và trong cỏ như mình ngồi quạt máy, cái thú của người ta ở đây. Ông già làm xiếc cũng ngả mình xuống bãi cỏ đầu kê lên cái tải xám. Những con rắn nằm xếp khúc bên trong, im như những nõn gối bông thật.   
Tôi bồi hồi mỉm cười, tôi gọi ông già. Tôi gọi bằng tên người mà tôi nhớ.   
- Ông Carata Sinh ơi?   
Ông già nhìn tôi, hai mắt mở to dưới hàng lông mày rậm bạc nhờ nhệch, khác vẻ lim dim suy nghĩ lúc nãy. Rồi ông nhại lại những tiếng tôi vừa gọi:   
- Carata Sing...   
Anh bạn nhà văn người Băng gan cùng đi, bảo tôi:   
- Cụ ấy nói tên người.Carata Sing...Sing...   
Tôi lại gọi:   
- Háccô ơi?   
Ông già đáp, như nhắc tôi gọi cho đúng hơn:   
- Hara Co?   
Tôi kể cho bạn nghe chuyện ngày trước, ở làng tôi. Bóng nắng vàng bờ sông, như từ nhánh sông Hằng ngoài xa kia kìa, cát cũng vàng lẫn nắng.   
Làng tôi, ba bốn mươi năm trước ở ven thành phố, nhưng không có vẻ phường phố. Nhiều người cả đời không ra Kẻ Chợ bao giờ. Chúng tôi thèm Kẻ Chợ đến nỗi hay bắt con bọ ngựa, cầm gáy bọ ngựa lên hỏi: "Bọ ngựa? Bọ ngựa? Kẻ Chợ đằng nào?" Chiếc gươm con bọ ngựa bươi bươi phía nào thì trẻ con lại cười ngẩn ngơ, bảo nhau: "Kẻ Chợ đằng ấy? Kẻ Chợ đằng ấy?”. Thỉnh thoảng mới nghe tiếng chuông xe đạp kính coong trên đường Thành xuống dốc chợ. Có khi là tiếng chuông xe đạp của ông Carata Sinh - không biết xe của ông hay của sở Tây cho mượn. Trẻ con lóc nhóc chạy theo, kêu toáng lên: "Ma tà! Ma tà bắt gà bỏ túi!". Ông ấy nhảy xuống xe, quay lại. Thế là lũ trẻ sợ, biến vào những bụi dứa dại dưới chân đê.   
Tôi không được biết ông ấy đến vùng tôi từ bao giờ.   
Nhưng tôi biết tên ông không phải là Ma tà, tên ông là Carata Sinh. Công phu lắm mới biết được? Phải xem trộm cái khai sinh của thằng Uđà Sinh. Ngày trước, trẻ con hay giấu không cho đứa nào biết khai sinh, sợ đến lúc chửi nhau thì nó réo tên bố mẹ mình. Nhưng tôi không cãi nhau với Uđà Sinh bao giờ và cũng không mách tên bố nó cho đứa khác biết.   
Nhà ông ấy ở vườn Bàng, cái bãi hoang cạnh đồn Bưởi.   
Ông lấy vợ làng Bái. Cả hai chị em cô Gáo đều là vợ ông, bà cả bà hai. Ai mối lái nên cuộc nhân duyên lạ lùng ấy, tôi chỉ trạc tuổi với Uđà Sinh, đứa con bé nhất trong nhà, tôi không thể biết.   
Anh lớn, anh Caranan Sinh đã thôi học, ra vẻ người lớn rồi. Một hôm tôi thấy Caranan Sinh không cởi trần như mọi khi. Đầu anh quấn khăn vố to bằng cái vành rế, thường gọi là khăn quấn thừng. Như bố. Cũng như bố, hai con mắt dưới lằn khăn vố càng sâu hoắm. Anh để râu quai nón. Chỉ khác, bộ râu anh chưa ngả màu vàng như râu bố. Anh mặc sơ mi lụa mỡ gà, anh hay đi đâu, thường đến chiều, khi chúng tôi tan học mới về.   
Chúng tôi túm anh lại, hỏi:   
- Anh Nan ơi anh Nan, anh đi đâu về thế?   
Anh quắc mắt, trịnh trọng nói:   
- Tao đi làm, tao đi làm mà chúng mày không biết à?   
Bây giờ tôi mới để ý anh Carnan Sinh đi đôi giày da gan gà của bố, bước cốp cốp. Mỗi ngày gặp, trông mặt anh càng tối xuộm, vì râu ria cứ xồm xoàm ra. Caranan Sinh đã chạy được chân chăn dê ở Ngã Tư Sở. Anh ấy đi giày tây, chít khăn và để râu dài cho ra vẻ người lớn. Có thế người ta mới mượn làm và chúng tôi còn đoán: anh phải để râu vậy, đàn dê mới sợ, và trẻ con cũng sợ, không dám đến nghịch.   
Cái Hác Cô học cùng lớp với tôi. Bàn tôi ngồi dài độ hai sải chân, có sáu đứa, đến năm đứa là con gái. Cái Lộ ở làng Cả, cái Trung trên Quán La... Có mình tôi là con trai ngồi cuối bàn, áp tường, lép vế quá. Chen chúc một cái bàn như thế, bọn con gái tai ác cứ bắt nạt tôi, lúc nào chúng cũng ngồi xoe quần lên tận bẹn. Tôi sợ chúng nó, sợ cả cái Hác Cô.   
Tưởng cái Hác Cô có thể đấm tôi, tát tôi, dù nó không dành tôi bao giờ. Nhưng lúc nào tôi cũng sợ.   
Trông mặt mũi cái Hác Cô khác lạ và dữ lắm. Nó không giống mẹ - có lẽ nó giống đàn bà ở đất nước bố nó. Đẫy đà, da đen mờ, hai mắt sâu, to, cứ ngơ ngơ, mới thoạt tưởng thờ ơ, kỳ tình nó đương nhìn lạ lùng đến ngẩn ngơ ra thì có. Ôi, đôi mắt, đôi mắt thăm thẳm của cái Hác Cô, không, đôi mắt ấy không ác với tôi đâu Có khi nghe tiếng người ta nói, chỉ mới nghe cũng làm cho mình được an ủi, tin ngay. Đôi mắt ấy cũng như thế. Lúc ấy mới vào lớp, cả lớp còn lố nhố đứng đợi thầy giáo Thịnh gõ cái thước cho phép ngồi, mới được ngồi xuống.   
Cái Hác Cô quay sang, thì thào hỏi lại tôi:   
- Mày bảo cái gì?   
Tôi lại nói, khổ sở, khe khẽ:   
- Cho tao để nhờ vào lưng...   
Thế là nó hiểu. Nó vẫn ngồi tự nhiên, nói:   
- Được rồi.   
Giọng nói và đôi mắt nó thật dịu. Không phải tôi có cảm tưởng vậy, vì nó hứa làm ơn cho tôi. Thế nào hôm nay tôi cũng bị gọi đọc bài. Tôi đã nhiều lần nghiệm cứ y như xem bói thấy thế, khi mình không học bài thì lại hay bị thầy giáo gọi đọc bài.   
Tôi sẽ phải đứng lên, khoanh tay lại, đọc thuộc lòng một bài *cách trí.* Hác Cô sẽ cho tôi đặt quyển vở lên cái lưng bè bè của nó. Nó giả vờ ngồi hơi cúi để quyển vở khỏi đổ. Tôi có thể đọc bài *cách trí* bằng cách hếch một mắt lên để thầy biết mình đương đọc thuộc lòng, còn một mắt cúp xuống quyển vở mở trên lưng áo cái Hác Cô.   
Nhiều lần nó đã cho tôi nhờ, dù nó biết nếu làm ơn này bị lộ, thầy giáo sẽ phạt quỳ nó, có thể phạt lây cả bàn phải quỳ lên ghế suốt buổi đến sưng đầu gối. Nhưng những đứa ngồi cùng bàn cũng không đứa nào cản trở hay mách thầy. Bọn con gái hay bắt nạt tôi, nhưng hình như thầy giáo càng ác, học trò sợ khiếp lên, càng hay tìm cách ngấm ngầm giúp nhau và đấy cũng là cách chống trả. Thế đấy, tôi vẫn nhớ những chuyện nhỏ bé, nhạt nhẽo như thế về cái Hác Cô.   
Thằng Uđà Sinh, em cái Hác Cô ngồi bàn sau tôi. Chỉ bàn trên bàn dưới, đã ra hai lớp khác nhau. Có nghĩa là Uđà Sinh mới chỉ học lớp "a b c dắt dê..." thôi. Nhưng tôi chơi với nó. Chỉ vì tôi ham tìm tổ chim chích choè trong bụi tre, bắt dế, nhổ trộm củ cà rốt. Những việc tinh nghịch ấy chúng tôi mả lắm.   
Chẳng mấy đứa bè bạn với chị em nhà nó. Không biết có phải trông người ngợm chúng nó đen đủi, xa lạ thế nào ấy.   
Chỉ một việc nghĩ đến chỗ nhà chúng nó ở, bọn trẻ con đã lo lắng lắm rồi. Nhà nó ở bãi hoang vườn Bàng, cả người lớn cũng chăng ai có việc qua đấy. Không biết ai đã bảo cho chúng tôi biết vườn Bàng - chẳng có cây bàng nào - ngày xưa khi Tây mới sang, Tây đem người ra đấy chém nhiều lắm. Nghe nói bây giờ đào còn xương người, có khi chỉ thấy cái đầu lâu.   
Làm sao chúng tôi dám bén mảng đến chỗ ghê gớm thế, dù cho có tò mò thế nào. Cứ nghĩ mà đã rợn, khi thấy chị em cái Hác Cô đi học, lại nhớ đêm qua chúng nó đã ở trong cái vườn Bàng có ma hiện ra cả đêm. Cũng may, những ý nghĩ kinh hãi chỉ thấp thoáng từng lúc. Rồi cả những cuộc chơi mê mải của tuổi ấy làm cho nỗi sợ vẩn vơ lúc đậm, lúc mờ đi.   
Một hôm, Uđà Sinh rủ tôi:   
- Nhà tao có cái này cơ. Sang mà xem...   
- Xem cái gì?   
Nó cười, ràng trắng, ghé tai:   
- Nhà tao mới có con khỉ. Đừng bảo đứa nào. Chỉ một mình mày thôi.   
Làm như đứa nào cũng thích đến chơi nhà nó! Nhưng mà nhà nó có con khỉ. Con khỉ à? Thế lại chuyện khác. Thế thì lạ quá ở chợ, hàng thuốc ê và người làm xiếc, hay dắt con khỉ.   
Con khỉ quái quỷ lắm. Trông thấy trẻ con, khỉ kêu khẹc khẹc như chửi nhau, rồi quay lại, giơ mông, gãi đít. Tuy thế, trẻ con không tức nó, mà lại reo lên. Thế mà ở nhà thằng Uđà Sinh bây giờ có một con khỉ.   
Tôi không đừng được sự cám dỗ đến nỗi quên cả sợ. Một hôm, tôi theo Uđà Sinh về nhà nó. Nhà ai trong làng cũng đôi bên hàng xóm khin khít, nhà này nằm trống chếnh giữa khu vườn. Một túp hai gian lúp xúp. Những luống cà tím, luống già vừa hái, luống mới gieo, luống đương bỡi, lá tốt um chạm mái tranh. Bố nó đã đem giống cà này từ bên nước Ấn Độ sang. Người ta theo hình thù, màu sắc của nó, đặt tên là quả cà dái dê, quả cà tím. Có người còn kể lần đầu, mẹ nó quẩy cà ra chợ bán chẳng ma nào mó đến. Nhưng rồi thấy ăn bổi như cà ghém, mà lại rẻ. Ở chợ, dù có ôi đến đâu mà rẻ cũng bán hết. Mùa sau, đã có người trồng rau bên Đồng Vân đến nhà Uđà Sinh mua hạt giống. Rồi năm sau, khối người gánh cà dái dê ra chợ Bưởi.   
Cái Hác Cô quảy đôi thùng tre ghép, chiếc gáo dừa thọc xuống một đầu thùng. Nó trân trân nhìn tôi, rồi lại đi ra ao lấy nước tưới. Không bao giờ cái Hác Cô nói hay chào hỏi tôi, trừ phi hôm nào tôi để nhờ quyển vở vào lưng nó, nó chỉ hơi gật đầu, hay lý nhí “được rồi” mà thôi.   
Ờ con khỉ kia kìa. Con khỉ con, xinh như chú mèo tý tẹo được buộc vào sợi xích nhôm trắng bên cái cột chống phên cửa. Tôi ngồi ngoài sân cũng xem được. Con khỉ tung tăng mải miết đi quanh cái cột. Con khỉ gặm quả cà dái dê. Hai tay khỉ bưng quả cà, nhấp nháy mắt, nhai gau gáu. Cái vai xo lên, như ông già lụ khụ, lọm khọm.   
Một lát, tôi đưa mắt nhìn quanh. Vào buổi trưa, thường mẹ nó, dì nó và chị nó ra chợ bán cà. Thế là hôm nay mẹ nó ở ngoài chợ, chị nó phải tưới vườn. Còn bố nó và anh nó, đã đi làm, chặp tối mới về.   
Tôi lé mắt vào khe liếp. Nhà nó có nhiều thứ cũng như mọi nhà trong làng. Cái chum nước, cái chõng, vại cà muối, chiếc thừng chăng đầu hè vắt bề bộn xống áo. Tôi bỗng nhìn thấy bố nó lù lù tựa lưng vào cái chõng tre. Bố nó ngồi trông ra ngoài sân. Bởi vì, gian nhà tối, râu ria ông mờ mịt và ông ngồi chìm vào bóng gian nhà vang tiếng muỗi reo o o. Những sọt cà tím đặt khắp mặt đất, cả trên chõng. Ông duỗi thẳng hai chân, đầu ngả vào sọt cà. Ông ngồi nghiêm trang trong bóng tối trông ra sân thế để làm gì vậy?   
Tôi sợ toát người. Tôi không ngờ có bố nó ở nhà. Một lần trên dốc chợ ông ấy đương cúi đầu, rù rù đạp xe, tôi vào hùa với bọn trẻ con gào to: "Ma tà! Ma Tà... Ma tà bắt gà bỏ túi...".   
Rồi tôi chạy xuống nấp sau bụi dứa. Bây giờ ông ấy nhớ ra tôi thì có mà ông chôn sống tôi.   
Tôi ngồi ơ mặt. Sợ quá cũng không dám đứng. Chỉ rón rén rụt chân lại. Con khỉ vẫn nhai tóp tóp. Lại mới thêm trò giơ tay gãi đầu. Nhưng tôi chẳng còn bụng dạ nào ngồi xem khỉ như lúc nãy. Tôi lom khom thu mình đứng dậy.   
Uđà Sinh biết ý. Nó nhìn vào trong nhà, rồi bảo tôi:   
- Không sợ, đừng sợ, mày ạ.   
Giọng nó có vẻ buồn buồn. Nó lo tôi chuồn về.   
Tôi ngơ ngác:   
- Không, không...   
Uđà Sinh cười, nói:   
- Thầy tao đang ngủ đấy. Thầy tao đi làm thức cả đêm, đến sáng mới về. Cứ ngồi làm một giấc thế, đến chiều u tao về chợ mới thức. Tao nói to, cũng chẳng nghe tiếng nữa là. Cứ ở đây, không sợ, đừng sợ.   
Rồi Uđà Sinh lại kể cho tôi nghe tại sao bố nó hay ngồi ngủ.   
Ông Carata Sinh ngồi ngủ như thế trong đêm, đã quen.   
Ông làm nghề gác đêm ở khu sân quần vợt của Tây trong thành phố. Suốt đêm, ông cầm gậy song đi canh xung quanh hàng chấn song sắt. Đi vài tua rồi đến ngồi cạnh bức tường có đèn điện treo trên đầu. Ông ngồi, chiếc ba toong dựng tường, chân duỗi thẳng, cái chăn dạ đỏ Nam Định ủ đầu gối, cái ấm giỏ quấn giẻ trong để tích nước chè mạn và cái đồng hồ báo thức của sở đặt bên cạnh. Ông ngủ ngồi như vậy. Ông ngáy pho pho, thế mà đến một lúc, như ngủ đã có ngữ, đến giờ ấy tự dưng ông đứng lên, cầm cái ba toong, đi vòng quanh toà nhà, cái sân quần vợt chằng dây thép mắt cáo, đèn sáng choang. Tua vài vòng, rồi ông lại vào tường ngồi ngủ, rồi lại đi, cứ thế cho đến sáng. Ông gác lúc ngồi lúc đứng ở sở như vậy đã quen. Về nhà, có chỗ thì ông nằm. không có chỗ ông cũng chỉ ngồi một lát đã ngáy.   
Nghe Uđà Sinh nói thế, tôi cũng đỡ sợ. Tôi lại ngồi xem con khỉ đương nhâng nháo vừa ăn quả cà vừa gãi tai. Thỉnh thoảng, tôi liếc mắt trông vào gian nhà tối. Bấy giờ nghe tiếng ngáy lạ tai như tiếng mọt gậm. Biết ông ấy vẫn ngủ, không có gì khác, nhưng rồi tôi lại sợ. Tôi vẫn không thể tưởng tượng được ngồi thế lại là ngủ. Rồi chốc, tôi thấy bàn tay ông sờ soạng lên, như đập con dĩn, con muỗi, rồi lại thõng xuống. Ông Carata Sinh ngủ đập muỗi hay ông Carata Sinh thức đập muỗi. Chỉ thấy ông ấy vẫn ngồi nguyên thế.   
Thế là tôi đâm sợ thật. Tôi phải về, cứ thấp thỏm mãi càng sợ hơn và ngồi xem như thế cũng chán. Vả chăng ông ấy ngủ rồi cũng phải đến lúc ông ấy thức. Ông ấy mà nhớ ra cái hôm trẻ con trêu mình, có khi lại nhớ có cả tôi. Không xong rồi.   
Tôi bảo Uđà Sinh.   
- Tao về đây.   
Uđà Sinh phụng phịu:   
- Không thích chơi ở nhà tao nữa à?   
Uđà Sinh nắm tay tôi. Bàn tay nó có những nốt ghẻ lên mốc xanh, khác nốt ghẻ của tôi, đỏ sạm.   
Tôi ngơ ngẩn bước ra. Đầu nhà Uđà Sinh trồng những bụi hoa cúc vạn thọ vàng xẫm. Chỉ rặt một giống cúc vạn thọ, lá hắc xì. Khi những cánh hoa vàng li ti rụng xuống, muỗi đất, muỗi mắt bám đen xỉn cả lối đi lầy lội. Bãi cỏ xanh mởn như cái sân bằng cỏ vuông vắn trước nhà. Tưởng bãi cỏ tốt ấy để nuôi dê, nuôi thỏ, nhưng không, ông Carata Sinh hay ra ngồi đấy, nằm đấy. Những khi trời nắng, ông ấy nằm sấp trong cỏ, như đống quần áo cũ ai đem phơi một ngày mùa đông nắng to. Cả khi mùa hạ, gió trong đồng thổi nắng như táp lửa vào, cũng thấy ông phơi mình trên bãi cỏ. Không lạ, đấy chỉ là thói quen. Tôi là bạn của các con ông ấy, rồi tôi cũng có lúc quen mắt.   
Tôi không hiểu được, vì lòng mong nhớ quê hương, ông đã làm cái sân cỏ và trồng luống cúc vạn thọ, để ông có những buổi ra nằm lẫn trong cỏ ngoài vườn cà, như cảnh quê nhà ông.   
Từ ngoại ô Tân Đêli xuống, nối tiếp bao nhiêu cánh đồng cà tím hai bên đường. Quả cà tím Ấn Độ mỡ mịn màu tím hàng lụa hoa cà Bombay. Những khóm cúc vạn thọ vàng xẫm ở Việt Nam trồng cửa đền cửa chùa và đôi khi, nhặt ra một cái hoa trong gói hoa cúng, chẳng mấy ai cất công chơi cảnh cúc vạn thọ. Nhưng ở Ấn Độ nhà nào cũng trồng hàng búi và người chủ nhà mến khách bước đến quàng cổ anh bạn từ Việt Nam tới, một vòng hoa cúc vạn thọ, mỗi đoá hoa nhử hạt mắt bồ đề lên nước vàng ánh. Cây cúc vạn thọ ở đây tốt lạ lùng.   
Đất khô xác, bụi bay khắp cánh đồng nhưng lá cúc xanh biếc và hoa vàng mờ, như cô gái Ấn Độ yểu điệu có đôi môi màu hoa hiên. Khác những gốc vạn thọ sần sùi ở vườn Bàng sân nhà Uđà Sinh năm xưa.   
Anh Caranan Sinh mới đi làm chẳng bao lâu, mà đã lọm khọm giống bố, ít ai nhận ra ngay được anh ấy khác ông Carata Sinh thế nào. Anh ấy không mặc sơ mi lụa mỡ gà như ngày mới đi làm phải có cái áo mồi cho ra mẽ người. Râu tóc anh mờ mịt dưới cái khăn quấn thừng màu xám, trông kỹ mới thấy hai con mắt sâu hoắm. Suốt ngày, anh lang thang ngoài đồng, ngoài bãi - anh kể thế, đến xâm xẩm tối mới dồn xong được đàn dê, đàn bò vào chuồng nhà chủ - một lão Tây lai, và hôm nào cũng phải nhá nhem tối, Caranan Sinh mới lò mò về đến đầu chợ.   
Trường làng Yên Thái ngày ấy chưa có đến lớp ba. Rồi đến năm tôi ở ngoài Hàng Mã, cũng ít gặp chị em Uđà Sinh.   
Mấy năm sau, không nhớ rõ. Cái Hác Cô đã lớn. Có khi gặp nó đi chơi với các bạn gái ở đám hội, đám rước làng Đông, làng Hồ, và những đêm hát chèo trong vùng vào dịp đình đám, cầu mát tháng tư. Nó đẫy đà nhất bọn. Chỉ đám trai lạ mới thấy nó khác con gái mình. Chúng tôi đã quen mắt, không biết thế nào khác, về đôi mắt mơ màng, làn môi bóng hơi cong, những ngón tay nhỏ uốn éo, mớ tóc đen dày với nước da mờ của nó. Chúng tôi chỉ biết nhà nó cũng làm ăn, cũng chợ búa như mọi nhà và nó đương vào tuổi mười bảy mười tám như chúng tôi. Anh Caranan Sinh thì cứ mỗi hôm một lụ khụ. Tay cầm cây hóp dài bằng chiếc lao màn, anh vẫn đi chăn dê, chăn bò cho nhà lão Tây lai tận Ngã Tư Sở, cuối sông Tô Lịch đằng kia.   
Uđà Sinh đã cao vổng hẳn lên. Nhưng nó không chít khăn, không để râu như anh Nan. Uđà Sinh mặc áo sơ mi lụa chuội sống cứng cành cành và đánh đuôi guốc mộc, buổi tối đi chơi nhởn như trai làng chúng tôi.   
Uđà Sinh cũng bỏ học đã lâu. Thỉnh thoảng, tôi gặp nó đi ngoài thành phố về. Trông cung cách người bước đi lệch lệch, thất thểu, cũng hiểu được nó đi đâu. Ngày ngày nó đi kiếm việc làm. Chiến tranh thế giới đã xám ngắt ở châu Âu rồi, hình như nước Pháp cũng thua trận rồi, chẳng còn công việc ở đâu nữa.   
Tôi gặp Uđà Sinh ở chợ. Nó đi chân đất, tay áo xắn, xăm xăm đi.   
Tôi hỏi:   
- Sinh ơi, mày đi đâu?   
Uđà Sinh cười nhe răng:   
- Tớ đi vác tre... à mua tre...   
Tôi còn đương ngạc nhiên, nó đã cắt nghĩa cho tôi biết trong thành phố đương mua nhiều tre. Từ khi bên Tây có đánh nhau, Tây không sang được, không có cốt sắt, đổ trần nhà người ta làm bằng cốt tre ốp xi măng. Uđà Sinh đi chặt tre, nói khoác thế chứ chỉ vác thuê cho người ta ra Kẻ Chợ. Uđà Sinh lại tất tả đi.   
Rồi đến những năm đói. Bây giờ nhớ lại, tôi còn ngỡ như lúc ấy có đợt sóng thần, như những làn sóng thần hàng năm nổi lên ở vịnh Băng gan mà máy bay từ Hà Nội đi Ấn Độ qua vịnh, cơn đói như sóng thần từ đại dương tràn liếm đi biết bao người trên mặt đất dưới kia. Không ai còn nhìn thấy ai nữa. Cả vùng tôi, người đói ngồi bơ vơ trên bãi rác như người thế kỷ trước hiện về, con mắt lơ đãng nhìn xuống âm ti.   
Nghe ai nói ông Carata Sinh cũng chết đói rồi. Tôi không biết. Bởi trông anh Caranan Sinh bây giờ còn lụ khụ hơn bố, có khi người ta tưởng bố anh vẫn sống đấy. Cũng có lần tôi gặp cái Hác Cô ngoài chợ. Nó vêu vao xám ngắt. Khi ấy, chẳng ai còn máu mặt. Rồi nó ra sao, nhà anh em Uđà Sinh, ai còn sống, cũng không rõ.   
Đến khi cách mạng, tôi làm phóng viên báo *Cứu Quốc.* Tôi ra ở hẳn ngoài thành phố, ít dịp về làng.   
Một hôm, tôi bỗng gặp trên xe điện thằng Uđà Sinh. Từ đằng xa, trông đã biết ngay nó. Lẫn Uđà Sinh với ai được?   
Nhưng Uđà Sinh tưng bừng quá, bảnh quá. Uđà Sinh đội mu ca lô, mặc quần áo Vệ quốc đoàn.   
Phải, Uđà Sinh đã đi bộ đội. Uđà Sinh là Vệ quốc đoàn.   
Mũ ca lô dạ tím, thắt lưng da to bản thắt ngang lưng. Ngôi sao vàng đằng trước mũ, sao tròn hẳn hoi, không phải tự vệ Sao vuông. Lực lưỡng, hiên ngang, cao gần cửa sổ tàu điện, oai như những anh bộ đội ở ban liên kiểm Việt Pháp.   
Tôi nắm tay Uđà Sinh, chỉ kịp nói:   
- Bây giờ Sinh ở đâu?   
Uđà Sinh cười hiền lành, răng trắng tởn, như mọi khi. Uđà Sinh nói:   
- Tớ đóng trên dường Thành.   
Tàu điện đỗ ở Hàng Bún. Uđà Sinh trỏ tay, tôi hiểu đơn vị của nó ở Cửa Bắc. Chỗ ấy, ngày trước, ông Carata Sinh, những buổi đi làm về, hay mua mẩu bánh mì bỏ vào cái tải xám đen về cho chúng nó. Khu vực này bây giờ đương nhiều rắc rối khó khăn nhất thành phố. Quốc dân đảng theo quân Tàu về đóng ở ngã tư Hàng Bún, trong trường Yên Thành, dãy nhà Tham Thiên Đường ở phố Quán Thánh, chiếm cả một vùng Ngũ Xã, Nam Tràng trong hồ Trúc Bạch. Lại còn bọn tây mũ đỏ ở trường Bưởi ngày nào cũng ra gây sự với bộ đội và tự vệ quãng Hàng Bún, Yên Ninh này.   
Uđà Sinh xuống tàu chỗ ấy. Tôi cũng không gặp lại Uđà Sinh. Khi bắt đầu Hà Nội nổ súng, tôi chỉ biết những đơn vị bộ đội đóng ở Cửa Bắc phải đương đầu với Pháp ngay từ phút đầu tiên.   
Cuộc kháng chiến đã lan rộng ra các tỉnh quanh Hà Nội.   
Có lần, tôi gặp trên đường Trung Hà lên Lâm Thao một đám người và xe bò tản cư. Trong một chiếc xe có gia đình một bác da đen. Người vợ nói tiếng Sơn Tây ánh ỏi. Chị ngồi trên thùng xe, nhai trầu bỏm bẻm, đương vạch vú cho con bú.   
Bốn bên lít nhít gồ ghề mấy đứa bé ngồi lẫn với những tay nải quần áo. Người chồng, râu tóc nhếnh nháng mồ hôi, cầm càng. Đứa con lớn, đứa lau nhau, cũng đen kịt như bố, đứa đẩy, đứa bắt bánh. Nhưng không phải gia đình ông Carata Sinh.   
Lần khác, tôi qua Phủ Đoan, nghe nhà đò kể chuyện bên kia sông Lô, trong đơn vị bộ đội đóng ở đấy, có một người da đen, tôi tìm đến. Cũng không phải Uđà Sinh. Anh này quê ở đảo Mactinich, thuộc địa Pháp, bị bắt đi lính, ra hàng ta dưới Việt Trì, rồi tình nguyện theo bộ đội.   
Đến năm hoà bình, tôi về Hà Nội, trở lại quê làng. Có lúc anh em cùng lửa tuổi ngồi kể chuyện hồi đầu kháng chiến nhắc đến một số bạn cũ, ai ở đâu, ai làm gì, anh nào trong Nam Bộ ra tập kết, ai ở đâu cũng biết tin, chỉ không ai biết nhà Uđà Sinh phiêu bạt nơi nào. Người nói, con cái nhà ông Carata Sinh đã đưa nhau về Ấn Độ. Có người nói thằng Uđà Sinh đã hy sinh ở mặt trận ngoại thành từ ngày ấy. Nhưng ở chỗ nào, có thật thế không. Trong chiến tranh, những người mất tích, người hy sinh mà ta không tận mắt trông thấy, thường có cảm tưởng rồi sẽ gặp, rồi có khi gặp. Tôi cũng nghĩ thế về Uđà Sinh.   
Bóng tường đền Ta Mahan đã rợp xuống bờ nước, những đứa trẻ dưới sông đã lên chơi quanh bãi cỏ từ lâu.   
Ông già làm xiếc đã lại ngả lưng trên thảm cỏ. Những bãi cỏ công viên chân tường đá cửa đền được cắt phẳng đều đặn như những chiếc chiếu xanh. Ở Ấn Độ, công viên không đặt ghế ngồi. Mà những bãi cỏ xanh rờn, đẹp muốt, là chỗ ngồi chơi nằm chơi. Ông già và lũ trẻ cùng nằm chơi trên bãi cỏ Sao mà tôi thấy ông già và các cháu bé quen thuộc, như tờ tranh Tô Vũ chăn dê dán tường nhà mình thuở bé, tự nhiên ngước mắt lên nhìn thấy thế suốt đời. Tôi cũng cứ bỗng dưng nhớ lại cái sân cỏ và khóm cúc vạn thọ trước cửa nhà ông Carata Sinh ngày ấy, có lúc ông nằm phủ phục trong nắng, lũ con im lặng ngồi quanh.   
Chú bé giống Uđà Sinh - tất nhiên không thể bao giờ như thế, nhưng tôi trông ở cửa đền Ta Mahan đứa trẻ nào cũng hao hao Uđà Sinh, da đen mờ, cặp mắt lờ lờ, hiền hiền. Một chú dắt cái xe đạp kiểu Anh cao lênh khênh, đến trước mặt tôi, nhìn tôi.   
Tôi cười, tôi nắm tay chú bé, gọi:   
- Uđà Sinh!   
Chú Uđà Sinh của tôi lúc ấy nở một nụ cười nhỏ bé trên khuôn mặt âm thầm. Dường như chú cảm được đấy là tiếng kêu thân ái của tôi. Chú giơ xe đạp, như mời tôi nhảy lên, như bảo anh cứ đi một vòng cho khoái chân. Tôi nắm ghi đông rồi phóc lên, lách xe thong thả ngoằn ngoèo biểu diễn giữa đám trẻ.   
Đám trẻ mỗi lúc xúm lại đông líu ríu cười, reo: Việt Nam Việt Nam. Tôi lại đến bên ông già đương nằm gối đầu lên cái bao đựng rắn cạnh con gấu. Và tôi gọi:   
- Ông Carata Sinh?   
Lũ trẻ đột nhiên à lên. Những tiếng trong trẻo, vang như chuông, nhắc lại:   
- Carata Sing...   
Tôi quay lại đám trẻ:   
- Uđà Sinh?   
Cả bọn lại cười, lại rối rít:   
- Uđà Sing? Uđà Sing.   
Rồi cười nắc nẻ.   
Những tiếng và những tên người xa xôi, nghe phơ phất bâng khuâng trời Agra. Tôi không hiểu những tiếng ấy, nhưng khi nghe mình nói được có tiếng nhắc lại như hai người cùng nói, bỗng thấm thía lạ lùng. Hoạ may chỉ có nước mắt mới làm chứng hết được nỗi xúc động chan hoà ấy.   
Tôi nói rằng:   
Bạn nhà văn thân mến quê ở Tây Băng gan ơi? Nhớ hồi đầu thế kỷ, người Pháp chiếm nhiều thành phố ven biển Ấn Độ: Bombay, Pôngđixêri, Madrat, Săngđécnago... Người Ấn Độ đói khó ở các nơi đô hội ấy bỏ quê lần đi các thuộc địa khác của Pháp để kiếm ăn ngỡ như thoát khỏi nơi mình ở thì rũ bỏ lại được cái nghèo nặng nề trên vai. Đến đất nước tôi, họ đã lăn lộn làm mọi nghề vất vả, bán hàng thuê, gác cổng, gác nhà, chăn dê chăn bò, canh đồn điền cao su..*.* Đi đồng đất xa xôi mà vẫn không ra khỏi được cái nghèo khó.   
Anh bạn nhà văn ở Băng gan đã kể lại cho ông già làm xiếc nghe chuyện ông Carata Sinh ngày trước đã đến ở rể vùng tôi.   
Ừ còn cái ông già Carata Sinh này dương nằm nắng ngoài bãi cỏ, cạnh tường đền Ta Mahan. Đối với tôi, đất nước bí ẩn đây thật gần gũi, thật mơ mộng, như cả nước Ấn Độ ra nằm bãi cỏ nắng, những khi nắng đẹp. Ông lim dim mắt, nhìn tôi, nhìn lại tôi. Không thể đoán được con mắt mơ màng ấy đương nghĩ gì. Còn tôi, tôi đương tưởng ra đấy thật là ông Carata Sinh nghề gác đêm, tôi vừa gặp lại ở chỗ chân tường đền Ta Mahan này. Tôi thấy ông mỉm cười, cái cười u ẩn hiền lành trong chòm râu dữ dội xồm xoàm.   
Ở Agra hay Bombay, Đêli cũ hay Tân Đê li, ai tôi trông cũng từa tựa anh chị em nhà Uđà Sinh. Cái Hác Cô có đôi mắt đen to, sâu thăm thẳm. Trong mớ tóc dày bềnh bồng buông xuống và đôi tay có những ngón d ài cong mà nhỏ nhắn.   
Trong dáng khoan thai lả tả cánh áo vàng, áo trắng, áo tím toả xuống hai vai. Trong nụ cười hiền dịu...   
1973

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
Đánh máy Mõ Hà Nội  
Nguồn: Nhà xuất bản Hội nhà văn, Hà nội, 1997  
Được bạn: Ct.Ly đưa lên  
vào ngày: 9 tháng 9 năm 2007